

2011 | PDF | 206 Pages
buihuuhanh@gmail.com

QUẢN LÝ LỄ HỘI VÀ SỰ KIẾN

BUI VĂN THÂN QLVHK3

Nhóm tác giả:
Cao Đức Hải (Chủ biên)
Nguyễn Khánh Ngọc



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TS. CAO ĐỨC HẢI (Chủ biên)
Th.S NGUYỄN KHÁNH NGỌC



THÂN K.S.

QUẢN LÝ LỄ HỘI VÀ SỰ KIỆN

Giáo trình dành cho Sinh viên Đại học và Cao đẳng
ngành Quản lý Văn hoá
(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	5
Chương 1	
Những vấn đề chung về quản lý lễ hội và sự kiện.....	11
1.1. Các khái niệm.....	11
1.1.1. Lễ hội.....	11
1.1.2. Sự kiện.....	16
1.1.3. Quản lý lễ hội và sự kiện.....	17
1.1.4. Ngành kinh doanh sự kiện.....	20
1.2. Tác động của lễ hội và sự kiện	24
1.3. Phân loại lễ hội và sự kiện.....	30
1.3.1. Phân loại theo quy mô và tầm ảnh hưởng.....	31
1.3.2. Phân loại theo mục đích sự kiện và ngành nghề.....	32
1.3.3. Phân loại theo cấp quản lý.....	34
1.3.4. Về phân loại lễ hội cổ truyền ở Việt Nam.....	38
Tóm tắt chương 1.....	47
Chương 2	
Quản lý Nhà nước đối với hoạt động lễ hội và sự kiện.....	49
2.1. Cấu trúc truyền thống của lễ hội	49
2.2. Một số vấn đề trong thực tế hoạt động lễ hội và sự kiện ở Việt Nam...	58
2.2.1. Những mặt tích cực.....	60
2.2.2. Những mặt tiêu cực.....	61
2.2.3. Tìm hiểu nguyên nhân.....	68
2.3. Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội và sự kiện.....	72
2.3.1. Cơ sở pháp lý và tổ chức hoạt động.....	72
2.3.2. Quản lý bảo tồn di sản lễ hội.....	75
2.3.3. Quản lý việc lạm dụng tín ngưỡng trong lễ hội.....	81
2.3.4. Quản lý kinh tế trong hoạt động lễ hội.....	84
2.3.5. Quản lý dịch vụ, môi trường, trật tự công cộng.....	86
2.3.6. Quản lý phát huy lễ hội truyền thống nhằm đa mục tiêu..	88
Tóm tắt chương 2.....	92
Chương 3	
Quy trình tổ chức lễ hội và sự kiện.....	93

3.1. Định hình sự kiện	94
3.1.1. Phân tích bối cảnh, hình thành ý tưởng sự kiện.....	94
3.1.2. Làm việc với các bên liên quan.....	98
3.1.3. Nghiên cứu.....	100
3.1.4. Lên chương trình ban đầu.....	111
3.2. Lập kế hoạch tổ chức sự kiện	113
3.2.1. Dự toán ngân sách sự kiện.....	114
3.2.2. Vận động tài trợ.....	117
3.2.3. Nguồn nhân lực sự kiện.....	121
3.2.4. Marketing sự kiện.....	123
3.2.5. Kế hoạch hậu cần cho sự kiện.....	124
3.2.6. Các vấn đề pháp lý cho sự kiện.....	126
3.3. Dàn dựng sự kiện	128
3.4. Kết thúc sự kiện	133
Tóm tắt chương 3	136
Hướng dẫn tự học	137
Tài liệu tham khảo	139
Phụ lục	143
1. Văn bản pháp lý	143
1.1. PL quy chế lễ hội 1994.....	143
1.2. PL Quy chế tổ chức lễ hội.....	145
1.3. Quy chế về việc cưới, việc tang và lễ hội ngày 25/11/2005, Thủ Tướng Chính phủ đã ký Quyết định số: 308/2005/QĐ-TT ban hành quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.....	152
2. Mẫu hợp đồng sự kiện	157
2.1. Hợp đồng thuê MC.....	157
2.2. Yêu cầu địa điểm sự kiện.....	159
2.3. Phụ lục hợp đồng địa điểm.....	164
2.4. Biên bản thanh lý hợp đồng địa điểm.....	167
2.5. Hợp đồng diễn viên.....	170
3. Nghiên cứu trường hợp liên quan quản lý lễ hội	171

LỜI NÓI ĐẦU

1. Lễ hội và sự kiện là những hình thức hoạt động văn hóa cộng đồng tập trung và nổi bật, phổ biến ở tất cả các nền văn hóa trong quá khứ cũng như đương đại, đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau của con người như: tín ngưỡng - tôn giáo, kỷ niệm lịch sử, tôn vinh giá trị hay truyền thống - cổ vũ công chúng. Những lễ hội và sự kiện muôn màu sắc ngày càng phát triển cả về số lượng, chất lượng và quy mô ở khắp mọi nơi trên thế giới.

Là một đặc trưng truyền thống trong văn hóa Việt Nam, hội hè đình đám như một dấu mốc quan trọng nhất của nhịp sống cộng đồng của con người trong một năm. Đó là dịp người dân hòa mình một cách tích cực và cởi mở vào quá trình sáng tạo văn hoá trong môi trường cộng đồng hướng tới các giá trị chung. Có những truyền thống lễ hội đã được xác lập thành phong tục lâu đời. Có những truyền thống hội mới được hình thành một vài chục năm, thậm chí vài năm gần đây. Cùng với sự phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, hàng loạt sự kiện hết sức đa dạng như văn hóa nghệ thuật, thể thao hay truyền thông - tiếp xúc công chúng... đã được tổ chức, góp phần thúc đẩy và làm sinh động hơn đời sống văn hóa - xã hội của đất nước. Theo thống kê chưa đầy đủ của Cục Văn hóa Cơ sở (2008), trên cả nước đã biết đến 7.966 lễ hội (88,36% lễ hội dân gian, 6,82% lễ hội tôn giáo, 4,16% lễ hội lịch sử cách mạng, 0,12% lễ hội du nhập từ nước ngoài, còn lại là lễ hội khác). Nếu tính cả những sự kiện chính trị, thể thao, văn hóa nghệ thuật, triển lãm, tiếp xúc công chúng... được mở do các tổ chức, đơn vị xã hội hay doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế... thì

ngày nay hàng vạn lễ hội và sự kiện đã được phô diễn ở Việt Nam trong một năm (chưa tính tới những sự kiện của các nhóm xã hội như: gia đình - họ tộc, nghề nghiệp, thân hữu, sở thích).

Về mặt kinh tế, lễ hội và sự kiện không còn chỉ là “sự vui chơi hội đám” mà đã trở thành một ngành công nghiệp hấp dẫn với các tổ chức toàn cầu. Hiện nay khó có thể thống kê hết số lượng các công ty hoạt động trong lĩnh vực này. Người ta đã ước tính tổng doanh thu của ngành tổ chức sự kiện trên toàn thế giới trong 1 năm có thể lên đến 500 tỷ đôla. (*Nguồn: tổng hợp bởi Focus Media Group*). Ở nước ta, tuy ngành kinh doanh sự kiện được cho là mới mẻ, nhưng chỉ trong vòng hơn chục năm đã có tới con số hàng ngàn công ty đầu tư vào kinh doanh sự kiện.

Do nhu cầu ngày càng lớn về quản lý trong công nghiệp kinh doanh lễ hội và sự kiện, bộ môn khoa học và công nghệ quản lý lễ hội và sự kiện thuộc lĩnh vực quản lý văn hóa nghệ thuật đã được xây dựng và định hình ở nhiều nước, đặc biệt ở các nước phát triển. Quản lý sự kiện cũng đã trở thành một nghề có tính chuyên nghiệp, thu hút nhiều lao động, được tổ chức đào tạo một cách hệ thống ở trình độ đại học và trên đại học tại nhiều trường đại học tên tuổi.

Hiện nay, ở Việt Nam, cùng với ngành học Quản lý văn hóa nghệ thuật, được khởi xướng và xây dựng bởi Đại học Văn hóa Hà Nội, môn học về quản lý lễ hội và sự kiện đã được triển khai trong hầu hết hệ thống các trường đại học, cao đẳng và trung cấp văn hóa nghệ thuật ở cả nước. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có một giáo trình mang tính nền tảng cho môn học này phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành học. Do vậy, ở các trường và các bậc học khác nhau chưa có sự thống nhất về mục tiêu, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, hệ thống kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn học.

Trong bối cảnh ấy, việc biên soạn giáo trình *Quản lý lễ hội và sự kiện* dành cho bậc đại học và cao đẳng thuộc ngành đào tạo Quản lý văn hóa nghệ thuật là một cấp thiết, góp phần đảm bảo các mục tiêu đầu ra đã được xác định cho sinh viên thuộc ngành. Môn học này được thực hiện trong 3 đơn vị học trình, gồm 30 tiết học và thảo luận trên lớp, 15 tiết dành cho nghiên cứu trường hợp thực tế có liên quan.

2. Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên một bộ công cụ cơ bản về quản lý lễ hội và sự kiện gồm: những vấn đề lý thuyết cơ bản liên quan quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội và sự kiện, đặc biệt tập trung phân tích các khía cạnh của việc quản lý lễ hội truyền thống phù hợp với chính sách văn hóa Việt Nam; trình bày một cách cơ bản quy trình quản lý một dự án tổ chức lễ hội và sự kiện, tập trung vào các lễ hội và sự kiện đặc biệt. Sinh viên có thể ứng dụng môn học này trong tác nghiệp chuyên môn thuộc các cơ quan quản lý văn hóa nhà nước cũng như trực tiếp tham gia công việc tổ chức và kinh doanh sự kiện tại những tổ chức và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau.

3. Giáo trình môn học *Quản lý lễ hội và sự kiện* được biên soạn bởi các giảng viên Ts. Cao Đức Hải (chủ biên, viết chương 1 & chương 2), Ts. Cao Đức Hải và ThS. Nguyễn Khánh Ngọc (viết chương 3). Giáo trình này được chia làm 3 chương cùng phần phụ lục.

Chương 1. Những vấn đề chung về quản lý lễ hội và sự kiện

Trình bày các khái niệm có liên quan lễ hội và sự kiện, quản lý lễ hội và sự kiện; phân tích vai trò cũng như các tác động của lễ hội và sự kiện trong đời sống xã hội; tổng quan về ngành kinh doanh sự kiện trên thế giới và ở nước ta; phân loại lễ hội và sự kiện đương đại và phân loại lễ hội cổ truyền ở Việt Nam.

Chương 2. Quản lý Nhà nước đối với hoạt động lễ hội và sự kiện

Chương này tập trung vào một số nhận thức cơ bản về cấu trúc chung của lễ hội và sự kiện, bao gồm các thành tố tham gia vào việc hình thành nên lễ hội và sự kiện, sự tổ hợp hóa với các quan hệ bên trong giữa các thành tố ấy. Tổng hợp và đi sâu phân tích những vấn đề đã diễn ra, gồm cả cái được, cái chưa được và cái còn đang gây tranh luận trong thực tế việc tổ chức và quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội trong những năm gần đây. Nêu những việc cơ bản trong công tác quản lý nhà nước cũng như đưa ra các vấn đề cần thảo luận nhằm quản lý và phát huy các lễ hội cổ truyền phù hợp chính sách của nhà nước và nhu cầu phát triển lễ hội với đa mục tiêu văn hóa - xã hội - kinh tế hiện nay.

Chương 3. Quy trình tổ chức lễ hội và sự kiện

Trình bày phương pháp, kỹ năng của các bước cơ bản trong quy trình tổ chức một lễ hội và sự kiện nói chung, gồm bốn giai đoạn: nghiên cứu định hình, lập kế hoạch, dàn dựng và kết thúc. Ở mỗi giai đoạn sẽ phân tích và cung cấp các kỹ năng cơ bản cho việc giải quyết từng loại công việc cụ thể trong rất nhiều đầu việc với những quan hệ phức tạp nhằm đạt được các mục tiêu và mục đích cho một sự kiện thành công.

4. Nhóm biên soạn giáo trình *Quản lý lễ hội và sự kiện* xin trân trọng cảm ơn nhà tài trợ Quỹ Ford, Trung tâm A&C, cùng các chuyên gia trong và ngoài nước đã giúp đỡ về điều kiện và tài liệu cho việc nghiên cứu cũng như trực tiếp tư vấn cho nhóm hoàn thành bước đầu giáo trình này.

5. Là một môn học nằm trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý văn hóa nghệ thuật mới hình thành và lần đầu tiên được đưa vào giảng dạy ở Đại học Văn hóa Hà Nội, do vậy giáo trình giảng dạy này chưa thể được coi như một giáo trình chuẩn. Nhất là trong điều kiện việc nghiên cứu và đúc kết về

quản lý văn hóa nghệ thuật nói chung, lễ hội và sự kiện nói riêng chưa có hệ thống và chưa trở thành một khoa học truyền thống ở Việt Nam. Hơn nữa, quản lý lễ hội và sự kiện không phải là một công nghệ “cứng” mà luôn luôn được sáng tạo với những cách làm không hoàn toàn giống nhau và ngày càng thêm phong phú. Mặt khác, do được giới hạn bởi thời lượng và mục tiêu trực tiếp của môn học nên chúng tôi sẽ không đi sâu vào các vấn đề lý thuyết về lễ hội nói chung (như lịch sử hình thành lễ hội), hoặc các tiếp cận lễ hội và sự kiện từ hướng dân tộc học hay xã hội học. Những kiến thức này sẽ được bổ trợ bởi một số môn học khác có trong chương trình đào tạo cũng như các tài liệu đã ghi trong thư mục tham khảo. Trong giáo trình này, chúng tôi chỉ có ý cung cấp những kinh nghiệm như một sự đúc kết chung nhất, nhằm gợi ý cho những phát triển của sinh viên sau khi ra trường cũng như các nghiên cứu đúc kết tiếp theo trong lĩnh vực của quản lý văn hóa.

Phần phụ lục: đính theo văn bản này gồm:

Các văn bản pháp lý của nhà nước liên quan trực tiếp công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội và sự kiện.

Một số mẫu hợp đồng liên quan việc tổ chức lễ hội và sự kiện để minh họa cho lý thuyết được trình bày trong phần chính của giáo trình

Một nghiên cứu trường hợp về lễ hội dân gian có liên quan tới môn học, như một phân tích mẫu mà sinh viên có thể sử dụng để tham khảo khi làm bài tập nghiên cứu trường hợp.

Nhóm tác giả

Chương I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN LÝ LỄ HỘI VÀ SỰ KIỆN

1.1. Các khái niệm

1.1.1. Lễ hội

Hiện nay, giới nghiên cứu vẫn chưa nhất quán trong cách sắp đặt trật tự của cụm từ này. Có người gọi là “Hội lễ” (Cao Xuân Phổ - Đinh Gia Khánh (1994). Bùi Thiết (1993) cho rằng khi phần hội phong phú hơn thì gọi là “Hội lễ”, khi phần lễ lấn át thì gọi là “Lễ hội”. Cách gọi “lễ hội” về cơ bản đã đi vào đời sống văn hóa ở nước ta (quy chế tổ chức lễ hội do Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành năm 2001 sử dụng cụm từ “Lễ hội”). Do vậy, trong tài liệu này sẽ sử dụng thống nhất tên gọi: “Lễ hội”.

Về tên gọi của hiện tượng lễ hội, xưa trong dân gian có từ “Đám”, khi mở hội làng người ta nói: “Làng vào Đám”. Những người làm công việc tổ chức lễ hội được gọi là “các ông Đám”. Trong tiếng Việt “bình dân”, từ “đám” dùng để chỉ sự tập hợp hay sự tụ hội (số nhiều) như “đám đông”, “đám bè”... Từ “Đám” thường đi liền với một danh từ chỉ sự việc nào đó, sẽ chỉ ra người ta tụ hội lại để làm gì. Việc “Đám” hay sự tụ hội để thực thi một lễ nghi cụ thể nào đó như: “đám cưới”, “đám ma”, “đám giỗ”... chỉ một loại sự kiện có tính lễ nghi cụ thể. Khi tụ hội ở đình, vào việc cúng tế ở đình thì có “đám đình”. Cùng với cuộc cúng tế, “Đám đình” diễn ra vui vẻ náo nhiệt được gọi

chung là “hội hè đình đám”. Cụm từ “lễ hội”, vốn có gốc chữ Hán, ngày nay được sử dụng để diễn giải “Hội hè đình đám” trong dân gian xưa như đã nêu.

Về mặt học thuật, đã có nhiều cách trình bày khái niệm và định nghĩa lễ hội. Theo *Từ điển bách khoa Việt Nam* (2005):

Lễ là hệ thống các hành vi, động tác nhằm biểu hiện lòng tôn kính của con người đối với thần linh, phản ánh những ước mơ chính đáng của con người trước cuộc sống mà bản thân họ chưa có khả năng thực hiện. Hội là sinh hoạt văn hoá, tôn giáo, nghệ thuật của cộng đồng, xuất phát từ nhu cầu cuộc sống, từ sự tồn tại và phát triển của cộng đồng, sự bình yên cho từng cá nhân, hạnh phúc cho từng gia đình, sự vững mạnh cho từng dòng họ, sự sinh sôi nảy nở của gia súc, sự bội thu của mùa màng, mà từ bao đời nay quy tụ niềm mơ ước chung vào bốn chữ “nhân khang, vật thịnh”. Lễ hội là hoạt động của một tập thể người, liên quan đến tín ngưỡng và tôn giáo. Do nhận thức, người xưa rất tin vào trời đất, sông núi, vì thế ở các làng, xã, thường có miếu thờ thiên thần, thổ thần, thủy thần, sơn thần, lễ hội cổ truyền đã phản ánh hiện tượng đó. Tôn giáo có ảnh hưởng đáng kể đối với lễ hội. Tôn giáo thông qua lễ hội làm phương tiện phô trương thanh thế, ngược lại lễ hội thông qua tôn giáo để thần linh hoá những gì trần tục.

Như vậy, trước hết “Lễ” là hình thức quy cách - nguyên tắc ứng xử được thực thi với một đối tượng được cử lễ nào đó. Đoàn Văn Chúc (1984) cho rằng:

Lễ (cuộc lễ) là sự bày tỏ kính ý đối với một sự kiện xã hội, hay tự nhiên, tư tưởng hay có thật, đã qua hay hiện tại, được thực theo nghi điểm rộng lớn, mức độ rộng lớn, tùy thuộc cấp nhóm xã hội có nhiệm vụ cử hành, nhằm biểu

hiện giá trị của đối tượng được cử lễ. Hội là cuộc vui chơi bằng vô số hoạt động giải trí công cộng, diễn ra tại một địa điểm nhất định vào dịp cuộc lễ kỷ niệm một sự kiện tự nhiên xã hội, nhằm diễn đạt sự phấn khích, hoan hỉ của công chúng dự lễ.

Trong định nghĩa này, lễ hội được coi như một cấu trúc bao gồm hai mô đun chức năng: lễ và hội, có thể phân biệt được. Từ việc phân tích Hội làng, Lê Trung Vũ (1997) khái quát: “Là sinh hoạt văn hóa, tôn giáo, nghệ thuật truyền thống của cộng đồng làng, xuất phát từ nhu cầu cuộc sống, sự tồn tại và phát triển cho cả làng, sự bình yên cho từng cá nhân, niềm hạnh phúc cho từng gia đình, sự vững mạnh cho từng dòng họ, sự sinh sôi của gia súc, sự bội thu của mùa màng, mà từ bao đời đã tự niềm mơ ước chung vào 4 chữ “Nhân khang vật thịnh” hay “Quốc thái dân an”. Hay nói theo cách của Trần Quốc Vượng (2000) “là nghi lễ hay nghi thức nông nghiệp”. Trong cuốn *Folklore một số thuật ngữ đương đại* [25], đã đưa ra định nghĩa về lễ hội: “Lễ hội là một hoạt động kỷ niệm định kỳ biểu thị thế giới quan của một nền văn hoá hay nhóm xã hội thông qua hành lễ, diễn xướng, nghi lễ và trò chơi truyền thống. Là một hoạt động hết sức phổ biến, lễ hội có thể là sự kiện có tính tượng trưng và tính xã hội phức tạp nhất, tồn tại lâu đời trong truyền thống”. Đây có lẽ là một định nghĩa khá đầy đủ về những lễ hội kỷ niệm đã trở thành truyền thống.

Có thể có những cách phát biểu khác nhau, tùy thuộc vào góc tiếp cận, nhưng nhìn chung các nhà nghiên cứu đều đã vạch rõ hai cơ cấu chức năng trong một chỉnh thể hiện tượng lễ hội. Bao gồm một hệ thống hành vi nghi thức biểu đạt thể ứng xử của cộng đồng hướng tới đối tượng nhất định và tổ hợp của những hoạt động văn hóa như là sự hưởng ứng tinh thần được công bố bởi nghi lễ. Tuy nhiên, khi tiếp cận lễ hội theo hướng của quản lý

văn hóa sẽ bao trùm lên tất cả các sự kiện lễ hội đang diễn ra trong đương đại gồm cả truyền thống dân gian và các sáng tạo mới mang tính bác học. Mặt khác, lĩnh vực quản lý văn hóa sẽ quan tâm nhiều hơn đến các can thiệp bảo tồn, khai thác và phát triển vốn liếng truyền thống, cũng như sáng tạo nên các sự kiện lễ hội. Do vậy, sẽ là thuận tiện hơn nếu nhìn hiện tượng lễ hội dưới góc độ của cấu trúc loại hình. Từ góc độ đó, tài liệu này đưa ra định nghĩa chung về các sự kiện lễ hội như sau: *Lễ hội là tổ hợp các yếu tố và hoạt động văn hóa đặc trưng của cộng đồng, xoay xung quanh một trục ý nghĩa nào đó, nhằm tôn vinh và quảng bá cho những giá trị nhất định.* Đây là một cách nhìn có tính hình thức về hiện tượng và có thể bao trùm mọi hiện tượng được gọi là hội hè.

Trong thực tiễn đời sống văn hóa ở Việt Nam, người ta cũng thường sử dụng một số tên gọi với cách hiểu tương đương như cụm từ “Lễ hội” và đồng thời biểu thị tính chất hay xuất xứ của lễ hội ấy:

- *Lễ hội truyền thống.* Theo định nghĩa của UNESCO, Văn hóa truyền thống (Traditional culture) “Là các tập quán và biểu tượng xã hội mà theo quan niệm của một nhóm xã hội thì được lưu giữ từ quá khứ đến hiện tại thông qua việc lưu truyền giữa các thế hệ và có một tầm quan trọng đặc biệt (ngay cả trong trường hợp các tập quán và biểu tượng được hình thành trong khoảng thời gian không lâu).[36 - tr.5]. Lễ hội thuộc phạm trù của văn hóa, do vậy khái niệm *Lễ hội truyền thống* có thể bao trùm cả những lễ hội cổ truyền đã có từ xa xưa và cả những truyền thống lễ hội được xác lập mấy chục năm trở lại đây như lễ hội kỷ niệm ngày quốc khánh, lễ hội Làng Sen... Tuy nhiên, ở nước ta khi sử dụng cụm từ *lễ hội truyền thống* thông thường được hiểu như *lễ hội cổ truyền*.

- *Lễ hội cổ truyền.* Tên gọi: *lễ hội cổ truyền* (hay *lễ hội dân gian cổ truyền*), được sử dụng ở đây bao gồm những lễ hội đã được hình

thành trong lịch sử từ xa xưa truyền lại trong các cộng đồng nông nghiệp với tư cách một phong tục. Ví dụ: những lễ hội thờ Thành hoàng ở các làng quê Bắc Bộ, lễ cúng đình ở Nam Bộ, lễ bỏ mả ở Tây Nguyên, lễ mừng lúa mới ở nhiều tộc người miền núi... Khái niệm này cũng chỉ cả những lễ hội vượt ra ngoài khuôn khổ của một cộng đồng làng, ấp, buôn, bản như những lễ hội ở đền, chùa... dân gian được phát triển trên quy mô vùng hay cả nước như lễ hội Chùa Hương, lễ hội núi Bà Đen, lễ hội Điện Hòn Chén... và cả những lễ hội có nguồn gốc dân gian nhưng đã phát triển yếu tố lịch sử rồi được công nhận một cách chính thống như những di tích lịch sử thờ anh hùng dân tộc như hội đền Hùng, hội đền Kiếp Bạc, hội đền Hoa lư... Khái niệm lễ hội cổ truyền trong tài liệu này không được sử dụng với những lễ hội có tác giả cũng như những dịp kỷ niệm liên quan đến lịch sử vài chục năm gần đây. Sự phân biệt cũng sẽ được áp dụng với những nghi lễ thuộc tổ chức tôn giáo có hệ thống như nghi lễ trong nhà thờ Công Giáo, nghi lễ trong Đạo Cao Đài... hay những lễ hội có nguồn gốc và mang màu sắc phương Tây (tuy đã được dân gian hóa và rộ lên ở các đô thị như: 8/3, Valentin...).

- *Lễ hội dân gian*, thường được sử dụng để chỉ những lễ hội được sáng tạo và lưu truyền theo phương thức dân gian. Do lễ hội cổ truyền ở nước ta cơ bản là những lễ hội dân gian nên trong nhiều trường hợp được cụm từ *lễ hội dân gian* và *lễ hội cổ truyền* được sử dụng với cách hiểu tương đương. Nhiều khi người ta sử dụng cụm từ *lễ hội dân gian cổ truyền* để phân biệt với những lễ hội có nguồn gốc cung đình như đã được tái hiện ở Festival Huế.

- *Lễ hội Mới*, là một cụm từ chung chung để chỉ những hình thức lễ hội mới có ở Việt Nam, để phân biệt với lễ hội cổ truyền.

- *Festival*, là một thuật ngữ tiếng Anh đã được quốc tế hóa với khái niệm tương đương cụm từ *Lễ hội* của Việt Nam. Tên gọi

Festival hiện nay đã đi vào đời sống văn hóa Việt Nam, thường để chỉ những lễ hội có tính chất một cuộc *liên hoan văn hóa - nghệ thuật* dưới các hình thức mới mẻ và sáng tạo như: Festival Du lịch Vũng Tàu, Festival Biển Nha Trang, Festival Hạ Long, Festival Lúa gạo Việt Nam... Tuy nhiên, một số lễ hội được sáng tạo mới người ta vẫn sử dụng cụm từ “lễ hội” như: *lễ hội Bia Hà Nội, lễ hội Hoa Anh Đào Hà Nội, lễ hội Âm thực...*

1.1.2. Sự kiện

Theo cách giải thích trong *Từ điển Tiếng Việt* (2005) thì: “Sự kiện” là “Cái gì, việc gì quan trọng đã xảy ra”. Từ “sự kiện” trong tiếng Việt còn được sử dụng để chỉ những sự việc quan trọng, sự cố bất ngờ xảy ra ở hầu như tất cả các lĩnh vực của thế giới tự nhiên và đời sống xã hội. Ví dụ: “Sự kiện thiên thạch rơi xuống trái đất là nguyên nhân khiến loài khủng long tuyệt chủng”, “Sự kiện sập cầu Mỹ Thuận đã làm thiệt hại hàng triệu USD”, “Trúng số độc đắc đã là một sự kiện làm thay đổi cuộc sống của anh ta”... Như thế, từ “sự kiện” không chỉ là một thuật ngữ riêng cho lĩnh vực khoa học về quản lý văn hóa. Tuy nhiên do thói quen dùng từ, “Sự kiện” trong cụm từ chuyên môn “Quản lý sự kiện” đã đi vào đời sống với cách hiểu và cũng là để chỉ những cuộc hoạt động quan trọng, tập trung và nổi trội trong đời sống của các cộng đồng và tổ chức dưới các hình thức thuộc phạm trù văn hóa như: kỷ niệm - nhắc nhở và tôn vinh những giá trị có tính dấu mốc lịch sử của cộng đồng hay cá nhân, phô diễn và tôn vinh những giá trị văn hóa nghệ thuật hay thể thao, truyền thông quảng bá chính trị hay thương mại... Theo cách hiểu này “Sự kiện” được đề cập tới trong môn học có thể bao gồm từ một Olympia toàn cầu, một cuộc trình diễn của siêu sao... cho tới một chương trình giới thiệu sản phẩm hàng hóa tiêu dùng mới.

Xét về nghĩa từ, thì “Sự kiện” có thể bao hàm cả các hình thức lễ hội “Sự kiện lễ hội”. Nhưng do tính đặc thù về loại hình

cũng như tầm quan trọng và quy mô của các sự kiện lễ hội, người ta đã sử dụng cụm từ “Lễ hội và sự kiện” để nhấn mạnh về tầm vóc cũng như sự phức tạp về quản lý các sự kiện lễ hội, trong khi đề cập đến các sự kiện nói chung. Có một số tài liệu còn sử dụng cụm từ “Sự kiện đặc biệt” để chỉ các sự kiện có tính khác thường, quy mô vượt trội và ý nghĩa trọng đại, có tầm thu hút và lan tỏa lớn lao... ví dụ: 1000 năm Thăng long - Hà Nội, đại thể thao Đông Nam Á lần thứ 23 được tổ chức ở Hà Nội - Việt Nam, cuộc trình diễn tiễn biệt ông vua nhạc pop Michael Jackson ở Mỹ... Tuy nhiên những sự kiện đặc biệt chỉ “đặc biệt” đối với cộng đồng của sự kiện đó và với những người quan tâm. Sự kiện đặc biệt cũng được nói tới như sự độc nhất vô nhị hoặc theo chu kỳ nhiều năm mới có một lần. Vì tính đa dạng phong phú và rộng khắp của các sự kiện nên rất khó khăn trong việc xây dựng một định nghĩa bao trùm có tính thuyết phục.

1.1.3. Quản lý lễ hội và sự kiện

Từ điển Tiếng Việt (2005) định nghĩa quản lý là sự “*Trông nom coi sóc giữ gìn việc gì. Quản lý khách sạn*”. Thuật ngữ “Quản lý” ở nước ta cũng thường được hiểu là sự lãnh đạo, điều hành, giám sát của người hoặc tổ chức cấp trên đối với người hoặc tổ chức cấp dưới. Cụm từ “Quản lý văn hóa” nhiều người vẫn hiểu theo khía cạnh như sự lãnh đạo, điều hành, kiểm tra giám sát của các cơ quan chức năng nhà nước đối với các hoạt động văn hóa trong đời sống xã hội.

Ở các nước phương Tây, xuất phát từ ngôn ngữ La tinh cổ đại, khái niệm *Quản lý* “*manus*” có nghĩa là “bàn tay”, còn “thực hiện quản lý” là “*nắm trong bàn tay*”. Trong chữ Hán, quản lý là sắp xếp, xử lý và chỉ đạo. Về lý thuyết, quản lý xã hội là sự tác động đến xã hội, nhằm mục đích duy trì, những đặc điểm về chất, điều chỉnh, hoàn thiện và phát triển những đặc điểm đó. Quản lý là một khoa học dựa trên cơ sở vận dụng các

quy luật phát triển của các đối tượng khác nhau, đồng thời quản lý còn là một nghệ thuật. Những hình thức quản lý có ý thức luôn gắn liền với hoạt động có mục tiêu, có kế hoạch của những tập thể lớn hay nhỏ của con người thực hiện qua những thể chế xã hội và mục đích, nội dung, cơ chế quản lý và phương pháp quản lý các hiện tượng xã hội tùy thuộc vào chế độ chính trị xã hội. Mai Hữu Khuê (2003) trong cuốn *Lý luận quản lý nhà nước* đã xác định: “*Quản lý là hoạt động nhằm tác động có tổ chức của chủ thể vào một đối tượng nhất định để điều chỉnh các quá trình xã hội và các hành vi của con người, nhằm duy trì sự ổn định và sự phát triển của đối tượng theo những mục đích nhất định.*”

Với cách nhìn rộng rãi và giản đơn, phù hợp với thực tiễn tác nghiệp trong công việc *quản lý lễ hội và sự kiện*, tài liệu này sử dụng khái niệm *quản lý* (nói chung) với hàm nghĩa là: *sự huy động - tổ chức và điều hành các nguồn lực nhằm đạt được mục tiêu đã xác định trước*. Các nguồn lực được hiểu gồm tất cả những gì cần huy động để thực hiện và đạt được mục tiêu như: chính sách, luật pháp, khoa học, công nghệ, tài chính, nhân lực, vật lực, phương pháp... để thực hiện và đạt được mục tiêu đã đề ra. Tuy nhiên, thuật ngữ *Quản lý* đã đi vào thực tiễn đời sống thuộc lĩnh vực văn hóa nghệ thuật với các nghĩa như: quản lý nhà nước đối với hoạt động văn hóa nghệ thuật, quản lý (hay là quản trị) tổ chức, quản lý (hay quản trị) dự án văn hóa nghệ thuật...

Theo cách này “*Quản lý lễ hội và sự kiện*” cũng cần được hiểu theo hai góc độ, phù hợp với hai khu vực công tác chủ yếu của sinh viên sau khi ra trường. Đó là: *quản lý nhà nước* đối với hoạt động lễ hội và sự kiện, *tổ chức* lễ hội và sự kiện.

- *Quản lý Nhà nước* đối với hoạt động lễ hội và sự kiện là việc sử dụng các công cụ quản lý như chính sách, luật pháp, bộ máy và các nguồn lực khác, để kiểm soát hay can thiệp vào các hoạt động lễ hội và sự kiện, nhằm duy trì hệ thống chính sách và luật pháp

hiện hành có liên quan do nhà nước ban hành. Cụ thể trong ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch là *Quy chế tổ chức lễ hội*.

- *Tổ chức lễ hội và sự kiện*

Được hiểu như sự huy động - sự tổ chức và điều hành các nguồn lực nhằm tạo ra một sản phẩm lễ hội và sự kiện đáp ứng các mục tiêu đã xác định trước của tổ chức có tư cách pháp nhân sở hữu sự kiện. Đó là công việc quản lý một dự án sáng tạo sản phẩm lễ hội và sự kiện. Trong trường hợp này, *quản lý lễ hội và sự kiện* được coi như một loại công việc, một công nghệ hay một phương pháp. Bao gồm một quá trình gồm bốn giai đoạn: xác định và tổ chức dự án sự kiện (định hình sự kiện), lập kế hoạch sự kiện, tổ chức dàn dựng sự kiện, kết thúc sự kiện.

- *Nhà tổ chức lễ hội và sự kiện*

Nhà quản lý sự kiện được hiểu như người *chịu trách nhiệm chính trong việc huy động - kết nối - tổ chức và điều hành các nguồn để tạo ra một sản phẩm sự kiện bởi mục tiêu đã được xác định trước*. Nhà quản lý sự kiện có thể hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực này, nhưng cũng nhiều khi là người được giao trách nhiệm quản lý một sự kiện của một tổ chức công quyền, xã hội hay doanh nghiệp nào đó. Chương trình giảng dạy môn học quản lý festival và sự kiện bậc đại học ở nhiều trường đại học trên thế giới đều có tiêu chí chung về hệ thống kiến thức cần có cho một người làm nghề quản lý lễ hội và sự kiện. Bao gồm sự ưu tiên cho các lĩnh vực kiến thức về: quản lý dự án, dự toán ngân sách, quản lý thời gian, kết nối với các phương tiện thông tin, lập kế hoạch công tác, quản lý nguồn nhân lực và tiếp thị. Như thế, kiến thức cần có của nhà quản lý sự kiện chuyên nghiệp như là tổ hợp của các lĩnh vực quản lý - kinh tế tài chính - truyền thông - xã hội và văn hóa. Mặt khác, giống như các ngành nghệ thuật, nhà quản lý sự kiện cần có một số tố chất năng lực đặc biệt.

Các chuyên gia ví von người tổ chức sự kiện như một “nghệ nhân ghép hình”. “Tỉ mỉ, cẩn trọng đến từng tiểu tiết, sau đó mới đến ý tưởng...” là phác họa ngắn gọn kỹ năng cần có của một chuyên viên tổ chức sự kiện (Event Specialist). Công việc tổ chức sự kiện như một bức tranh của trò chơi ghép hình và người chơi chỉ thành công khi ghép hoàn chỉnh bức tranh đó bằng hàng trăm, hàng ngàn mẫu nhỏ chi tiết. Đẳng cấp của mỗi công ty thể hiện ở chính sự hoàn hảo trong từng tiểu tiết ở mỗi event họ tổ chức.

Người tổ chức sự kiện giỏi chắc chắn không thể thiếu những tố chất như: óc tổ chức tốt, năng động, nhanh nhẹn, kiên nhẫn, có khả năng thiết lập mối quan hệ tốt, có khả năng làm việc theo nhóm, có sức khỏe và niềm đam mê. Nghề tổ chức sự kiện là nghề đòi hỏi người thực hiện cực kỳ bền sức và chịu được áp lực cao. Họ còn phải biết cách xoay xở và ứng phó trong mọi tình huống. Ít người biết rằng từ khi bắt đầu sự kiện cho đến khi kết thúc, người tổ chức sự kiện dù có bề ngoài trầm tĩnh thế nào chăng nữa nhưng đầu óc họ đang “căng ra” để dự trù và xử lý bất kỳ “sự cố không mời mà đến nào”. Và chỉ khi sự kiện kết thúc, người tổ chức sự kiện mới có thể thở phào nhẹ nhõm.

(Theo: MPA Editor)

- Chủ sở hữu lễ hội và sự kiện, là tổ chức hay cá nhân có tư cách pháp nhân để được cấp phép tổ chức lễ hội hay sự kiện cụ thể. Đồng thời phải chịu trách nhiệm về lễ hội và sự kiện ấy trước pháp luật, cộng đồng tham dự và cộng đồng dân cư nơi diễn ra sự kiện.

1.1.4. Ngành kinh doanh sự kiện

Lễ hội và sự kiện vốn là các hình thức hoạt động văn hóa cộng đồng chủ yếu đáp ứng những nhu cầu về tín ngưỡng - tôn

giáo, kỷ niệm và nhắc nhở những sự kiện đã diễn ra quá trình lịch sử của cộng đồng, ghi dấu những bước chuyển đổi trong chu trình vòng đời của cá nhân... Hay nói cách khác, trong truyền thống, lễ hội và sự kiện được tổ chức chủ yếu nhằm đáp ứng các nhu cầu văn hóa tinh thần của cộng đồng, nhóm hay cá nhân.

Ngày nay, nhiều hình thức lễ hội và sự kiện đã vượt ra khỏi khuôn khổ phạm vi chức năng đã xác lập trong truyền thống. Nguyên nhân của hiện tượng này do những tác động mạnh mẽ của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa với sự liên kết thế giới bởi các công nghệ và phương tiện truyền thông ngày càng hiện đại. Như là hệ quả của sự phát triển, con người hàng ngày tiếp xúc với quá nhiều thông tin đến từ nhiều kênh, nhiều chiều. Điều đó làm cho cuộc sống phong phú hơn, các cơ hội xuất hiện nhiều hơn. Tuy nhiên sự lựa chọn những thông tin hữu ích cũng có vẻ khó khăn hơn như trước một ma trận. Chính đặc điểm này của kỷ nguyên thông tin đã khiến cho các tổ chức truyền thông nhà nước, doanh nghiệp hay các tổ chức xã hội buộc phải lao vào cuộc cạnh tranh quyết liệt trong việc tô vẽ hình ảnh cũng như quảng bá sản phẩm của tổ chức mình. Trong bối cảnh đó, sự lựa chọn thích hợp là môi trường lễ hội và sự kiện trở thành môi trường lý tưởng cho truyền thông. Nhất là khi toàn bộ hay một phần lễ hội và sự kiện diễn ra ở bất kỳ một địa điểm nào đó thì ngay lập tức, qua các phương tiện truyền thông hiện đại như hệ thống truyền hình và internet, một khu vực rộng lớn hay toàn cầu đều có thể theo dõi và ghi nhận được các vấn đề và hình ảnh được phô diễn bởi sự kiện. Bởi khả năng truyền thống của các lễ hội và sự kiện là khả năng thu hút sự chú ý, khả năng thu hút và tập hợp đám đông nên nó đã được các tổ chức sử dụng làm một công cụ đẩy hiệu quả trong các chiến lược marketing hỗn hợp. Mặt khác, do mức sống của dân chúng được nâng cao ở nhiều nước nên sức mua các giá trị tinh thần và sản phẩm giải trí ngày càng đáng kể đã là một nhân tố quan trọng thúc đẩy các ngành kinh doanh văn hóa (còn được gọi là công nghiệp văn hóa) nói chung, lễ hội và sự kiện nói riêng nó

rộ ở khắp nơi. Trong mấy chục năm gần đây, lễ hội và sự kiện trong tư cách là một ngành, một loại sản phẩm kinh doanh đã được các nhà đầu tư hết sức chú ý. Một ngành công nghiệp ước tính trị giá 500 tỷ USD và chắc chắn chưa dừng lại ở đó. Theo một nghiên cứu gần đây, trung bình mỗi năm các doanh nghiệp trên thế giới chi hơn 20 tỷ USD cho việc quảng bá sản phẩm và 15 tỷ USD vào hoạt động tổ chức các sự kiện khác nhau như hội nghị khách hàng, ra mắt sản phẩm, lễ động thổ, lễ khánh thành... (nguồn: *Báo Lao động*). Hàng loạt siêu sự kiện như Olympia toàn cầu, các siêu cúp bóng đá quốc tế đã làm thay đổi nhịp sống toàn cầu trong một số ngày với các khoản đầu tư hàng tỷ USD. Chỉ quan sát một buổi tối thứ 7 tại Thành phố Hồ Chí Minh đầu năm 2009 đã đếm được gần trăm sự kiện có quy mô cộng đồng lớn nhỏ. Ngành công nghiệp sự kiện hiện nay đã phát triển mạng lưới hiệp hội lan rộng trên phạm vi toàn thế giới trên quy mô toàn thế giới. Hoạt động của các hiệp hội và mạng lưới chủ yếu là thông tin, hỗ trợ đào tạo, tương tác và liên kết. Ở Việt Nam, tuy ngành kinh doanh sự kiện còn được coi là mới mẻ nhưng đã có hàng ngàn công ty vốn 100% trong nước cũng như không ít liên doanh với nước ngoài đang hoạt động.

Như vậy, việc sở hữu những kiến thức về quản lý văn hóa nghệ thuật nói chung, quản lý lễ hội và sự kiện nói riêng sẽ tạo điều kiện cho sinh viên không những có thể làm việc tốt trong các cơ quan nhà nước mà còn đủ khả năng tham gia vào thị trường của các ngành công nghiệp văn hóa, trong đó có ngành kinh doanh lễ hội và sự kiện với những cơ hội thu nhập cao.

MỘT HỒ SƠ VỀ HIỆP HỘI LỄ HỘI VÀ SỰ KIỆN QUỐC TẾ

Hiệp hội sự kiện và lễ hội quốc tế (IFEA) thúc đẩy sự phát triển mạng lưới và tính chuyên nghiệp của các thành viên thông qua một chương trình về xuất bản phẩm, các hội thảo và các hội nghị. IFEA có trụ sở ở Mỹ, và các nhóm thành viên ở châu Âu, châu Á và Úc. Nó đưa ra bản tin hàng

quý Lễ hội, danh mục thành viên Ai là ai trong các lễ hội, và một loạt ấn phẩm liên quan đến lễ hội, và các nhà quản lý lễ hội, như nhà tài trợ, gây quỹ và các ý tưởng sáng tạo lễ hội.

Hiệp hội sự kiện và lễ hội (FEA) được thành lập ở hầu hết các bang nước Úc, bao gồm New South Wales, Queensland, South Australia, Western Australia và Tasmania. Hội nghị IFEA đã được tổ chức ở Adelaide vào năm 1996, và Hobart năm 1999. FEA bang New South Wales (NSWFEA) đã tổ chức một hội nghị Thiên niên kỉ mới/Dân tộc mới (New Millennium/New Nation) ở Sydney năm 1999, và hội nghị thứ hai là Kỉ niệm nghệ thuật (Art of Celebration) năm 2001. Nó tổ chức cuộc họp và các diễn đàn thường xuyên cho các thành viên, đưa ra một chương trình đào tạo và chứng nhận cho ngành công nghiệp sự kiện.

Mục tiêu của NSWFEA là:

- Thúc đẩy và cải thiện quan hệ và hợp tác giữa các thành viên và các tổ chức thành viên.
- Thúc đẩy giá trị của lễ hội và các sự kiện cộng đồng với phạm vi lớn.
- Tạo cơ hội cho việc phát triển kỹ năng cho người tổ chức lễ hội và sự kiện bằng việc tổ chức các chuyên đề, hội thảo, hội nghị, cuộc họp định kì.
- Trau dồi nhận thức của chính quyền về vai trò của lễ hội trong việc phát triển kinh tế, du lịch và nghệ thuật bằng cách vận động hoặc thể hiện quan điểm của các thành viên đối với chính phủ.
- Tạo điều kiện cho người biểu diễn chia sẻ và trao đổi giữa các lễ hội và sự kiện.
- Thiết lập và duy trì mạng đăng kí các tổ chức sự kiện và các hoạt động của họ trong NSW.

Nguồn: *Tổ chức Lễ hội và Sự kiện quốc tế 2000, Tổ chức lễ hội và Sự kiện New South Wales 1995.*(Tổng thuật từ [35])

1.2. Tác động của lễ hội và sự kiện

Lễ hội và sự kiện luôn là một hoạt động cộng đồng dù lớn hay nhỏ. Sự phổ biến của nó chủ yếu dưới dạng một sản phẩm văn hóa, là tổ hợp của rất nhiều các yếu tố nguồn lực xã hội cả về ý thức, vật chất, thể chế, văn hóa, tài chính, công nghệ, luật pháp, con người, thiết bị... Khi một sự kiện diễn ra sẽ có tác động tới hầu hết các mặt của đời sống xã hội và cá nhân của cộng đồng chủ nhà và các bên liên quan sự kiện, cả tác động mong muốn (cơ hội) và không mong muốn (thách thức). Nó có thể làm thay đổi đời sống kinh tế - xã hội và văn hóa của địa phương/ cộng đồng diễn ra lễ hội sự kiện trong thời gian nhất định hoặc lâu dài. Những lễ hội và sự kiện có quy mô và tầm ảnh hưởng càng lớn thì những tác động sẽ có hệ quả xã hội càng lớn. Những sự kiện chỉ diễn ra trong một nhóm cơ sở của xã hội thì các tác động trực tiếp của nó hầu như chỉ ảnh hưởng trong nhóm. Việc nghiên cứu các tác động của lễ hội và sự kiện đến xã hội là cần thiết đối với các nhà quản lý lễ hội và sự kiện như là việc mở rộng và hoàn chỉnh khái niệm về bộ môn này. Mặt khác việc nghiên cứu sẽ giúp chỉ ra những dự liệu cụ thể cho việc lập kế hoạch và dàn dựng/ quản lý quá trình diễn ra của những lễ hội và sự kiện.

NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Cơ hội là những khả năng, những ảnh hưởng tích cực được nảy sinh hay phát triển do tác động của hoạt động lễ hội và sự kiện. Những cơ hội tốt luôn là mong muốn của các địa phương, các cộng đồng nơi diễn ra lễ hội và sự kiện bởi nó sẽ mang mang lại lợi ích nhiều mặt cho cộng đồng. *Thách thức* là những rào cản, những rủi ro và nguy cơ không mong muốn có tác động tiêu cực tới sự thành công của bản thân các mục tiêu của sự kiện cũng như các mặt đời sống xã hội của địa phương hay cộng đồng mà sự kiện diễn ra. Có thể tham khảo bảng dưới đây:

NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA LỄ HỘI VÀ SỰ KIỆN

Phạm vi của sự kiện	Các cơ hội	Những thách thức
Xã hội và văn hóa	Chia sẻ kinh nghiệm	Ghét bỏ cộng đồng
	• Tái sinh những truyền thống	Thao túng cộng đồng
	• Xây dựng niềm tự hào cộng đồng	Hình ảnh tiêu cực về cộng đồng
	• Công nhận giá trị của một tổ chức cộng đồng	• Hành vi xấu
	• Gia tăng sự tham gia của cộng đồng	• Lạm dụng tài sản
	Giới thiệu ý tưởng mới và thử thách	• Làm hư hỏng xã hội
Tự nhiên và môi trường	Mở rộng triển vọng văn hóa	• Đánh mất sự hoà nhã
	• Lợi ích cho môi trường	• Phá huỷ môi trường
	• Đưa ra những tấm gương tốt nhất	• Ô nhiễm
	• Gia tăng nhận thức về môi trường	• Phá huỷ di sản
	• Kế thừa cơ sở hạ tầng	• Làm ẩm i
	• Nâng cấp giao thông và liên lạc	• Tắc nghẽn giao thông
Chính trị	• Sự biến đổi thành thị và khôi phục	
	• Uy tín quốc tế	• Rủi ro của sự thất bại sự kiện
	• Đánh bóng tên tuổi	• Phân bổ sai ngân sách
	• Thúc đẩy đầu tư	• Thiếu sự giải trình trách nhiệm
	• Liên kết xã hội	• Tuyên truyền
	• Phát triển những kỹ năng hành chính	• Mất quyền sở hữu và kiểm soát cộng đồng
Du lịch và kinh tế		• Sự hợp pháp hóa ý tưởng
	• Thúc đẩy điểm đến và gia tăng khách du lịch	• Cộng đồng chống đối với du lịch

	• Kéo dài thời gian nghỉ lại	• Đánh mất tính chất xác thực
	• Sản lượng hàng hóa cao hơn	• Phá huỷ sự nổi tiếng
	• Gia tăng thu nhập thuế	• Khai thác
	• Tạo công ăn việc làm	• Lạm phát giá cả
		• Chi phí cơ hội
Phạm vi của sự sự kiện	Các cơ hội	Những thách thức
Xã hội và văn hóa	Chia sẻ kinh nghiệm	Ghét bỏ cộng đồng
	• Tái sinh những truyền thống	Thao túng cộng đồng
	• Xây dựng niềm tự hào cộng đồng	Hình ảnh tiêu cực về cộng đồng
	• Công nhận giá trị của một tổ chức cộng đồng	• Hành vi xấu
	• Gia tăng sự tham gia của cộng đồng	• Lạm dụng tài sản
	Giới thiệu ý tưởng mới và thử thách	• Làm hư hỏng xã hội
	Mở rộng triển vọng văn hóa	• Đánh mất sự hoà nhã
Tự nhiên và môi trường	• Lợi ích cho môi trường	• Phá huỷ môi trường
	• Đưa ra những tấm gương tốt nhất	• Ô nhiễm
	• Gia tăng nhận thức về môi trường	• Phá huỷ di sản
	• Kế thừa cơ sở hạ tầng	• Làm âm ỉ
	• Nâng cấp giao thông và liên lạc	• Tắc nghẽn giao thông
	• Sự biến đổi thành thị và khôi phục	
Chính trị	• Uy tín quốc tế	• Rủi ro của sự thất bại sự kiện
	• Đánh bóng tên tuổi	• Phân bổ sai ngân sách
	• Thúc đẩy đầu tư	• Thiếu sự giải trình trách nhiệm

	• Liên kết xã hội	• Tuyên truyền
	• Phát triển những kỹ năng hành chính	• Mật quyền sở hữu và kiểm soát cộng đồng
		• Sự hợp pháp hóa ý tưởng
Du lịch và kinh tế	• Thúc đẩy điểm đến và gia tăng khách du lịch	• Cộng đồng chống đối với du lịch
	• Kéo dài thời gian nghỉ lại	• Đánh mất tính chất xác thực
	• Sản lượng hàng hóa cao hơn	• Phá huỷ sự nổi tiếng
	• Gia tăng thu nhập thuế	• Khai thác
	• Tạo công ăn việc làm	• Lạm phát giá cả
		• Chi phí cơ hội

(Nguồn: Phỏng theo Hall (1989), TK.35)

Việc dự báo các tác động của lễ hội và sự kiện đến đời sống xã hội là hết sức quan trọng nếu không muốn nói là quyết định cho sự thành công hay thất bại của sự kiện như đã đề ra. Đây là một nhiệm vụ phức tạp nhưng bắt buộc đối với các nhà quản lý khi bắt tay vào nghiên cứu tổ chức một sự kiện, nhằm nắm bắt cơ hội để tìm ra biện pháp tối đa hóa các tác động tích cực. Mặt khác phát hiện và đánh giá được mức độ của các yếu tố nguy cơ nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực. Mục tiêu của các dự báo này là giúp cho việc lập kế hoạch với các thông số sát thực tế và sử dụng các biện pháp tối ưu sao cho tác động tổng thể của lễ hội và sự kiện là tích cực. Nên lưu ý rằng, tác động của từng lễ hội và sự kiện đến đời sống xã hội sẽ không giống nhau mà tùy thuộc vào tính chất và quy mô của loại sự kiện ấy cùng với những yếu tố nền tảng xã hội - kinh tế và văn hóa ở khu vực mà sự kiện trình diễn. Tuy nhiên, kinh nghiệm đã chỉ ra những tác động có tính phổ biến của hầu hết các lễ hội và sự kiện có nhiều người tham dự thường tập trung vào các mặt như: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa hạ tầng, giao thông, du lịch, an ninh,

an toàn, vệ sinh - dịch tễ, môi trường và cảnh quan... Việc dự báo và phân tích những cơ hội và thách thức bởi những tác động này sẽ được trình bày từng khía cạnh trong những chương sau.

VÍ DỤ: VỀ MỘT TRƯỜNG HỢP ỨNG PHÓ VỚI TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Thế Vận hội Olympic Sydney và môi trường

Là sự kiện lớn nhất thế giới, Thế vận hội Olympic đem đến những thách thức lớn trong quản lý những tác động của môi trường và những cơ hội lớn để đưa ra tiêu chuẩn so sánh và giáo dục người dân. Điều này bao gồm những hệ thống quản lý môi trường để thiết kế và xây dựng khu vực, và để sử dụng các nguồn lực, giao thông và xử lý rác khi tổ chức Thế vận hội.

Trước những năm 1990, cho dù có một số sáng kiến mang tính lịch sử, nhưng các vấn đề môi trường ít khi được phong trào Thế vận hội đề cập. Bắt đầu từ Hội nghị Liên hợp quốc 1992 về Môi trường và Phát triển ở Rio de Janeiro (Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất), Ủy ban Olympic Quốc tế (IOC) và các liên đoàn quốc tế, các Ủy ban Olympic Quốc gia ký Tuyên thệ Trái đất. Điều này đã đưa chủ đề môi trường vào trong sách hướng dẫn đấu thầu Olympic, và năm 1994 môi trường được coi như “trụ cột thứ 3” của Olympic, sau thể thao và văn hóa (Ban IOC về Thể thao và Môi trường 1999).

Năm 1993, Sydney đã được chọn đăng cai tổ chức Olympic Mùa hè năm 2000 do cơ sở hồ sơ đăng cai bao gồm một loạt hướng dẫn toàn diện về môi trường và là những tham vọng nhất ở thời điểm đó (Ủy ban Tổ chức Thế vận hội Sydney 2000). Những hướng dẫn này được thể hiện trong chính sách phát triển bền vững sinh thái bao gồm lời cam

kết nối với việc bảo tồn năng lượng; bảo tồn nước, tránh lãng phí và giảm đến mức tối thiểu lãng phí; chất lượng không khí, nước và đất; và bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa quan trọng.

Khi lập kế hoạch và xây dựng tiện nghi Olympic và tổ chức Thế vận hội, những hướng dẫn đã buộc Sydney cam kết với những sáng kiến bao gồm:

- Tiến hành nghiên cứu tác động của môi trường và xã hội
- Giảm thiểu những tác động có hại đối với vị trí Olympic và cư dân chung quanh
- Bảo vệ môi trường tự nhiên hoặc hệ sinh thái bị đe dọa
- Buộc nhà cung cấp và nhà thầu khoán thực hiện hướng dẫn về môi trường
- Tập trung vào khu vực đông đúc
- Sắp xếp tất cả các địa điểm và phần lớn địa điểm đào tạo trong vòng 30 phút đi từ Làng Olympic
- Sử dụng vật liệu và thiết kế năng lượng hiệu quả
- Sử dụng tối đa các nguồn năng lượng có thể thay mới được
- Bảo tồn nguồn nước và tái chế
- Thực tiễn tốt nhất giảm bớt lãng phí và tránh lãng phí
- Sử dụng chất không gây độc ở bất cứ nơi nào có thể
- Sử dụng bao bì tái chế và sử dụng dao đĩa không dùng một lần và bát đĩa sành ở nơi bán thực phẩm
- Sử dụng thùng tái chế ở tất cả khu vực Thế vận hội
- Thông tin bằng điện tử nếu có thể để bảo tồn giấy, được bổ sung bằng quy trình tái chế giấy
- Phương tiện công cộng là phương tiện duy nhất của khán giả đi đến các sự kiện ở khu Thế vận hội.

Thế Vận hội Green Watch 2000, Hội đồng Trái đất và Hoà bình xanh của Úc được bổ nhiệm là người giám hộ độc lập để giám sát và đánh giá việc thực hiện hướng dẫn. Trong số thành tích của Thế vận hội Olympic có việc sử dụng các kỹ thuật và các hệ thống về môi trường tiên tiến bao gồm:

- Nhà năng lượng mặt trời và các dịch vụ cho làng Olympic
- Sự lựa chọn đa dạng cho PVC trong nguyên liệu xây dựng, dây điện, ống dẫn v.v...
- Hệ thống thông gió không máy móc/ hệ thống làm mát cho các hoạt động thể thao đầy sáng tạo
- Hệ thống ống dẫn nước ở mái để thu và chứa nước mưa (Ủy ban Thể thao và Môi trường của IOC 1999).

Trong lĩnh vực quản lý rác thải, Thế vận hội Sydney đã đưa mục tiêu 80% rác thải đi đổ được xử lý và đã đạt 70%. Thế vận hội Atlanta đã đưa ra 85% và đạt 50%, điều này có thể được xem là kết quả rất tích cực.

Khi cuốn sách này chuẩn bị xuất bản, vẫn chưa có bản báo cáo cuối cùng về chương trình môi trường Olympic. Tuy nhiên, Thế Vận hội Olympic Sydney 2000 dường như đã để lại Sydney không chỉ cùng với di sản của địa điểm thể thao “trình độ đẳng cấp”, mà còn với kế hoạch chi tiết quản lý môi trường để tổ chức các sự kiện quy mô lớn có những ý nghĩa quan trọng trong tương lai. (Nguồn: [35])

1.3. Phân loại lễ hội và sự kiện

Để có cái nhìn tổng quát về các hình thức lễ hội và sự kiện, cần thiết phải tiến hành phân loại. Tuy nhiên việc đưa ra một bảng phân loại chuẩn về tiêu chí là hết sức khó khăn bởi tính đa dạng và phức tạp cả về hình thức cũng như nội dung của các kiểu loại sự kiện. Mặt khác, cuộc sống vẫn đang tiếp tục sáng tạo ra những hình thức sự kiện mới. Do vậy, tùy từng mục đích tiếp

cận vấn đề mà người ta có thể dựa theo những đặc điểm quy mô, mục đích, lĩnh vực hay ngành nghề. Dưới đây là một số cách tiếp cận phân loại lễ hội và sự kiện được nhiều người sử dụng trong nghiên cứu và lựa chọn sáng tạo.

1.3.1. Phân loại theo quy mô và tầm ảnh hưởng

Theo tiêu chí này, các tác giả châu Úc tập trung vào các sự kiện đặc biệt và dựa theo quy mô đã đưa ra cách phân loại gồm ba cấp độ: siêu sự kiện, sự kiện độc đáo địa phương (sự kiện đánh dấu) và sự kiện chính.

- Siêu sự kiện

Siêu sự kiện là những sự kiện lớn ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế và đem lại tiếng vang trên phương tiện thông tin toàn cầu như: Thế vận hội Olympic, Chung kết bóng đá thế giới, Hội chợ thế giới...

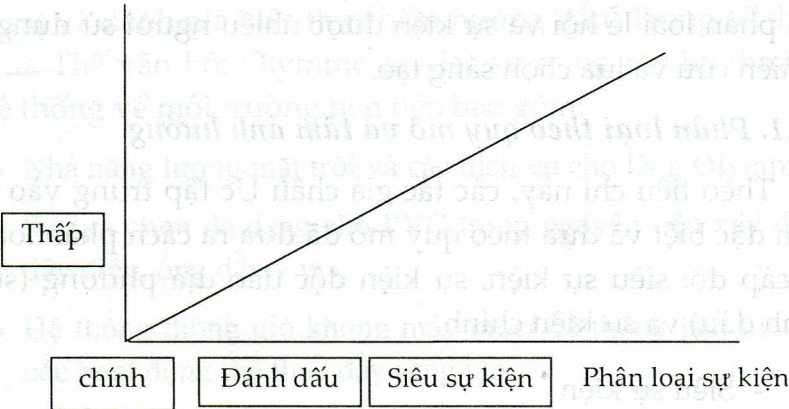
- Sự kiện độc đáo địa phương (có tài liệu gọi là sự kiện đánh dấu)

Là những sự kiện độc đáo chỉ gắn với một địa danh, diễn ra tại một địa điểm, địa phương, quốc gia cụ thể. Sự kiện thể hiện tinh thần hoặc đặc tính của của một địa phương, thành phố hoặc khu vực và chúng đồng nhất với tên của địa danh như: Lễ hội Carnival Rio de Janeiro, Lễ hội Kentucky Derby (Mỹ), Lễ hội Hoa Chelsea (Anh), Lễ hội Bia tháng mười (Oktoberfest) Munich (Đức), Lễ hội Nghệ thuật Edinburg (Scotland), Festival Huế, Lễ hội Hoa Đà Lạt...

- Sự kiện chính

Sự kiện chính là những sự kiện, với quy mô và thu hút sự quan tâm của phương tiện truyền thông, có thể thu hút lượng người tham gia lớn, mức độ đưa tin, và lợi nhuận kinh tế cao, như: giải đua xe công thức 1, giải điền kinh quốc tế, giải đua xe đạp vòng quanh nước Pháp... Sự kiện chính nhiều khi là sự lựa chọn của một quốc gia cho các sự kiện trong năm.

Cách phân loại này được thể hiện trong sơ đồ dưới đây:



(Dựa theo TK.35)

1.3.2. Phân loại theo mục đích sự kiện và ngành nghề

Dựa theo tiêu chí mục đích của sự kiện có thể đưa ra những kết quả rất khác nhau tùy theo tổ chức, ngành nghề nhất định trong các lĩnh vực thể thao, nghệ thuật, chính trị... Với những loại sự kiện tập trung vào thương mại, còn được gọi là ngành công nghiệp MICE, ở một tổ chức kinh doanh cụ thể người ta có thể chia ra các loại sự kiện vừa như mục đích của việc tổ chức sự kiện vừa như lý do có thể phát triển sự kiện trong doanh nghiệp. Ví dụ cách phân loại trong một hướng dẫn lựa chọn các cơ hội tổ chức sự kiện cho mục đích marketing:

Khai trương

Đây là một trong những lý do tốt nhất để tổ chức một sự kiện. Để có tác dụng tốt, bạn phải làm cho sự kiện này mang một nét đặc trưng riêng, nói lên được ngành nghề và chuyển tải được thông điệp mà bạn muốn nhắn gửi đến khách hàng, đó là: “Chúng tôi đã có mặt. Chúng tôi khác với các đối thủ cạnh tranh, chúng tôi tốt hơn các đối thủ cạnh tranh và chúng tôi đang sẵn sàng phục vụ bạn”.

Giới thiệu sản phẩm mới

Những buổi giới thiệu sản phẩm mới thường được đi kèm với các chương trình giải trí, biểu diễn. Tuy nhiên, bạn không nên để những chương trình này kéo dài quá mức và làm cho khách hàng sao lãng với mục đích chính của bạn là giới thiệu sản phẩm/ dịch vụ. Nói một cách khác, những chương trình giải trí và biểu diễn chỉ là những “chất xúc tác” còn sản phẩm/ dịch vụ của công ty bạn vẫn là phần “cốt lõi”. Ngoài ra, bạn cũng nên chú ý đến yếu tố không gian và thời gian khi tổ chức các buổi giới thiệu sản phẩm mới.

Các kỳ nghỉ, các ngày lễ

Những dịp lễ Giáng Sinh, năm mới hoặc khi hè về, thu sang, đông đến... đều là những dịp rất tốt để bạn tổ chức các sự kiện đặc biệt. Tuy nhiên, điều quan trọng là bạn phải xây dựng được những chương trình độc đáo nhưng không đi quá xa thông điệp mà bạn muốn gửi gắm đến khách hàng.

Sự xuất hiện của những người nổi tiếng

Làm việc với những người nổi tiếng tuy khá phức tạp nhưng lại có tác dụng rất tốt đối với chương trình tiếp thị của bạn. Trước khi tiếp cận với các nhân vật nổi tiếng, điều quan trọng là cần phải nghiên cứu kỹ lịch trình làm việc và cá tính của họ xem có thích hợp với mục tiêu tiếp thị và hình ảnh của công ty bạn hay không. Nên đối xử với những người nổi tiếng theo một tác phong “chuyên nghiệp” và nên báo cho họ biết trước chương trình chi tiết. Khi mời những nhân vật nổi tiếng hợp tác, bạn cũng phải xác định xem đối tượng khách hàng mà bạn muốn thu hút là ai, bạn muốn đưa tin về sự kiện xuất hiện của các nhân vật này trên các phương tiện truyền thông nào và bạn muốn tạo ra ấn tượng lâu dài nào đối với khách hàng.

Kỷ niệm thành lập

Đây là một sự kiện đặc biệt mà hầu hết các doanh nghiệp đều có thể tổ chức. Có một thâm niên hoạt động trong một ngành nghề nào đó là một điều đáng để doanh nghiệp tự hào và bạn nên tận dụng cơ hội này để củng cố sự ủng hộ, lòng trung thành của những khách hàng trong quá khứ và hiện tại. Buổi tiệc “sinh nhật” cũng là dịp để bạn mời những khách hàng tiềm năng và xây dựng quan hệ với họ.

Tổ chức các trò chơi và các cuộc thi

Thực tế cho thấy, các trò chơi và các cuộc thi là những sự kiện gây được khá nhiều sự chú ý từ khách hàng. Tuy nhiên, những chương trình này chỉ có tác dụng tốt nếu nó được tổ chức và quản lý một cách hợp lý và nghiêm túc. Nghĩa là, bạn phải chứng minh được tính chuyên nghiệp trong việc tổ chức các trò chơi và các cuộc thi. Mọi người cần phải được thông báo, hướng dẫn rõ ràng về những thể lệ cuộc chơi như cách thức chọn lựa, đánh giá và trao giải thưởng. Và một điều quan trọng là nếu bạn đã hứa hẹn có những giải thưởng nào thì phải giữ đúng lời hứa.

(Lược dẫn từ: MPA Editor)

1.3.3. Phân loại theo cấp quản lý

Khi quan sát diện rộng về các dạng lễ hội và sự kiện đương đại, đặt trong không gian xã hội của một quốc gia cụ thể như Việt Nam, nhà nghiên cứu Đoàn Văn Trúc (1984) đã kết hợp hai yếu tố: phân cấp của tổ chức quản lý lễ hội cùng quy mô/ tầm ảnh hưởng của sự kiện lễ hội ấy thành tiêu chí để phân loại. Dựa theo cách này, có thể phân loại lễ hội và sự kiện thành ba loại sau đây:

1- Lễ hội và sự kiện quốc tế

Được hiểu như những sự kiện trọng đại kỷ niệm/ tôn vinh các giá trị toàn cầu. Ví dụ, ngày kỷ niệm chiến thắng chủ nghĩa

phát xít. Các sự kiện thể thao toàn cầu như Olympic hiện đại, chung kết giải bóng đá thế giới... Lễ hội và sự kiện quốc tế còn được sử dụng để chỉ những sự kiện có tầm ảnh hưởng lên một khu vực rộng lớn của thế giới như đại hội thể thao châu Á, ngày kỷ niệm thảm họa bom nguyên tử ở Nhật Bản. Việc quản lý những sự kiện loại này thuộc về các tổ chức chuyên trách quốc tế chịu trách nhiệm trong sự phối hợp cùng mạng lưới ở các quốc gia và khu vực, như ủy ban Olympic, FIFA, ủy ban thuộc liên hợp quốc...

2- Lễ hội và sự kiện quốc tế dân tộc hóa

Là những lễ hội và sự kiện có nguồn gốc quốc tế nhưng được một quốc gia dân tộc tiếp thu và đương nhiên trở thành một sự kiện chính của quốc gia dân tộc ấy. Ví dụ: ngày hội tôn vinh phụ nữ 8/3, ngày hội của những người lao động 1/5, lễ Noel, Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 23 do Việt Nam tổ chức... Những sự kiện ở quy mô này do các ủy ban, hiệp hội, hay cơ quan chuyên trách của chính phủ chịu trách nhiệm chính và phối hợp với các bên liên quan khác.

3- Lễ hội và sự kiện toàn dân tộc

Là những lễ hội và sự kiện kỷ niệm/ tôn vinh giá trị của toàn dân tộc, có quy mô và tầm ảnh hưởng chủ yếu trong phạm vi quốc gia dân tộc đó. Ví dụ ngày quốc khánh 2/9, ngày 200 năm Australia, ngày sinh chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại hội thể thao toàn quốc... Lễ hội và sự kiện toàn dân tộc được quản lý bởi các ủy ban hay cơ quan chuyên trách thuộc chính phủ, phối hợp cùng mạng lưới chức năng ở các địa phương và các tổ chức có liên quan.

4- Lễ hội và sự kiện dân tộc được địa phương hóa

Là những sự kiện liên quan toàn dân tộc nhưng được một địa phương đăng cai tổ chức thông thường bởi địa điểm đó gắn với việc hình thành sự kiện. Ví dụ: Lễ hội Đền Hùng, Lễ hội

30/4, Lễ hội 1000 năm Thăng Long - Hà Nội... Việc quản lý trực tiếp những lễ hội này thường do chính quyền địa phương phối hợp cùng các tổ chức liên quan khác.

5- Các lễ hội và sự kiện địa phương, ngành

Là những lễ hội và sự kiện có quy mô và tầm ảnh hưởng chủ yếu trong phạm vi địa phương đó. Khái niệm “Địa phương” ở đây ngoài chỉ địa giới/ hành chính còn được mở rộng để chỉ cả sự kiện của các tổ chức xã hội, đoàn thể chính trị, ngành chức năng. Tuy nhiên, trong thực tế có rất nhiều lễ hội và sự kiện địa phương có tầm ảnh hưởng vượt khỏi phạm vi địa phương bởi sức lan tỏa của danh tiếng và sự thu hút giới truyền thông. Chịu trách nhiệm quản lý là các cơ quan chức năng, các tổ chức sở hữu sự kiện phối hợp cùng các bên liên quan. Những lễ hội và sự kiện địa phương có số lượng rất lớn, ảnh hưởng trực tiếp và liên tục tới đời sống xã hội địa phương với những chu kỳ trong năm. Do vậy cần dẫn giải chi tiết hơn bằng các ví dụ dưới đây, có thể theo cách dưới đây:

- Những ngày kỷ niệm sự kiện lịch sử địa phương. Thường là dịp kỷ niệm năm tròn ngày thành lập hay giải phóng thành phố, tỉnh, huyện... như: sự kiện kỷ niệm 300 Sài Gòn – Thành phố. Hồ Chí Minh, 50 năm giải phóng Thủ Đô...
- Lễ kỷ niệm tròn năm thành lập ngành, tổ chức chính trị/xã hội, như: ngày kỷ niệm thành lập Quân đội nhân dân 22/12, ngày thành lập ngành Đường Sắt, ngày thành lập Công Đoàn...
- Những sự kiện chính theo chu kỳ hàng năm của các ngành Văn hóa nghệ thuật, Thể thao, Du lịch như: ngày hội Phù Đổng, giải bơi lội, hội thi hội diễn nghệ thuật các cấp, Festival Huế, Lễ hội Hạ Long, giải đua xe đạp xuyên Việt...

- Gồm toàn bộ những lễ hội cổ truyền được tổ chức ở các thôn xã, ấp, buôn bản hay di tích tín ngưỡng tôn giáo. Đây là nhóm có số lượng và tầm ảnh hưởng chiếm ưu thế trong đời sống văn hóa và các hoạt động lễ hành ở Việt Nam. Những lễ hội này phản ánh những sắc thái độc đáo địa phương. Nhiều lễ hội cổ truyền đã phát triển thành hội vùng hay lễ hội của cả nước. Ví dụ lễ hội Núi Bà, hội Chọi trâu Đồ Sơn, lễ hội Chùa Hương...

6- Những sự kiện của các đơn vị xã hội

Hầu hết các đơn vị xã hội như doanh nghiệp, trường học, đơn vị quân đội, nhà máy, nông trường... đều có những sự kiện trong một năm. Thường là lễ hội kỷ niệm ngày thành lập, mừng công, khánh thành... Chỉ tính riêng những sự kiện do các doanh nghiệp hoặc tổ chức xã hội sở hữu với mục tiêu quảng bá thương mại hay trao đổi thông tin như: hội nghị, hội thảo, mít tinh, khai trương, trình diễn giới thiệu sản phẩm mới, hội chợ, triển lãm... đã tạo ra cả một ngành công nghiệp MICE.

7- Sự kiện của các nhóm xã hội cơ sở

- Gồm sự kiện của các nhóm như gia đình/ tộc họ, bạn bè, nhóm sở thích... Nếu như chỉ tính về số lượng thì đây là nhóm loại sự kiện nhiều nhất trong mọi xã hội. Bao gồm các sự kiện như lễ sinh nhật, lễ cưới, lễ tang, mừng thọ, khánh thành nhà mới, khao vọng sự thành đạt, hội họp phô diễn của các nhóm sở thích... Việc quản lý những sự kiện này do các nhóm tự quản lý hoặc thuê các dịch vụ chuyên nghiệp.
- Nhìn chung như đã trình bày, việc phân loại sự kiện là hết sức tương đối bởi quá trình phát triển của thương hiệu các sự kiện sẽ làm thay đổi vị trí quy mô và tầm ảnh hưởng của nó. Mặt khác, nếu sử dụng tiêu chí các mục tiêu của sự kiện trong phân loại cũng không tránh khỏi

rắc rối bởi trong một sự kiện càng ngày càng đặt ra nhiều mục tiêu khác nhau. Ví dụ: các giải thể thao chuyên nghiệp thì việc phân loại mục tiêu tôn vinh giá trị thể thao hay mục tiêu kinh tế là chính cũng sẽ là một khó khăn. Nếu lấy tiêu chí hình thức và nội dung thể hiện thì cũng sẽ vấp phải hiện tượng trong một sự kiện có nhiều loại hình văn hóa nghệ thuật thể thao... cùng tham gia. Ví dụ, Olympic hiện đại vẫn vốn là một cuộc thi thể thao tổng hợp, nhưng sức thu hút và lan tỏa ảnh hưởng của nó lại nằm trong phần trình diễn khai mạc nghiêng về trình diễn nghệ thuật hơn là thể thao. Do vậy, việc phân loại lễ hội và sự kiện sẽ sát với thực hơn khi tiếp cận ở những khía cạnh cụ thể.

1.3.4. Về phân loại lễ hội cổ truyền ở Việt Nam

Trên đây đã trình bày một số tiêu chí và kết quả phân loại lễ hội và sự kiện nói chung. Tuy nhiên, ở Việt Nam, lễ hội cổ truyền có một vị thế hết sức quan trọng, nếu không muốn nói là chủ yếu, trong đời sống văn hóa của các tầng lớp nhân dân. Đồng thời cũng là nhiệm vụ hàng đầu của công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội. Do vậy, cần tìm hiểu và trình bày sâu thêm về cách nhận biết các hình thức lễ hội cổ truyền thông qua một số tiêu chí phân loại đã có.

Từ hàng ngàn năm qua, những lễ hội cổ truyền đã diễn ra như một hoạt động tập trung nhất, lớn lao nhất trong đời sống văn hóa ở các làng, ấp, buôn, bản. Không chỉ ở Việt Nam, những lễ hội được hình thành trong truyền thống lịch sử là hiện tượng phổ biến, trở thành phong tục và như một thuộc tính văn hóa cộng đồng của tất cả các dân tộc trên thế giới. Tuy nhiên, ở mỗi nơi, lễ hội cổ truyền đều mang những sắc thái riêng, thể hiện nét đặc trưng của nền văn hóa đó. Lễ hội trong tư cách là một công cụ chức năng được cộng đồng sáng tạo ra nhằm thỏa mãn nhu cầu về tín ngưỡng - tôn giáo, trình bày những mong muốn, những khát

vọng thẩm mỹ trong cuộc sống hiện hữu của toàn thể cộng đồng cũng như của mỗi cá nhân. Lễ hội vừa là cái con người tạo ra nhằm thể hiện mình vừa luôn là đối tượng quản lý với các mục tiêu phù hợp với lợi ích của cộng đồng mở hội. Những lễ hội cổ truyền ở Việt Nam có chức năng chủ yếu là một nghi thức sản xuất nông nghiệp, thờ các vị thần tự nhiên phù hộ cho mùa màng. Lồng ghép vào đó là những lớp lịch sử ghi dấu ấn của các sự kiện giữ nước và các anh hùng dân tộc, một diễn xướng “anh hùng ca dân gian” (chữ dùng của Trần Quốc Vượng). Mỗi kỳ dịp lễ hội diễn ra đã tạo ra môi trường vun trồng - truyền tải và lưu giữ những giá trị văn hóa nơi thôn dã, tạo nên những yếu tố cốt lõi của bản sắc Việt Nam, góp phần củng cố, phát triển cộng đồng và tôn vinh dân tộc.

Hiện nay, chưa có sự nhất trí cao trong việc xác định tiêu chí phân loại lễ hội cổ truyền ở nước ta. Do vậy cũng chưa thể trình bày một sự phân loại chính thức, thuyết phục và có thể ứng dụng với tư cách một công cụ chuẩn trong việc quản lý lễ hội.

Để hình dung các hình thức lễ hội dân gian ở Việt Nam, giáo trình này xin nêu một số cách tiếp cận phân loại mà đây đó đã được các nhà nghiên cứu phát biểu.

Lê Thị Nhâm Tuyết (1976) khi phân loại đã dựa vào tiết mục chính yếu hoặc đặc sắc nhất của hội làng và căn cứ vào sự phân tích dân tộc học về ý nghĩa và cội nguồn khác nhau của hội làng mà chia ra thành:

- *Loại hình hội lễ nông nghiệp*: Trong lễ hội, tiến hành những “nghi lễ liên quan đến việc gieo hạt, làm đất, chăm bón, thu hoạch, hưởng thụ... cầu mùa”. Trò diễn trong nghi lễ nông nghiệp này thường được gọi là Trò Triềng (Thanh Hóa, Hà Tây (cũ), Lễ trình Nghê (Phú Thọ), Trò Bách công (Bắc Ninh) hoặc Trò Bách nghệ, Trò Tứ dân...

- *Loại hình hội lễ phồn thực giao duyên*: “Tùy theo phong tục của từng làng mà có những cách làm và cách thờ các hình giống khác nhau”. Trong hội, sau khi rước hình này thì có trò tranh cướp các vật hình giống đó. Những tên gọi của trò: Tung con, Cầu tầm, Cướp kén, Cướp bông, Cướp đồ, Tiệc cầu đình... hoặc Bắt chạch, Leo cầu, Tiệc ôm, Múa ôm, Hội tắt đèn, hoặc Hội ném, Hội pháo, Hội chen...
- *Loại hình Hội văn nghệ, giải trí*: Hội làng loại này còn giữ “một hình thức quan trọng là hội hát. Hội mở mùa xuân: hội hát Quan họ (Hà Bắc), hát Xoan (Phú Thọ), hát Đúm (Hải Phòng), hát Giặm (Hà Nam), hát Ả đào (Hà Nội)... “chủ yếu là sử dụng lối hát đối đáp nam nữ với những làn điệu và lối chơi khác nhau”. Diễn xướng múa hát còn là để thờ thánh, chúc nhau hay tỏ tình, giao duyên ở giữa cộng đồng và được cộng đồng chứng kiến, bảo trợ.
- *Loại hình Hội thi tài*: “Thi tài văn nghệ, đồng thời cũng là để rèn luyện thử thách nhiều mặt tài năng khác...”. Đây cũng có thể là hình bóng của nghi lễ *thành đình*, hay *Lễ ra nhập* cổ sơ của các thành viên công xã trẻ tuổi. Những tiết mục quen thuộc; kéo co, thi chạy, phóng lao, đấu roi, đấu vật, đánh phết, cướp cầu (vật cù). Còn bơi trải “có nguồn gốc và sự bảo lưu bền bỉ của một hình thức hội lễ nông nghiệp là hội nước”. Hội bộc lộ tinh thần thượng võ và cũng được coi là hội thi tài thượng võ. Có hội thi dành chủ yếu cho giới nữ như thi *dệt vải*, thi *nấu cơm*...
- *Loại hình “Hội lịch sử”*: gắn với tín ngưỡng thờ Thành Hoàng, nhiều khi tích thần kể về một nhân vật mang yếu tố lịch sử có công với làng (đánh trận ở làng, chết ở làng...), nhiều khi lại là người anh hùng có công với cả nước. “Dân làng mở hội thờ để bằng hình thức diễn xướng, nhắc lại cuộc đời, sự tích, thường là đoạn đời điển hình nhất của nhân vật lịch sử ấy”.

Ngoài ra, tác giả còn muốn nói tới “một loại hình hội làng nữa, với chủ đề thờ cúng các thần tự nhiên và động vật, nhưng vì tàn dư đã quá mờ nhạt, trộn lẫn và về mặt nào đó, không còn đáng chú ý nhiều lắm nữa...”.

Trịnh Cao Tường (1981) nói về những loại lễ hội xứ Bắc. Theo tác giả, lễ hội cổ truyền ở Hà Bắc (cũ) có thể chia thành sáu loại:

- *Hội liên quan tín ngưỡng nông nghiệp cổ truyền*: như hội đền Phật Tích, hội Cây Cao Thượng, hội Thuyền Tam Gian, hội Chen Nga Hoàn, hội thi Thổi Cơm, hội thi Đấu Vật...
- *Hội mùa biểu hiện các hình thức Thượng võ*: như hội Vật (Hồi Quan, Tiên Sơn, Gia Lương); Múa dao, Đấu kiếm (Phù Lã), hội Chạy thi (Thăng, Việt Yên).
- *Hội liên quan tới anh hùng dựng nước, giữ nước và nhân vật lịch sử*: có thể kể đến: Lễ tế Hùng Vương, An Dương Vương, Hội Gióng, ngày giỗ Hai Bà Trưng và Tướng lĩnh, lễ hội lễ tế Trương Hống, Trương Hát, lễ hội thờ Cao Sơn, Quý Minh, lễ hội Đức Thánh Trần, lễ hội Lê Văn Thịnh.
- *Những ngày hội văn hóa*: có thể kể đến hội hát Quan họ (Lim, Tiên Sơn); hát Ống Cao Thượng; hát Chèo Đình Bảng; hát Trống quân...
- *Những ngày hội tập trung tại chùa lễ Phật*: diễn ra ở các trung tâm Phật giáo của tỉnh: chùa Phật Tích (Quế Võ), chùa Dạm (Quế Võ); chùa Dâu (Thuận Thành)...
- *Những hội hè tế lễ ở các làng mang màu sắc Đạo giáo*: như các lễ hội diễn ra ở các điện thờ Mẫu.

Nguyễn Khắc Xương (1986) trên không gian văn hóa vùng đất Tổ, đã sử dụng khái niệm và tiêu chí “trò diễn hội làng”. “Trò diễn hội làng” là khái niệm dùng chung cho tất cả những hình thức sinh hoạt văn hóa của nhân dân tại hội làng, mang

tính biểu diễn, tính nghệ thuật. “Trò diễn” ở đây bao gồm những hình thức nghệ thuật có tính sân khấu và gồm cả những trò phô diễn tài nghệ, những hình thức đua tài thi khéo, những sinh hoạt hội hè truyền thống ... “và cả những trò chơi quen thuộc xưa nay như kéo co, đấu vật”.

- *Các hình thức vui chơi hội đám gồm:* hội tung còn, chơi đu, chơi trâu và một số trò chơi khác như trò leo cầu ùm, trò bắt vịt trong ao, trò đánh đáo đá, trò phá giải cây nêu...
- *Các trò diễn vui khỏe gồm:* vật, tục đánh quân, đánh phết, cướp cầu, kéo co, chạy thi, đấu võ, bơi chải...
- *Những trò thi tài đua khéo gồm:* nấu cơm thi, thi làm bánh, nấu cỗ, trò diễn đập trâu, chém lợn...
- *Các trò diễn mang tính chất nghệ thuật sân khấu:* như các trò múa sần, múa Xuân Ngu, múa mo Mậu Lâm, múa mo Nam Cường, múa chạy cày, múa đầu rối, múa xoan, múa sinh tiền... Người Mường vùng Phú thọ có múa đâm đuống, chày thau, múa mồi, múa hương, múa khăn đại...Người Dao vùng Phú thọ có múa trong lễ đón năm mới, múa trong “Tết nhảy” (gồm múa chuông, múa gươm, múa roi, múa đao)...
- *Trò trình nghệ:* còn gọi là trò Bách nghệ hoặc trò Tứ dân: sỹ, nông, công, thương. Nổi tiếng và tiêu biểu nhất của loại trò này là trò Trám.
- *Các trò diễn về thần tích và về truyền thuyết dân gian gồm:* trò diễn điểm binh đánh giặc, trò “Rước chúa gái” hoặc “Rước chúa gái, chúa trai”...

Đinh Gia Khánh (1989) đề nghị chia lễ hội làm hai loại:

- 1) “hội lễ vốn có nguồn gốc tôn giáo” và 2) “hội lễ vốn không có nguồn gốc tôn giáo”. “Hội lễ mà nguồn gốc không phải tôn giáo vốn có từ rất lâu. Thí dụ như: hội lễ nguyên thủy gắn với nghi thức phồn thực, với sản xuất nông nghiệp. Hội lễ tôn giáo chỉ

xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp và tôn giáo đã ra đời (Bà La Môn giáo, Phật giáo, Đạo giáo, Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo...). Hai loại lễ hội này có ảnh hưởng qua lại nhau. Tác giả dẫn ba lễ hội để chứng minh cho quan điểm của mình là: hội Đền Hùng, hội Đền Gióng thuộc loại 1 và hội Chùa Keo thuộc loại 2. “Hội Đền Hùng phản ánh ý thức và cội nguồn chung, về sự nghiệp khai sáng của tổ tiên. Dấu rằng trong sự tích các vua Hùng có những tư tưởng thần bí và những yếu tố của tôn giáo nguyên thủy, thì vẫn có thể khẳng định rằng hội đền Hùng về cơ bản là một hội lễ có nguồn gốc không phải tôn giáo”. “Sự tích người anh hùng làng Gióng chắc chắn đã xuất hiện trước khi Phật giáo được đưa vào nước ta. Nhưng một số tình tiết của sự tích ông Gióng lại liên quan đến chùa Kiến Sơ... và do đó trong các nghi thức của hội Gióng cần xem xét lại sự thâm nhập của những yếu tố của Phật giáo”. Khác với hội đền Hùng, hội đền Gióng, tức là những hội lễ mà nguồn gốc vốn không phải là tôn giáo, thì hội Chùa Keo chắc là có nguồn gốc Phật giáo. Thế nhưng hội lễ tôn giáo này lại thu hút rất nhiều yếu tố phi tôn giáo vốn có trong dân gian. Rất nhiều tình tiết (lễ thức, rước xách, trò chơi) của hội này nhằm ca ngợi Nguyễn Minh Không với tư cách là ông Khổng Lồ (trong thần thoại), làm tổ sư nghề đánh cá, nghề làm thuốc, nghề đúc đồng.

Tôn Thất Bình (1990) trên cơ sở lễ hội vùng Huế đã chia lễ hội thành:

- Lễ hội tưởng nhớ các vị khai canh, Thành hoàng làng như lễ tục hát trò ở Phò Trạch (huyện Hương Điền), nhằm tưởng nhớ vị Thành hoàng làng nguyên là tác giả kịch bản “Hát trò”, đồng thời cầu chúc cho “tứ dân” (sỹ, nông, công, thương) và các tầng lớp ngư, tiều canh, mục làm ăn ngày thêm thịnh vượng. Lễ hội cầu ngư ở Thai Dương, trình diễn bằng nghi lễ trình nghề làng cá để ghi công vị Thành hoàng làng, nhưng đồng thời cũng tổ chức đua trải (cầu nước) và cầu mong cho tứ dân nghề nào ngành ấy ngày càng phát đạt.

- *Lễ hội tưởng niệm Tổ sư ngành nghề*: như hội vật võ làng Sinh (Lại An), hội tổ ngành rèn (Hiền Lương), tổ ngành điêu khắc, chạm trổ (Mỹ Xuyên), tổ ngành ca nhạc Huế (Huế)...
- *Hội lễ tín ngưỡng, tôn giáo*: lễ Phật Đản, Vu Lan ở các chùa, lễ hội Tiên Thiên Thánh giáo (điện Hòn Chén ở Hải Cát), lễ thu tế ở làng Chuồn (An Truyền)...
- *Lễ hội theo vụ mùa*: lễ hội mùa thu như múa “tập chèo” ở Phò Trạch, lễ hội mùa xuân như hát sắc bùa...

Lê Trung Vũ (1997) lấy nội dung được phản ánh trong lễ hội dân gian cổ truyền mà phân thành bốn hình thức thể hiện sau:

- *Lễ hội tái hiện những sinh hoạt tiền nông nghiệp* như các trò mô phỏng săn bắt, đánh cá...
- *Lễ hội tái hiện những sinh hoạt nông nghiệp* như các trò liên quan nghề tầm tang, chăn nuôi, trồng cây...
- *Lễ hội tái hiện các sự kiện lịch sử*: kỷ niệm và tôn vinh các anh hùng lịch sử như hội Đồng Nhân (Hai Bà Trưng); hội Kiếp Bạc (Trần Hưng Đạo)...
- *Lễ hội tái hiện các mặt khác của xã hội* như văn hóa nghệ thuật, phong tục, thể nguyên, tôn giáo...

Nguyễn Quang Lê (2001) lấy các đặc điểm không gian tổ chức hội làm tiêu chí phân loại lễ hội cổ truyền ở châu thổ Bắc Bộ.

- *Lễ hội đền*: là loại hình lễ hội dân gian truyền thống được tổ chức tại đền, và ngôi đền trở thành không gian tâm linh lý tưởng - là trung tâm và diễn trường của lễ hội, như: lễ hội đền Hùng, lễ hội đền Cổ Loa, lễ hội đền Gióng, lễ hội đền Đa Hòa, lễ hội đền Đô; lễ hội đền và, v.v...
- Tên lễ hội được gọi theo tên của loại hình di tích (đền là địa điểm), tên địa danh (tên làng xã), hoặc tên các vị thần thánh được tôn thờ ở đó

+ Cách gọi 1: lễ hội + đền (địa điểm) + tên địa danh (tên làng xã). Ví dụ: lễ hội đền Đa Hòa; lễ hội đền Đô; lễ hội đền Dạ Trạch...

+ Cách gọi 2: lễ hội + đền (địa điểm) + tên thần thánh. Ví dụ: lễ hội đền Hùng; lễ hội đền Chủ Đồng Tử; lễ hội đền Hai Bà Trưng...

- *Lễ hội chùa*: là một loại hình lễ hội dân gian truyền thống được tổ chức tại chùa; vì vậy ngôi chùa trở thành không gian tâm linh lý tưởng và là trung tâm, diễn trường của lễ hội như: lễ hội chùa Dâu, lễ hội chùa Hương, lễ hội chùa Láng, lễ hội chùa Nành... Tên của lễ hội được gọi theo tên của loại hình di tích (chùa, địa điểm) + tên địa danh làng xã (thường là tên Nôm). Ví dụ: lễ hội chùa Hương, lễ hội chùa Láng, lễ hội chùa Thầy...

- *Lễ hội đình*: là một loại hình lễ hội dân gian truyền thống được tổ chức tại đình: vì vậy, ngôi đình trở thành không gian tâm linh lý tưởng và là trung tâm, diễn trường của lễ hội như: lễ hội đình Hèo Thị, lễ hội đình Chèm, lễ hội đình Đồng Ky, lễ hội đình Đình Bảng... Tên gọi lễ hội được gọi theo tên của loại hình di tích (đình, địa điểm) + tên gọi của làng xã (địa danh). Ví dụ: lễ hội đình Tây Đằng, lễ hội đình Ngải Cầu, lễ hội đình Lâu Thượng, lễ hội đình Bình Đà...

Phân loại lễ hội dân gian cổ truyền là một công việc hết sức khó khăn bởi chính các đặc điểm của loại hình văn hóa này. Nếu lấy các tiêu chí về nội dung phản ánh “cái biểu đạt và cái được biểu đạt” thì sẽ gặp hiện tượng đa ý nghĩa trong một biểu đạt. Nếu lấy tiêu chí nguồn gốc thì có lẽ mọi lễ hội dân gian đều có chung một cội nguồn từ các tín ngưỡng sơ khai và nông nghiệp. Nếu căn cứ vào mục đích mở hội cũng sẽ gặp hiện tượng tương tự bởi xét đến cùng mọi phương tiện biểu đạt chỉ gợi ý một mục đích duy nhất là cái mong muốn đòi thường muôn thừa của cư dân nông nghiệp cầu cho mưa gió thuận hòa mùa màng sinh sôi. Nếu

lấy các hình thức nghi lễ và trò diễn làm tiêu chí thì cũng gặp phải một ma trận bởi tính “bách hí” trong mọi cuộc hội.

Trong tình hình ấy, khi nghiên cứu về lễ hội tùy thuộc vào góc tiếp cận và mục tiêu nghiên cứu mà người ta có thể xây dựng những tiêu chí phù hợp và kết quả tương thích với tiêu chí ấy. Tuy nhiên, nếu nhìn theo góc độ của quản lý lễ hội thì cũng có thể sử dụng cách của Nguyễn Quang Lê với tiêu chí đặc điểm không gian diễn ra lễ hội. Cần nghiên cứu sâu thêm về không gian tổ chức lễ hội của các dân tộc ít người ở miền núi, vốn không có truyền thống tạo dựng các thiết chế kiểu đình, đền, chùa như người Kinh hay Chăm, Hoa, Khme.

Tóm lại, để phục vụ cho các nghiên cứu liên quan tới quản lý hoạt động lễ hội có thể tạm nhìn lễ hội cổ truyền theo tiêu chí đặc điểm không gian diễn ra lễ hội trong quan hệ với cấu trúc lễ hội bao gồm:

Lễ hội diễn ra ở đình

Lễ hội diễn ra ở đền

Lễ hội diễn ra ở chùa (dân gian)

Lễ hội của các dân tộc miền núi diễn ra trên những địa điểm mang tính chất riêng...

Nhìn chung, khi tiếp cận phân loại lễ hội và sự kiện cần căn cứ vào mục tiêu của việc nghiên cứu một cách cụ thể mà lựa chọn tiêu chí phân loại thích hợp. Trong lĩnh vực của quản lý lễ hội và sự kiện, có thể sử dụng tiêu chí phân loại dựa theo *phân cấp quản lý* trong quản lý vĩ mô. Tuy nhiên trong quản lý vi mô có thể lựa chọn và xây dựng tiêu chí phân loại dựa theo tính chất và quy mô của lễ hội hay sự kiện một cách cụ thể.

TÓM TẮT CHƯƠNG 1

Lễ hội và sự kiện là những hình thức hoạt động văn hóa cộng đồng tập trung và nổi trội, phổ biến ở tất cả các nền văn hóa trong quá khứ cũng như đương đại, đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau như: tín ngưỡng - tôn giáo, kỷ niệm lịch sử, tôn vinh giá trị hay truyền thông quảng bá. Có hàng triệu lễ hội và sự kiện diễn ra trong một năm ở khắp nơi. Quản lý lễ hội và sự kiện được hiểu như sự huy động - tổ chức và điều hành các nguồn lực nhằm tạo ra một tổng thể sản phẩm lễ hội và sự kiện đáp ứng các mục tiêu đã xác định trước của tổ chức có tư cách pháp nhân sở hữu sự kiện. Mặt khác, quản lý lễ hội và sự kiện còn là một chức năng quản lý nhà nước về văn hóa. Nhà quản lý sự kiện là người chịu trách nhiệm chính và như một đầu mối tập trung trong việc huy động - kết nối - tổ chức và điều hành các nguồn để tạo ra một sản phẩm sự kiện bởi mục tiêu đã được xác định trước. Lễ hội và sự kiện ngày nay không chỉ là các hoạt động có tính văn hóa thuần túy mà đã phát triển thành ngành kinh doanh (công nghiệp sự kiện) ước tính 500 tỷ USD trên toàn thế giới trong một năm. Phân loại lễ hội và sự kiện thường sử dụng các tiêu chí như quy mô và tầm ảnh hưởng, mục đích, nội dung hay ngành nghề. Kinh nghiệm đã chỉ ra những tác động có tính phổ biến của hầu hết các lễ hội và sự kiện vào các mặt như: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa hạ tầng, giao thông, du lịch, an ninh, an toàn, vệ sinh - dịch tễ, môi trường và cảnh quan... tạo ra những cơ hội và thách thức cho đời sống xã hội, nhà quản lý và các bên có liên quan.

Chương 2

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG LỄ HỘI VÀ SỰ KIỆN

2.1. Cấu trúc truyền thống của lễ hội

Tìm hiểu cấu trúc của lễ hội là tìm hiểu những yếu tố tham gia vào lễ hội và quan hệ giữa những yếu tố đó đã tạo nên một chỉnh thể lễ hội. Việc tìm hiểu này sẽ là cần thiết cho công tác quản lý nhà nước đối với lễ hội cũng như việc tổ chức tạo dựng nên những sản phẩm lễ hội và sự kiện. Có thể so sánh như tầm quan trọng của việc học giải phẫu cơ thể của các họa sỹ trước khi bắt tay vào sáng tạo ra tác phẩm tạo hình về chân dung. Cách nhìn về cấu trúc lễ hội sẽ khác nhau tùy vào góc tiếp cận nghiên cứu. Trong tài liệu này, các phân tích về cấu trúc lễ hội nhằm tìm ra mô hình cấu trúc chung nhất của loại hình và chỉ để phục vụ cho việc quản lý, tổ chức lễ hội và sự kiện, phù hợp với mục tiêu môn học.

Cấu trúc của lễ hội được hiểu như tổ hợp của những thành tố hợp thành trong các mối quan hệ vị trí - chức năng đã tạo nên chỉnh thể. Có thể nhìn lễ hội như một nhất thể của những yếu tố tinh thần và những yếu tố vật chất thể hiện tinh thần ấy. Phần tinh thần của lễ hội ẩn chứa nơi huyền thoại, ý thức về giá trị trong mỗi cộng cảm về tâm thức của cộng đồng, đã làm nên nguồn động lực, chất keo dính của hội hè. Nó giải thích vì sao sự kiện này lại được cộng đồng xây dựng nên. Phần vật chất của lễ hội bao gồm: thời gian, địa điểm, cơ sở vật chất, dụng cụ -

thiết bị, đồ ăn uống, con người của riêng lễ hội (nhân sự) và các hoạt động của cộng đồng người tham dự. Phần vật chất có thể quan sát nhận biết được một cách định lượng. Phần tinh thần có thể cảm nhận, rung động trong chiều sâu tâm hồn. Quan hệ nhân quả giữa hai thành phần cơ bản này trên nền tảng các giá trị truyền thống của cộng đồng sẽ phô diễn theo một mô thức nhất định, mang lại cho mỗi một lễ hội những đặc sắc riêng.

Với các nhận thức nêu trên, khi phân giải cấu trúc lễ hội truyền thống có thể thấy: trước hết, huyền thoại và hệ ý thức thể hiện những quan niệm và niềm tin, khát vọng và mong muốn của cộng đồng, được coi như “phần hồn” của lễ hội. Từ xa xưa, con người đã biểu hiện nhận biết của mình về thế giới quan sát được và cả thế giới không quan sát được bằng các huyền thoại. Bất cứ một lễ hội dân gian nào cũng được phủ một hay những lớp huyền thoại nào đó nhằm giải thích cho các động thái hành vi trong lễ hội. Chính vũ trụ quan về các mối quan hệ tương tác của thế giới tự nhiên và cách lý giải huyền thoại đã tạo lý do cho hàng loạt các hoạt động có tính vật chất trong lễ hội biểu thị các mong muốn của con người như các trò có liên quan đến phồn thực, cầu mưa, cầu mùa. Ý niệm về cội nguồn và đền ơn đáp nghĩa đã dẫn đến hành vi cúng giỗ tổ tiên. Cũng như ý thức về cộng đồng dân tộc và tôn vinh anh hùng, một giá trị thẩm mỹ dân gian, đã thêu dệt nên những huyền thoại lẫn với các yếu tố lịch sử làm biến đổi nhận thức từ một tín ngưỡng cổ xưa thành áng “Anh hùng ca dân gian” như chuyện về Thánh Gióng, Tản Viên... (ý của Trần quốc Vượng). Một lễ hội mà không say chìm trong huyền thoại, không rạo rực bởi tinh thần được ý thức, sẽ chỉ còn là cuộc trình diễn gượng ép và tẻ nhạt.

Trong những lễ hội mới như những dịp kỷ niệm và tôn vinh sự kiện lịch sử cách mạng thì yếu tố tinh thần hay phần

“hồn” nằm ở tính thiêng liêng - cao cả khi cả cộng đồng hướng về sự kiện, về những lớp người đã tạo nên sự vĩ đại, lòng tự hào dân tộc... Ngay cả một sự kiện đơn thuần quảng bá thương hiệu cho một sản phẩm, một doanh nghiệp thì cũng không thể thiếu yếu tố tinh thần được phô bày và xuyên suốt như triết lý kinh doanh của công ty, ý nghĩa giá trị của sản phẩm. Càng ngày các nhà quản lý càng chú ý tới việc xây dựng những cốt lõi giá trị tinh thần cho sự kiện như ý nghĩa, triết lý, tuyên ngôn không lời của sự kiện.

Những yếu tố vật chất trong lễ hội truyền thống như:

- *Thời gian*. Thời gian diễn ra lễ hội làng là kết quả cảm nhận về chu trình vận động khí hậu tự nhiên liên quan đời sống động vật và cây cỏ. Ngay cả thời gian của nhiều lễ hội có thờ các vị anh hùng lịch sử, hay được cho là tưởng niệm sự kiện trong quá khứ cũng là cách giải thích có ý thức về sau cho cái có trước: dấu mốc tiết lịch - thời vụ, với hai mùa xuân - thu. Chính cảm nhận về chu kỳ nhịp sống của thế giới xung quanh đã góp phần thôi thúc một tâm trạng hội hè. Trong những truyền thống lễ hội mới, thời gian liên quan chặt chẽ đến thời gian lịch sử xảy ra sự kiện. Với các lễ hội được tổ chức chủ yếu với mục tiêu quảng bá du lịch thì thời gian được lựa chọn thường theo mùa du lịch. Thậm chí thời gian được chọn không tối ưu theo các nhu cầu văn hóa mà là sự cân bằng lượng khách trong năm như Festival Huế đã mở vào thời điểm nóng nhất trong năm vốn ít khách du lịch với mục tiêu chính là tăng lượng khách vào mùa không thuận lợi.

- *Địa điểm*: được hiểu như không gian văn hoá đặc hữu của một lễ hội nhất định. Địa điểm nơi diễn ra lễ hội dân gian không phải sự lựa chọn duy lý mà đã được truyền thống văn hoá của cộng đồng sắp đặt một cách ổn định và rất khó thay đổi. Thông thường trung tâm không gian tinh thần của một lễ hội gắn với một hoặc một cụm thiết chế tín ngưỡng nhất định như đình,

chùa, đền, quán, lăng, miếu. Cũng có khi là một địa điểm tự nhiên nhưng có liên quan niềm tin, huyền thoại hoặc sự kiện lịch sử. Với các lễ hội mới, một phần chú ý tới kế thừa yếu tố không gian truyền thống, nhưng sự quan tâm hơn cả là tính tiện lợi cho du khách và cộng đồng tham dự.

- *Cơ sở vật chất*: cơ sở vật chất của các lễ hội cổ truyền thường bao gồm kiến trúc của thiết chế tín ngưỡng và những đồ vật dành cho việc thờ thần như ngai, đỉnh, lư hương, kiệu, bình khí, voi, ngựa, tán, long, cò, trang phục, bình khí... Đối với các lễ hội và sự kiện có quy mô lớn được tổ chức ngày nay, cơ sở vật chất bao gồm toàn bộ hạ tầng như sân bãi, hệ thống kỹ thuật, hệ thống dịch vụ... Sự đảm bảo về cơ sở vật chất là điều kiện tiên quyết để một lễ hội hay sự kiện có được tổ chức hay không.

- *Đồ ăn uống*: không lễ hội cổ truyền nào ở Việt Nam thiếu yếu tố này. Việc dâng đồ cúng lễ là sản phẩm nông nghiệp như rượu, xôi, cơm, thịt cá, hoa quả... (được tuyển chọn đặc biệt) cho thần, cốt để cầu xin thần phù hộ cho mùa màng, sự sinh sôi và yên ổn. Đây là mục tiêu quan trọng số một của việc tổ chức hội làng. Đồ ăn uống và việc ăn uống trong lễ hội ngoài vai trò công cụ giao tiếp với thần, còn là sự chia sẻ giữa các thành viên cộng đồng. Nó cũng hàm chứa những yếu tố thẩm mỹ của cộng đồng mở hội, thể hiện rõ nét qua thi nấu cỗ và bày mâm cỗ. Ăn uống cũng là dịp để khẳng định vị thế của thành viên trước cộng đồng làng thông qua chỗ ngồi ăn, cái được ăn, phần được chia. Trong các lễ hội và sự kiện mới, thành tố đồ ăn thức uống cũng không thể thiếu, thậm chí được quan tâm với tư cách sản phẩm chính cho một lễ hội và sự kiện. Với các lễ hội và sự kiện ngày nay, ăn uống được cung cấp bởi các hoạt động dịch vụ.

- *Vị trí nhân sự*: Sự sắp xếp nhân sự trong cử hành lễ hội là một công bố về các thứ hạng trong cộng đồng. Tuy là một hoạt động tập thể nhưng sự phân công nhân sự lại khẳng định vị thế của các cá nhân chủ yếu theo các thang bậc thứ hạng và quan

niệm đạo đức của cộng đồng, vừa có ý tôn vinh, vừa mang ý nghĩa định hướng giáo dục cho thế hệ sau.

- *Các hoạt động*: Đây là yếu tố thể hiện diện mạo và ý nghĩa chủ đạo của toàn bộ lễ hội. Có thể nhận biết các hoạt động bằng phân chia một cách tương đối như sau:

Hoạt động nghi lễ: là một hệ thống các hành vi được đặc cách hoá, cách điệu hoá, thẩm mỹ hoá đến cao độ, trở thành một thứ ngôn ngữ tượng trưng nhằm truyền tải những ý niệm của cộng đồng trong giao tiếp với thần linh. Do được quy tắc hóa và hình thức hoá một cách chặt chẽ nên hoạt động này không dành cho tất cả mọi người mà có tính đại diện - đại biểu. Hoạt động nghi lễ có sự tham gia của những động tác, lời nói do cá nhân, nhóm hay tập thể, thực hiện với sự phối hợp của âm thanh, đạo cụ, diễn xướng - vũ đạo, ma thuật và đồ hiến tế. Với tư cách là tổ hợp của những phương tiện mang ý nghĩa, nó biểu thị thái độ quy phục, tôn vinh và dâng hiến đối với thần linh và kèm ngay đó là xin thần linh ban phát những điều mong muốn cho hạnh phúc đời thường. Sự cầu xin đóng vai trò mục tiêu của hoạt động nghi lễ. Hệ thống nghi lễ đã trở thành phong tục và ít thay đổi. Những lễ hội và sự kiện ngày nay không thể thiếu phần những hoạt động có tính nghi thức. Nghi thức vẫn được quan tâm như một công cụ cốt lõi và trực tiếp tuyên ngôn các ý nghĩa và giá trị. Ngay cả các sự kiện thi đấu thể thao hay quảng bá thương hiệu cũng chú trọng đặc biệt đến yếu tố này.

Hoạt động bán nghi lễ hay là những hoạt động thể hiện theo một cách khác với nghi lễ chính thức những mong muốn của cộng đồng mở hội. Có rất nhiều hoạt động loại này mà dân gian gọi là *trò*. Mỗi trò đều biểu hiện theo cách riêng một ý nghĩa tương đối nào đó. Các trò diễn ra dưới dạng vui chơi hay diễn xướng, thi tài hay thi sức, có thể từ nguồn gốc sâu xa trong truyền thống văn hoá tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp. Tác giả Alessandro Falasi viết:

Một lễ hội đặc trưng bao gồm cả các *nghi thức tranh tài* thường làm thay đổi không khí lễ hội dưới các hình thức *trò chơi*... Trò chơi cho thấy sự bình đẳng có thể được phân chia để trở thành thứ hạng như thế nào. Ngoài các trò chơi theo nghĩa nghiêm ngặt, các cuộc thi của lễ hội còn bao gồm các dạng thi và trao giải khác nhau... Về phương diện chức năng, các loại trò chơi này (các biến thể của trò chơi cổ xưa) có thể được coi như sự biểu thị và khích lệ các kỹ năng như sức mạnh, sự dẻo dai và sự chính xác... [dẫn lại từ 25, tr.136 – 137]

Có thể gọi những trò bán nghi lễ và những trò vui khác trong lễ hội là những hoạt động hưởng ứng. Ở những lễ hội và sự kiện được tổ chức ngày nay, thì những hoạt động chính yếu phô diễn theo tinh thần nào đó được phát động ở hệ thống nghi thức có thể gọi chung là hoạt động hưởng ứng.

Hoạt động phục vụ và dịch vụ gồm những hoạt động không trực tiếp phản ánh ý nghĩa và mục tiêu của lễ hội. Nhưng đó lại là hệ thống các hoạt động mang tính điều kiện cho việc tổ chức lễ hội cũng như thoả mãn nhu cầu giải trí thuần túy và các thiết yếu sinh lý khác của người tham dự. Hoạt động này bao gồm:

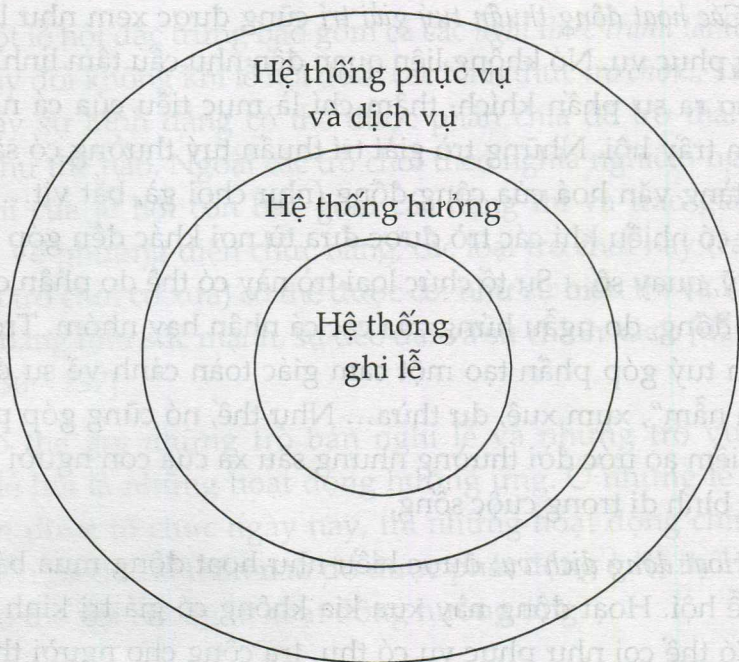
Hoạt động chuẩn bị cho việc mở hội, có rất nhiều các hoạt động khác nhau như: chuẩn bị về nhân sự, hội họp và phân công nhân sự, chuẩn bị về môi trường không gian và các cơ sở vật chất, chuẩn bị về đồ ăn uống và phục trang, tổ chức tập luyện và bảo vệ... Những hoạt động này không tẻ nhạt, lặng lẽ mà trái lại đã tạo ra một không khí và tâm trạng náo nức đón chờ ngày chính hội. Sự chuẩn bị trước hội nhiều khi là một loạt các hoạt động tiểu hội như thi vật phẩm để chính hội cúng thần, thi hoặc bình chọn nhân sự (như kén tướng ở hội đền Sóc Sơn...). Chính những hoạt động này đã làm bùng lên một cách mãnh liệt sức sống văn hoá của một làng quê vốn yên tĩnh giống như sự xôn xao báo hiệu khi chuyển mùa. *Sự giáo dục và chuyển tải "gien" văn hoá diễn ra chủ yếu trong môi trường của sự chuẩn bị.*

Các hoạt động thuần túy giải trí cũng được xem như loại hoạt động phục vụ. Nó không liên quan đến nhu cầu tâm linh. Nhưng lại tạo ra sự phấn khích, thậm chí là mục tiêu của cá nhân hay nhóm trầy hội. Những trò giải trí thuần túy thường có sẵn trong kho tàng văn hoá của cộng đồng (như chơi gà, bắt vịt...) nhưng cũng có nhiều khi các trò được đưa từ nơi khác đến góp vui như tập kỹ, quay số... Sự tổ chức loại trò này có thể do phân công của cộng đồng, do ngẫu hứng của các cá nhân hay nhóm. Trò giải trí thuần túy góp phần tạo một cảm giác toàn cảnh về sự đầy đặn, "sầm nầm", xum xuê, dư thừa... Như thế, nó cũng góp phần nói lên niềm ao ước đời thường nhưng sâu xa của con người về hạnh phúc bình dị trong cuộc sống.

Hoạt động dịch vụ: được hiểu như hoạt động mua bán trong dịp lễ hội. Hoạt động này xưa kia không có giá trị kinh tế đáng kể. Có thể coi như phục vụ có thu, trả công cho người thực hiện phục vụ đó. Sản phẩm của hoạt động dịch vụ thường thấy là đồng quà tấm bánh sản vật đồng quê, trò chơi có thưởng... Ngày nay, ở nhiều lễ hội cổ truyền, hoạt động dịch vụ lại được coi như mục tiêu khi phát triển thành lễ hội - du lịch. Điều này phù hợp quy luật thị trường khi lễ hội không còn là việc của riêng làng xóm nữa. Hoạt động dịch vụ thời nay hết sức đa dạng, đáp ứng đủ các nhu cầu của du khách, thậm chí còn làm cho không gian của lễ hội biến đổi về quy mô, về màu sắc và có khi còn làm biến dạng cả hình thức và tính chất của một lễ hội dân gian (như trường hợp hội Lim hiện nay). Với các lễ hội và sự kiện mới, hoạt động phục vụ và dịch vụ luôn được coi là điều kiện hay tiêu chuẩn của sự thành công. Với các lễ hội quảng bá du lịch hay các sự kiện tiếp xúc khách hàng thì hoạt động phục vụ và dịch vụ luôn là nhóm mục tiêu chính của những sự kiện ấy.

BA HỆ THỐNG CHỨC NĂNG TRONG CẤU TRÚC LỄ HỘI

Có thể mô hình hóa cấu trúc lễ hội bằng 3 vòng tròn đồng tâm tương thích với 3 hệ thống chức năng như sau:



- Vòng trung tâm: *hệ thống nghi lễ*. Gồm một tập những hành vi và phương tiện phối hợp khác, được quy định và quy trình hóa một cách nghiêm ngặt - bài bản - chi tiết - rõ ràng. Phần này trình bày một hệ tín hiệu tượng trưng được truyền thống của cộng đồng xác lập, đóng vai trò ngôn ngữ giao tiếp với các vị thần đồng thời công bố lý do, mục tiêu và tinh thần mở hội. Nói cách khác, đây là trung tâm lan tỏa tinh thần thiêng liêng của cuộc hội đồng thời là tiêu chí để thu hút, quy tụ những hoạt động văn hóa khác thành hoạt động hội. Các nhân vật chính được lựa chọn tham gia thực hiện nghi lễ có tính chất đại diện - đại biểu của cộng đồng. Đây là nơi không dành cho tất cả mọi người.

- Vòng thứ hai: *hệ thống hưởng ứng*. Được gọi là *hệ thống hưởng ứng* vì ở đây tập hợp các hoạt động dưới dạng trò chơi - trò diễn có liên hệ gần hay xa với tín ngưỡng và là sự biểu thị theo

một cách khác tinh thần đã được lan tỏa bởi hệ thống nghi lễ. Nội dung và hình thức của các hoạt động hưởng ứng không bị quy định nghiêm ngặt như trình thức nghi lễ mà được sự tham dự rộng rãi bởi người dự hội. Hệ thống trò có chức năng hưởng ứng được xác lập một cách tương đối giữa truyền thống và điều kiện kinh tế - xã hội tùy từng chu kỳ mở hội. Trong hệ thống hưởng ứng có thể gồm cả những hoạt động giải trí thuần túy nằm trong tinh thần cởi mở chung của ngày hội. Như thế có thể coi đây như một hệ thống mở đối lập với tính chất đóng của hệ thống nghi lễ. Trong không gian/ thời gian cụ thể, tính chất, dung lượng và cách sắp xếp của hệ thống trò này, với tư cách những sáng tạo dân gian, trong phối cảnh với trình thức nghi lễ sẽ quy định diện mạo - tính chất một lễ hội.

- Vòng thứ ba: *hệ thống phục vụ và dịch vụ* bao gồm các hoạt động phục vụ và dịch vụ như đã nêu ở phần trên. Hệ thống này được thêm bớt, theo nhu cầu của cộng đồng tham dự hội và theo điều kiện kinh tế - xã hội của từng chu kỳ mở hội. Tuy không trực tiếp phản ánh mục tiêu - ý nghĩa của lễ hội làng xưa nhưng không thể thiếu trong cấu trúc hội bởi nó là điều kiện để cho một lễ hội trở thành hiện thực. Có thể gọi đây là hệ thống *điều kiện và thích ứng* trong cấu trúc lễ hội.

Ba hệ thống nêu trên có quan hệ hữu cơ và cân đối, thúc đẩy lẫn nhau. *Sự phát triển không tuân theo các nhu cầu nội sinh của bất cứ hệ thống nào có thể làm thay đổi diện mạo truyền thống của lễ hội.*

Ngày nay, hàng triệu lễ hội và sự kiện lớn nhỏ với vô vàn sắc thái văn hóa diễn ra hàng ngày ở khắp nơi trên thế giới. Bên cạnh những hình thức lễ hội đã được xác lập thành truyền thống, nhiều sáng tạo mới tiếp tục làm nên sự đa dạng của các hoạt động lễ hội và sự kiện. Tuy nhiên, hầu như dưới hình thức nào, các lễ hội và sự kiện đều có chung một mô thức cấu trúc cơ bản nhất như đã trình bày, tạo nên đặc trưng của loại hình.

2.2. Một số vấn đề trong thực tế hoạt động lễ hội và sự kiện ở Việt Nam

Mục này giáo trình trình bày một số vấn đề được dư luận xã hội quan tâm nhiều trong thời gian qua trong thực tế quản lý và tổ chức lễ hội, tập trung vào hoạt động lễ hội cổ truyền. Các phân tích ở đây giúp sinh viên có thêm kiến thức thực tế, phục vụ trực tiếp cho các thảo luận về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội và sự kiện sẽ được trình bày ở mục sau.

Sau 1975, tuy đã giành được độc lập thống nhất trên toàn lãnh thổ, nhưng cả nước vừa phải tập trung mọi nỗ lực để hàn gắn vết thương chiến tranh, vừa đồng thời đối mặt với hai cuộc chiến tranh xâm lược mới: Tây Nam và biên giới phía Bắc. Tình hình kinh tế trở nên nghiêm trọng. Trong bối cảnh ấy, di sản lễ hội chưa trở thành vấn đề được xã hội quan tâm. Tuy nhiên một số lễ hội liên quan trực tiếp tới công tác giáo dục truyền thống yêu nước hoặc du lịch tôn giáo - danh thắng như: đền Hùng, Đống Đa, Hương Tích... vẫn được tổ chức.

Bước sang những năm 80, tình hình đổi khác nhanh chóng. Do sự ổn định dần được thiết lập trở lại với cuộc sống đời thường, tạo điều kiện cho những nhu cầu đã trở thành tiềm thức từ ngàn xưa sống lại. Đây đó, nhân dân tự đóng góp tiền của tu sửa những di tích còn sót lại hoặc dựng tạm, dựng mới trên nền những công trình tín ngưỡng đã mất. Cùng lúc, trên không gian ấy, nhiều truyền thống lễ hội được phục sinh, phục hồi, chủ yếu để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân, do nhân dân tự tổ chức. Tuy nhiên và cũng là đương nhiên, "lễ chưa ra lễ, hội chưa ra hội". Song điều đó đã tạo nên dư luận xã hội mạnh mẽ, thúc đẩy ý thức về cội nguồn, về bản sắc dân tộc. Mặt khác cũng gây nhiều tranh luận, tranh cãi trong giới nghiên cứu và quản lý văn hóa trên nhiều chiều khác nhau.

Trước tình hình nêu trên, tháng 4 năm 1984, Nhà nước đã ban hành pháp lệnh “Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh”. Đây là cơ sở pháp lý đầu tiên (kể từ sau chiến tranh) tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi cho hàng loạt di tích lịch sử/ văn hóa được trùng tu, tôn tạo trong cả nước từ nhiều nguồn lực khác nhau trong xã hội. Chỉ trong vòng vài năm sau Pháp lệnh 1984, hàng trăm (so với con số vài chục trong cả giai đoạn 1960 – 1980) bằng công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia được cấp phát. Gặp “thiên thời”, dân chúng đua nhau mở hội.

Có nhiều người đã dùng từ “bùng nổ”, “tràn lan”, “bung ra” để nói về trào lưu phục hưng văn hóa truyền thống nói chung và lễ hội nói riêng từ khi chuyển đổi cơ chế kinh tế đến nay. Đổi mới đã đem lại luồng sinh khí và khả năng mà trước đó chưa hề có ở nước ta trên hầu hết mọi lĩnh vực. Nhất là đất nước đã thoát được vực thẳm nghèo đói và tìm ra cách thức để no ấm, xã hội đã dân chủ hơn, con người đã được quan tâm hơn. Những giá trị văn hóa được đề cao trên thế giới và được nói đến nhiều ở trong nước. Các chính sách và thể chế về văn hóa có liên quan đến lễ hội được xác lập và dần hoàn thiện.

Trong bối cảnh đó, số lượng các di tích có liên quan đến lễ hội được trùng tu, xây mới, được Nhà nước công nhận xếp hạng đã lên tới hàng nghìn. Hầu hết những nơi vốn có hội đã mở hội và lại “xuân - thu nhị kỳ” các hình thức, nghi lễ... cố gắng được như xưa, hơn xưa và thậm chí thấy khác xưa. Khắp nơi từ thôn quê tới phố phường cứ mùa hội hè là nhân dân nô nức “trẩy hội”, với đủ thành phần lứa tuổi, hoàn cảnh, mục đích khác nhau. Bản thân nhiều lễ hội được tổ chức cũng đã vượt ra khỏi mục tiêu và quy mô vốn có. Tuy nhiên sự phục hồi “ồ ạt” sau nhiều năm không có điều kiện tổ chức, nhất là diễn ra trong bối cảnh phát triển thị trường và mở cửa, đã phơi bày nhiều khía cạnh cả tích cực và tiêu cực, được dư luận quan tâm với nhiều ý kiến khác nhau

2.2.1. Những mặt tích cực

Giới nghiên cứu trong và ngoài nước đã làm rõ những giá trị, những yếu tố tích cực của lễ hội cổ truyền trong đời sống đương đại, có thể diễn đạt bằng các ý cơ bản sau:

- Là nguyện vọng chính đáng của nhân dân được Hiến pháp và Pháp luật thừa nhận.
- Đáp ứng nhu cầu đi tìm hạnh phúc - ý nghĩa cuộc sống của con người ngoài cái thông thường của đời thường bằng cách xác lập niềm tin và thể hiện niềm tin trước siêu nhiên (nhiều người gọi là đời sống tâm linh).
- Là phương tiện nhằm củng cố và phát triển mối liên hệ cá nhân - gia đình - cộng đồng - quốc gia trên cơ sở một hệ giá trị dân tộc/ thể chế xã hội.
- Là môi trường dễ cảm thông giữa cá nhân, nhóm, cộng đồng... có nền văn hóa khác nhau cũng như thỏa mãn các nhu cầu giao tiếp.
- Lễ hội làm cho diện mạo của đời sống văn hóa thêm sinh động, đa dạng và là một nguồn lực quan trọng của tinh thần xã hội.
- Lễ hội được tổ chức có thể đạt tới nhiều mục tiêu: văn hóa, kinh tế, chính trị - xã hội...

Thực tế của đời sống văn hóa - lễ hội ở nước ta đã khẳng định và minh chứng cho các nhận định trên. Không thể chối cãi rằng sự phục hồi lễ hội cổ truyền ở khắp nơi trong nước đã góp phần xây dựng một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc và xác lập bản lĩnh văn hóa Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế. Nhiều người trẻ tuổi đã biết và hiểu lịch sử - văn hóa dân tộc/ địa phương mình qua các trải nghiệm hội hè. Một số trò chơi, trò diễn dân gian có giá trị văn hóa tìm lại được môi trường tồn tại. Nhiều nghề thủ công - mỹ nghệ, ẩm thực truyền thống... được

củng cố và phát triển tạo ra những cơ hội việc làm và thu nhập cho không ít lao động, góp phần bảo vệ tài nguyên văn hóa và nghệ thuật dân gian, tạo đà cho sự nảy sinh và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trong nước. Trên thực tế, một số lễ hội đã trở thành những sản phẩm chiến lược của ngày công nghiệp “đẻ trứng vàng” và nuôi sống nhiều công ty du lịch. Chính sự “bán chạy hàng” của du lịch văn hóa - lễ hội đã kéo theo cơ hội quảng bá sản phẩm kinh tế của địa phương có hội, có nghĩa là trở thành yếu tố thúc đẩy sản xuất - dịch vụ ở khu vực đó. Đó là cái thực tế đạt được ở không ít lễ hội như: hội Chọi trâu Đồ Sơn, hội Chùa Hương - Hà Tây (cũ), lễ hội Bà Chúa Xứ - An Giang, lễ hội chùa “Ông Bồn” - Bình Dương... Quá trình phục hồi và phát triển lễ hội cổ truyền ở nước ta những năm qua đã góp phần thúc đẩy việc hoạch định và dần hoàn thiện hệ thống chính sách và luật pháp có liên quan đến lĩnh vực văn hóa. Trực tiếp góp phần hình thành bước đầu khoa học về quản lý văn hóa, mà quản lý lễ hội và sự kiện là một mũi nhọn. Nó cũng góp phần thúc đẩy việc tạo ra một ngành nghề mới dần mang tính chuyên nghiệp hoạt động trong khu vực quản lý lễ hội và sự kiện.

2.2.2. Những mặt tiêu cực

Bên cạnh những khía cạnh tích cực như đã trình bày, trong thực tế diễn ra ở nhiều lễ hội còn có không ít những mặt bộc lộ tiêu cực được dư luận phản ánh và trở thành tiêu đề cho không ít cuộc tranh luận.

- Thứ nhất: sự nghèo nàn về nội dung

Có thể nói lễ hội xưa là một tập tin khá đầy đủ về đời sống văn hóa dân gian của cộng đồng mở hội. Bao gồm các thông tin lịch sử, tín ngưỡng và lối thể hiện tín ngưỡng, trò chơi - trò diễn, ẩm thực - đặc sản, công nghệ - nghệ thuật dân gian... Đáng tiếc cho đến nay, nhiều lễ hội chỉ còn là cuộc cúng tế thuần túy với mục đích muôn thừa cầu Thần Thánh phù hộ cho cuộc sống đời thường. Ví dụ: tại khu vực Hà Nội cho đến 1998,

người ta đã biết đến 259 lễ hội trong đó chỉ có 3 lễ hội còn giữ được các nghi thức và các hoạt động hội khác như trước năm 1945. Có tới 60% lễ hội đã không còn một trò chơi dân gian nào (nguồn: Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội). Trong việc tổ chức lễ hội ở một số địa phương, có hiện tượng vì muốn tránh “rườm rà”, ban tổ chức (được thành lập bởi các ban ngành có liên quan thuộc chính quyền và tổ chức chính trị - xã hội nhà nước tại địa phương) đã can thiệp tùy tiện vào trình thức nghi lễ như cắt xén hay thêm các yếu tố không phù hợp với nội dung vốn có của một lễ hội dân gian. Việc làm thiếu trách nhiệm ấy nhiều khi đã làm mất đi hoặc biến dạng một số yếu tố của di sản chứa trong nghi thức tế lễ như múa hát thờ, hành vi hoặc biểu vật ẩn chứa những tín hiệu văn hóa truyền lại từ xa xưa. Thậm chí nhiều nơi còn tổ chức lễ hội cổ truyền như một cuộc mít tinh “chào mừng” kiểu mới. Hiện tượng các trò chơi - trò diễn dân gian vắng bóng ở các lễ hội làng trở nên phổ biến, thay vào đó là các môn thể thao hiện đại như: bóng đá, bóng chuyền hay văn nghệ quần chúng kiểu mới... Đáng ngại hơn nữa, sự mất mát về di sản phi vật thể như diễn xướng và trò chơi dân gian nhiều khi do chính những người dân trong cộng đồng dân cư mở hội, nhất là những người trẻ tuổi. Họ hoặc đã quên cái vốn có, hoặc có xu hướng tìm đến cái “thời thượng” mà coi thường vốn tài sản văn hóa của mình, hoặc nhiều khi chỉ là bắt chước cách làm đơn giản kiểu “mít tinh” mà lại nhầm tưởng rằng đó là “kiểu mới”. Nhiều *tục hèm* đã biến mất vì người dân không còn cho rằng đó là điều thiêng liêng đối với họ... Những điều này đã làm nhiều lễ hội trở nên đơn điệu và giống nhau, cũng có nghĩa đã làm mất tính độc đáo văn hóa của chính địa phương mình. Đây là một thực tế nổi cộm mà hiện nay chưa có lời giải thích hợp ở nhiều cộng đồng sở hữu tài nguyên lễ hội cổ truyền. Đồng thời, đó cũng là một vấn đề đặt ra cho quản lý văn hóa nói chung và công việc quản lý lễ hội nói riêng trong bối cảnh ngày nay.

- Thứ hai: chưa thỏa mãn được nhu cầu thẩm mỹ, vệ sinh môi trường.

Đó là lời phàn nàn của hầu hết những người trẩy hội và du khách. Quan sát đám rước ở rất nhiều hội làng thấy những “quần cò, quần kiệu” ăn mặc cộc cạch, xộc xệch: quần nẹp áo nẹp đi chân đất hoặc áo nẹp còn quần và giày dép mỗi người một kiểu. Bài trí cờ quạt tán lọng cũng khá tùy tiện. Nhiều nơi, người ta không còn nhớ về ý nghĩa của từng loại cờ phướn trong hội. Trang trí tổng thể trong không gian hội quá nhiều băng rôn khẩu hiệu đỏ chói và thậm chí tiện đâu treo đấy, không tính tới yếu tố thẩm mỹ cũng như chủ đề của khẩu hiệu. Có nơi còn thấy ảnh Bác và cờ đỏ sao vàng lẫn trong đám rước với cờ Ngũ sắc, Tam tài, Long đình, Long kiệu, mâm xôi, thủ lợn, hương khói...

Ở những khu di tích - danh thắng lớn như đền Hùng, Hương Sơn, đền Vua Lê, Núi Bà..., vào mùa hội, từng đoàn ăn mày nằm ngồi gối ngang, nhếch nhác, hôi hám cản đường, đeo bám du khách. Những cảnh tượng không đẹp mắt này đã trở thành mục tiêu không mấy thiện cảm cho những ống kính du lịch nước ngoài.

Ở hội nào cũng vậy, muốn vào hội, người ta phải đi qua cả dãy thứ chợ tạm, gồm đủ loại lều quán chấp vá và đủ thứ vật liệu, đủ kiểu dị hình. Đáng sợ hơn là la liệt đồ ăn uống “lộ thiên” không được ai kiểm soát. Ở khá nhiều lễ hội, du khách muốn đi vệ sinh thì hoặc là “cứ tự nhiên” vì hàng ngàn không thể lịch sự mà xếp hàng chờ một cái nhà vệ sinh dựng tạm, hoặc phải “nghiến răng” mục kích cảnh tượng và mùi xú uế không thể chịu nổi. Rác thải là một vấn nạn chưa có cách gì hạn chế. Ở những ngày hội lớn, cả không gian liên quan đến lễ hội chỉ sau một ngày đã trở thành bãi rác khổng lồ.

Các cơ quan chức năng và những người có trách nhiệm ở địa phương có lễ hội đều lưu ý đến những thực tế nêu trên. Nhưng

hoặc vì không dự liệu hết các tính huống, hoặc vì “lực bất tòng tâm” nên tình trạng xấu về vệ sinh môi trường và mỹ quan đã làm ảnh hưởng không nhỏ tới thái độ của người dự hội.

- Thứ ba: sự lợi dụng lễ hội, kiếm lời bất chính.

Một số hiện tượng kinh doanh trong các lễ hội cổ truyền mà dư luận và các phương tiện truyền thông đã nhiều lần lên tiếng có thể kể đến như sau:

- *Lạm dụng niềm tin của những người nhẹ dạ để kiếm lời bất chính.*

Trong thực tế có nhiều người tin vào số mệnh và mong muốn biết trước số mệnh. Do vậy, có nhiều hình thức chiêm bói đã tồn tại trong lịch sử cho đến ngày nay. Nhu cầu này đã tạo ra một nghề chuyên nghiệp hoặc theo “kỳ vụ” của một số người kiếm sống bằng hành nghề bói toán. Nghề này không phù hợp với luật pháp nước ta nhưng lại thường thấy trong các lễ hội và các điện thờ thần ngày sóc vọng. Có một số hình thức “kinh doanh tín ngưỡng” phổ biến như: tung (hay sóc) đồng tiền cổ để gieo quẻ, rút thẻ, xem tướng, xem tay, xem lá trầu, xem chân gà, xem tử vi, kinh số, cầu cơ, bùa ngải, cúng thuê, viết số, bán nước thiêng, tiền đặt lễ, mâm lễ vật, bán đồ vàng mã... Trong các dịp tế lễ và sóc vọng, ở một số điện mẫu còn thấy các hình thức khác như: đánh đồng thiếc (hay thiếp), gọi hồn, đội bát nhang, đội mâm quả, hầu bóng, hình nhân thể mạng, hình nhân cắt duyên âm tình...

Điều đáng nói không phải vấn đề chi phí của một người cho một dịch vụ (ngoại trừ một số trường hợp rơi vào các “con nhang đệ tử”) bởi phần lớn người đi hội “xem” vì tò mò hoặc “mua vui” với số tiền không lớn. Vấn đề ở chỗ hệ quả hành động sau đó của những người nhẹ dạ “tin theo thầy” nên sẽ có những hành vi hay ứng xử có thể đem lại rủi ro trong cuộc sống. Mặt khác, những hoạt động kinh doanh hiện nay còn tạo ra sự bất công xã hội (một lá số vài chữ nho có thể lên đến năm trăm ngàn đồng) vì nhiều người hành nghề kinh doanh mê tín đã giàu lên trông thấy.

- Lợi dụng lễ hội để “ép giá” du khách

Trong rất nhiều lễ hội, giá cả hành hóa và dịch vụ bị đẩy cao đến mức vô lý, đẩy du khách vào thế “đi cũng dở mà về cũng dở”. Hiện tượng thường thấy là: nâng giá phương tiện giao thông đến nơi có hội, nâng giá trông giữ phương tiện đi lại một cách tùy tiện, nâng giá hàng hóa dịch vụ ăn uống, nhà trọ, khách sạn, đồ lễ, giá vé vào di tích hoặc xem từng trò hội... thậm tệ hơn còn có nơi bọn côn đồ lưu manh “xin đều” và hành hạ du khách. Chưa kể các loại vé “cầu khi”, vé “đường mòn”, “com tui”,...

+ Lợi dụng trò chơi để lừa đảo hoặc cá cược như: xổ số bốc giả, tráo bài tây, xóc đĩa, rút bài tây, cá cược thắng thua các trò chơi như chơi gà chơi trâu chơi chim... nhiều con bạc “khát nước” đã phải trắng tay hay cầm cố hoặc mang vết thương mà rời hội.

+ Lợi dụng lễ hội để bán hàng rôm như: nước giải khát rôm, bánh kẹo rôm, đồ ăn từ phế thải, đồ ăn thiu thối...

+ Bỏ túi tiền công đức của khách thập phương một cách có tổ chức của những người phục vụ nhang khói trong điện thờ thần. Thậm chí, có nơi vi phạm này thuộc về chính ban quản lý di tích.

+ Lợi dụng lễ hội để trộm cắp, môi giới mại dâm, rượu chè say xỉn, gây gổ đánh nhau... cũng không phải chuyện hiếm.

+ Sự thái quá và vô tổ chức trong tranh đua dịch vụ thấy ở khắp các hội. Nhiều khi khung cảnh lễ hội giống như một phiên chợ, có du khách đến Hội Lim đã thất vọng nói “sao không gọi đây là chợ phiên Kinh Bắc mà lại gọi là hội hát quan họ?”.

+ Dựng thêm điện, đền giả để thu tiền “công đức” của khách thập phương, tiêu biểu ở chùa Hương (những năm 1990) (báo chí đã nói nhiều) hoặc loại “đền trình” giả, chắn đường vào di tích như ở đền và...

- Thứ tư: sự trỗi dậy của “Đất lề quê thói”

Sự hồi phục lễ hội truyền thống bên cạnh việc làm sống dậy những truyền thống tốt đẹp của các cộng đồng nông thôn Việt Nam như tinh thần “cố kết cộng đồng”, mặt tích cực của hương ước... thì sự tự phát trỗi dậy của “đất lề quê thói” như “ngôi thứ”, “phép vua còn thua lệ làng”, “con gà tức nhau tiếng gáy”, “trống làng nào làng ấy đánh/ Thành làng nào làng ấy thờ”, “nhất làng ta”... không phải là không có. Không ít các di tích được tôn tạo/ trùng tu bởi mồ hôi của toàn dân (ngân sách nhà nước) lại được các làng sở tại xưa vốn là “vệ linh”, “vệ thánh”, tự coi như sở hữu riêng của làng. Và do vậy họ bán “vé cầu”, “vé công”, bỏ túi tiền công đức... nhằm tư lợi được coi như chuyện “đương nhiên” “hợp lý” (!). Mặt khác nhiều quy định của huyện, quy chế của Nhà nước bị phớt lờ nhiều khi bởi chính các vị “tiên chỉ” trong cộng đồng mở hội. Chính cái tệ ganh đua “học đòi” nhiều khi đã làm lu mờ cái riêng - độc đáo vốn có. Chưa kể đến họa sách nhiễu dân trảy hội từ nơi khác như đã nói.

- Thứ năm: sự chưa quan tâm đúng mức việc nghiên cứu và tổ chức lễ hội ở địa phương mở hội.

Rất nhiều hội làng đã được tổ chức nhưng không ít cán bộ làm công tác quản lý văn hóa ở cơ sở thiếu sự tìm tòi nghiên cứu nghiêm túc và có trách nhiệm. Do đó khi phục dựng lễ hội đã tùy tiện, thậm chí làm méo mó, hoặc lãng quên những yếu tố đã làm nên giá trị văn hóa của lễ hội như các trò chơi, trò diễn, hành vi tượng trưng, biểu vật... khiến nhiều lễ hội mất đi những nét sắc thái bản địa độc đáo riêng biệt vốn có.

Một khuynh hướng khác là sự can thiệp thái quá vào lễ hội cổ truyền cũng khiến cộng đồng địa phương “dị ứng”. Ví dụ: Ở một vài lễ hội, người ta đã đưa nghệ thuật quá hiện đại, trừu tượng, hoành tráng và tốn kém (bằng tiền nhà nước) vào cấu trúc nghi thức của lễ hội dân gian. Người dân nói rằng: “chắc chắn

sang năm các bác ấy đi (chỉ đạo diễn và nghệ sỹ từ trên xuống) thì nó (chỉ cảnh diễn được dàn dựng theo lối bác học) cũng đi theo vì dân quê chúng em không có tiền và cũng chẳng biết làm giống thế!”. Hiện tượng bày biện lễ đài đại biểu ở hội làng, giới thiệu dài dòng quan chức địa phương, diễn văn khai mạc bằng cách tổng kết thành tích của địa phương, liên hoan, ăn uống, tiếp khách tốn kém của cơ quan, công chức nhà nước, chào cờ và quốc ca ở lễ hội vốn thờ thần thánh nông liên quan sản xuất nông nghiệp... diễn ra phổ biến. Thậm chí còn thấy những can thiệp không phù hợp với truyền thống văn hóa khiến những giá trị bản chất của lễ hội không phát huy được (ví như: đưa hội Cổng Chiêng vào hội trường bê tông). Rồi hệ thống loa phóng thanh phát âm ỉ những ca khúc mới (cả nhạc Tây) hoặc la hét chỉ huy liên tục, tạo ra tiếng ồn quá ngưỡng thính giác của người dự hội (như ở Lễ đền Bà Chúa Kho)... Còn những yếu tố “mới” không phù hợp với truyền thống được đưa vào lễ hội dẫn đến hiệu quả thẩm mỹ thấp hoặc vô nghĩa/ phản nghĩa của biểu tượng (cờ tổ quốc, ảnh Bác lẫn với cờ hiệu, kiệu thần...).

Công tác giới thiệu về lễ hội với du khách cũng không được chú trọng, chỉ thấy nhấn mạnh lớp anh hùng giữ nước của thần linh mà quên đi những lớp giá trị văn hóa/ lịch sử khác phản ánh quá trình tộc người địa phương/ dân tộc.

Một vấn đề còn nan giải là việc huy động tài chính và các nguồn lực cần thiết hỗ trợ cho việc tổ chức “lễ ra lễ”, “hội ra hội” ở nhiều địa phương còn hết sức lúng túng. Điều này đã khiến cho các lễ hội thiếu nghiêm trọng kinh phí để tổ chức, ảnh hưởng quyết định đến chất lượng ngày hội... Tất cả những thực tế đã trình bày ở trên nếu như không có biện pháp khắc phục thì sẽ không những hạn chế việc bảo tồn các giá trị nhiều mặt của di sản lễ hội cổ truyền mà còn làm méo mó hình ảnh về loại hình du lịch văn hóa - sinh thái ở Việt Nam với du khách trong nước và du khách nước ngoài.

2.2.3. Tìm hiểu nguyên nhân

Tìm kiếm nguyên nhân sâu xa dẫn đến cái hay, cái chưa hay của việc phục hồi các lễ hội cổ truyền, cũng như những vấn đề trong quản lý, sẽ giúp đúc kết một số bài học bổ ích và những thảo luận cần thiết cho sinh viên khi nghiên cứu môn học này. Tuy nhiên để chỉ ra nguyên nhân của hiện tượng này một cách sâu sắc cần có những công trình nghiên cứu chuyên sâu và công phu. Ở đây chỉ đưa ra vấn đề có tính gợi ý hỗ trợ cho sinh viên khi thảo luận.

NHỮNG ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY MẶT TÍCH CỰC

- Yếu tố bên trong

- Sự phục hồi của văn hóa lễ hội ở khắp các cộng đồng địa phương/ tộc người trên lãnh thổ Việt Nam với tư cách là sự hồi sinh của các tác phẩm văn hóa vô thể - đặc trưng và vô giá của làng quê - của dân tộc Việt Nam, trước hết là do dân. Chính khát vọng được sống hạnh phúc trong giao cảm xúc hướng về cội nguồn đã thúc đẩy người dân trên mình còn đầy nỗi đau mất mát và cuộc sống lam lũ đã tự mình dựng lại cái náo nức “xuân thu nhị kỳ” như một lời công bố “ngàn năm ta lại là ta” ngay sau hai cuộc chiến kéo dài tàn khốc. Chúng ta phải cảm ơn nhân dân về điều này.

- Sự đổi mới và ban hành kịp thời hệ thống chính sách của nhà nước một cách phù hợp đã tạo điều kiện pháp lý, hướng dẫn và động viên nhân dân trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa nói chung và lễ hội nói riêng, đặc biệt là Luật Di sản.

- Sự ổn định về an ninh - xã hội, sự thành công từng bước trong xóa đói giảm nghèo, trong cải thiện chất lượng sống cũng như những cải cách dân chủ ở thôn xã... đã tạo những điều kiện cho phép về môi trường xã hội cũng như vật chất cho việc tổ chức phục hồi các lễ hội.

- Một không khí xã hội cởi mở hơn, thông cảm và tôn trọng hơn với những nhu cầu và gia tăng nhu cầu trong đời sống tâm linh của nhân dân được luật pháp công nhận.

- Sự năng động hơn, nhạy bén hơn với trình độ chuyên môn dần được nâng cao của một bộ phận cán bộ làm công tác quản lý văn hóa ở cơ sở đã góp phần không nhỏ vào việc làm gia tăng tính đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung của nhiều lễ hội được phát triển từ các nhân tố truyền thống.

- Yếu tố bên ngoài

- Sự phát triển không ngừng nhu cầu du lịch văn hóa - sinh thái của du khách trong và ngoài nước đã kéo theo tăng trưởng có gia tốc của ngành kinh tế du lịch. Trong đó, lễ hội được coi là một sản phẩm đặc trưng và có giá ở Việt Nam. Tài nguyên để kiến tạo sản phẩm này có thể nói là vô tận. Chính điều đó đã khiến chính quyền và các doanh nghiệp ở nhiều địa phương quan tâm đến việc mở mang các lễ hội như một hướng đầu tư phát triển kinh tế du lịch nhằm tạo thêm thu nhập, việc làm và thu hút đầu tư. Ví dụ: trong thập niên 90 của thế kỷ trước mới chỉ có 1 hội chọi trâu Đồ Sơn được nâng cấp thành ngày hội du lịch của huyện Đồ Sơn, Hải Phòng. Đến nay, tỉnh Vĩnh Phúc đã xây dựng hội chọi trâu ở Hải Lựu - Lập Thạch; tỉnh Tuyên Quang cũng đã đầu tư cho hội chọi trâu ở Hàm Yên, mỗi năm thu hút hàng vạn du khách.

- Ảnh hưởng của các hình ảnh đầy hấp dẫn và hiệu quả từ việc xây dựng những lễ hội văn hóa du lịch tầm cỡ quốc tế từ những yếu tố văn hóa dân gian và bản địa ở nước ngoài đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến xu hướng lễ hội ở nước ta. Ý tưởng và động thái phát triển lễ hội cổ truyền thành những ngày hội văn hóa có tầm ảnh hưởng vượt ra khỏi phạm vi địa phương và quốc gia đang thúc đẩy các nhà quản lý lễ hội và sự kiện chuyên nghiệp cũng như không chuyên nghiệp.

NGUYÊN NHÂN CỦA MẶT TIÊU CỰC

Quan sát chung từ góc độ quản lý có thể nhận thấy một số nguyên nhân sau:

- Yếu tố chủ quan

- Hệ thống các văn bản có liên quan đến quản lý Nhà nước về lễ hội có khá nhiều nhưng chưa phải đã nhất quán và đồng bộ. Có những thay đổi lớn từ văn bản trước đến văn bản sau. Ví dụ: Theo tinh thần Quy chế 1989 của Bộ Văn hóa thì lễ hội nào đã lâu không tổ chức sẽ không được tổ chức lại. Nhưng đến Quy chế 1994 và 2001 thì lại được phép tổ chức. Đây là một hiện tượng tất yếu sẽ xảy ra trong quá trình hoàn thiện chính sách. Song nó cũng gây ra không ít khó khăn cho việc thỏa mãn nhu cầu của người dân cũng như việc quản lý lễ hội ở cơ sở. Mặt khác có những quy định được duy trì nửa vời và tỏ ra kém về hiệu lực thực thi (ví dụ: cấm đốt tiền vàng, hàng mã) cũng làm cho người dự hội chưa hình thành được ý thức tuyệt đối chấp hành pháp luật và các quy định nhằm duy trì trật tự khác trong lễ hội.

- Vấn đề “gạn đục khơi trong”, chống “mê tín dị đoan”... mới chỉ được định tính. Do vậy, khi xử lý những hiện tượng thực tế đã phải dựa vào trình độ và quyết định chủ yếu của các cán bộ quản lý văn hóa ở cơ sở. Nếu như vậy, khó có thể tránh khỏi những lầm lẫn giữa hủ tục và truyền thống, giữ niềm tin tín ngưỡng và hành vi lạm dụng tín ngưỡng. Như thế, chúng ta đang thiếu những hướng dẫn chi tiết, cụ thể, định lượng và hệ thống về những hiện tượng thuộc đối tượng quản lý Nhà nước đối với hoạt động lễ hội.

- Mặt khác tri thức về văn hóa dân gian/ dân tộc cũng như năng lực quản lý của cán bộ văn hóa cơ sở ở nhiều địa phương còn là một vấn đề nan giải chưa dễ giải quyết trong một sớm một chiều. Cán bộ quản lý văn hóa ở cơ sở nói chung chỉ có khái niệm về quản lý Nhà nước về văn hóa mà chưa được trang bị hệ thống

tri thức đầy đủ về quản lý văn hóa nghệ thuật với tư cách là những công cụ hiệu quả cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa nói chung, lễ hội nói riêng. Do vậy, có tâm lý chỉ coi việc tổ chức lễ hội của người dân như một cái gì “cần đề phòng” chứ không nhận thấy đó là một cơ hội cho phát triển các mục tiêu văn hóa và kinh tế du lịch. Có thể chính vì điều này nên nhiều lễ hội cổ truyền ở nước ta vẫn chủ yếu là một “lễ làng” mà chưa được tận dụng khai thác một cách triệt để, tích cực góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội như nhiều nước trên thế giới đã tổ chức thành công.

- Chưa có sự liên kết các “nhà” trong lĩnh vực nghiên cứu và thực hành văn hóa. Các công trình nghiên cứu về lễ hội phổ biến theo hướng miêu tả dân tộc học, văn hóa học hay kiểu từ điển... Chưa thấy các công trình nghiên cứu sâu sắc, có hệ thống đáp ứng những yêu cầu mang tính kỹ thuật của quản lý. Mặt khác, các công trình nghiên cứu trong thực tế rất ít thấy có trong tay của những người làm công tác này ở cơ sở. Như vậy, giữa nghiên cứu và ứng dụng còn như hai khoảng trời biệt lập.

- Yếu tố khách quan

- Mức sống của nhân dân ta còn thấp, nhất là ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Do vậy, khả năng huy động nguồn lực vật chất và kỹ thuật cho tổ chức lễ hội còn rất hạn chế. Trong khi đó, sự sầm sưa cho “lễ ra lễ, hội ra hội” cũng như đầu tư cơ sở hạ tầng cần tới những khoản chi phí lớn. Trên thực tế, nhiều nơi người dân không đủ tiền để sắm sửa đồng bộ trang phục dẫn đến sự “cọc cạch”, thiếu thẩm mỹ. Họ cũng không đủ khả năng để chi phí cho việc tái phục dựng những di sản vật thể và phi vật thể đã mất. Đó cũng là một lý do khách quan và cơ bản khiến cho nhiều lễ hội chỉ còn là cuộc cúng tế mà không còn hệ thống hưởng ứng. Mặt khác, các khái niệm về giá trị văn hóa chứa trong lễ hội cổ truyền đối với nhiều người dân hiện nay không được ý thức rõ ràng. Họ chủ yếu quan tâm đến mục tiêu

cầu tài lộc muôn thừa trong ứng xử với thần linh của cư dân nông nghiệp. Thậm chí, đa số người đến dự hội (kể cả người địa phương) còn biết rất mơ hồ về những vị thần thánh do chính họ thờ. Họ chỉ biết thần “nghe đâu thiêng lắm” có thể phù hộ hay trừng phạt họ. Do vậy, dân chúng cũng ít quan tâm hơn đến việc phục hồi những giá trị văn hóa - nghệ thuật dân gian khác ngoài nghi thức tín ngưỡng trong lễ hội. Hệ quả như dư luận nhận xét “hội đông nhưng không vui”.

- Truyền thống “đất lề quê thói”, “dây mơ dể má”... thâm căn cố đế của người nông dân Việt được dịp phục hồi cùng với lễ hội đã gây không ít phiền nhiễu cho du khách và khó khăn trong việc quản lý như đã nêu trên ở phần hiện tượng. Dẫn tới sự nể nang vì “người cùng làng, cùng họ”, gây khó khăn khi xử lý các đối tượng người địa phương sai phạm của cán bộ quản lý.

- Hiện tượng số người ăn mày quá nhiều trong các lễ hội lớn không chỉ có nguyên nhân nghèo đói còn cần tính đến ăn mày theo mùa nông nhàn như một phong tục ở một vài địa phương. Do đó, ở nhiều lễ hội, nhất là lễ hội có liên quan đến danh thắng và tôn giáo, ban quản lý không đủ sức hạn chế hay thu gom đội quân nhếch nhác đông đảo này.

Để khắc phục những hạn chế nêu trên cần có sự can thiệp quản lý một cách tích cực, thống nhất và hiệu quả. Từ các phân tích thực tế có thể thấy tầm quan trọng có tính quyết định cho sự thành công của lễ hội nói chung và lễ hội cổ truyền nói riêng ở nước ta là tăng cường *công tác quản lý nhà nước* một cách hiệu quả đối với hoạt động văn hóa này.

2.3. Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội và sự kiện

2.3.1. Cơ sở pháp lý và tổ chức thực hiện

Cơ sở pháp lý cho thực thi công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động lễ hội và sự kiện dựa trên chính sách và luật pháp hiện hành của Việt Nam. Cụ thể và trực tiếp là:

+ Luật Di sản văn hóa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Nghị định số 26/1999/NĐ - CP ngày 19/4/1999 của Chính phủ về các hoạt động tôn giáo.

+ Quy chế tổ chức lễ hội (*ban hành kèm theo Quyết định 39/2001/QĐ - BVHTT ngày 23 tháng 8 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin*).

+ Nghị định số 154/2004/NĐ - CP ngày 9 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ về nghi thức Nhà nước trong tổ chức mít tinh, lễ kỷ niệm, trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương, cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

+ Quy chế về việc cưới hỏi việc tang và lễ hội ngày 25/11/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 308/2008/QĐ - TT ban hành quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

+ Các quy định cụ thể của chính quyền địa phương nơi diễn ra lễ hội và sự kiện.

Luật pháp và những văn bản mang tính pháp quy nêu trên đã thể hiện rõ các mục tiêu của quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội và sự kiện là duy trì nghiêm minh những điều khoản đã được ghi trong Luật và các văn bản pháp quy liên quan và đang có hiệu lực. Cụ thể *mục tiêu* cơ bản của quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội và sự kiện là: *giữ gìn và phát huy những giá trị của di sản lễ hội; đảm bảo an ninh, trật tự công cộng và an toàn của người dân tham gia lễ hội, chống lạm dụng tín ngưỡng vào các mục đích vụ lợi, tổ chức tốt các dịch vụ đáp ứng nhu cầu của du khách, đảm bảo tính minh bạch thu - chi trong hoạt động lễ hội, bảo vệ môi trường sống; phát triển hoạt động lễ hội với đa mục tiêu văn hóa - xã hội - kinh tế.*

- Cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm chính về quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội và sự kiện.

Theo quy định hiện hành, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo phân cấp quản lý từ Trung ương đến cơ sở cấp xã - phường, chịu trách nhiệm cấp phép, kiểm tra và giám sát hoạt động lễ hội và sự kiện (đã ghi cụ thể trong Quy chế Tổ chức lễ hội). Đồng thời phối hợp cùng các cơ quan chức năng như: Công an, Quản lý thị trường, Môi trường, Giao thông, Y tế... để xử lý sai phạm xảy ra trong hoạt động lễ hội và sự kiện. Thông thường bộ phận có chức năng quản lý văn hóa (ví dụ: phòng quản lý văn hóa thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) thuộc ngành chịu trách nhiệm chính trong việc thực thi quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội và sự kiện. Hoạt động lễ hội và sự kiện tác động tới hầu hết các mặt của đời sống xã hội khu vực địa điểm tổ chức. Do vậy, việc chịu trách nhiệm quản lý nhà nước nói chung thuộc chính quyền sở tại nhưng được phân chia trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan chức năng thuộc nhà nước có liên quan. Vì vậy, trong thực tế, việc kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm tùy từng vụ việc mà có những cơ quan chức năng chịu trách nhiệm chính.

- Người làm công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội và sự kiện.

Người làm công tác thực thi quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội và sự kiện thuộc ngành văn hóa thường là công chức thuộc cơ quan chuyên trách của ngành, được phân công trách nhiệm. Hoặc chuyên viên văn hóa ở cơ sở (chuyên văn hóa xã, phường). Phẩm chất cần có của người làm công tác thực thi quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội và sự kiện là:

- Nắm chắc chính sách và luật pháp của nhà nước có liên quan tới lĩnh vực tác nghiệp.
- Có khả năng giao tiếp, kinh nghiệm làm việc với cộng đồng và có ý thức tích lũy kinh nghiệm.

- Hiểu biết về văn hóa nghệ thuật, nhất là văn hóa nghệ thuật truyền thống dân tộc và địa phương. Thường xuyên học hỏi để nâng cao trình độ.
- Hiểu biết sâu về lễ hội và sự kiện, nhất là những hình thức lễ hội và sự kiện thường diễn ra trên địa bàn.
- Có kiến thức về quản lý văn hóa nghệ thuật.
- Có tinh thần trách nhiệm cao đối với sự nghiệp.
- Nhạy bén, sáng tạo trong nắm bắt thông tin và xử lý tình huống, có khả năng phối hợp hoạt động theo nhóm.
- Có đạo đức trong sáng và sức khỏe tốt.

Nhiệm vụ chủ yếu của người thực thi quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội và sự kiện là:

- Là cầu nối với các bên liên quan trong hoạt động quản lý và tổ chức lễ hội và sự kiện.
- Thực thi chức năng *hướng dẫn - kiểm tra - giám sát và phối hợp xử lý vi phạm* với tinh thần trách nhiệm cao, phù hợp với chính sách, luật pháp và các quy định của địa phương.
- Biết động viên những việc làm tốt và ngăn ngừa những việc làm không tốt.
- Làm đúng và làm tốt những nhiệm vụ công tác cụ thể được tổ chức giao phó.

2.3.2. Quản lý bảo tồn di sản lễ hội

Đây là công tác đặc biệt quan trọng trong việc quản lý lễ hội và sự kiện như: các lễ hội truyền thống, các sự kiện đón nhận bằng công nhận di tích và các hoạt động tín ngưỡng trong không gian thuộc di tích văn hóa lịch sử. Di sản ở đây bao gồm cả di sản vật thể trên không gian lễ hội và các di sản phi vật thể có trong lễ hội. Những di sản này đã được định nghĩa và cùng

các điều khoản rõ ràng về bảo tồn trong Luật Di sản. Vấn đề ở đây là tổ chức thực thi việc quản lý một cách có trách nhiệm và đúng pháp luật. Tuy nhiên, để nhận thức sâu hơn, cần có các thảo luận sau đây:

- Giá trị cơ bản của những lễ hội truyền thống

Không có môi trường nào lưu giữ và chuyển tiếp những giá trị văn hóa của cộng đồng, của dân tộc sinh động hơn, đầy đủ hơn là lễ hội. Trong môi trường của truyền thống thẩm mỹ và những sáng tạo thẩm mỹ liên tục, những tín hiệu văn hóa tái sinh một cách có chu kỳ, trong đó sự nhắc lại, sự lựa chọn, bổ sung và sáng tạo diễn ra và để lại dấu ấn trong những chu kỳ đường như là bất tận tiếp theo. Các thế hệ cứ thế được sống trong những không gian lịch đại đường như không có điểm bắt đầu. Các rung cảm và nhận biết cùng với quá khứ qua mọi khía cạnh: tâm linh, kế sinh tồn, lối sinh tồn, cái ăn, cái ở, cái mặc, văn chương, nghệ thuật, tuổi xuân, tuổi già, sự chơi... Có thể nói, đó là sự rung cảm về với cội nguồn tổ tiên trong một thời điểm không gian và thời gian chập làm một. Như vậy lễ hội vừa là nơi lưu giữ, bảo tồn những giá trị văn hóa tinh thần và vật chất, vừa là môi trường hướng con người về với quá khứ, nhập cái hữu hạn vào cái vô hạn trong sự thăng hoa của mỗi tâm hồn ở mọi thời đại.

Đến lễ hội không chỉ là chuyến công du vào vương quốc của sự thăng hoa phi trần tục mà cùng lúc, người ta thấy vững tâm hơn bởi ý thức về niềm tự hào, ý thức về cột trụ tinh thần, sức mạnh của cộng đồng như nguồn sinh lực cho những bước đi vững chãi hơn trong đương đại và dút khoát hơn vào tương lai. Mỗi thành viên đều cảm thấy mình là một bộ phận không thể tách rời, ràng buộc và cộng sinh với cơ thể lớn lao: cộng đồng và dân tộc. Ở đây, lý trí và tình cảm đan xen, trộn lẫn rồi đi vào vô thức tạo ra những tính cách địa phương, tính cách dân tộc. Sự tôn vinh những tên tuổi anh hùng, những người có

công, không phải chỉ là kỷ niệm, là biết ơn với một cá nhân nào đó trong quá khứ (người dự hội trong thực tế rất mơ màng về nhân vật được thờ), mà niềm hân hoan đâu đó giữa vô thức và ý thức bởi sự tôn vinh và được tôn vinh chính mình “các cụ nhà ta tài thật” và vì “ta là con cháu các cụ nhà ta”. Ý nghĩa ở chỗ các thành viên tham dự hội cảm nhận như tầm vóc, vị thế của mình được nâng lên cao hơn (hãy xem thái độ của những người rước tượng ở hội Gióng Phù Đồng hay những người khiêng kiệu ở hội đền Và). Đó chính là nền cho ý thức về trách nhiệm. Sự *cộng cảm*, *cộng mệnh* về tinh thần đã thúc đẩy ý thức về cộng đồng và trách nhiệm cá nhân. Có thể nói đây là những giá trị cơ bản mang tính chức năng xã hội và văn hóa của những lễ hội dân gian cổ truyền.

Tham dự lễ hội còn là những cơ hội cho con người – cá nhân thực thi một nhu cầu vị kỷ đầy lãng mạn. Họ được mơ ước trước sự chứng giám của thần linh, của uy lực vô biên, và chỉ họ biết những điều thầm kín của riêng họ, họ tín và hy vọng. Họ có cảm giác được an ủi. Họ có lý do để tiếp tục sống và vươn lên trong cuộc sống đầy thăng trầm này. Ý nghĩa ở chỗ cái “Tôi” được thăng hoa được bảo trợ giữa cái “Ta” ồn ào và ràng buộc. Niềm tin là lý do sống của nhiều cuộc đời, nhiều động thái hành vi. Và đây là động cơ quan trọng nếu như không nói là chủ yếu thúc đẩy khách thập phương trẩy hội. Bao trùm lên trên hết cả là niềm vui đi chơi hội, chơi cho “tả tơi” mà ngày thường không có, thậm chí ngày thường bị cấm, ăn cho thoải mái mà ngày thường không được ăn, không dám ăn, ăn rồi mang lộc về để cả nhà cùng hân hoan hội hè. Thật là khác thường, đây ý nghĩa nhân văn. Như thế, lễ hội chứa trong nó những giá trị bảo tồn di sản của dân tộc và các cộng đồng văn hóa khác nhau mà trong đó những giá trị thẩm mỹ đậm đà bản sắc dân tộc nổi trội, giá trị giáo dục đạo đức làm người trong quan hệ với cộng đồng và hệ sinh thái trong tinh thần truyền thống của cha ông, giá trị tâm linh và những cảm hứng thẩm

mỹ của cá nhân con người... Tổng thể của những giá trị ấy với tư cách là tài nguyên du lịch, sẽ tạo ra những sản phẩm kinh tế du lịch góp phần không nhỏ vào phát triển đất nước và tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người dân ở các cộng đồng chủ nhân của di sản.

Với ý nghĩa phân tích trên, lễ hội cổ truyền không chỉ là một di sản quá khứ để lại mà còn là một tài nguyên, một tài sản vô giá trong đương đại, vốn liếng của nhiều lĩnh vực văn hóa - xã hội - kinh tế, nhất là trong bối cảnh một đất nước đang phát triển. Điều này đã đặt trách nhiệm lên vai của những người làm công tác quản lý lễ hội với các mục tiêu bảo tồn và phát huy di sản.

- Vấn đề “Khoi trong gạn đục”

Đây là một yêu cầu trong quản lý chủ yếu đối với lễ hội cổ truyền. Tuy nhiên như đã nói “trong” - “đục” mới chủ yếu được định tính. Chưa có các thống kê cụ thể, chi tiết, rõ ràng và định lượng những cái gì là “trong”, cái gì là “đục”. Khi nghiên cứu hầu hết các dạng thức lễ hội ở các vùng văn hóa (không tính đến hành lễ ở các điện thờ dân gian khác mà chưa phát triển thành lễ hội), thấy rằng những hoạt động chính thuộc hệ thống nghi lễ và hệ thống hưởng ứng không có gì đáng để kết luận là “đục”. Các đối tượng được thờ cúng, hình thức thờ cúng và vật phẩm cúng tiến thần linh, trò chơi - trò diễn chính là các “hóa thạch” sống động của văn hóa phi vật thể - phần hồn của các chứng tích hữu thể - phản ánh quá trình lịch sử/ tính cách và tâm hồn của cá nhân và các cộng đồng nông nghiệp ở Việt Nam trong lịch sử. Cái “đục” chỉ nên hiểu là sự lạm dụng thái quá vì các mục đích không trong sáng của một vài người nào đó. Trong quá khứ cũng có một vài tục còn dã man, (Ví dụ: Tục ném 1 đứa trẻ con xuống biển trong nghi lễ trước mỗi mùa cá của ngư dân Hòn Đỏ - Khánh Hòa tồn tại cho đến đầu thế kỷ XIX). Nhưng hầu hết những tục loại đó đã không còn được duy trì trong thế kỷ XX. Do vậy, vấn đề “khoi trong” trước hết là phải bảo tồn nền văn hóa

sống động này. Với tư cách một tác phẩm văn hóa dân gian, một di sản văn hóa dân tộc, chứa đựng một tập tin về đời sống văn hóa tín ngưỡng, về sản xuất vật chất, về vui chơi giải trí, về văn hóa thẩm mỹ, về văn hóa ẩm thực... của cộng đồng người nhất định. “Khoi trong” bao hàm cả ý nghĩa tái tạo. Mặt khác, lọc ở đó những ý tưởng, những nhân tố có thể phát triển thành những sản phẩm văn hóa có khả năng hòa nhập với đời sống văn hóa đương đại. Ví dụ: từ một trò chơi dân gian có thể phát triển thành một môn thể thao dân tộc như Thái Lan đã từng làm với môn cầu mây. Từ một công nghệ ẩm thực dân gian phát triển thành một sản phẩm dịch vụ đem lại lợi nhuận cao theo phong cách dân tộc. Công việc khoi trong trước hết là biết cách đánh giá và đánh giá chính xác giá trị từ các yếu tố của di sản. Trên cơ sở đó xây dựng phương án bảo tồn và khai thác phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế.

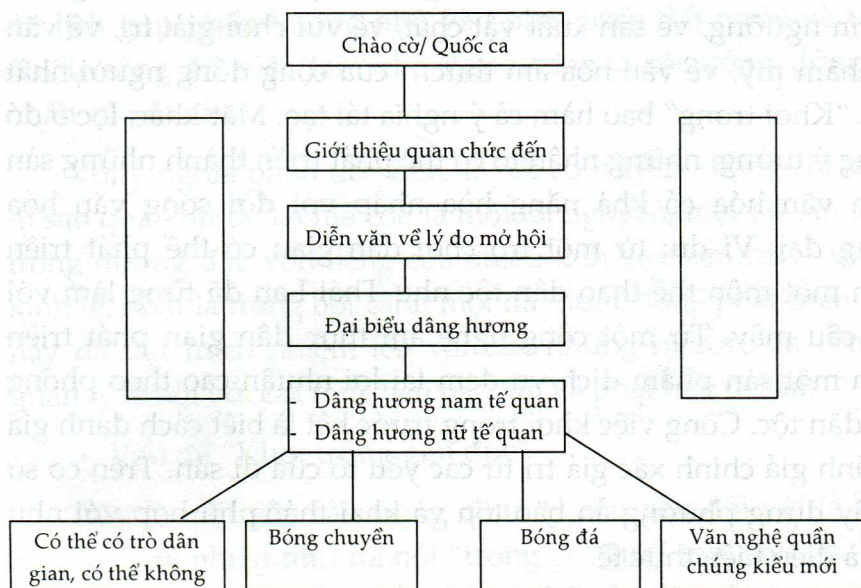
“Gạn đục” trong thực tế có thể hiểu là công việc ngăn chặn sự lạm dụng của các đối tượng vi phạm pháp luật, nhằm bảo vệ nguyên vẹn di sản, đảm bảo các hoạt động lễ hội diễn ra lành mạnh, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, vui chơi và các trải nghiệm khác cho du khách. Vấn đề này đã được hỗ trợ bởi hệ thống các công cụ pháp lý như luật pháp, quy định của địa phương có lễ hội. Vấn đề của người quản lý là duy trì đúng và nghiêm minh

- Vấn đề lên chương trình cho lễ hội cổ truyền

Có hai loại ý kiến thường gặp:

- “Phải có kịch bản”: với lý do “tổ chức cho có bài bản”, kịch bản phải đảm bảo “dân tộc mà hiện đại”... Vậy là ở nhiều nơi việc tổ chức hội làng đã được giao cho cán bộ văn hóa ở địa phương “soạn kịch bản”. Văn bản chương trình sẽ được cấp trên trực tiếp xét duyệt. Phần nhiều họ đã lấy mô thức của một buổi mít tinh hay một hội thi thể thao mới để lên chương trình cho lễ hội cổ truyền. Chúng ta có thể quan sát thấy ở nhiều lễ

hội làng cổ truyền được tổ chức trong một số năm qua đều có mô thức chương trình na ná giống nhau như sau:



Sau khi xong các thủ tục nghi lễ trên, thì các quan chức ra về hoặc đi ăn uống. Lúc đó dân trẩy hội mới theo nhóm vào dâng lễ và cầu khấn. Nếu nhìn vào mô hình trên theo quan điểm bảo tồn thì đó không còn là lễ hội cổ truyền, không phù hợp với truyền thống hội làng. Mà là một thứ “tân cổ giao duyên” rất sống sượng. Có người cho rằng như thế sẽ làm mất tính dân chủ của hội làng xưa, khiến dân chúng không còn coi lễ hội làng mình là của mình nữa.

+ Loại ý kiến thứ hai cho rằng không cần soạn “kịch bản” vì lễ hội cổ truyền được truyền thống xác lập như một luật tục, cứ “đến hẹn lại lên”. Cần trả lại cho cộng đồng chủ nhân của lễ hội quyền tổ chức và sáng tạo theo những truyền thống của họ, trong khuôn khổ của pháp luật. Không nên “nhà nước hóa” đối với việc tổ chức các lễ hội dân gian. Chính quyền địa phương nên trợ giúp, động viên và tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện những hoạt động sáng tạo lễ hội của mình. Thực tế, cũng không

cần tranh luận nhiều về có nên “kịch bản hóa” lễ hội cổ truyền hay không. Bởi lẽ “kịch bản” chỉ là cách gọi chương trình nội dung của lễ hội được vạch ra thành văn bản. Trong truyền thống, chương trình hay “kịch bản” lễ hội là hệ thống nghi thức đã được xác lập như một phong tục (đã được trình bày trong mục cấu trúc lễ hội).

Nhiều người đồng ý với quan điểm về xây dựng chương trình cho lễ hội cổ truyền ngày nay nên là:

- + Bảo tồn: “phần cứng” như truyền thống đã xác lập, đã ổn định trong lịch sử với tư cách phô bày những di sản văn hóa, phù hợp với Luật di sản nước ta.

- + Phát triển “phần mềm” tùy thuộc vào hình thức, mục tiêu và điều kiện về nguồn lực mà sẽ lên chương trình tổ chức tương ứng.

Không nên khống chế thời gian và không gian một cách cứng nhắc về phương diện quản lý Nhà nước mà nên căn cứ vào truyền thống, vào các mục tiêu cũng như mức độ phát triển, hiệu quả phát triển của lễ hội đó phù hợp với nhu cầu và theo nguyên tắc: đem lại lợi ích văn hóa, kinh tế, xã hội cho địa phương.

2.3.3. Quản lý việc lạm dụng tín ngưỡng trong lễ hội

Đây là một vấn đề chưa được thống nhất và định lượng đến chi tiết, nên dưới đây là những ý kiến tổng hợp từ của dư luận, sinh viên cần thảo luận thêm.

Để phân định rõ ràng thành các tiêu chí cụ thể cho quản lý các hành vi trong lễ hội là việc không dễ dàng. Ví dụ: hiện tượng viết sớ. Sớ là hình thức gửi lời yêu cầu, mong muốn được phù hộ. Điều này thực hiện qua một trung gian thường là chữ nho và ông thầy viết chữ nho. Người kêu cầu thường tin chữ nho và ông thầy với sự “huyền bí” của nó sẽ làm lời cầu khẩn của họ có thể đến được với các vị Thánh Thần. Về bản chất, kêu cầu bằng khẩn

miệng và số là giống nhau. Và như thế, trong khi có ý kiến cho rằng viết số là hành vi mê tín dị đoan và đặt vấn đề nên cấm, lại hoàn toàn công nhận việc khấn miệng thì e rằng không còn công bằng và thậm chí vô lý bởi cả hai cách thức đều là hành vi thể hiện niềm tin hợp hiến pháp. Điều này cũng giống như nghi thức lên đồng trong Đạo Mẫu và một số sa man khác. Mọi người đều biết lên đồng là một trong những nghi thức tín ngưỡng từ xa xưa để lại với tư cách một biện pháp tiếp cận với siêu nhiên, đã trở thành nghi thức chính thống của Đạo Mẫu bản địa Việt Nam. Vậy nếu cho rằng truyền thống văn hóa của ta không “thấp” hơn các truyền thống văn hóa tôn giáo khác (luận điểm về không có nền văn hóa dân tộc cao, thấp trong so sánh) thì sẽ là không công bằng nếu chúng ta công nhận và tôn trọng các nghi thức hành lễ của Thiên Chúa giáo hoặc Phật giáo mà lại coi đồng bóng là hủ tục (?)... Chính tính tương đối, khó có thể phân định rạch ròi một hiện tượng tâm linh là tín ngưỡng hay mê tín dị đoan. Khiến rất khó xử lý hiện tượng bằng chỉ định tính, mà cần thiết phải định lượng, định mức độ có tính tới hệ quả tác động tốt hay xấu tới cá nhân và xã hội của hiện tượng.

Niềm tin và sự thể hiện niềm tin của mỗi người là hợp hiến. Do vậy không cần phải bàn cãi. Tuy nhiên, cái đáng nói là những hiện tượng đi quá giới hạn cho phép của khung pháp luật và các quy định mang tính pháp lý khác. Thông thường, khi thực hiện quản lý việc lạm dụng tín ngưỡng, người ta hay đặt các câu hỏi trước một hiện tượng như:

- Có gây tổn hại cho an ninh chính trị hay trật tự công cộng hay không?
- Có làm thiệt hại đến tài sản của Nhà nước hay công dân hay không?
- Có xâm hại đến nhân phẩm, sức khỏe hay tinh thần của công dân không?

- Có làm xấu hình ảnh văn hóa của lễ hội hay không?
- Có tạo ra nguy cơ về cháy nổ hay ô nhiễm môi trường hay không?...

Như vậy không phải vấn đề của tín ngưỡng - tôn giáo mà là vấn đề xử lý lạm dụng tín ngưỡng vi phạm pháp luật hiện hành của những kẻ vụ lợi.

Mặt khác, những người hành nghề tín ngưỡng là số ít và chủ yếu là người địa phương mà các cán bộ văn hóa ở cơ sở dễ dàng nắm bắt nên có thể thực hiện những biện pháp hạn chế như:

- Triệu tập người hành nghề dịch vụ tín ngưỡng trước khi mở hội để phổ biến chính sách của Nhà nước và địa phương về quản lý lễ hội.
- Công bố khung xử lý phạt hành chính cũng như những điều khoản pháp luật có liên quan cho đối tượng. Đặc biệt, cần tăng mức độ phạt tiền nhằm răn đe có hiệu quả (bởi những người hành nghề chủ yếu để kiếm thêm tiền nhàn dịp hội).
- Yêu cầu đối tượng làm giấy cam kết không vi phạm, giao hồ sơ cho chính quyền địa phương và các đoàn thể chính trị xã hội giám sát và giáo dục.
- Giám sát chặt chẽ nội dung hoạt động của các hành vi tín ngưỡng.
- Cần niêm yết rõ giá quy định cho những dịch vụ tín ngưỡng được phép làm (như: bán hương hay đồ lễ...)

Nhìn chung ở mỗi lễ hội cụ thể cán bộ quản lý cơ sở cần nghiên cứu những hiện tượng thường diễn ra ở lễ hội đó để phân định các hành vi tín ngưỡng, mê tín dị đoan, lợi dụng tín ngưỡng trên từng hiện tượng. Việc này sẽ giúp đề ra được những nội quy thực tế hơn, cụ thể và hiệu quả hơn.

Bảng nội quy phải chỉ thị rõ hai phần: *những điều được phép; những điều không được phép*; cùng với sơ đồ không gian chức năng, số điện thoại liên lạc với ban quản lý lễ hội.

2.3.4. Quản lý kinh tế trong hoạt động lễ hội

Các tính toán kinh tế trong việc tổ chức lễ hội và sự kiện sẽ được trình bày cụ thể trong chương 3. Trong mục này chỉ nói đến quản lý nhà nước đối với việc thu chi kinh phí trong các hoạt động lễ hội cổ truyền. Trong các lễ hội và sự kiện nhằm mục đích quảng bá thương hiệu và các sự kiện có tính kinh doanh, việc quản lý nhà nước được thực hiện bởi cơ quan thuế và bằng cách áp thuế theo theo luật và quy định khác của địa phương. Những lễ hội và sự kiện do nhà nước chủ trương và đầu tư việc quản lý thu chi sẽ do cơ quan tài chính đủ thẩm quyền của cấp tổ chức lễ hội chịu trách nhiệm. Đối với lễ hội và sự kiện do cộng đồng đóng góp kinh phí và tham gia quản lý thu chi như lễ hội cổ truyền thì việc quản lý nhà nước chủ yếu là cùng với các hữu quan và đại diện cộng đồng mở hội bàn bạc và xây dựng quy chế quản lý thu chi cho riêng lễ hội đó. Và cùng với các bên liên quan, người quản lý văn hóa có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và xử lý sai phạm có liên quan tài chính của lễ hội.

Tuy nhiên, cũng cần thảo luận sâu thêm một số vấn đề đang còn chưa thống nhất trong dư luận sau:

- Có người cho rằng: Hội hè là “ăn uống đình đám lãng phí”. Đã có những nghiên cứu chứng minh nhận định trên là không đúng với thực tế. Hội hè dân gian thực ra không có chuyện ăn uống lãng phí bởi phong tục của dân ta là góp cỗ - thường lộc rồi chia lộc đem về.

- Có người nói: Lễ hội chỉ tốn tiền mà chẳng thu được lợi lộc gì. Nếu nói như vậy thì tại sao trên thế giới người ta phải bỏ tiền của/ trí tuệ để giành quyền đăng cai các lễ hội?

- Có ý kiến rằng: không nên (hoặc là chống) “thương mại hóa lễ hội”. Tuy nhiên có ý kiến không đồng tình như vậy bởi họ cho rằng ý kiến trên phản ánh nội dung cụ thể nào. Như trình bày trong truyền thống lễ hội xưa và nay, yếu tố kinh tế: giới thiệu, trao đổi, mua bán thành quả sản xuất đã đóng vai trò một chức năng, một thành tố của cấu trúc hội. Ví dụ: Những cuộc thi sản phẩm lao động dưới hình thức liên quan đến tín ngưỡng như đánh bắt/ chế biến cá, thi cỗ - đặc sản địa phương (hội đền Và - Sơn Tây, hội Tân Đệ - Thái Bình...) thi kỹ thuật thủ công (dệt vải, đan lát...). Trong cơ chế thị trường càng nên phát huy truyền thống này đạt hiệu quả càng cao càng tốt cho nền kinh tế địa phương và xã hội nói chung. Các nhà tổ chức lễ hội Huế đã thành công với sản phẩm thương mại dựa trên phát triển một lễ hội dân gian với cái tên rất hút khách: “Chợ quê”. Không nên đổ lỗi quá nhiều thậm chí sợ “mặt trái của cơ chế thị trường”. Thị trường là con đường, là quy luật của phát triển kinh tế, là sự lựa chọn trong công cuộc đổi mới ở nước ta. Việc đổ lỗi triệt để cho “cơ chế thị trường” như là thủ phạm khách quan của những tồn tại tiêu cực trong lễ hội là thiếu trách nhiệm. Vấn đề là ở công tác quản lý. Mặt khác, xưa có ruộng đình ruộng chùa. Nay không còn khoản này và giả định như có còn thì cũng không thể đáp ứng nhu cầu chi phí của thời nay. Do vậy, nếu không tạo ra được các nguồn thu trong lễ hội thì sẽ bị hạn chế nguồn lực cho việc tổ chức hội.

Có thể tham khảo một số kinh nghiệm về quản lý thu chi sau đây:

- Xây dựng những điều khoản trong quy ước của cộng đồng mở hội (kế thừa hương ước xưa) về việc đóng góp sức người sức của cho việc tổ chức lễ hội. Mức độ đóng góp tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại địa phương
- Kêu gọi tài trợ trên cơ sở trao đổi lợi ích với nhà tài trợ.
- Thu từ nguồn thu đấu thầu dịch vụ, lệ phí chợ hội.
- Thu từ nguồn trông giữ phương tiện giao thông.

- Thu từ khách du lịch và doanh nghiệp du lịch.
- Thu % từ lợi nhuận gia tăng đối với các doanh nghiệp dịch vụ do có hội.
- *Hòm công đức*, cần có hình thức đáng tin cậy và chắc chắn, (có khóa to). Nên có ít nhất 3 thành viên của ban tổ chức (trong đó có đại diện đáng tin cậy của quần chúng) làm công tác hướng dẫn nơi bỏ tiền công đức. (Chú ý: Người dân cũng có tâm lý muốn bỏ tiền lên đĩa vì tin là Thánh dễ chứng hơn).

2.3.5. *Quản lý dịch vụ, môi trường, trật tự công cộng*

Quản lý nhà nước đối với hoạt động dịch vụ, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, trật tự giao thông và trật tự nơi công cộng, phòng chống cháy nổ, chống tệ nạn xã hội và các hành vi quá khích trong lễ hội là công việc phối hợp giữa các cơ quan chức năng như công an, quản lý thị trường, cứu hỏa, y tế cộng đồng, văn hóa... Công việc này chủ yếu là việc lên kế hoạch chi tiết với các dự liệu tình huống được bàn bạc kỹ lưỡng giữa các bên liên quan. Đồng thời đưa ra các phương án xử lý phù hợp đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ một cách tối ưu, tăng cường kiểm tra giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Có thể tham khảo một số kinh nghiệm sau đây:

Lập khu vực dịch vụ dưới hình thức “chợ hội” quy hoạch theo nguyên tắc:

- Vừa và đủ về lượng trong thực tế của quy mô tổ chức và lượng khách dự hội.
- Xây dựng các mẫu tiêu chuẩn thẩm mỹ về hình thức lều quán.
- Quy định nghiêm ngặt những tiêu chuẩn của chất lượng dịch vụ.

- Khu vực dịch vụ phải thuận tiện cho du khách nhưng không được đưa vào khuôn viên di tích và các không gian liên quan đến trò diễn, trò chơi, thi đấu thể thao...
- Cấm triệt để việc chợ tạm, lều quán dọc đường đi thuộc không gian tổ chức hội. Không gian tổ chức hội nên hiểu là toàn bộ diện tích/ cảnh quan có liên quan tới các diễn lễ, các trò, các tổ hợp trò, các hoạt động dịch vụ được quy hoạch với tư cách một tổng thể cảnh quan thẩm mỹ.
- Nếu có điều kiện, tổ chức hội chợ địa phương hoặc hội chợ địa phương mở rộng với tư cách một hoạt động, một trò hội trong tổng thể các tổ hợp trò hội. Việc tổ chức hội chợ nhân dịp hội sẽ có tác dụng đáp ứng nhu cầu giới thiệu sản phẩm sản xuất tại địa phương và “khoái khẩu” tiêu dùng hàng địa phương thường thấy của du khách.
- Quy định nghiêm ngặt và thống nhất về giá cả của các loại dịch vụ.
- Ngoài việc đề biển “cấm xả rác” phải có nơi xả rác tiện lợi và phương tiện đựng rác có hình thức dễ nhìn.
- Nên phát huy dịch vụ vệ sinh trong các lễ hội và như vậy cũng phải có các quy định tiêu chuẩn hóa cho chất lượng của dịch vụ vệ sinh.
- Phải có biện pháp mạnh mẽ hạn chế tình trạng người ăn xin như: kiên quyết thu gom và trục xuất khỏi không gian tổ chức hội, thậm chí phải nghĩ đến việc chở họ ra xa khỏi nơi có hội (như ở Phú Giầy đã làm). Có thể hạn chế bằng cách phạt tiền vì hầu hết những người ăn xin trong các lễ hội đều có tính chuyên nghiệp.
- Chủ động phân luồng, phân tuyến giao thông và các phương án chống ùn tắc. Chuẩn bị sẵn sàng các phương tiện và lực lượng ứng cứu trường hợp khẩn cấp như cháy nổ, xung đột, cướp giật...

2.3.6. Quản lý phát huy lễ hội truyền thống nhằm đa mục tiêu

Trong thực tế, nhiều lễ hội truyền thống như lễ hội dân gian, lễ hội truyền thống cách mạng, lễ hội tôn giáo... đã được các nhà quản lý phát triển thành những lễ hội và sự kiện lớn có sức thu hút du khách, phát huy giá trị văn hóa, tạo hình ảnh quảng bá thương hiệu địa phương, khuyến khích đầu tư, kích cầu cho sản xuất địa phương, tạo thêm công ăn việc làm và thu nhập. Ví dụ như lễ hội Núi Bà, Chọi trâu Đồ Sơn, Sự kiện kỉ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ... Để thực hiện những mục tiêu này, về phương diện quản lý nhà nước là tạo ra những chính sách thích hợp của địa phương khuyến khích đầu tư cho phát triển lễ hội trở thành những sự kiện hấp dẫn du khách và các nhà đầu tư. Biện pháp mang tính kỹ thuật thường thấy là tạo ra những yếu tố mới cho lễ hội truyền thống, tăng cường đầu tư hạ tầng và dịch vụ, tăng cường quảng bá cho hình ảnh của lễ hội... Những kỹ thuật cụ thể nhằm phát triển lễ hội truyền thống sẽ được trình bày trong chương *Quy trình tổ chức lễ hội và sự kiện*. Tuy nhiên ở đây cũng cần thảo luận sâu thêm mấy vấn đề có tính quan điểm cần thiết cho việc phát triển lễ hội.

VẤN ĐỀ QUAN HỆ GIỮA BẢO TỒN VÀ CÁCH TÂN

Những lễ hội truyền thống không phải là một bức tranh đóng trong khung kính tách rời thăng trầm của diễn trình lịch sử - văn hóa. Ngược lại nó luôn được các chủ nhân sáng tạo vô thức hay hữu thức, tự nhiên hay miễn cưỡng, nhào nặn phù hợp với bối cảnh mà ở đó nó thể hiện vai trò của mình.

- Nếu chúng ta cấp bằng công nhận di tích cho phần hữu thể của văn hóa đến từ quá khứ và bảo quản/ trưng bày các di vật khảo cổ rồi tự hào về chúng, thì không lẽ gì không cấp bằng công nhận phần di sản vô thể chỉ có thể tồn tại được trong dung môi lễ hội. Dẫu cho nó có vẻ không phù hợp lắm với cách nhìn của một số người (ví dụ một số trò diễn phần thực được cho là

không hợp thuần phong mỹ tục), nhưng đó là: di sản quà tặng, là câu chuyện kể từ quá khứ gửi cho thế giới đương đại. Có người hô hào phải “cách tân” cho phù hợp với “thẩm mỹ mới” và nhiều lý sự khác. Nhưng nhiều người đã đồng ý rằng: lễ hội dân gian là một “hóa thạch” sống động của lịch sử văn hóa thuộc cộng đồng, dân tộc, là di sản văn hóa. Vì vậy việc bảo tồn nguyên bản những hình thức hoạt động lễ hội đã xác định giá trị là phù hợp với Luật Di sản đã đi vào đời sống xã hội.

- Chính sự “cách tân”, “đổi mới”, “hiện đại hóa”... một cách thô thiển và cưỡng ép, những yếu tố “cũ” “mới” được thực hiện theo một phép cộng giản đơn đã biến bức tranh lễ hội truyền thống thành một thứ “tạp nham” không thể chấp nhận được. Thậm chí sẽ làm méo mó những yếu tố đã thành biểu trưng, biểu tượng. Ví dụ: nhiều người cho rằng không nên để ảnh Bác - Quốc kỳ dẫn đầu đám cò tam tài, ngũ sắc, tứ linh cùng tán lọng, long kiệu - long đình thấy có trong nhiều lễ hội truyền thống thời nay. Đám rước dân gian là một bảo tồn của quá khứ nông nghiệp và phong kiến. Ảnh Bác và Quốc kỳ là biểu tượng của một nước xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Sự “hiện đại hóa” truyền thống bằng phép cộng cơ khí tạo ra sự phản thẩm mỹ và phản ý nghĩa.

Ví dụ: Có nhiều người dân tỏ ra bất bình với việc những biểu tượng anh hùng dân tộc đã trở thành thần thiêng với người dân nước Việt như: Hùng Vương, Trần Hưng Đạo... và thậm chí cả hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh (có một tín ngưỡng dân gian: Đạo Bác Hồ) được đóng giả bằng diễn viên sân khấu, mồ hôi nhễ nhại trong đám rước trên đường phố vào ngày 02/09/1990 và cả trong ngày lễ kỷ niệm 990 năm Hà Nội ở bờ hồ Hoàn Kiếm. Vì, làm như thế là đi ngược truyền thống văn hóa lễ hội. Bởi các vị có công với Nước đều trở thành thần thiêng trong cái bao la quyền uy bí ẩn và vô hình trong niềm tin của

người dân (ở trong đình, Thần chỉ được tượng trưng bằng bài vị và mũ áo trên ngai). Và người phàm trần phải ly giới và bịt khăn mỗi khi đến gần. Sự đóng giả các vị thần trong không gian hội (khác không gian sân khấu kịch hoặc điện ảnh) bị dân coi như thế là “phạm thượng”.

Cũng cần phải nhắc lại: không gian lễ hội truyền thống không phải là một trường quay điện ảnh hay sân khấu kịch nghệ thuần túy nghệ thuật. Nó không thể chứa đựng trong đó những yếu tố không phù hợp với truyền thống đã tạo ra nó, dẫu cái đưa vào có được coi là “mới” là “hiện đại” là “hữu ích” đến chừng nào.

Do vậy khi muốn phát triển lễ hội đáp ứng những nhu cầu đương đại phải dựa trên truyền thống vốn có của lễ hội đó hay là truyền thống văn hóa của cộng đồng sáng tạo và sở hữu lễ hội ấy.

Về xã hội hóa việc quản lý và tổ chức lễ hội truyền thống

Ở nước ta, các triều đại phong kiến quân chủ trong lịch sử cũng đã có những chính sách văn hóa nhằm duy trì hoạt động lễ hội trong các làng xã (“tạo lệ”, “vệ linh”, “ruộng đình”, “ruộng chùa”...). Song, về cơ bản là của dân, nguồn lực để tổ chức do dân đóng góp theo “lệ làng”. Như thế, với tính chất “tự sản tự tiêu” của văn hóa làng, cũng có thể coi văn hóa đã từng được “xã hội hóa” trong suốt quá trình lịch sử ở nước ta.

Thời kỳ trong chiến tranh và bao cấp, hoạt động văn hóa nghệ thuật được tổ chức chủ yếu do nhà nước quản lý trong hầu hết các khâu của quá trình sáng tạo - lưu thông - phân phối. Từ khi Nước nhà đổi mới, trong khi Nhà nước còn đang trong quá trình xây dựng hệ thống chính sách phù hợp, thì sẵn có truyền thống dân chủ trong hoạt động văn hóa (ở cộng đồng làng), trong bối cảnh các tác động toàn diện của kinh tế thị trường và xu hướng hội nhập, nhân dân đã tự “xã hội hóa” hầu

hết các khâu từ sản xuất đến phân phối tiêu dùng sản phẩm văn hóa, đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt của đời sống tinh thần hàng ngày. Có thể nói, các phong trào văn hóa - nghệ thuật - thể thao sôi động thời mở cửa (và ở mức độ chưa bao giờ có ở nước ta) là do sự phát triển các quan hệ lợi ích giữa văn hóa và kinh tế - xã hội. Theo đà vận động của xã hội, các chính sách tạo điều kiện và cơ hội cho xã hội hóa văn hóa được xây dựng đã thúc đẩy nhanh quá trình này. Xã hội hóa đương nhiên trở thành cơ chế và phương thức vận hành của đời sống xã hội. Cơ chế của xã hội hóa hoạt động văn hóa nói chung và hoạt động lễ hội nói riêng là sự tham gia của nguồn lực xã hội vào các khâu của quá trình hoạt động dựa trên việc xác lập những quan hệ lợi ích nhiều chiều. Việc xã hội hóa các hoạt động văn hóa đã làm gia tăng và phong phú đa dạng hơn các sản phẩm văn hóa cả về số lượng và chất lượng, đóng góp vào sự phát triển đời sống tinh thần và vật chất của các cộng đồng cũng như toàn xã hội. Xã hội hóa hoạt động lễ hội là việc thiết lập và vận hành các quan hệ lợi ích giữa người mở hội, người dự hội với các tổ chức kinh tế - xã hội khác nhằm bảo tồn và phát huy di sản vô giá này cho hôm nay và hậu thế. Việc xã hội hóa các hoạt động lễ hội và sự kiện thành công, cần đến những công cụ chuyên môn sẽ được trình bày ở chương 3.

TÓM TẮT CHƯƠNG 2

Các lễ hội đều có một cấu trúc chung hợp thành bởi nhiều yếu tố và hoạt động trong hai dạng thức khó chia tách: tinh thần và vật chất. Có thể nhìn nhận tương đối về các hệ thống chức năng có quan hệ tương tác trong chỉnh thể cấu trúc lễ hội bằng mô hình 3 vòng tròn đồng tâm gồm: hệ thống nghi lễ - hệ thống hưởng ứng - hệ thống phục vụ/ dịch vụ. Quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội cổ truyền là chức năng của cơ quan văn hóa địa phương, phối hợp với các bên liên quan, với nhiệm vụ chủ yếu như: hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các hoạt động lễ hội nhằm duy trì chính sách và luật pháp, phát hiện và phối hợp xử lý các tình huống vi phạm, bảo tồn và phát huy các giá trị nhằm mục tiêu phát triển văn hóa - xã hội và kinh tế địa phương.

Chương 3

QUY TRÌNH TỔ CHỨC LỄ HỘI VÀ SỰ KIỆN

Khái niệm tổ chức lễ hội và sự kiện đã được trình bày ở chương 1. Trong chương này, sinh viên hãy đặt mình vào vai trò của người xây dựng và điều hành một dự án tạo ra các sản phẩm sự kiện. Tên chương 3 là *Quy trình tổ chức lễ hội và sự kiện*, tuy nhiên như đã nói ngay từ đầu, lễ hội cũng có thể coi như một loại sự kiện. Việc gọi *Lễ hội và sự kiện* là muốn nhấn mạnh đến loại sự kiện lễ hội như là một hình thức sự kiện đặc biệt, tập trung những yếu tố văn hóa và hàm chứa đa giá trị. Để đơn giản trong cách gọi, trong chương này sẽ sử dụng cụm từ *tổ chức sự kiện*, bao hàm cả các sự kiện lễ hội và các hình thức sự kiện khác.

Nhìn vào các việc cơ bản với tư cách quy trình chung của một dự án thì tổ chức một sự kiện như một lễ hội có quy mô toàn cầu với việc tổ chức một buổi khai trương công ty sẽ có những nét chung. Do vậy, những vấn đề được giới thiệu trong chương này có thể ứng dụng hoặc ứng dụng phần nào đó cho việc tổ chức một sự kiện dưới hình thức nhất định. Tuy nhiên, khác với dự án sản xuất một sản phẩm hàng hóa vật chất mà trong đó quy trình công nghệ rạch ròi và khép kín, tổ chức sự kiện sẽ linh hoạt hơn. Trong thực tế, việc tổ chức một cuộc hội thảo sẽ khác rất nhiều với tổ chức một đại hội thể thao tầm cỡ khu vực. Nói *Quy trình* chỉ là một cách trình bày cho rõ ràng hơn các việc cần làm vì tổ chức sự kiện là một công việc phức

tạp với hàng trăm đầu việc khác nhau và hầu hết đều phải xử lý trong một thời gian ngắn nếu như không muốn nói là cùng lúc. Mặt khác, với sự kiện được tổ chức lần đầu, chưa có tiền lệ, các công việc sẽ không hoàn toàn giống như một sự kiện đã được xác lập thành truyền thống. Trong chương này, giáo trình sẽ giới thiệu các bước và đầu công việc cơ bản nhất từ khi bắt đầu đến khi kết thúc một dự án xây dựng một sự kiện lễ hội lần đầu được tổ chức. Như thế, khả năng ứng dụng sẽ rộng rãi hơn.

Như hầu hết chu trình của mọi dự án, có thể chia quy trình tổ chức một sự kiện thành 4 giai đoạn sau:

- Định hình sự kiện.
- Lập kế hoạch tổ chức sự kiện.
- Dàn dựng sự kiện.
- Kết thúc sự kiện.

3.1. Định hình sự kiện

Định hình sự kiện là giai đoạn đầu tiên, xác định những vấn đề cơ bản nhất cho việc hình thành một dự án tổ chức sự kiện. Có năm câu hỏi cần được trả lời cho giai đoạn này:

- Tại sao sự kiện lại được tổ chức?
- Ai, tổ chức nào sẽ liên quan đến sự kiện này?
- Khi nào sự kiện được tổ chức?
- Sự kiện này sẽ được tổ chức ở đâu?
- Sự kiện này dự tính sẽ diễn ra như thế nào?

3.1.1. Phân tích bối cảnh, hình thành ý tưởng sự kiện

Mỗi sự kiện đều được nảy sinh từ bối cảnh nhất định. Hay là bối cảnh của riêng sự kiện. Ví dụ: Chùm những sự kiện kỷ niệm một ngàn năm Thăng Long - Hà Nội được nảy sinh trong bối cảnh Thủ đô tròn một ngàn năm tuổi và những điều kiện chính

trị - xã hội - kinh tế có đủ để tổ chức chèo sự kiện này. Bối cảnh là tất cả những gì đang diễn ra trong môi trường xung quanh như: chính sách, luật pháp, môi trường chính trị, dư luận và không khí xã hội, hoạt động kinh tế, trào lưu xã hội, môi trường văn hóa và đời sống cộng đồng... Việc thường xuyên nắm bắt thông tin từ bối cảnh sẽ tạo ra khả năng nắm bắt nhu cầu, thậm chí kích thích làm nảy sinh các nhu cầu xã hội hay nhu cầu của một tổ chức nhất định như là điều kiện để nảy sinh nhu cầu về sự kiện. Như thế yêu cầu đầu tiên đối với một người tổ chức sự kiện (có tính chuyên nghiệp) là cần nhạy cảm với bối cảnh cũng như khả năng phân tích nắm bắt nhu cầu.

Khi nắm bắt nhu cầu và phát hiện ra thời cơ dẫn tới lựa chọn việc tổ chức sự kiện nào đó để đáp ứng nhu cầu thì đó cũng là thời gian bắt đầu thai nghén để hình thành một ý tưởng về sự kiện. Ý tưởng về sự kiện là hình hài đầu tiên của sự kiện trong óc tưởng tượng. Ví dụ, tỉnh Hậu Giang là trung tâm vựa lúa đồng bằng Nam Bộ, khi mới thành lập tỉnh, người Hậu Giang muốn “xưng danh” cho cả nước biết đến và nhu cầu lớn hơn là phát triển lợi thế kinh tế địa phương. Và như thế, ý tưởng về Festival Lúa gạo đã được hình thành.

Có nhiều cách để hình thành ý tưởng:

- Thai nghén trên cơ sở phân tích bối cảnh và nắm bắt nhu cầu.
- Trao đổi với bạn bè và với những người cùng quan tâm tới vấn đề.
- Loại suy từ những hiện tượng tương tự.
- Tổ chức hội thảo, tọa đàm để thu nhận ý kiến.
- Mời tư vấn.
- Tổ chức cuộc thi ý tưởng một cách rộng rãi.

Những người tổ chức sự kiện khi sử dụng ý tưởng của người khác cần tôn trọng luật bản quyền có liên quan đến việc này (trong thực tế không ít công ty tổ chức sự kiện coi việc lấy ý tưởng của người khác là bình thường mà không có ý thức gì về bản quyền).

Tuy nhiên, khi đã hình thành ý tưởng thì không nên coi đó là đã hoàn thành bước đầu tiên. Hãy đặt câu hỏi: liệu ý tưởng sự kiện ấy có khả năng đáp ứng được nhu cầu mong muốn hay không? Và quan trọng hơn là có thực tế hay không? Để làm rõ điều này, cần phân tích: *điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (hay rào cản)* đặt trong bối cảnh của sự kiện. *Điểm mạnh và điểm yếu* là thuộc những yếu tố những yếu tố môi trường bên trong, những yếu tố chủ quan, nói chung được hiểu như tổng thể các nguồn lực có thể huy động và có thể kiểm soát trong quá trình quản lý. Nó bao gồm cả thuận lợi và khó khăn. Sự phân tích này sẽ cung cấp thông tin cần thiết giúp cho việc khai thác tốt hơn các nguồn lực liên quan, cũng như tìm cách khắc phục những khó khăn trong quá trình thực hiện. *Cơ hội và thách thức* thuộc những yếu tố môi trường bên ngoài (hay những yếu tố thuộc khách quan) là cái đến từ bên ngoài, không thuộc các nguồn lực có thể huy động hay kiểm soát được và cả những tác động như là hệ quả của sản phẩm được tạo ra, bao gồm những cơ hội và rào cản có thể ảnh hưởng tốt hay xấu tới quá trình tổ chức sự kiện. Cần tìm ra tất cả các yếu tố, càng cụ thể càng tốt. Ma trận thông tin này được bày ra trước mặt sẽ giúp người tổ chức sự kiện hình thành trong đầu các phương án khai thác những điểm mạnh và những cơ hội, khắc phục những điểm yếu và những thách thức. Nếu như sau khi phân tích, còn có điểm yếu và rào cản có tính cơ bản mà không có cách vượt qua thì ý tưởng này nên thay đổi hoặc bỏ đi. Ví dụ, một người ở huyện đảo Phú Quý đã đề xuất ý tưởng về một lễ hội du lịch biển đảo dự tính cho khoảng 5000 du khách đến từ đất liền. Mọi yếu tố nguồn

lực bên trong đều thuận lợi. Tuy nhiên khi xem xét rào cản về điều kiện giao thông thì thấy rằng tất cả các phương tiện đường thủy được phép chở khách có thể huy động chỉ có công suất tối đa là 300 khách trong 1 ngày. Và như thế ý tưởng đã không được triển khai như mong muốn ban đầu.

Việc phân tích kỹ lưỡng cũng sẽ gợi ý rất nhiều cho những công việc tiếp theo xây dựng chương trình, lên kế hoạch và vận động tài trợ.

Với các sự kiện đã được tổ chức nhiều lần và trở nên như một công thức (ví dụ các nghi thức lễ kỷ niệm, các giải thể thao...) thì việc xây dựng ý tưởng ban đầu không nhằm tạo nên một sự kiện hoàn toàn mới mẻ mà chỉ nhằm tạo nên một thay đổi nào đó so với những lần tổ chức trước đó. Ví dụ, Đại hội Phù Đồng đã được quy trình hóa như một công thức tổ chức. Tuy nhiên mỗi lần tổ chức ở các địa phương khác nhau người ta vẫn tạo ra những ý tưởng mới như chủ đề và các biểu trưng trong trình diễn khai mạc như những khác biệt cho riêng lần diễn ra sự kiện đó.

Khi đã có ý tưởng, người tổ chức sự kiện đồng thời chuẩn bị cho những câu hỏi sau đây theo một cách cơ bản nhất:

- Mục đích của sự kiện này là gì?
- Sự kiện này dành cho ai?
- Những hoạt động chính của sự kiện sẽ diễn ra như thế nào?

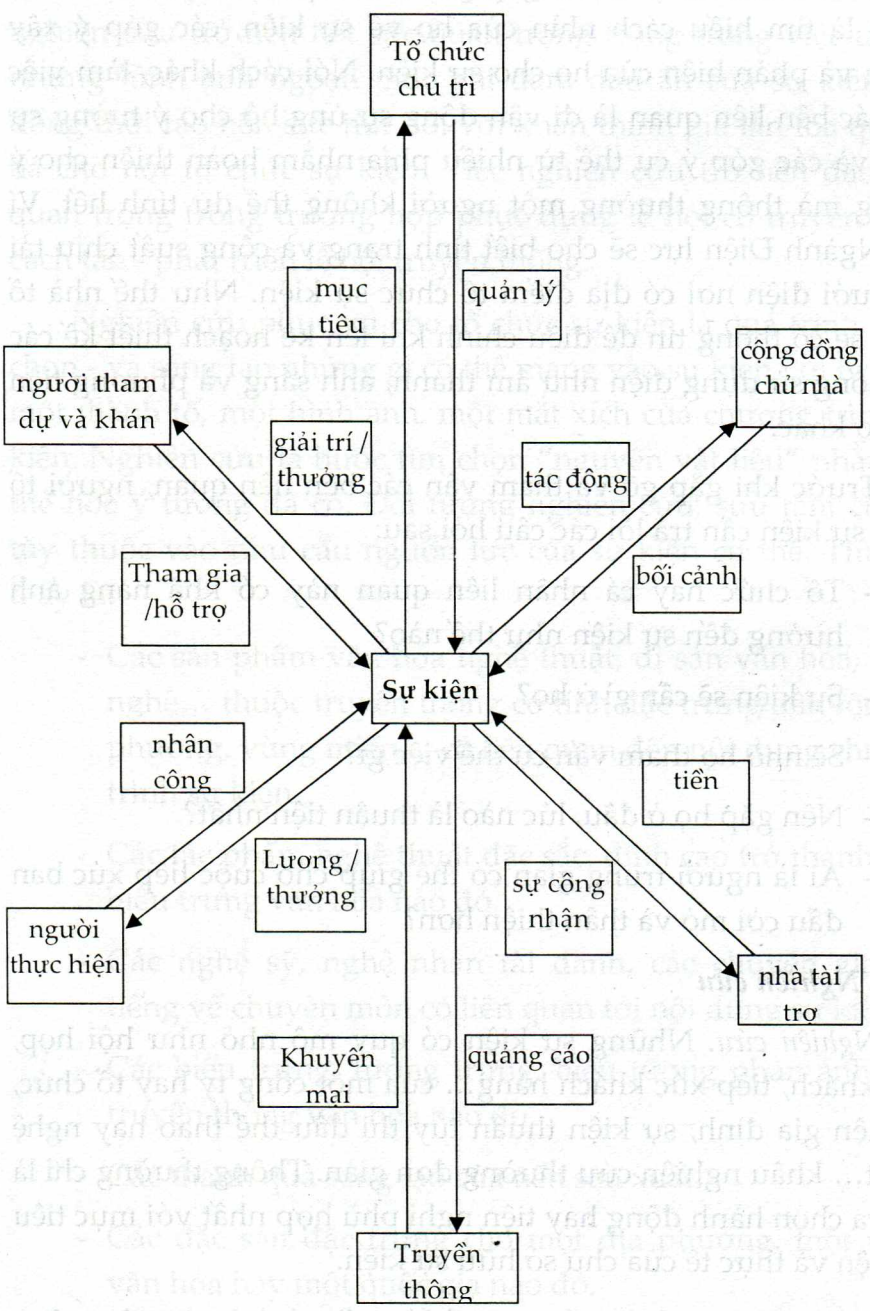
Tuy lúc này chưa thể có câu trả lời cụ thể và chi tiết vì còn thiếu những yếu tố thực tế để khẳng định. Nhưng chắc chắn bạn sẽ phải đối mặt với những câu hỏi này khi làm việc với các bên liên quan. Sau khi phân tích các tình huống như đã nói ở trên, nếu người tổ chức tin rằng ý tưởng về sự kiện là khả thi thì cần tiến hành làm việc với các bên liên quan.

3.1.2. Làm việc với các bên liên quan

Các sự kiện có quy mô lớn sẽ tác động đến hầu hết các mặt của đời sống xã hội. Nghĩa là sự kiện sẽ liên quan đến rất nhiều các bên khác nhau. *Các bên liên quan* là tất cả những cá nhân và tổ chức có khả năng ảnh hưởng tới sự kiện cũng như chịu ảnh hưởng do sự kiện. Thực tế việc tổ chức sự kiện ở Việt Nam đã cho thấy các bên liên quan quan trọng nhất có khả năng ảnh hưởng có tính quyết định đến thay đổi hay thành bại của sự kiện gồm:

- Lãnh đạo chính quyền địa phương nơi có địa điểm dự kiến của sự kiện.
- Các cơ quan công quyền và dịch vụ công cộng như: Quản lý văn hóa, Công an, Tài chính - Thuế vụ, Điện lực, Môi trường, Y tế, Quản lý địa điểm công, Giao thông công chính...
- Các nhà tài trợ.
- Cộng đồng dân cư xung quanh địa điểm dự kiến của sự kiện
- Các tổ chức và cá nhân nắm nguồn nhân lực mà sự kiện cần hợp đồng hay huy động.
- Các nhà cung cấp dịch vụ như thiết bị kỹ thuật, âm thanh, ánh sáng, dịch vụ ăn - nghỉ, dịch vụ trông giữ phương tiện giao thông...
- Giới truyền thông, giới chuyên gia có chuyên môn liên quan sự kiện.

Có thể hình dung khái quát các quan hệ của sự kiện theo bảng sau đây:



(Nguồn: [35])

Mục đích chủ yếu khi gặp gỡ và làm việc với các bên liên quan là tìm hiểu cách nhìn của họ về sự kiện, các góp ý xây dựng và phản biện của họ cho sự kiện. Nói cách khác, làm việc với các bên liên quan là đi vận động sự ủng hộ cho ý tưởng sự kiện và các góp ý cụ thể từ nhiều phía nhằm hoàn thiện cho ý tưởng mà thông thường một người không thể dự tính hết. Ví dụ: Ngành Điện lực sẽ cho biết tình trạng và công suất chịu tải của lưới điện nơi có địa điểm tổ chức sự kiện. Như thế nhà tổ chức sẽ có thông tin để điều chỉnh khi lên kế hoạch thiết kế các hệ thống sử dụng điện như âm thanh, ánh sáng và phương tiện hỗ trợ khác.

Trước khi gặp gỡ và tham vấn các bên liên quan, người tổ chức sự kiện cần trả lời các câu hỏi sau:

- Tổ chức hay cá nhân liên quan này có khả năng ảnh hưởng đến sự kiện như thế nào?
- Sự kiện sẽ cần gì ở họ?
- Sẽ nhờ họ tham vấn cụ thể việc gì?
- Nên gặp họ ở đâu, lúc nào là thuận tiện nhất?
- Ai là người trung gian có thể giúp cho cuộc tiếp xúc ban đầu cởi mở và thân thiện hơn?

3.1.3. Nghiên cứu

Nghiên cứu. Những sự kiện có quy mô nhỏ như hội họp, tiếp khách, tiếp xúc khách hàng... của một công ty hay tổ chức, sự kiện gia đình, sự kiện thuận túy thi đấu thể thao hay nghệ thuật... khâu nghiên cứu thường đơn giản. Thông thường chỉ là sự lựa chọn hành động hay tiện nghi phù hợp nhất với mục tiêu sự kiện và thực tế của chủ sở hữu sự kiện.

Với những sự kiện có quy mô lớn, tầm ảnh hưởng lan rộng và sử dụng nhiều yếu tố văn hóa nghệ thuật như lễ hội 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, Festival Biển Nha Trang, các trình

diễn khai mạc Đại hội thể thao khu vực hay toàn cầu... thì khâu nghiên cứu trở nên hết sức quan trọng trong việc tạo ra những hình ảnh ngoạn mục ghi đậm dấu ấn của sự kiện đó, đồng thời tạo nên sức hút đối với khán thính giả lan tỏa quảng bá cho nơi tổ chức sự kiện. Việc nghiên cứu trở nên đặc biệt quan trọng trong trường hợp phục dựng lễ hội cổ truyền hoặc cách tân - phát triển lễ hội truyền thống.

Nghiên cứu phục vụ cho tổ chức sự kiện là quá trình tìm - chọn - và sáng tạo những gì có thể mang vào sự kiện với tư cách một thành tố, một hình ảnh, một mắt xích của chương trình sự kiện. Nghiên cứu là bước tìm chọn “nguyên vật liệu” nhằm cụ thể hóa ý tưởng đã có. Đối tượng nghiên cứu, sưu tầm cụ thể tùy thuộc vào nhu cầu nguồn lực của sự kiện cụ thể. Thường thấy là:

- Các sản phẩm văn hóa nghệ thuật, di sản văn hóa, công nghệ... thuộc truyền thống có tính đặc trưng dân tộc, địa phương, vùng miền... có liên quan đến nội dung chương trình sự kiện.
- Các tác phẩm nghệ thuật đặc sắc, đỉnh cao trở thành một biểu trưng văn hóa nào đó.
- Các nghệ sỹ, nghệ nhân tài danh, các chuyên gia nổi tiếng về chuyên môn có liên quan tới nội dung sự kiện.
- Các biểu trưng, tượng trưng, biểu tượng phản ánh một truyền thống văn hóa nào đó.
- Các thành quả sáng tạo của nền sản xuất.
- Các đặc sản đặc trưng cho một địa phương, một vùng văn hóa hay một quốc gia nào đó.

Thông thường việc lên kế hoạch tổ chức nghiên cứu do đơn vị tổ chức sự kiện thực hiện theo các bước sau:

- Lấy thông tin ban đầu từ chuyên gia, tổ chức chuyên trách liên quan đối tượng nghiên cứu. Ví dụ, đối tượng tìm kiếm là múa dân gian khu vực Hà Nội, thì địa chỉ cần đến trước tiên là Viện Nghiên cứu Văn hóa, Hội Nghệ sỹ Múa Hà Nội.
- Tham vấn chuyên gia.
- Tổ chức đến thực địa để thẩm định.
- Lên danh mục sản phẩm, đối tượng đã được thẩm định.
- Phân tích, tìm hiểu sâu về sản phẩm hay đối tượng đã sưu tầm.
- Lựa chọn - thẩm mỹ hóa - sáng tạo dựa trên cốt lõi sản phẩm truyền thống đã sưu tầm và phân tích có khả năng đáp ứng yêu cầu của việc kiến tạo chương trình, phù hợp mục đích và các mục tiêu cần đạt được.

Một bản báo cáo kết quả nghiên cứu cần trả lời các câu hỏi sau đây:

- Cái gì?
- Ở đâu? Tiếp cận vào lúc nào?
- Hiện trạng ra sao?
- Ai đang sở hữu nó?
- Họ có sẵn sàng hợp tác không? Với điều kiện nào?

Báo cáo kết quả nghiên cứu cần phải kèm theo các bằng chứng cụ thể như băng ghi âm, ghi hình, hình vẽ, hiện vật... Việc nghiên cứu và lựa chọn cũng có thể thực hiện bằng cách thuê khoán chuyên môn hoặc hợp tác với chuyên gia.

Một nghiên cứu trường hợp: tìm hiểu trò xưa ở hội Gióng đền Sóc phục vụ cho tổ chức phục dựng lễ hội này.

Đền Sóc Sơn thuộc huyện Sóc Sơn - Hà Nội, cách trung tâm Thành phố khoảng 35km về hướng Đông Bắc. Sóc Sơn nằm trong không gian từ Phong Châu đến Cổ Loa xưa, vùng đất

dày đặc những huyền thoại, huyền tích, chứng tích thừa dựng nước. Các phong tục - hội hè có nhiều nét tương đồng với quê hương các vua Hùng và cùng chung dáng vẻ của “vùng văn hóa trước núi” (chữ dùng của Trần Quốc Vượng).

Theo lời kể của người dân địa phương thì hội Sóc Sơn xưa có 8 tục: Dâng (rước) giò Hoa Tre, Dâng voi, Dâng gà, Dâng trâu, Dâng cò voi, Dâng trái, Trảm tướng (chém tướng). Trong văn bia trên núi bia thuộc cụm di tích, tục thứ 9 là Dâng cây. Với tinh thần phục nguyên để bảo tồn, chúng tôi đã phục dựng 7 tục. Còn tục Rước trái và Dâng Cây chưa có điều kiện phục dựng

Tục dâng giò Hoa Tre cho thần (Thánh Gióng)

Hoa tre còn được gọi là Hoa Trúc. Dâng giò còn được gọi là Dâng giò hay tiến, cung tiến giò.

Hoa Tre (Hoa Trúc) được làm bằng cách nạo thanh tre cật dài khoảng 40 cm thành những tua bông dòn về một đầu (gọi là kéo dò). Sau đó nhuộm màu vàng rực (xưa lấy quả dành dành - màu vàng dành dành để nhuộm). Người ta lấy thân một cây chuối rồi cắm hàng trăm Hoa Tre lên để tạo thành một bó xum xuê gọi là một cỗ giò. Cỗ giò được kết lên một kiệu đơn giản bằng tre cho 4 người, hoặc 8 người khiêng. Kích thước của cỗ giò không thống nhất, tùy năm được mùa hay mất mùa và tùy để thờ vọng hay rước vào đền. Cỗ giò của làng Vệ Linh (làng Tạo Lệ) gọi là giò Đầu nước (vai vế cao nhất, quan trọng nhất trong lễ hội của một vùng này). Có cỗ giò trên đỉnh thổng cắm một lưỡi Mác và được gọi là giò lưỡi mác. Trên các cỗ giò còn cắm lá xanh. Khi vào hội, cỗ giò Đầu nước được rước từ đình làng Vệ Linh vào đền Sóc để dâng Thánh. Sau đó dân dự hội lao vào tranh cướp các Hoa Tre (tục cướp Hoa Tre, cướp Bông).

Về ý nghĩa của giò Hoa Tre, dân sở tại giải thích rằng: Hoa Tre là thứ hoa tinh khiết nhất không ong bướm nào châm được. Do đó đem dâng Thánh vào hội xuân.

Có học giả lại cho Hoa Tre gợi ý hình ảnh chiếc roi ngựa Thánh Gióng hoặc gậy tre (bụi tre) Thánh gióng dùng làm vũ khí để quét giặc. Cũng có một số ý kiến giải thích đó là Linga.

Người viết đã nghiên cứu và quan sát kỹ lưỡng toàn bộ nghi thức trong nhiều năm. Đặc biệt là thái độ của dân chúng đối với biểu vật này thì nhận thấy:

Thứ nhất: Nói rằng là hình ảnh chiếc roi ngựa hoặc gậy tre Thánh Gióng thì có lẽ suy diễn quá xa về biểu vật, gán nó một cách gượng ép với Thánh Gióng đánh giặc, vốn là lớp lịch sử hóa muộn màng được trù lên ông thần núi Sóc Sơn - Tam Đảo đã có từ xa xưa (một tín ngưỡng thờ thần núi từ thừa sơ khai) trong tâm thức dân gian. Bản thân người dân trong vùng thờ Thánh Gióng đền Sóc ý thức rất mờ nhạt về một Thánh Gióng - Phù Đồng anh hùng đánh giặc... (khi được hỏi có nhiều người trong các làng quê này không biết. Có người rất mơ màng, chỉ “nghe đâu...”. Một vài người biết rõ thì thuộc tầng lớp Đồ Nho trong làng còn lại. Nhưng trong tâm thức họ rất sâu sắc về “Ngài” - vị thần núi Sóc, có quyền uy lớn lao, có thể trừng phạt hay phù trợ tùy vào lối ứng xử của con người. Với họ, cỗ giò Hoa Tre có vai trò một thứ “cỗ”, một vật phẩm quan trọng không thể thiếu đem dâng cúng thần trong ngày lễ hội để khí thiêng của thần thông qua biểu vật này lan tỏa trong con người và đất đai của họ. Và lại, nếu giải thích đây là cái dân làm để tưởng nhớ chiến công thắng giặc Ân của Thánh Gióng thì sẽ xử lý thế nào với cỗ Bông (giống cỗ giò Hoa Tre) ở một số hội không thờ Thánh Gióng?

Do vậy, về phương diện lịch sử văn hóa, chúng tôi không nhất trí với cách giải thích Hoa Tre, cỗ giò Hoa Tre có ý nghĩa tưởng nhớ chiến công của Thánh Gióng đánh giặc.

Thứ hai: Nếu cho rằng Hoa Tre là di vật hay hình ảnh của Linga (mang tính +) thì e rằng ngược với cấu trúc và quan niệm lưỡng phân lưỡng hợp trong truyền thống văn hóa lễ hội nông

ngiệp. Trước hết, ông thần núi Sóc mang tính (+), mây đông - mặt trời - Thánh Gióng mang tính (+) (người Việt có câu: “Sống gửi thác về”, ông Gióng hóa về trời). Như vậy “Đông Sóc thiên vương” là Dương thần. Hoa Tre (cái tinh khiết) - Giò đầu nước, nghi lễ đầu tiên, quan trọng nhất (do vậy mà hơn nửa thế kỷ, các trò khác không tổ chức nhưng hàng năm dân làng Vệ Linh vẫn làm giò Hoa Tre để dâng cúng và cướp giò - tranh lộc), cái mà dân đem dâng cúng với ý nghĩa để thụ khí (+) thần thì nhất định phải mang tính (-) mà không thể là Linga (+) được.

Chúng tôi cho rằng Hoa Tre, cỗ giò Hoa Tre là biểu tượng về lúa, bông lúa chín, bó xum xuê ngày mùa, mang hồn mẹ lúa.

Tín ngưỡng về lúa và tục dâng cúng lúa phổ biến khắp vùng Đông Nam Á và rất đậm trong văn hóa tín ngưỡng ở các dân tộc Việt Nam (chúng tôi đã trình bày trong bài luận: *Tín ngưỡng về lúa như một đặc trưng văn hóa Đông Nam Á* thuộc môn học: *Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á*. Hình ảnh chiếc Hoa Tre và cỗ giò hoa tre gợi sự liên tưởng tới bông lúa, bó lúa ngày mùa. Đến tận ngày nay người Thái - Mường Hòa Bình ngày mùa vẫn chọn những bông lúa trĩu hạt, bó thành bó xum xuê để dâng ông bà tổ tiên. Có thể có sự liên hệ giữa Hoa Tre và Bông lau - Bông lúa trên trống đồng. Tục dâng lúa có thể chuyển dịch từ hội mừng lúa mùa (cơm mới) sang hội xuân để rồi hòa nhập với tâm thức hội xuân mà mang ý nghĩa phồn thực. Hoa Tre “thứ hoa tinh khiết” trong ý niệm dân gian mang tính (-) lúa, hồn lúa, mẹ lúa mang tính (-) khi hòa hợp với thánh Gióng núi Sóc mang tính (+) mới là hợp cấu trúc văn hóa lưỡng phân lưỡng hợp, mà sinh lộc để dân “tranh lộc” trong mong muốn sự tốt lành sẽ dẫn đến trong năm.

Tục Dâng voi (rước voi) và Dâng ngà (rước ngà)

Voi đàn bằng tre không có ngà, phết giấy màu đen, vẽ hoa văn tượng như đá, núi. Tính từ chân đến chiếc vòi hoa lên trời, cao trên 3m. Voi do làng Dục Thượng rước vào đền làm

lễ dâng thánh rồi hóa (đốt). Ngà làm bằng gỗ mủ màu trắng có vẽ hoa văn vân vũ, do làng Phả Lộng rước vào đền cung tiến rồi để ở hậu cung, mùa hội năm sau khi thay ngà mới thì hóa ngà cũ.

Chúng tôi phục nguyên cả hai tục này vào năm 1994. Chưa học giả nào giải thích hiện tượng voi và ngà rước riêng rẽ ở hội Gióng đền Sóc.

Dân trong vùng kể rằng: Xưa kia voi của thánh ra ruộng ăn lúa của dân. Tượng voi rừng dân đuổi đánh. Đuổi đến làng Phả Lộng đánh gãy 2 ngà. Đuổi đến làng Dục Thượng thì giết chết voi. Sau thánh hiển linh làm dịch bệnh và phá mùa màng. Ngài phán rằng phải đền voi cho ngài nếu không sẽ giết cả làng. Từ đó dân Phả Lộng phải đền ngà, dân Dục Thượng phải đền voi.

Truyền thuyết trên chỉ có thể là một minh chứng cho thánh Gióng Sóc Sơn trong tâm thức dân gian là linh thần núi Sóc đây quyền uy chứ không thể là Phù Đổng. Biểu tượng của nhân cách Việt Nam, “của cả Việt Nam” (chữ dùng của Trần Quốc Vượng).

Theo chúng tôi, tục dâng voi, dâng ngà ở đây có thể là tích hợp của những lớp lịch sử - văn hóa từ xa xưa như:

Một vết tích tín ngưỡng về voi. Có lẽ trong văn hóa bản địa Việt không có tín ngưỡng thờ ngựa. Nếu như thánh Gióng là một anh hùng chỉ sinh ra để đánh giặc thì phải cưỡi voi mới phải, trên vùng đất sinh tụ của người Việt, có rất nhiều huyền tích liên quan đến voi: Núi voi, giếng voi, mả voi... Người Việt tôn voi bằng ông (có chuyện kể ở Tánh Linh khi bị voi đuổi người ta quỳ lạy “ông” mà không chống trả). Tục rước voi (nhưng không mất ngà, có cả ở Phong Châu). Tượng voi có mặt ở rất nhiều đền miếu. Trong lịch sử, Bà Trưng - Bà Triệu, Dã Tượng, Quang Trung đều gắn với voi. Vua Bảo Đại tế trời cùng với 12 con voi ở Ban Mê Thuột.

Đông Nam Á là không gian văn hóa có nhiều yếu tố liên quan đến voi.

Sự liên quan tới tín ngưỡng về đá - núi và quyền lực của thần

Nhìn con voi được tạo ra ở hội Sóc Sơn gợi hình ảnh của Đá - Núi và ma thuật tiếp xúc đá (sau khi làm xong voi và tế lễ tại đình làng Dược Thượng, trẻ con chui qua bụng voi để cầu mong sức khỏe (Ấn Độ cũng có tục chui qua bụng voi đá). Và, dày đặc truyền thuyết: Xưa có 100 con voi cùng châu về thần, có một con bất quy phục, thánh (núi Sóc Sơn) vua Hùng (núi Ngũ Lĩnh) Bà Chúa Ba (chùa Hương)... Chém cụt đầu còn lại 99 con. Có thể suy luận: số 9 là con số cao nhất trong quan niệm về con số trong dân gian. Nó biểu thị lớn nhất và rất nhiều. Bội số của hai số chín ("vũ trụ chia hai hòa một" - Trần Quốc Vượng) là 18, 18 đời vua Hùng: nhiều đời vua Việt đời đời bền vững sinh sôi. Bội số của bốn số 9 (bốn phương trời) là 36 (36 phố phường Hà Nội: nhiều phố phường). Như thế, các thần ngự trị cùng 99 con voi có thể mang ý nghĩa về sự khẳng định quyền uy cao nhất vùng. Các đình quyền lực được lấy hình ảnh từ núi cao Khun - Cùn - Hùng (theo Trần Quốc Vượng và Phạm Đức Dương). Thống lĩnh một vùng gồm nhiều cộng đồng lệ thuộc (trăm voi cùng châu về) có thể là những tín hiệu vọng từ thời dựng nước được khuyếch tán qua trò dâng voi Sóc Sơn và truyền thuyết liên quan đến thần núi và nhiều voi châu về.

Lớp ý nghĩa phồn thực

Nếu con voi có đủ ngà thì sẽ là tròn chính, hoàn thiện: chẵn (-). Do vậy, lấy đi một bộ phận làm cho chưa hoàn thiện: lẻ (+) = sinh sôi.

Một trò diễn tích cổ

Trò diễn tích cổ khá phổ biến trong các lễ hội cổ truyền ở nước ta. Nên có thể nghĩ đến tục rước voi rước ngà có ý nghĩa

như diễn lại truyền thuyết về con voi bất thần phục bị chặt đầu nhằm tôn vinh sức mạnh và uy lực của thần.

Có thể, tục rước voi và rước ngà riêng lẻ ở hội Sóc Sơn hàm chứa tất cả những ý nghĩa kể trên.

* **Tục dâng trâu** (rước trâu) và dâng cò voi (rước cò voi) cây trâu làm bằng cách đan tre hình tháp tròn - nhọn rồi cuốn dày dâng trâu không lên trên. Nhìn giống một cây lớn có thể vươn lên trời. Cây trâu được kết trên một kiệu tre và do các cô gái còn trinh tiết khiêng.

Rất dễ nhận ra đây là di vết thờ cây vũ trụ mà theo các nhà khoa học có từ thừa sơ khai phổ biến ở Đông Nam Á và nhiều nơi trên thế giới. Ở đây lớp ý nghĩa phần thực được phản ánh đậm nét bởi cây trâu được đặt trên các cô gái độ tuổi dậy thì.

Còn cò voi giống như 2 cây chuối thường gập trong đám ma, cũng có ý nghĩa tương tự (nghe kể: xưa kia dưới chân cò voi còn để túi (hoặc sọt) hạt giống).

Tục thờ cây vũ trụ và ý niệm về cây thiêng nay còn và thấy phổ biến trong cả vùng trung châu (cả vùng Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Sóc Sơn đều thấy có mía còn cả ngọn dựng đứng bên bàn thờ ngày tết. Có cả diễn xướng liên quan đến mía và lúa trong lễ hội Trám).

Văn bia đền Sóc cũng có nhắc tới tục Dâng cây.

* **Tục Rước trái (dâng quân thuyền)**

Trái làm bằng tre hình thuyền đuôi én, trên có cột 20 hình nhân bằng rom trong thế chèo thuyền.

Dân kể rằng: Xưa có 2 lính của Thánh Gióng đồn trú trong núi Sóc ra làng (Đức Hậu) trêu gái, bị trai làng đánh chết. Thánh hiển linh quở: nếu không đền một mạng thành mười mạng thì sẽ giết cả làng. Từ đó hàng năm dân phải đền 20 hình nhân cho thánh đỡ giận.

Hàng năm mở hội, dân rước trái đi nửa đêm về sáng. Rước đến gần đền thì đốt và vội vàng ù té chạy.

Có thể thấy: Nghe tên “trái” và 20 hình nhân trên chiếc thuyền đuôi én, là hình ảnh của tục đua thuyền cầu mưa rất phổ biến trên trống đồng. Điều đó cho phép nghĩ đây là di vết của 1 nghi lễ cầu mưa từ xa xưa được nhập vào hội Gióng. Nhưng tại sao dân lại sợ trái đến nỗi những người đi trên đường mà gặp rước trái người ta đều nhảy xuống ruộng trốn? Và bản thân những người đi rước cũng vội vàng đốt vứt bỏ rồi bỏ chạy thực mạng? Chúng tôi nghĩ đến có sự trộn lẫn của lớp tục chèo thuyền đưa xác (linh) người chết về thế giới bên kia. Cũng có thể là trí nhớ vô thức về tục thủy tang.

Chúng tôi đã thử phục dựng nhưng vấp phải những vấn đề được cho là “dị đoan” nên chưa đưa trả về hội hàng năm được.

* Tục Chém tướng (trảm tướng, dâng tướng)

Có rất nhiều người giải thích là để kỷ niệm việc Thánh Gióng chém Thạch Linh tướng quân ở chân núi Sóc (một dị bản truyện Thánh Gióng). Dân địa phương gọi là trảm tướng và cũng rất mơ màng về ý nghĩa của tục này.

Tướng là 1 hoặc 3 cô gái tuổi dậy thì (chọn bằng tục chém tướng ở tại làng Yên Tòng xã Bắc Phú theo những tiêu chuẩn: đẹp người, đẹp nết, con nhà đông con, không tang ma, không phạm lệ).

Tướng được đặt trên 1 chiếc ghế tre, đằng sau có người nhà là đàn ông - thanh niên cầm 1 con dao (loại đi làm nương hay vườn) gọi là hộ tướng. Tướng mặc áo đỏ rực giống như 28 nữ tướng hội Gióng làng Phù Đổng. Tướng được rước (khi rước tướng đi bộ, chỉ khi đến núi Yên Ngựa đối diện với đền Sóc thì mới lên ghế tre) như nghi thức rước thần. Khi đến đỉnh núi Yên Ngựa, kiệu cò phất 3 vãn thuận/ nghịch hướng về núi đền Sóc,

tướng trèo lên ghế, dân đồng thanh hô “Lạy vua” ba lần. Dứt tiếng hô, hộ tướng chạm dao vào chân ghế rồi rút dao, bế thốc cô gái chạy xuống núi vòng qua cánh đồng về làng.

Khi phục dựng, chúng tôi thấy khó có thể giải thích đây là “chém tướng” có liên quan đến trận mạc.

*** Có thể nghĩ tới các lớp sau:**

- Di vết của tục hiến sinh bằng người. Việc hiến sinh cho thần linh bằng sinh mạng con người là phổ biến khắp trên thế giới và Đông Nam Á thời xưa. Ngay đến giữa thế kỷ XIX ở Nha Trang - Hòn Đồi ngư dân còn ném một đứa trẻ con người Thượng xuống biển trước mùa cá hàng năm (Phạm Quang Nghiêm - 1965). Cho nên tục này trong văn bia ghi là: Dâng tướng chứ không phải chém tướng.

Việc dâng con gái đẹp cho thần linh (Nam thần) ở núi Sóc cũng giống như dâng gái đẹp làm cung tần cho vua (nên dân mới hô: Lạy vua) để làm yên lòng thần (vua) cầu phù hộ cho dân làng.

- Lớp phồn thực:

Việc cô gái đứng dưới cây cờ phất về hướng dương thần núi Sóc rồi được cồng chạy qua các cánh đồng, đây có thể là một ma thuật mang ý nghĩa phồn thực. Do vậy mà tướng phải là gái dậy thì - đồng trinh và xinh đẹp chứ không phải “mặt sất đen sì” theo cách nghĩ của dân gian về giặc. Tục này giống như tục 28 nữ tướng giặc Ân và phất cờ ở hội Gióng Phù Đổng mà các nhà khoa học đều cho rằng có ý nghĩa phồn thực, cầu mưa.

- Lớp lịch sử “tướng giặc” có lẽ là “lớp muộn màng về sau” (chữ dùng của Trần Quốc Vượng) khi ý thức về lịch sử, về quốc gia dân tộc đã được khẳng định và tôn vinh từ thời phong kiến thịnh trị.

Như vậy, các tục - trò ở hội Gióng đền Sóc là cái còn lại từ các tín ngưỡng thời sơ khai mà chúng tôi tạm gọi là thời dựng nước. Liên quan đến các đặc điểm sinh tự của con người Việt cổ: rừng, núi, đá, công, sông, voi, lúa, cầu mưa... triết lý căn bản vẫn là “triết lý hội xuân”.

Trong khuôn khổ một hợp đồng ký kết năm 1993 về việc nghiên cứu và phục dựng lễ hội đền Sóc Sơn giữa Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn và Đại học Văn hóa Hà Nội, Ts. Cao Đức Hải đã trực tiếp tiến hành điền tra nghiên cứu và phục dựng lễ hội này trong 3 năm từ 1994 đến 1996. Việc nghiên cứu tìm lại bản nguyên của các tục xưa vốn có trong lễ hội đền Sóc Sơn đã được sự hỗ trợ tận tình bởi những người cung cấp thông tin ở địa phương như: cụ Điền (sinh 1931) - nguyên thủ từ của đền Sóc Sơn, cụ Nguyễn Văn Đán (sinh 1937) - thôn Dược Thượng, bà Nguyễn Thị Phương (sinh 1960) - phòng Văn hóa huyện Sóc Sơn ... cùng nhiều người dân các làng có liên quan trên địa bàn huyện. Quá trình phục dựng lễ hội được sự quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân - phòng Văn hóa huyện, phối hợp với nhóm công tác chuyên môn gồm Ts. Cao Đức Hải cùng hai học trò Nguyễn Phong Thu và Phạm Ngọc Sơn là người địa phương làm trợ lý. Năm 2010, lễ hội thờ Thánh Gióng đền Sóc Sơn đã được Unesco công nhận là di sản văn hóa phi vật của Nhân loại

(Cao Đức Hải, 1996)

3.1.4. Lên chương trình ban đầu

Nói *chương trình ban đầu* vì trong quá trình tiến đến khi sự kiện thực sự diễn ra còn rất nhiều vấn đề thực tế có thể ảnh hưởng tới chương trình. Thậm chí, có không ít chương trình phải thay đổi vào phút chót. Ví dụ, một sự kiện đã thông báo với khách mời sự có mặt của một nhân vật cao cấp của Chính phủ. Nhưng đến thời điểm diễn ra sự kiện, nhân vật này vắng mặt vì

bạn một cuộc họp đột xuất. Sự cố này đã làm đảo lộn cả chương trình vốn được lên chặt chẽ từ trước. Mặt khác, trong giai đoạn này chúng ta vẫn chưa có những thông số tin cậy về tài chính, marketing và nhiều yếu tố khác có khả năng tác động làm thay đổi chương trình. Festival Cầu Long Biên là một ví dụ sinh động về sự thay đổi chương trình do cam kết và thực tế tài trợ thay đổi. Do vậy trong thực tế chương trình chỉ có thể ổn định tương đối sau khi đã lên kế hoạch và thực hiện được một cách cơ bản bởi các hợp đồng có giá trị pháp lý.

Bản chương trình là tất cả những gì sẽ diễn ra trước khán thính giả trong sự kiện được thể hiện bằng văn bản. Bản chương trình cũng thường được gọi là kịch bản sự kiện. Thông thường một hồ sơ chương trình sự kiện gồm: *kịch bản văn học* (mô tả chương trình theo lối văn xuôi) và một *kịch bản phân cảnh* (gồm các tiết mục hay hoạt động, phối hợp với âm thanh, ánh sáng, phương tiện kỹ thuật hỗ trợ, trên địa điểm và theo lịch trình thời gian diễn ra sự kiện).

Quy trình lên chương trình sự kiện thường được thực hiện theo những bước sau:

- Xác định sứ mạng (hay triết lý của sự kiện), mục đích và các mục tiêu cần đạt được. Quyết định chủ đề cho chương trình sự kiện.
- Lập nhóm chương trình. Thường thấy gồm tác giả có kinh nghiệm, nhà tổ chức, chuyên gia chuyên môn liên quan.
- Đánh giá lại các kết quả nghiên cứu và đưa ra những *lựa chọn quyết định*: những gì sẽ là yếu tố cốt lõi thể hiện chủ đề của chương trình, những gì sẽ là yếu tố phối hợp và bổ trợ cho chương trình.
- Lựa chọn địa điểm với các câu hỏi sau:
 - + Tại sao lại là ở đây mà không phải ở chỗ khác?
 - + Địa điểm này có hỗ trợ phát triển chủ đề hay không?

+ Địa điểm này có thuận lợi cho triển khai công tác hậu cần và các dịch vụ khác dành cho khách mời và khán thính giả hay không?

+ Địa điểm này có thuận lợi cho công tác an ninh, trật tự, an toàn giao thông và môi trường hay không?...

- Lựa chọn thời gian với các câu hỏi tương tự như trên.

- Lựa chọn hình thức sự kiện.

- Bàn bạc kỹ lưỡng theo nhóm và phân công người chấp bút. Chú ý: hãy bám sát chủ đề, mục đích và các mục tiêu của sự kiện.

Việc lên chương trình cũng có thể thực hiện bằng *thuê tư vấn* chuyên môn hoặc *thuê khoán toàn bộ việc lên kịch bản* (đặt hàng) trên cơ sở các thông số và *yêu cầu của bên quản lý/ tổ chức* sự kiện.

Khi đã có chương trình ban đầu trong tay, cần tiếp tục tham vấn các bên liên quan có vai trò ảnh hưởng lớn tới thành bại của sự kiện.

3.2. Lập kế hoạch tổ chức sự kiện

Lập kế hoạch sự kiện là việc hoạch định chi tiết và sắp xếp thời gian theo lịch trình tiến độ cho các phần việc khác nhau nhằm thực hiện được các mục tiêu và mục đích cuối cùng vào thời điểm diễn ra sự kiện đã định trước. Các bước đã trình bày định hình cho người tổ chức sự kiện biết: sẽ làm cái gì, thì giai đoạn lập kế hoạch sẽ trả lời cho câu hỏi: cần phải làm những gì để thực hiện cái đó và bằng những cách nào. Quá trình lập kế hoạch sự kiện được coi là giai đoạn nghiên cứu khả thi, trong đó người tổ chức sự kiện cần xác định khả năng của tổ chức mà họ đại diện, chi phí và lợi ích. Tùy theo từng sự kiện, đó có thể là các yêu cầu về tài chính, nhu cầu kỹ năng quản lý, địa điểm tổ chức, cộng đồng tham dự, tác động của sự kiện tới đời sống xã hội địa phương, sự sẵn sàng của các tình nguyện viên, nhà

tài trợ và các dịch vụ tham gia hay hỗ trợ sự kiện, số người có thể tham dự và đến xem, yêu cầu cơ sở vật chất, sự sẵn sàng hỗ trợ tinh thần, ngân sách hay cơ sở vật chất của khu vực nhà nước hay tư nhân... Trên cơ sở những yếu tố mà lập kế hoạch thực hiện. Đây là giai đoạn gần như đồng thời phải giải quyết rất nhiều công việc như: huy động các nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật cho sự kiện, marketing và quảng bá sự kiện, dự tính và lên phương án quản lý rủi ro, hệ thống kiểm tra, giám sát và xử lý những sự cố phát sinh, phân công công việc và lên lịch trình sự kiện. Tất cả những công việc này luôn luôn được hiệu chỉnh để bám sát mục đích và các mục tiêu đã xác định. Mục đích là cái trả lời cho câu hỏi: tổ chức sự kiện này để làm gì? Mục tiêu là sự lượng hóa bằng những dấu mốc cụ thể phải đạt được để tiến tới mục đích. Ví dụ: số lượng khán thính giả, số lượng và vị thế của khách mời, số tiền nhận được từ tài trợ, tổng số lợi nhuận thu được qua sự kiện, đánh giá của dư luận về sự kiện...

Nguồn lực cho tổ chức sự kiện có thể hiểu rộng rãi là tất cả những gì cần có và phải được huy động để sự kiện diễn ra trong thực tế. Tuy nhiên để dễ hình dung, mục này sẽ tập trung vào các nguồn lực cơ bản như: ngân sách/ tài chính, nguồn nhân lực sự kiện, marketing, hậu cần (cơ sở hạ tầng, phương tiện vật chất/kỹ thuật và dịch vụ), các vấn đề pháp lý cho sự kiện.

3.2.1. Dự toán ngân sách sự kiện

Ngân sách sự kiện là tổng các nguồn đầu tư cần có để sự kiện trở thành hiện thực. Ngân sách cho sự kiện có thể được xây dựng bằng tổng các nguồn thu từ:

- Nguồn đầu tư từ ngân sách chính phủ (Trung ương hoặc địa phương).
- Nguồn đầu tư từ ngân sách dành cho quảng cáo của các doanh nghiệp có chính sách quảng cáo bằng tài trợ (bằng tiền hoặc hiện vật).

- Nguồn đầu tư dành cho tham gia hoạt động xã hội trên địa bàn đóng quân của các công ty.
- Nguồn đầu tư của các mạnh thường quân.
- Nguồn thu từ bán vé sự kiện.
- Nguồn thu từ các kinh doanh dịch vụ khác thuộc sự kiện.

Trong các nguồn trên, thực tế ở Việt Nam quan trọng hơn cả đối với hoạt động sự kiện là nguồn từ các doanh nghiệp tài trợ và nguồn từ ngân sách Chính phủ. Kế hoạch ngân sách cho sự kiện thường được thể bằng bảng dự tính thu chi gồm tổng các khoản thu trong so sánh với tổng các khoản phải chi để tạo ra sự kiện. Bảng kế hoạch tài chính này còn là thước đo đánh giá về mức độ thành công của sự kiện trong các mục tiêu về lợi nhuận.

Nếu như con số ước tính tổng thu nhỏ hơn tổng chi thì có thể dẫn tới phải thay đổi chương trình và các dịch vụ cho phù hợp. Nếu như số ước tính thu (khi đã có cam kết) đảm bảo cho các mục tiêu sự kiện thì kế hoạch tài chính là khả thi, và dự án sự kiện có thể đi những bước tiếp theo. Dưới đây là một ví dụ về bảng kế hoạch tài chính có tính phổ biến:

Thu nhập	Số lượng	Chi phí	Số lượng
Tài trợ Chính phủ		Thuê khoán chuyên môn	
Tài trợ của doanh nghiệp		Quảng cáo	
Tài trợ khác...		Chi phí thuê địa điểm	
Bán vé		Thiết bị	
Cho thuê địa điểm dịch vụ		Lương	
Thu từ dịch vụ trực tiếp thuộc sự kiện		Bảo hiểm	
(...)		Giấy phép	
		An ninh	
		Kế toán	
		Lau dọn	

		Đi lại	
		Nơi ở	
		Chi phí văn phòng	
		Dịch vụ khách hàng	
		Thuế	
		Bồi dưỡng tình nguyện viên	
		Dự phòng rủi ro (...)	
	Tổng số		Tổng số
Thu nhập	Số lượng	Chi phí	Số lượng
Tài trợ Chính phủ		Thuê khoán chuyên môn	
Tài trợ của doanh nghiệp		Quảng cáo	
Tài trợ khác...		Chi phí thuê địa điểm	
Bán vé		Thiết bị	
Cho thuê địa điểm dịch vụ		Lương	
Thu từ dịch vụ trực tiếp thuộc sự kiện		Bảo hiểm	
(...)		Giấy phép	
		An ninh	
		Kế toán	
		Lau dọn	
		Đi lại	
		Nơi ở	
		Chi phí văn phòng	
		Dịch vụ khách hàng	
		Thuế	
		Bồi dưỡng tình nguyện viên	
		Dự phòng rủi ro (...)	
	Tổng số		Tổng số

Sau khi đã dự tính được các chi phí và các khoản doanh thu hợp lý, cần phải chuẩn bị bản phác thảo ngân quỹ để làm việc với cơ quan chức năng liên quan của nhà nước và nhà tài trợ.

Công việc dự toán tài chính thường do một hoặc bộ phận kế toán chuyên nghiệp hoặc được thuê đảm trách.

3.2.2. Vận động tài trợ

Vận động tài trợ là việc làm sống còn của các nhà tổ chức sự kiện ngày nay. Chính các nguồn lực tài trợ đã tạo nên hàng loạt các sự kiện với đủ mọi hình thức quy mô trên toàn thế giới. Việc vận động tài trợ về cơ bản đòi hỏi phải trả lời các câu hỏi sau:

- Ai là nhà tài trợ sự kiện?
- Vì sao họ tài trợ cho sự kiện?
- Những tiêu chí sàng lọc sự kiện của nhà tài trợ để ra quyết định tài trợ hay không cho một sự kiện là gì?
- Sự kiện của chúng ta có gì để gây chú ý với nhà tài trợ?
- Những gì cần đem đến giải trình với nhà tài trợ?
- Làm thế nào tiếp cận được với nhà tài trợ một cách cởi mở nhất?
- Cần trao đổi lợi ích gì với nhà tài trợ hiệu quả và thực tế nhất?
- Làm gì để nuôi dưỡng quan hệ tốt và bền vững với nhà tài trợ để chuẩn bị cho các sự kiện được tổ chức lần sau?

Những kiến thức và kỹ năng vận động tài trợ đã được cung cấp một cách bài bản ở giáo trình môn học *Gây quỹ và Tài trợ* thuộc chương trình đào tạo của khoa Quản lý văn hóa nghệ thuật. Sinh viên có thể ứng dụng vào việc vận động tài trợ cho sự kiện. Ở tài liệu này chỉ cung cấp thêm một tổng thuật dưới đây về Tiêu chí sàng lọc nói chung mà các doanh nghiệp tài trợ thường sử dụng để lựa chọn sự kiện tài trợ, nhằm phục vụ cho các mục tiêu quảng bá thương hiệu của nhà tài trợ.

Tiêu chí sàng lọc mà các doanh nghiệp dùng đến để ra quyết định về tài trợ

1. Khán giả khách hàng

Tổng hợp về nhân khẩu học, thái độ và lối sống của khán giả mục tiêu có tương đồng với thị trường mục tiêu của sản phẩm không?

Khán giả tại địa điểm tổ chức sự kiện là gì?

Liệu tài trợ cho chương trình này có phải là cách tốt nhất để giới thiệu về sản phẩm/ dịch vụ cho khán giả mục tiêu này không?

2. Tiềm năng quảng cáo

Giá trị về mặt tin tức vốn có của sự kiện là gì?

Tin tức đưa thêm qua báo chí và các phương tiện truyền thông về nhà tài trợ có phù hợp không?

Tin tức được phát ra trong phạm vi địa phương, khu vực hay toàn quốc? Phạm vi địa lý của khán giả của các phương tiện truyền thông này có tương đồng với khu vực kinh doanh sản phẩm không?

Liệu sự kiện có bị ràng buộc với hoạt động quảng cáo tại các phương tiện truyền thông khác không?

Sản phẩm/ dịch vụ của công ty có được phép bán tại sự kiện không?

Sự kiện kéo dài trong bao lâu?

Banner và các biển hiệu có được dùng kèm trong hoạt động tài trợ không? Được sử dụng bao nhiêu cái và cỡ của chúng là gì? Liệu chúng có được thấy trên các kênh quảng cáo qua truyền hình không?

Tên và logo sản phẩm có được xác định trong nội dung quảng cáo cho hoạt động không?

Cần bao nhiêu áp phích cho sự kiện?

Cần bao nhiêu bài thông cáo báo chí?

Cần bao nhiêu địa điểm bán hàng?

Cần bao nhiêu chương trình quảng cáo trên truyền hình và tại các đài nào?

Cần bao nhiêu chương trình quảng cáo trên đài phát thanh và tại các đài nào?

Cần bao nhiêu bài quảng cáo trên báo chí và trên các phương tiện in ấn nào?

Cần bao nhiêu bài quảng cáo Internet (trang về sự kiện, quảng cáo qua banner) và tại các trang nào?

Tên sản phẩm xuất hiện ở đâu trong tờ chương trình dành cho sự kiện? Mặt trước hay mặt sau? Số lượng và địa điểm quảng cáo? Bao nhiêu tờ?

Tên của sản phẩm có được nhắc đến trong các hệ thống thông tin dành cho công chúng không? Nhắc đến bao nhiêu lần?

Liệu nhà tài trợ có được một gian trưng bày không? Đặt ở đâu? Liệu chúng có được thấy trong các chương trình trên truyền hình không?

3. Khán giả kênh phân phối

Lợi ích của nhà tài trợ có biểu hiện ra trước các nhà bán buôn, bán lẻ hay các nhà cấp quyền kinh doanh không? Liệu họ có tham gia vào các hoạt động quảng cáo liên quan đến tài trợ không?

4. Lợi thế so với đối thủ cạnh tranh

Sự kiện có độc nhất hay có khác biệt không?

Sự kiện trước đó có nhận được tài trợ chưa? Nếu có, sự kiện này đã đem lại những lợi thế mong muốn gì cho những nhà tài trợ? Sự kiện có cộng tác với những nhà tài trợ khác không? Liệu những mối quan hệ đó có gây rắc rối gì không?

Sự kiện có cần nhà đồng tài trợ không? Các nhà tài trợ khác của sự kiện có tương thích với sản phẩm của công ty không? Liệu công ty có muốn liên kết với họ không? Liệu sản phẩm có đứng tách biệt ra và được công nhận không?

Nếu có đồng tài trợ, sản phẩm có danh mục hàng hoá và có tách ra độc lập không?

Các đối thủ cạnh tranh có tiếp cận với việc ký kết, dịch vụ khách hàng và hoạt động quảng cáo sự kiện không? Có cần cạnh tranh khi bán hàng hoá ở đó không?

Nếu công ty không tài trợ thì liệu các đối thủ cạnh tranh có phải là một vấn đề không?

5. Các yếu tố đầu tư nguồn lực cần thiết

Tổng phí tài trợ bao gồm các yếu tố như đầu tư quảng cáo liên quan, thời gian sử dụng nhân sự và các nỗ lực quản trị và thực thi là bao nhiêu lâu?

Liệu đầu tư tài trợ có phức tạp và khó quản lý không?

Mức độ trao đổi và thanh toán là gì?

Liệu sự kiện có đảm bảo đem lại một mức lợi thế tối thiểu cho công ty không?

6. Đặc điểm của sự kiện

Tâm cỡ của sự kiện là gì? Liệu đây có phải là một sự kiện tuyệt vời nhất không?

Liệu sự kiện có gây ấn tượng tốt không? Liệu nó có gây tranh luận không?

Sự kiện có diễn ra liên tiếp không hay chỉ một lần mà thôi?

7. Uy tín của đơn vị tổ chức sự kiện

Liệu đơn vị có thành tích ghi dấu ấn trong việc tổ chức sự kiện này hoặc các sự kiện khác không?

Liệu đơn vị có chuyên hỗ trợ để sản phẩm đạt được các mục tiêu tài trợ không?

Liệu đơn vị có uy tín và ấn tượng với những điều mà các công ty mong muốn liên kết không?

Đơn vị có quá trình lịch sử trong việc khẳng định các giá trị của mình không?

Công ty đã làm việc với đơn vị này trước đây chưa? Lần làm việc đó có khả quan không?

Liệu đơn vị này có quyền kiểm soát và quản lý để không gây tai tiếng cho các hoạt động mà nó hỗ trợ không?

Các dự đoán đem lại lợi ích cho các nhà tài trợ mà đơn vị này đưa ra có chính xác không?

Nhân viên của đơn vị có đáp ứng lại các yêu cầu của nhà tài trợ không? Họ có sẵn sàng tuân thủ không?

Đơn vị này có bảo hiểm không và các khó khăn tiềm năng của công ty là gì?

8. Các cơ hội giải trí và dịch vụ khách hàng

Liệu có cơ hội để trực tiếp bán hàng và các sản phẩm liên quan hay có cơ hội thuyết phục khách hàng sử dụng thử sản phẩm không?

Liệu tiếng tăm của sự kiện có được có thể dùng để phát ngôn cho sản phẩm không? tiếng tăm đó có được thể hiện trong các hoạt động bề nổi của sự kiện trên các áp phích quảng cáo hay trên các phương tiện thông tin đại chúng không? Với chi phí là bao nhiêu?

Tài trợ có kèm theo vé mời không? Bao nhiêu? Khu vực nào? Ghế ngồi đặt ở đâu?

Trong số khách mời của công ty có khu vực dành cho khách VIP không? có bao nhiêu người sẽ được tính làm khách VIP? Liệu có người nổi tiếng nào xuất hiện không?

Liệu có các cơ hội tiệc tùng hay chơi trò chơi nào để khách khứa của công ty được gặp gỡ, trao đổi với những người nổi tiếng không?

(nguồn: TK. 35)

3.2.3. Nguồn nhân lực sự kiện

Nguồn nhân lực cho tổ chức sự kiện là tất cả những người đảm trách vai trò nào đó trong bộ máy tổ chức sự kiện như: nhà quản lý, các nhân viên chuyên môn, kế toán, tiếp thị, văn thư, truyền thông, điều khiển thiết bị kỹ thuật, nhân viên an ninh, tình nguyện viên... những người này được chia theo nhóm gắn với những trách nhiệm nhất định như: nhân viên ăn lương, hợp đồng vụ việc và tình nguyện viên. Cũng có thể chia theo thang bậc chuyên môn như: nhà quản lý, chuyên viên kỹ thuật, lao động phổ thông.

Ban tổ chức sự kiện thường được thành lập và giải tán theo dự án sự kiện. Quy mô và cơ cấu ban tổ chức cũng tùy theo quy mô sự kiện, kiểu loại sự kiện và đặc điểm tổ chức sở hữu sự kiện. Ở những sự kiện do nhà nước đầu tư và chịu trách nhiệm tổ chức/ quản lý, ban tổ chức được thành lập theo Quy chế tổ chức lễ hội (2001) được ghi trong điều 3, gồm các khoản sau:

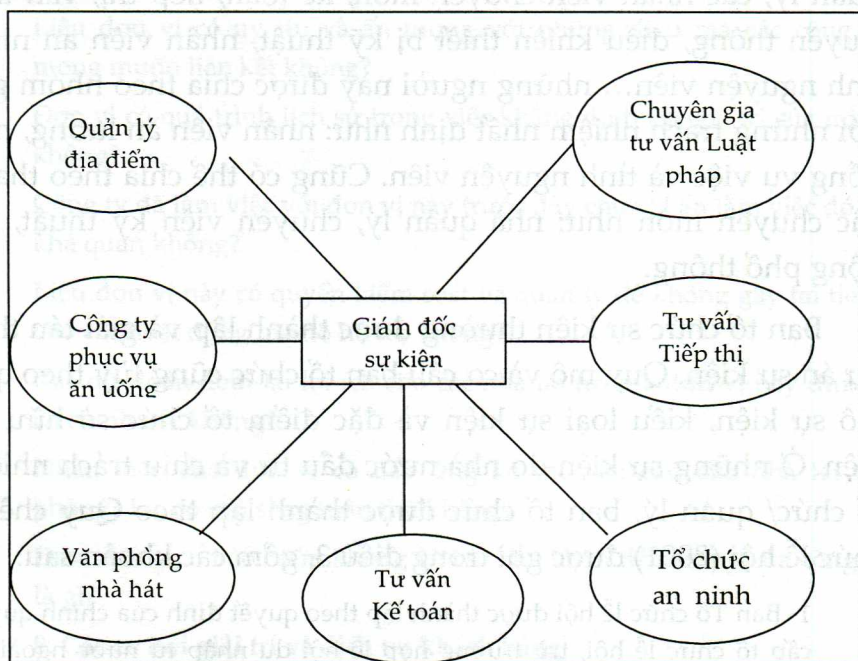
- 1- Ban Tổ chức lễ hội được thành lập theo quyết định của chính quyền cấp tổ chức lễ hội, trừ trường hợp lễ hội du nhập từ nước ngoài do nước ngoài tổ chức quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Quy chế này. Đại diện chính quyền làm Trưởng ban, thành viên gồm đại diện các ngành Văn hóa - Thông tin, Công an, Tôn giáo, Mặt trận tổ quốc, Y tế,

đại diện ngành, đoàn thể hoặc cá nhân khác có liên quan đến việc tổ chức lễ hội.

2 - Ban Tổ chức lễ hội chịu trách nhiệm quản lý, điều hành lễ hội theo đúng chương trình đã báo cáo hoặc xin phép, đảm bảo trật tự, an toàn, an ninh, tổ chức dịch vụ ăn nghỉ, vệ sinh chu đáo, bảo vệ tốt di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, môi trường và quản lý việc thu, chi trong lễ hội.

3 - Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi kết thúc lễ hội, Ban tổ chức lễ hội phải có văn bản báo cáo kết quả với chính quyền cấp tổ chức và cơ quan quản lý Nhà nước về Văn hóa - Thông tin cấp trên trực tiếp.

Với các sự kiện do các công ty kinh doanh chuyên nghiệp trong lĩnh vực tổ chức sự kiện thì ban tổ chức thường gọn nhẹ với cơ cấu quan hệ trực tiếp với các đầu công việc một cách linh hoạt và tiết kiệm chi phí. Ví dụ về một mô hình ban tổ chức của một công ty chuyên nghiệp:



Với những sự kiện được tổ chức trong nội bộ của một công ty như hội nghị, hội thảo, khai trương, khánh thành, quảng cáo bán

hàng... thì vai trò ban tổ chức thường được giao cho một nhân viên hoặc phòng ban nào đó. Nhiều khi công ty thuê đơn vị tổ chức sự kiện chuyên nghiệp thực hiện việc này. Nhìn chung không có một mô hình tổ chức nhân sự chung cho tất cả các sự kiện.

3.2.4. Marketing sự kiện

Marketing là một công việc trong tổ chức sự kiện. Nhằm xác lập mối quan hệ giữa khán thính giả và sự kiện, hiểu được nhu cầu và động cơ của họ, phát triển các sản phẩm đáp ứng những nhu cầu này, và xây dựng một chương trình truyền thông thể hiện mục đích và mục tiêu của sự kiện.

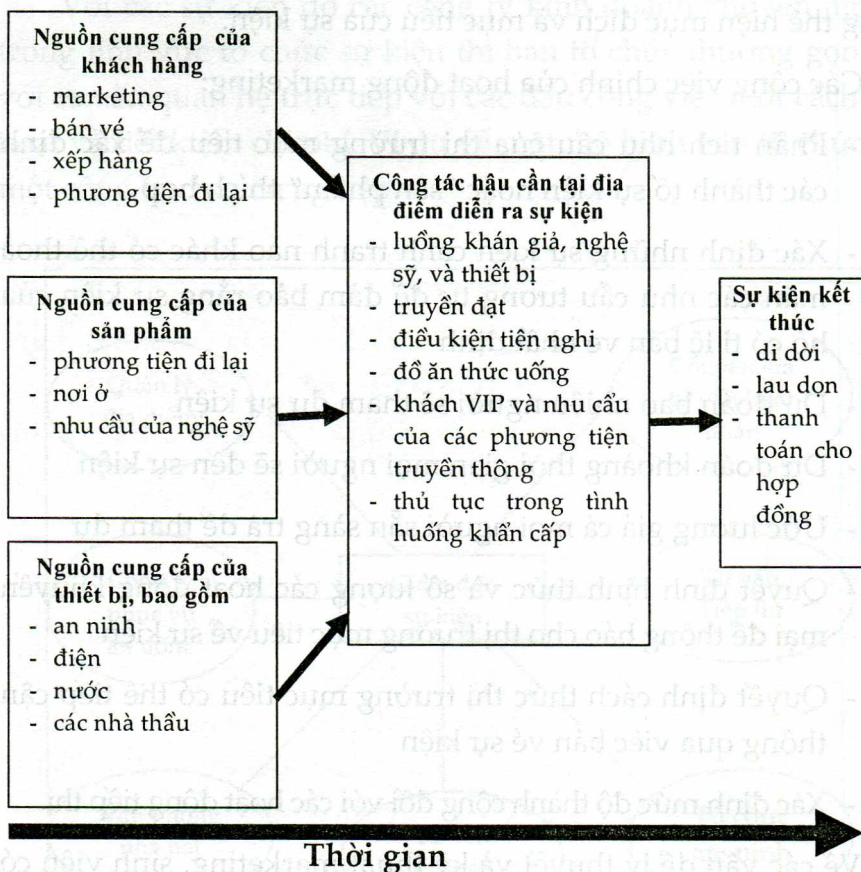
Các công việc chính của hoạt động marketing:

- Phân tích nhu cầu của thị trường mục tiêu để xác định các thành tố sự kiện hoặc “sản phẩm” thích hợp
- Xác định những sự kiện cạnh tranh nào khác có thể thỏa mãn các nhu cầu tương tự để đảm bảo rằng sự kiện của họ có tỉ lệ bán vé nhất định
- Dự đoán bao nhiêu người sẽ tham dự sự kiện
- Dự đoán khoảng thời gian mọi người sẽ đến sự kiện
- Ước lượng giá cả mọi người sẵn sàng trả để tham dự
- Quyết định hình thức và số lượng các hoạt động khuyến mại để thông báo cho thị trường mục tiêu về sự kiện
- Quyết định cách thức thị trường mục tiêu có thể tiếp cận thông qua việc bán vé sự kiện
- Xác định mức độ thành công đối với các hoạt động tiếp thị.

Về các vấn đề lý thuyết và kỹ thuật marketing, sinh viên có thể ứng dụng trực tiếp các kiến thức từ giáo trình môn học *Marketing văn hóa nghệ thuật* [Tk. 28], để thực hiện các bài tập về marketing sự kiện trong môn học này.

3.2.5. Kế hoạch hậu cần cho sự kiện

Lên kế hoạch hậu cần cho sự kiện là việc hết sức quan trọng có tác động trực tiếp đến diện mạo và thành bại của sự kiện đó. Hậu cần cho sự kiện thường được hiểu là tất cả những gì thuộc điều kiện vật chất cụ thể có tính điều kiện cho sự kiện có thể diễn ra đúng như mục đích và các mục tiêu đã định. Việc lên kế hoạch hậu cần sẽ có quan hệ chặt chẽ và tương tác với kế hoạch tài chính và các thông số marketing. Khi lên kế hoạch hậu cần, cần phải dự liệu hết các yếu tố sau đây:



Các yếu tố quan trọng của công tác hậu cần cho một sự kiện có thể được phân loại thành: cung cấp sản phẩm và dịch vụ theo nhu cầu của sự kiện, vận tải, kết nối các hoạt động khác

nhau của sự kiện, kiểm soát lưu lượng hàng hóa và dịch vụ phù hợp với nhu cầu của khách mời và khán thính giả, mạng lưới thông tin nội bộ trong thời gian diễn ra sự kiện.

Khi sự kiện diễn ra, công tác hậu cần phải đáp ứng những câu hỏi sau đây:

- Phương tiện đi lại của nghệ sỹ và các thiết bị cần chuẩn bị ra sao?
- Việc di dời rác thải sẽ giải quyết thế nào?
- Lối đi và lối kiểm soát dành cho đội cứu hỏa và đội sơ cứu ở đâu?
- Việc dựng quây bán hàng vận chuyển và cung ứng hàng hóa sẽ thực hiện ra sao?
- Làm thế nào để đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực sự kiện?
- Việc cung cấp đồ ăn thức uống sẽ được thực hiện như thế nào?
- Bố trí các thiết bị dàn dựng ở đâu?
- Bảo vệ và di chuyển thiết bị bằng cách nào?
- Phương tiện thông tin và giao tiếp trong nội bộ ban tổ chức và với khán thính giả cần những loại gì và bố trí thế nào cho phù hợp?
- Các bảng hiệu chỉ dẫn đường đi, chỉ dẫn đến địa điểm các hoạt động, địa điểm ăn uống, ngủ nghỉ, vệ sinh, giải trí... sẽ làm thế nào và bố trí ở những chỗ nào cho hiệu quả nhất?

Ví dụ một Biểu đồ Gantt cho kế hoạch hậu cần

Nhiệm vụ	6	7	N	2	3	4	5	6	7	N	2	3	4	5	6	7	CN
Dọn dẹp và chuẩn bị địa điểm																	
Máy phát điện được mang tới																	
ánh sáng tại địa điểm																	
Lều được mang tới																	
Thiết bị sân khấu được mang tới và được lắp đặt																	
An ninh tại địa điểm tổ chức																	
Hệ thống âm thanh được mang tới																	

3.2.6. Các vấn đề pháp lý cho sự kiện

Vì sự kiện là một hoạt động ảnh hưởng đến hầu hết các mặt của đời sống xã hội tập trung trong một thời điểm nhất định, nên nó cũng đụng chạm tới hầu hết các quy phạm pháp luật cũng như các quy định và tập quán xã hội ở địa phương nơi tổ chức sự kiện. Đặc biệt với những sự kiện lớn. Nhiều khi ban tổ chức sự kiện cũng đặt ra các quy định riêng cho phù hợp với những điều này. Ví dụ, một sự kiện được tổ chức ở một di tích lịch sử - văn hóa ở Hà Nội đã đặt ra quy định cấm du khách mặc quần ngắn áo may ô được vào khu di tích.

Khi lên kế hoạch sự kiện cần xem xét để trả lời các câu hỏi liên quan đến vấn đề pháp lý sau:

- Nội dung sự kiện có phù hợp với chính sách, luật pháp và quy chế tổ chức lễ hội hiện hành hay không?
- Sự kiện đã hội tụ đủ các yếu tố để xin cấp phép hay chưa?

- Khi nào thì xin cấp phép và thủ tục ra sao?
- Sự kiện có thể đáp ứng các yêu cầu về chính sách thuế của địa phương?
- Các hoạt động của sự kiện có đảm bảo các quy định của địa phương về an ninh trật tự công cộng, phòng chống dịch bệnh và cháy nổ hay không?
- Đồ ăn thức uống trong sự kiện có đảm bảo các quy định về vệ sinh thực phẩm hay không?
- Trang phục và các trình diễn nghệ thuật có vi phạm chính sách và tập quán phong tục ở địa phương hay không?
- Các quy định về bến bãi đỗ xe thế nào?
- Các cuộc vui được kéo dài đến mấy giờ?
- Sự kiện có đảm bảo được các quy định về môi trường hay không?
- Các cơ quan duy trì pháp luật có quan điểm thế nào về sự kiện này?...
- Ngành điện chấp nhận cho sự kiện sử dụng đến ngưỡng công suất nào?

Một trong những việc không thể quên khi tổ chức sự kiện là cần phải ràng buộc giữa các bên liên quan trực tiếp tới sự kiện bằng các hợp đồng có giá trị pháp lý được soạn thảo chặt chẽ và đúng quy định của pháp luật, gồm:

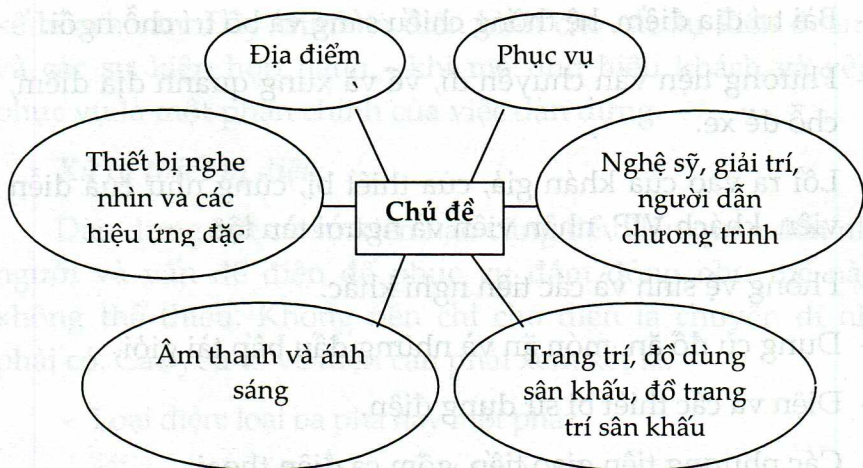
- Hợp đồng địa điểm, sân bãi, hội trường...
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật như âm thanh, ánh sáng, quần áo, đạo cụ, bàn ghế, cốc chén...
- Hợp đồng thuê tư vấn chuyên môn.
- Hợp đồng lao động phổ thông vụ việc.

- Hợp đồng cung cấp thực phẩm và đồ uống đúng tiêu chuẩn.
- Hợp đồng lao động kỹ thuật.
- Hợp đồng tình nguyện viên.
- Hợp đồng phòng nghỉ, khách sạn, cung hội họp.
- Hợp đồng dịch vụ giải trí.
- Hợp đồng với nghệ sỹ.
- Hợp đồng thuê khoán chuyên môn và dịch vụ khác.
- Hợp đồng an ninh, bảo vệ.
- Hợp đồng năng lượng.
- Hợp đồng phương tiện vận chuyển.
- Hợp đồng bến bãi đỗ xe.

Cần lưu ý đặc biệt tới thời điểm chuyển giao dịch vụ, phương tiện và tham dự của văn nghệ sỹ. Các hợp đồng phải quy định trách nhiệm, thưởng phạt rõ ràng với các điều khoản ràng buộc đúng pháp luật. Cần biết rằng, một hợp đồng nào đó thực hiện không đúng trách nhiệm sẽ tạo ra những ảnh hưởng nghiêm trọng tới chất lượng và thương hiệu của sự kiện.

3.3. Dàn dựng sự kiện

Dàn dựng là sự triển khai trên thực tế các yếu tố nghệ thuật, quản trị, kỹ thuật... trên cơ sở các kế hoạch, chương trình đề ra, trong một thời gian và không gian nhất định. Cần chú ý rằng sản phẩm của sự kiện nằm trong chính quá trình sản xuất chứ không phải sau quá trình sản xuất như các hàng hóa thông thường. Nghĩa là không có cơ hội làm lại hay sửa chữa đối với sản phẩm sự kiện. Các yếu tố và quan hệ giữa các yếu tố chính của việc dàn dựng được thể hiện trong bảng sau:



Trong thực tế tổ chức sự kiện, công việc dàn dựng bao gồm sự phối hợp giữa các vai trò: quản lý chung dự án sự kiện - đạo diễn chương trình - sản xuất chương trình - cung ứng dịch vụ. Trong đó, *quản lý sự kiện* đóng vai trò điều phối chung, *đạo diễn chương trình* đưa ra ý đồ thiết kế và khớp lắp các hoạt động trên không gian địa điểm và trong tiến trình thời gian diễn ra sự kiện, *sản xuất chương trình* huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện ý đồ của đạo diễn, *cung cấp dịch vụ hậu cần* đáp ứng những yêu cầu vật chất kỹ thuật cho các hoạt động của chương trình và các nhu cầu của khách mời và khán thính giả. Trong các sự kiện có quy mô nhỏ các vai trò này tập trung vào một vài người với sự phối hợp giản đơn. Trong các sự kiện lớn, các vai trò có sự phân tách rõ ràng với sự phối hợp chặt chẽ và ăn ý như các bè trong một dàn giao hưởng. Sự trục trặc của một trong các “bè” này sẽ dẫn đến nguy cơ sụp đổ của sự kiện. Như thế, tính chuyên nghiệp của các vai trò này ở mức rất cao.

Khi điều phối dàn dựng sự kiện, cần chú ý đến một loạt các sự việc cụ thể và chi tiết sau:

Xử lý không gian địa điểm

- Cần phù hợp với chủ đề và các hoạt động.

- Bài trí địa điểm, hệ thống chiếu sáng và bố trí chỗ ngồi.
- Phương tiện vận chuyển đi, về và xung quanh địa điểm, chỗ đỗ xe.
- Lối ra vào của khán giả, của thiết bị, cũng như của diễn viên, khách VIP, nhân viên và người tàn tật.
- - Phòng vệ sinh và các tiện nghi khác.
- Dụng cụ đồ ăn, món ăn và những đầu bếp tài giỏi.
- Điện và các thiết bị sử dụng điện.
- Các phương tiện giao tiếp, gồm cả điện thoại.
- Không khí: gồm cả máy điều hòa, thông gió hay sưởi ấm.

Đón khách

- Giò đến - đến cùng lúc hay đến rải rác.
- Lối đi, chỗ ngồi và các dãy đèn.
- Các thiết bị phục vụ khác.
- Lối thoát hiểm.
- Đáp ứng các nhu cầu giải trí.

Xử lý Sân khấu

Tất cả sân khấu đều cần có bản đồ sân khấu, còn gọi là kế hoạch dàn dựng. Kế hoạch dàn dựng sân khấu đơn giản chỉ là một bản tóm tắt về khu vực biểu diễn, chỉ ra các cơ sở hạ tầng như thiết bị chiếu sáng cố định, lối vào, lối ra và ổ cắm điện. Kế hoạch dàn dựng chỉ là một trong những công cụ hỗ trợ dàn dựng và là một phương tiện truyền đạt hỗ trợ cho sự kiện diễn ra trôi chảy. Đối với các sự kiện lớn, kế hoạch dàn dựng được phác thảo ra thành nhiều phương thức khác nhau cho những người khác nhau, và được cung cấp trên cơ sở tài liệu thiết yếu. Khi dàn dựng một sự kiện có nhấn mạnh yếu tố phục vụ thì kế hoạch dàn dựng được coi là sơ đồ bố trí địa điểm hay còn gọi là

kế hoạch sân. Đây chính là điển hình cho các sự kiện đoàn thể và các sự kiện hợp hành - khi mà tính hiếu khách và yếu tố phục vụ là một phần chính của việc dàn dựng.

Xử lý thiết bị điện:

Dàn dựng bất cứ sự kiện nào cũng đều liên quan đến nhiều người và vấn đề điện để phục vụ đám đông như thế nào là không thể thiếu. Không nên chỉ cho điện là chuyện dĩ nhiên phải có. Các yếu tố về điện cần phải xem xét là:

- Loại điện: loại ba pha hay một pha
- Lượng điện cần dùng, nhất là vào giờ cao điểm
- Điện dùng trong tình trạng khẩn cấp
- Vị trí và số lượng ổ điện
- Các loại dây dẫn và khoảng cách từ nguồn điện tới thiết bị
- Công suất tiêu thụ của các thiết bị điện.

Xử lý ánh sáng

Ánh sáng tại một khu vực gồm hai chức năng: chiếu sáng và phục vụ sân khấu trình diễn. Việc chằng đèn trong nhà bao gồm đèn báo hiệu (lối ra, nhà vệ sinh) và các loại đèn chiếu sáng những khu vực như nơi phục vụ và nơi thu vé. Phía bên ngoài, ánh sáng cũng cần thiết để xác định vị trí khu vực, đảm bảo an toàn, an ninh và chiếu sáng quảng cáo. Khi thiết kế và vận hành ánh sáng sân khấu hay ánh sáng nghệ thuật với tư cách là một yếu tố quan trọng tham gia vào hoạt động trình diễn, thông thường cần phải tuyển mộ hoặc thuê một hay một nhóm chuyên viên kỹ thuật giỏi về lĩnh vực này.

Âm thanh

Các thiết bị âm thanh trong một sự kiện là để khán giả có thể nghe được rõ tiếng nhạc, các bài phát biểu và các hiệu ứng hình ảnh kèm theo. Hệ thống âm thanh còn được dùng để trao

đổi giữa các kỹ thuật viên âm thanh và người quản lý sân khấu cũng như để giao tiếp với khán thính giả. Những yêu cầu đối với âm thanh là phải có chất lượng tốt, công suất phù hợp và người điều khiển âm thanh phải chuyên nghiệp. Cần chú ý đối với các sự kiện lớn thì các yêu cầu về hệ thống âm thanh cũng phức tạp hơn vì cần có một hệ thống âm thanh lớn hơn. Hệ thống này cần phải kết hợp chặt chẽ với nhau và hệ thống phải được bố trí khoa học và an toàn.

- Hệ thống nghe nhìn và các hiệu ứng đặc biệt.

Phần lớn phương tiện nghe nhìn và các kỹ thuật của hiệu ứng đặc biệt là rất phức tạp, nên nó thường được "lên chương trình trước". Điều này có nghĩa là tất cả hệ thống chiếu sáng, hệ thống nghe nhìn và hệ thống âm thanh đều được "đặc định trước" (các yếu tố kỹ thuật được định vị trước khi sự kiện xảy ra), bao gồm việc thay đổi ánh sáng và mức độ âm thanh, và cách xử lý hình ảnh và việc trình bày trên máy chiếu để có thể lên được chương trình vào máy tính điều khiển. Nhìn chung với các sự kiện cần sử dụng đến hiệu ứng đặc biệt của âm thanh, ánh sáng, khói... nhằm tạo ra sự choáng ngợp, ngoạn mục, bất ngờ... phải có đạo diễn âm thanh ánh sáng và nhân viên chuyên nghiệp, tay nghề cao.

- Quản lý rủi ro

Có rất nhiều yếu tố rủi ro có thể xảy đến với một sự kiện đòi hỏi người tổ chức phải dự liệu ngay từ đầu và có phương án phòng tránh hạn chế rủi ro đến mức thấp nhất có thể. Các rủi ro thường gặp như:

- Thời tiết thay đổi, mưa đột ngột.
- Người quản lý hay những nhân viên chủ chốt bị ốm hay gặp tai nạn.
- Nghệ sỹ phá hợp đồng.
- Khách VIP vắng mặt.

- Ngộ độc thực phẩm.
- Hòa hoạn, nổ.
- Gây gỗ xô xát tập thể do say rượu.
- Mất điện.
- Hệ thống âm thanh trục trặc.
- Đối tác thầu cung cấp thiết bị chất lượng thấp.
- Sập khán đài sân bãi.
- Tắc nghẽn giao thông cản trở việc đi lại của khách mời và khán thính giả.
- Tai nạn xe chở khách mời hoặc thiết bị.
- Lượng chất thải quá lớn gây ô nhiễm khu vực sự kiện.
- Quá khích, khủng bố...

3.4. Kết thúc sự kiện

- Thu dọn và khắc phục hậu quả

Khi kết thúc sự kiện, bộ phận hậu cần phải chú ý các công việc sau:

- Lối ra và phương tiện, tuyến đi lại.
- Các phương án đảm bảo an toàn, hạn chế xô đẩy và tắc nghẽn.
- Việc thu dọn, chuyển đi, lau chùi và sửa chữa thiết bị.
- Bán hoặc đấu giá những gì có thể bán.
- Cách thức tiễn đưa khách mời và khán thính giả sao cho trang trọng lịch sự và nồng nhiệt.
- Thanh toán các hợp đồng với các nhà thầu cung cấp và đối tác.
- Thanh quyết toán tài chính của sự kiện.
- Cảm ơn và quà lưu niệm cho những người quyên góp và các nhà tài trợ cho sự kiện...
- Lượng giá thành công

Có thể sử dụng các cách sau đây để biết được sự kiện có thành công hay không và mức độ của sự thành hay bại đó:

- Khen - chê của giới truyền thông: sưu tập các bài báo và các bình luận trên vô tuyến truyền hình và đài phát thanh. Phân tích các bình luận này về sự kiện sẽ biết được mức độ thành công hay thất bại của sự kiện một cách tương đối, ít nhất từ giới truyền thông.
- Mức độ hài lòng của các nhà tài trợ cũng như sự phản nản của họ.
- Lượng khách mời và khán thính giả so với dự tính ban đầu.
- Ý kiến của lãnh đạo địa phương và các cơ quan công quyền cùng các bên liên quan khác.
- Sử dụng các phương pháp thăm dò dư luận để biết được phản hồi của khán thính giả, du khách.
- So sánh giữa các mục tiêu đặt ra ban đầu với kết quả thực tế thu được...

Đối với những sự kiện quảng bá sản phẩm hay thương hiệu du lịch có thể đo bằng sự gia tăng hay không của lượng sản phẩm bán ra hay sự tăng giảm của lượng du khách đến địa phương tổ chức sự kiện. Tuy nhiên, theo cách này thì có thể một thời gian dài sau sự kiện mới có thông số. Một sự kiện thành công là cách quảng bá tốt nhất cho nhà tài trợ, thương hiệu địa phương cũng như của chính tổ chức quản lý sự kiện.

- **Họp rút kinh nghiệm**

Tất cả những gì đã diễn ra trong sự kiện cả tốt và chưa tốt đều là những bài học có giá trị đối với tổ chức quản lý sự kiện. Sự phân tích và thảo luận nghiêm túc và kỹ lưỡng yếu tố dẫn đến thành công và những yếu tố không mong muốn đều dịp học hỏi quý giá đối với các nhân viên cũng như các vai trò quản lý trong tổ chức quản lý sự kiện. Chính trong những bài học này sẽ rèn rũa kỹ năng làm công cụ hữu ích mang đến thành công

cho những lần tổ chức sự kiện tiếp theo. Mặt khác nó cũng sẽ gợi ý cho sự ra đời những ý tưởng mới dẫn đến việc mở ra khả năng và cơ hội về một sự kiện mới.

- Lưu trữ tài liệu

Những tài liệu như băng ghi hình, băng ghi âm, bản thiết kế, các biểu đồ, các ghi chép về tình huống và các cách xử lý tình huống, báo chí viết về sự kiện... đều là những tư liệu quý cần lưu giữ. Khi gặp một tình huống tương tự của lần tổ chức sau thì đó chính là những lời khuyên hữu ích.

Chương 2

1. Nếu các thành tố tham gia cấu trúc nội dung của lễ hội.
2. Phân tích quan hệ giữa các hệ thống chức năng trong cấu trúc lễ hội.
3. Cơ sở pháp lý của việc quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội và sự kiện

TÓM TẮT CHƯƠNG 3

Tổ chức lễ hội và sự kiện là một loại công việc thuộc chuyên môn quản lý lễ hội và sự kiện nói chung. Quy trình tổ chức một sự kiện thường được chia làm bốn giai đoạn với tư cách một dự án. Bao gồm: nghiên cứu định hình, lập kế hoạch, dàn dựng sự kiện và kết thúc sự kiện. Có nhiều công việc phải làm từng bước hoặc cùng lúc trong quá trình tiến tới thời điểm sự kiện diễn ra như: phân tích bối cảnh, nắm bắt nhu cầu, hình thành ý tưởng, phân tích khả thi cho ý tưởng, nghiên cứu chiều sâu, lên chương trình, lập kế hoạch, marketing và quảng bá, tài chính, hậu cần, dàn dựng địa điểm, chương trình, âm thanh, ánh sáng, khán giả và khách mời, cung cấp đồ ăn thức uống, quản lý rủi ro, khi kết thúc sự kiện, khách ra về, thu dọn đồ đạc, thanh quyết toán, lượng giá mức độ thành công, những bài học được rút ra... Tổ chức lễ hội và sự kiện là một công việc phức tạp nhưng hết sức thú vị bởi những kết quả mà nó đem lại cho cá nhân và xã hội, đòi hỏi người tổ chức sự kiện phải liên tục học hỏi và sáng tạo một cách có trách nhiệm.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

Tài liệu cần đọc bắt buộc

1. Cao Đức Hải - Lê Ngọc Thủy (2009): *Quản lý dự án Văn hóa nghệ thuật*, Giáo trình, Đại học Văn hóa Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.
2. Phan Văn Tú (1999), *Đại cương về khoa học quản lý*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Lan Thanh (2009), (chủ biên), *Marketing văn hóa nghệ thuật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.
4. Lê Trung Vũ (1992), (chủ biên), *Lễ hội cổ truyền*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Câu hỏi ôn tập

Chương 1

1. Trình bày những khái niệm liên quan đến quản lý lễ hội và sự kiện.
2. Trình bày các phương pháp phân loại lễ hội và sự kiện.
3. Nêu các tác động của lễ hội và sự kiện đến đời sống xã hội.

Chương 2

1. Nêu các thành tố tham gia cấu trúc nói chung của lễ hội.
2. Phân tích quan hệ giữa các hệ thống chức năng trong cấu trúc lễ hội.
3. Cơ sở pháp lý của việc quản lý nhà nước đối với hoạt động lễ hội và sự kiện.

4. Có những công việc nào cần làm trong thực thi quản lý nhà nước đối với lễ hội?

Chương 3

1. Giai đoạn định hình sự kiện cần làm những gì?
2. Có những công việc gì cần làm khi lập kế hoạch sự kiện?
3. Cần lưu ý những gì khi dàn dựng sự kiện?
4. Cần làm gì khi sự kiện kết thúc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Toan Ánh (1992), *Hội hè đình đám* (quyển thượng và quyển hạ tái bản), Nxb T.P Hồ Chí Minh.
2. Phan Kế Bính (1990), *Việt Nam phong tục*, Nxb T.P Hồ Chí Minh.
3. Léopold Cadière (1997), (Đỗ Trinh Huệ dịch), *Về Văn hóa và Tín ngưỡng truyền thống của người Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
4. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (1997), *Từ điển Biểu tượng Văn hóa thế giới*, Nxb Đà Nẵng, Trường Viết văn Nguyễn Du.
5. Đoàn Văn Chúc (1997), *Xã hội học Văn hóa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
6. Phan Hữu Dật (1992), (chủ biên), *Văn hóa lễ hội của các dân tộc ở Đông Nam Á*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
7. D.M. Ghen-Kin (1975), *Những ngày hội đại chúng*, Nxb Giáo dục, Maxcova (Trường Cao đẳng Nghiệp vụ Văn hóa Hà Nội dịch và in rô-nê-ô, 1979).
8. Cao Đức Hải (1994), *Dự án phục dựng lễ hội đền Sóc Sơn, Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn - Đại học Văn hóa Hà Nội*.
9. Cao Đức Hải (2000), “Suy nghĩ về việc phát triển lễ hội dân gian trở thành ngày hội văn hóa - du lịch ở địa phương”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 190, tháng 2.
10. Cao Đức Hải (2009), “Bảo tồn di sản Trò chơi dân gian”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 296, tháng 2.
11. Cao Đức Hải - Lê Ngọc Thủy (2009), *Quản lý dự án Văn hóa nghệ thuật*, Giáo trình, Đại học Văn hóa Hà Nội.

12. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cục Văn hóa Cơ sở (2008): *Thông kê lễ hội ở Việt Nam*, Tập I và Tập II...
13. Phạm Duy Khuê (1993), *Nghệ thuật trình diễn đại chúng*, Nxb Quảng Bình.
14. Mai Hữu Khuê (2003), *Lý luận quản lý nhà nước*, Học viện Hành chính Quốc gia.
15. Nguyễn Quang Lê (2001), (chủ biên), *Khảo sát thực trạng Văn hóa Lễ hội truyền thống của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
16. Lưu Văn Giản (1997), (chủ biên): *Quản trị marketing dịch vụ*, Nxb Lao động, Hà Nội.
17. HêLen Marriage (2003), *Quản lý festival nghệ thuật*, (tài liệu tập huấn - Quỹ Ford), Đại học Văn hóa Hà Nội.
18. Nhiều tác giả (1994), (hội thảo khoa học), *Lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội hiện đại*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
19. Nhiều tác giả (2000), *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc - Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật xuất bản, Hà Nội.
20. Nhiều tác giả (tập I: 1986, Tập II: 1988), *Hội xứ Bắc*, Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Hà Bắc xuất bản.
21. Nhiều tác giả (1993), *Lễ hội Hà Nội*, Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội.
22. Người đưa tin UNESCO (Tạp chí chuyên đề tháng 12/1989): *Lễ hội nơi nơi*.
23. Hữu Ngọc (1995), (chủ biên), *Từ điển văn hoá cổ truyền Việt Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
24. Thạch Phương, Hồ Lê, Huỳnh Lứa, Nguyễn Quang Vinh (1992), *Văn hoá dân gian người Việt ở Nam Bộ*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
25. Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan (2005), (chủ biên), *Folklore một số thuật ngữ đương đại*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

26. Ngô Đức Thịnh (2001), (chủ biên), *Tín ngưỡng và văn hoá tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
27. Phan Văn Tú (1999), *Đại cương về khoa học quản lý*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
28. Nguyễn Thị Lan Thanh (2009), (chủ biên), *Marketing văn hóa nghệ thuật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.
29. Nguyễn Khắc Thuần (1997, 1998), *Đại cương lịch sử văn hoá Việt Nam* (tập 2, tập 3), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
30. Trần Từ (1984), *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
31. Lê Trung Vũ (1992), (chủ biên), *Lễ hội cổ truyền*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
32. Lê Trung Vũ, Nguyễn Hồng Dương (1997), *Lịch lễ hội*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
33. Trần Quốc Vượng (2000), *Văn hoá Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn hoá Dân tộc - Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, Hà Nội.
34. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
35. Tập tài liệu của dự án Quỹ Ford về: *Quản lý festival và sự kiện đặc biệt*, (được dịch từ: Festival and Special Event Management. 2003. John Wiley & Sons Astralia, Ltd.)
36. Tài liệu lớp đào tạo ngắn hạn về di sản văn hóa “*Giữ gìn di sản văn hóa phi vật thể, xu hướng quốc tế và những kinh nghiệm của Việt Nam*”, Dự án Giáo dục Đại học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội - 2005.

PHỤ LỤC

1. VĂN BẢN PHÁP LÝ

1.1. PL quy chế lễ hội 1994

Bộ Văn hóa-Thông tin Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 1994

QUY CHẾ LỄ HỘI

Ban hành kèm theo quyết định số: 636/QĐ-QC ngày 21 tháng 5 năm 1994 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin

Lễ hội là một loại hình sinh hoạt văn hóa truyền thống có sức cuốn hút đông người tham gia và đã trở thành nhu cầu trong đời sống tinh thần của nhân dân. Để tổ chức, quản lý và chỉ đạo các lễ hội cho phù hợp với thuần phong mỹ tục, kinh tế, xã hội ở nước ta và đưa sinh hoạt xã hội vào nền nếp, Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành **Quy chế lễ hội**.

Chương I: Quy định chung

Điều 1: Việc tổ chức lễ hội nhằm:

Giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc về lịch sử, văn hóa trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Tưởng nhớ công đức các danh nhân lịch sử, văn hóa, những người có công tích với dân, với nước (nhân thần, thiên thần).

Tìm hiểu thưởng ngoạn các giá trị văn hóa thông qua các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, các công trình kiến trúc nghệ thuật, giữ gìn, phát huy vốn văn hóa truyền thống và phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc.

- Vui chơi, giải trí lành mạnh...

Điều 2: Nghiêm cấm việc lợi dụng lễ hội để tổ chức các hoạt động có nội dung phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Chương II: Tổ chức, quản lý lễ hội

Điều 3: Việc tổ chức lễ hội phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định sau đây:

Lễ hội thu hút chủ yếu nhân dân trong một xã, một phường do Ủy ban Nhân dân huyện, quận cấp giấy phép.

Lễ hội thu hút chủ yếu nhân dân nhiều xã, phường, nhiều vùng trong một tỉnh, thành phố do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố cấp giấy phép.

Lễ hội thu hút nhiều khu vực, nhiều tỉnh, thành phố do Bộ Văn hóa - Thông tin cấp giấy phép.

Điều 4: Lễ hội về những sự kiện lịch sử cách mạng, kháng chiến ... thì cấp nào cho phép, cấp đó có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo.

Điều 6: Nghi thức của các lễ hội phải được tiến hành trang trọng theo truyền thống.

Điều 5: Trong lễ hội, ngoài quốc kỳ có thể treo cờ hội truyền thống, cờ của các tôn giáo, tín ngưỡng.

Điều 7: Thời gian tổ chức lễ hội không kéo dài quá 3 ngày, trừ hội chùa Hương (Hà Tây) và hội Xuân núi Bà Đen (Tây Ninh).

Điều 8: Không được bán vé vào cửa tất cả các lễ hội.

Trong khu vực lễ hội nếu tổ chức các trò diễn, trò chơi, biểu diễn ca, múa, nhạc... hoặc thăm viếng khu di tích, trưng bày thì được bán vé, giá do ngành Tài chính quy định.

Điều 9: Ban tổ chức các lễ hội phải bảo đảm trật tự, an toàn, an ninh, tổ chức dịch vụ, y tế, ăn uống, nghỉ ngơi, vệ sinh chu đáo, lịch sự.

Chương III: Tổ chức thực hiện quy chế lễ hội

Điều 10: Việc tổ chức, quản lý các loại hình lễ hội có nội dung văn hóa trong cả nước phải thực hiện theo quy chế này.

Cơ quan Văn hóa - Thông tin các cấp có trách nhiệm nghiên cứu lễ hội ở địa phương mình để hướng dẫn việc tổ chức phù hợp với từng lễ hội.

Điều 11: Cục Văn hóa - Thông tin cơ sở có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Điều 12: Tổ chức hoặc cá nhân vi phạm quy chế này tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 13: Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành. Quy chế mở hội truyền thống ban hành kèm theo quyết định 54/VHQC ngày 4/10/1989 của Bộ Văn hóa và những văn bản hướng dẫn trước đây không còn hiệu lực.

Bộ Văn hóa - Thông tin

1.2. PL Quy chế tổ chức lễ hội

- Số văn bản: 39/2001/QĐ – BVHTT - Loại văn bản: Quy chế
- Cơ quan ban hành: Bộ trưởng - Ngày ban hành: 23/08/2001
- Bộ Văn hoá – Thông tin 15:16

QUY CHẾ TỔ CHỨC LỄ HỘI

(ban hành kèm theo quyết định số 39/2001/QĐ – BVHTT ngày 23 tháng 8 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá – Thông tin)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh của Quy chế này bao gồm:

1- Lễ hội dân gian.

2- Lễ hội lịch sử cách mạng.

3- Lễ hội tôn giáo.

4- Lễ hội du nhập từ nước ngoài vào Việt Nam.

• **Điều 2.** Tổ chức lễ hội nhằm:

1- Tưởng nhớ công đức các anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá, các liệt sỹ, các bậc tiền bối đã có công xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

3- Đáp ứng nhu cầu văn hoá, tín ngưỡng, tham quan các di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, công trình kiến trúc nghệ thuật, cảnh quan thiên nhiên và các nhu cầu chính đáng khác của nhân.

Điều 3. Nghiêm cấm các hành vi sau đây tại nơi tổ chức lễ hội:

1- Lợi dụng lễ hội để tổ chức các hoạt động chống lại Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây mất trật tự, an ninh, tuyên truyền trái pháp luật, chia rẽ đoàn kết dân tộc.

2- Tổ chức các hoạt động mê tín dị đoan, phục hồi hủ tục trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc.

3- Tổ chức các dịch vụ sinh hoạt ăn nghỉ và các dịch vụ tín ngưỡng trong khu vực nội tự.

4- Đánh bạc dưới mọi hình thức.

5- Đốt đồ mã (nhà lầu, xe, ngựa, đồ dùng sinh hoạt...)

6- Những hành vi vi phạm khác.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC LỄ HỘI

Điều 4

1- Những lễ hội sau đây khi tổ chức không phải xin cấp phép, nhưng phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hoá – thông tin trước thời gian tổ chức lễ hội ít nhất 20 ngày về thời gian, địa điểm, nội dung kịch bản (nếu có) và danh sách Ban Tổ chức lễ hội:

- a. Lễ hội dân gian được tổ chức thường xuyên, liên tục, định kỳ;
- b. Lễ hội lịch sử cách mạng tiêu biểu có ý nghĩa giáo dục truyền thống.

2- Việc báo cáo bằng văn bản về tổ chức các lễ hội quy định tại khoản 1 Điều này được quy định cụ thể như sau:

- a. Lễ hội do cấp xã tổ chức phải báo cáo với Phòng Văn hoá – Thông tin;
- b. Lễ hội do cấp huyện tổ chức phải báo cáo với Sở Văn hoá – Thông tin;
- c. Lễ hội cấp tỉnh tổ chức phải báo cáo với Bộ Văn hoá – Thông tin;

3- Sau khi nhận được văn bản báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan văn hoá – thông tin có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban cùng cấp. Trường hợp do thiên tai, dịch bệnh hoặc an ninh, trật tự mà việc tổ chức lễ hội quy định tại khoản 1 Điều này có thể gây ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội ở địa phương thì Ủy ban Nhân dân xem xét và quyết định.

4- Lễ hội do làng, bản tổ chức không phải báo cáo với cơ quan văn hoá – thông tin, nhưng phải tuân theo các quy định có liên quan tại Quy chế này.

Điều 5

1- Những lễ hội sau đây khi tổ chức phải được phép của Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- a. Lễ hội được tổ chức lần đầu;
- b. Lễ hội lần đầu được khôi phục lại sau nhiều năm gián đoạn;
- c. Lễ hội đã được tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi nội dung, thời gian, địa điểm so với truyền thống;
- d. Lễ hội du nhập từ nước ngoài vào Việt Nam do người nước ngoài hoặc người Việt Nam tổ chức;
- đ. Những lễ hội không thuộc quy định tại Điều 12 của Quy chế này mà kéo dài quá 03 ngày;
- e. Lễ hội tôn giáo vượt ra ngoài khuôn viên cơ sở thờ tự hoặc trong khuôn viên thờ tự nhưng chưa đăng ký tổ chức hàng năm theo quy định tại Nghị định 26/1999/NĐ – CP ngày 19/4/1999 của Chính phủ về các hoạt động tôn giáo.

2- Lễ hội quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này được tổ chức từ lần thứ 2 trở đi, hoặc thường xuyên, liên tục thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

Điều 6.

1- Hồ sơ xin phép tổ chức lễ hội phải gửi tới Sở Văn hoá – Thông tin trước khi mở lễ hội ít nhất 30 ngày. Hồ sơ xin phép tổ chức lễ hội gồm:

- a. Tờ trình xin phép mở lễ hội của cơ quan tổ chức;
- b. Văn bản nêu nguồn gốc, lịch sử lễ hội;
- c. Thời gian, địa điểm, kế hoạch, chương trình, nội dung lễ hội;
- d. Danh sách Ban Tổ chức lễ hội;
- đ. Văn bản đồng ý của cơ quan ngoại giao (Đại sứ quán, Lãnh sự, Tổng Lãnh sự) đối với lễ hội du nhập từ nước ngoài do

cộng đồng người nước ngoài đang học tập, công tác, sinh sống hợp pháp tại Việt Nam tổ chức.

2- Nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hoá – Thông tin có trách nhiệm thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh cấp phép trong thời hạn 10 ngày.

3- Trường hợp được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh ủy quyền, Sở Văn hoá – Thông tin thực hiện việc cấp phép. Nếu không cấp phép phải có văn bản trả lời.

Điều 7

Lễ hội tổ chức ở địa phương nào, Ủy ban nhân dân cấp đó có trách nhiệm chỉ đạo và thực hiện việc quản lý nhà nước theo quy định.

Điều 8

1- Lễ hội tôn giáo do tổ chức Giáo hội hoặc chức sắc chủ trì phải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 26/1999/NĐ – CP ngày 19/4/1999 của Chính phủ về các hoạt động tôn giáo.

2- Nghi thức lễ hội tôn giáo cần có sự kết hợp hướng dẫn của cơ quan quản lý văn hoá ở địa phương.

3- Ban tổ chức lễ hội tôn giáo do Giáo hội quyết định trên cơ sở có sự thống nhất với chính quyền địa phương.

Điều 9

Nghi thức của các lễ hội phải được tiến hành trang trọng theo truyền thống có sự hướng dẫn của ngành Văn hoá – Thông tin.

Điều 10. Trong khu vực lễ hội, cờ Tổ quốc phải được treo ở nơi trang trọng, cao hơn cờ hội và cờ tôn giáo.

Điều 11. Việc tổ chức những trò chơi dân gian, hoạt động văn nghệ, thể thao trong khu vực lễ hội phải có nội dung bổ ích, lành mạnh, phù hợp với quy mô, tính chất đặc điểm của lễ hội.

Điều 12. Thời gian tổ chức lễ hội không kéo dài quá 03 ngày, trừ lễ hội Đền Hùng (Phú Thọ), lễ hội Chùa Hương (Hà Tây), lễ hội Phú Dầy (Nam Định), lễ hội Xuân núi Bà Đen (Tây Ninh), lễ hội Bà Chúa Xứ núi Sam (An Giang).

Điều 13. Tất cả các lễ hội khi tổ chức đều phải thành lập Ban Tổ chức lễ hội.

1- Ban Tổ chức lễ hội được thành lập theo quyết định của chính quyền cấp tổ chức lễ hội, trừ trường hợp lễ hội du nhập từ nước ngoài do nước ngoài tổ chức quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Quy chế này. Đại diện chính quyền làm Trưởng ban, thành viên gồm đại diện các ngành Văn hóa- Thông tin, Công an, Tôn giáo, Mặt trận tổ quốc, Y tế, đại diện ngành, đoàn thể hoặc cá nhân khác có liên quan đến việc tổ chức lễ hội.

2 - Ban Tổ chức lễ hội chịu trách nhiệm quản lý, điều hành lễ hội theo đúng chương trình đã báo cáo hoặc xin phép, đảm bảo trật tự, an toàn, an ninh, tổ chức dịch vụ ăn nghỉ, vệ sinh chu đáo, bảo vệ tốt di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, môi trường và quản lý việc thu, chi trong lễ hội.

3 - Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi kết thúc lễ hội, Ban tổ chức lễ hội phải có văn bản báo cáo kết quả với chính quyền cấp tổ chức và cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa - thông tin cấp trên trực tiếp.

Điều 14

Người đến dự lễ hội phải thực hiện nếp sống văn minh và những quy định của Ban Tổ chức lễ hội.

Điều 15

1 – Không bán vé vào lễ hội.

2 – Trong khu vực lễ hội nếu có tổ chức các trò chơi, trò diễn, biểu diễn nghệ thuật, trưng bày thì được bán vé; giá vé thực hiện theo quy định của cơ quan tài chính có thẩm quyền.

3 - Tổ chức dịch vụ trong khuôn viên di tích phải theo quy định của Ban Tổ chức lễ hội.

Điều 16

Nguồn thu từ công đức, từ thiện phải được quản lý và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17.

1 - Cục văn hóa - Thông tin cơ sở thuộc Bộ văn hóa - Thông tin có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra thực hiện Quy chế này trong cả nước.

2- Thanh tra văn hóa - Thông tin có trách nhiệm thanh tra, phát hiện và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

3 - Sở Văn hóa - Thông tin các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này ở địa phương.

Điều 18. Tổ chức hoặc cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Quy chế này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quy chế Lễ hội ban hành theo Quyết định số 636/QĐ-QC ngày 21/5/1994 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin

Bộ trưởng Bộ Văn hoá – Thông tin

Phạm Quang Nghị

1.3. Quy chế về việc cưới, việc tang và lễ hội ngày 25/11/2005, Thủ Tướng Chính phủ đã ký Quyết định số: 308/2005/QĐ-TT ban hành quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

1. Quy chế này quy định việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

2. Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, công ty của nhà nước; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, chiến sỹ trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang (quân đội nhân dân và công an nhân dân) phải gương mẫu thực hiện và có trách nhiệm vận động gia đình, cộng đồng dân cư thực hiện cơ chế này.

3. Mọi gia đình công dân có trách nhiệm thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

Điều 2. Tổ chức việc cưới, việc tang và lễ hội phải đảm bảo

1. Không trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc, không được thực hiện các hoạt động mê tín dị đoan như xem số, xem bói, xem thẻ, yểm bùa, trừ tà và các hình thức mê tín dị đoan khác.

2. Không gây mất trật tự, an ninh xã hội; không lợi dụng để truyền đạo trái phép và có các hoạt động chia rẽ đoàn kết dân tộc.

3. Không làm cản trở giao thông và các hoạt động công cộng.

4. Không tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

5. Giữ gìn sự yên tĩnh, hạn chế gây tiếng ồn vào ban đêm.

6. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quy chế này không mời, không dự tiệc cưới trong giờ làm việc, không sử

dụng thời gian làm việc, công quỹ và phương tiện của cơ quan, đơn vị, tổ chức để đi dự lễ hội khi không có nhiệm vụ.

7. Không lợi dụng việc cưới, việc tang để nhận quà biếu nhằm trục lợi cá nhân; sử dụng công quỹ của cơ quan, đơn vị, tổ chức để làm quà mừng cưới, việc đám tang để phục vụ cho mục đích cá nhân.

Chương II

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1: Tổ chức việc cưới

Điều 3.

1. Việc cưới cần được tổ chức trang trọng, vui tươi, lành mạnh, phù hợp với phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc.

2. Các thủ tục có tính phong tục, tập quán như chạm ngõ, lễ hỏi, xin dâu cần được tổ chức đơn giản, gọn nhẹ.

3. Trang trí lễ cưới và phục vụ cô dâu, chú rể phải lịch sự, phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc.

4. Trường hợp tổ chức ăn uống cần tiết kiệm, không kéo dài nhiều ngày và phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

5. Lễ đăng ký kết hôn và trao giấy chứng nhận kết hôn phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Điều 4. Khuyến khích thực hiện các hình thức sau trong việc cưới:

1. Báo hỷ thay cho lời mời dự lễ cưới, tiệc cưới.

2. Tổ chức tiệc trà thay cho tổ chức tiệc mặn tại gia đình, hội trường cơ quan, nhà văn hóa... tổ chức đám cưới không hút thuốc lá.

3. Cơ quan, tổ chức hoặc đoàn thể xã hội đứng ra tổ chức lễ cưới.

4. Đặt hoa ở đài tưởng niệm, nghĩa trang liệt sỹ hoặc trồng cây lưu niệm ở vườn cây hạnh phúc tại địa phương trong ngày cưới.

Điều 5. Tổ chức cưới và đưa đón dâu phải tuân thủ quy luật về an toàn giao thông và trật tự an toàn công cộng

Mục 2: Tổ chức việc tang

Điều 6. Tổ chức việc tang phải thực hiện theo đúng quy luật về hộ tịch, môi trường, về sinh an toàn thực phẩm; việc tổ chức chu đáo, trang nghiêm, gọn nhẹ, tiết kiệm; khi đưa ra các quy định của pháp luật về an toàn giao thông và trật tự, an toàn, hạn chế tối đa việc rắc hàng mã, tiền âm phủ trên đường, hoặc tiền xu trên đường...

Việc chôn cất, hỏa tang, điện tang, bốc mộ và di chuyển hài cốt phải thực hiện theo quy định tại Điều lệ vệ sinh tuân theo Nghị định số 23/HĐBT ngày 24 tháng 11 năm 1991 của Bộ trưởng (nay là Chính phủ)

Điều 7. Tang phục, cò tang và treo cò tang theo phong tục của từng vùng, miền, dân tộc, tôn giáo.

Điều 8 . Khuyến khích thực hiện các hình thức sau

1. Sử dụng băng, đĩa nhạc tang thay cho phường bát âm
2. Hạn chế mang vòng hoa
3. Các hình thức hỏa tang, điện tang

4. Các tuần tiết trong việc tang như lễ cũng 3 ngày, 7 ngày, 100 ngày, giỗ đầu và cải tang nên tổ chức trong nội bộ gia đình, họ hàng

Điều 9. Việc tổ chức tang lễ đối với cán bộ, công chức, việc thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức lễ tang đối với các viên chức nhà nước khi từ trần ban hành kèm theo Nghị định số 62 ngày 12 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ.

Điều 10. Chính quyền địa phương các cấp phải có quy định và đầu tư kinh phí, từng bước xây dựng nghĩa trang thành đài tưởng niệm của địa phương.

Điều 11. Việc chôn, cải tang, xây mộ phải nằm trong nghĩa trang, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc xây mộ cho phù hợp với quỹ đất, phong tục tập quán của mình.

Mục 3: Lễ hội

Điều 12. Khi tổ chức lễ hội, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về di sản văn hóa và Quy chế tổ chức lễ hội do Bộ trưởng Văn hóa – Thông tin ban hành.

Điều 13. Chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải có biện pháp quản lý chặt chẽ, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi, vi phạm di tích, danh lam thắng cảnh, lừa đảo, trộm cắp của du khách; thương mại hóa và các hoạt động mê tín dị đoan trong lễ hội theo phạm vi và thẩm quyền của mình khi tổ chức lễ hội.

Điều 14. Tổ chức lễ đón nhận huân chương, danh hiệu cao quý và các ngày lễ kỉ niệm, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 154/2004/NĐ – CP ngày 9 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ về nghi thức Nhà nước trong tổ chức mít tinh, lễ kỷ niệm, trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự nhà nước, Huân chương, Huy chương, cờ thi đua của Chính phủ, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Chương III

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội sẽ được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi, vi phạm hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái các quy định trong quy chế này thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 16

1. Thủ trưởng cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, công ty của Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang có trách nhiệm phổ biến, giáo dục, động viên và quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của mình thực hiện quy chế này.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ nội dung tại quy chế này xây dựng quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội cho phù hợp đối với cơ quan, đơn vị, địa phương mình và phối hợp với mặt trận tổ quốc các cấp, các đoàn thể xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội tới toàn thể nhân dân ở địa phương.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có kế hoạch phát huy các nguồn lực để xây dựng nhà văn hóa, nhà tang lễ, trang bị xe tang của địa phương, góp phần thực hiện tốt việc cưới, việc tang cho nhân dân.

4. Các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình, văn hóa thông tin có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền sâu rộng, phát hiện, cổ vũ, động viên những mô hình hay, kinh nghiệm tốt trong việc thực hiện quy chế; phê phán các biểu hiện tiêu cực, hành vi, vi phạm Quy chế này.

2. MẪU HỢP ĐỒNG SỰ KIẾN

2.1. Hợp đồng thuê MC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THỎA THUẬN

Hôm nay ngày 25 tháng 10 năm 2007 tại Hà nội, chúng tôi gồm:

BÊN A: Công ty cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Địa chỉ: 29 Hàn Thuyên, Hà Nội

Điện thoại : 84-4-9721135 Fax: 84-4-9721141

Đại diện bởi: Chị Lê Thị Thùy – Phòng TT

BÊN B: Dịch vụ Dẫn Chương trình

Đại diện bởi: Chị Nguyễn Thu Hà (MC VTC, chung kết HHVN 2007, diễn viên)

Số điện thoại: 0982912588

Đã cùng nhau thỏa thuận và thống nhất các điều khoản sau:

Điều 1: Thỏa thuận

Bên B đồng ý dẫn chương trình cho bên A vào ngày 28/10 diễn ra triển lãm ITWeek 2007 với bồi dưỡng là 1.000.000đ (Một triệu ngàn đồng chẵn)

Bên B có trách nhiệm dẫn chương trình cho bên A theo thời gian do bên A quy định. Cụ thể:

Buổi sáng: Từ 09h00 đến 11h00

Buổi chiều: Từ 14h30 đến 16h30

Bên B có trách nhiệm tự chuẩn bị trang phục dẫn.

Bên A có trách nhiệm chuẩn bị sân khấu, Kịch bản cho bên B theo đúng thỏa thuận trên.

Địa điểm thực hiện: Trung tâm TL Giảng Võ – 148 Giảng Võ, Hà Nội.

Điều 2: Thanh toán

Bên A thanh toán cho bên B 1 lần sau khi bên B thực hiện xong công việc với số tiền theo thỏa thuận là 1.000.000VNĐ (Bằng chữ: Một triệu ngàn đồng chẵn).

Thỏa thuận này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Lê Thị Thùy

Nguyễn Thu Hà

2.2. YÊU CẦU ĐỊA ĐIỂM SỰ KIỆN

Các đầu mục làm việc với NCC cho ĐH CĐ phần tổ chức									
STT	Đầu mục	Cụ thể	Mô tả	Đơn vị	Số Lượng	Tình trạng NCC cung cấp	Đơn vị	Đơn giá	Thành tiền
1	Bàn (có khăn trải bàn màu vàng bóng)	Bàn trên sân khấu	1 dãy bàn kê ngang hướng xuống sân khấu	Bàn	4	Free			
		Bàn thư ký	Kê sát sân khấu (tách với bàn VIP)	Bàn	1	Free			
		Bàn dãy VIP	01 dãy bàn đầu tiên trong hội trường	Bàn		Free			
		Bàn lễ tân	Kê ở ngoài tiền sảnh	Bàn	18	Free			
2	Ghế	Ghế theater	ghế chia làm 2 dãy, có lối đi ở giữa 2 dãy	Chiếc	750	Free			
		Ghế lễ tân	Kê sát sân khấu (tách với bàn VIP)	Chiếc	18	Free			
		Ghế thư ký		Chiếc	2	Free			
		Ghế trên sân khấu		Chiếc	5	Free			

STT	Đầu mục	Cụ thể	Mô tả	Đơn vị	Số Lượng	Tình trạng NCC cung cấp	Đơn vị	Đơn giá	Thành tiền
3	MIC	Mic không dây cho lễ tân		Chiếc	10				
		Mic ko dây cho MC		Chiếc	1				
		Mic trên bục phát biểu	Mic cố định, có chân dài, đặt trên mặt bàn	Chiếc	1				
		Mic trên bàn chủ tọa	Mic chân ngỗng cố định	Chiếc	5				
4	Hoa	Bục phát biểu			1				
		Bàn chủ tọa	Bát hoa		4				
		Bàn VIP	Bát hoa						
5	Nước uống	Bình nước lọc Vital or Lavie	Đặt ở ban công trước khi khách vào dự hội nghị	Bình	6				
		Chai nước nhỏ Vital or Lavie	Đặt trên bàn chủ tọa, bục phát biểu, bàn VIP, bàn thư ký, Bàn lễ tân	Chai	30				
		Cốc uống nước	Cốc thủy tinh (cốc cao)		50				

STT	Đầu mục	Cụ thể	Mô tả	Đơn vị	Số Lượng	Tình trạng NCC cung cấp	Đơn vị	Đơn giá	Thành tiền
6	Biển chỉ dẫn		Biển chỉ dẫn từ tiền sảnh lên phòng họp	Biển	4	Free			
7	Màn hình chỉ dẫn		Đặt ở chân thang máy tiền sảnh	Màn	1	Free			
8	In ấn & thi công	Backdrop	10.35x3.6cm	mét	1				
		Băngrol	20x2.5cm. Treo ở cửa An Ninh	mét	1				
		Banner	2.4 x .8cm. Treo hai bên lối cổng vào	mét	20				
		Pano	4x5m. Dựng ở trước cổng vào NCC	mét	1				
		Khung chữ X	0.6 x 1.6cm. Dựng từ tiền sảnh, thang cuốn, hành lang, ban công, 2 bên sân khấu	mét	30				
9	Ổ điện	Ổ điện khu tiền sảnh	Ổ điện cắm đủ 07/ laptop cho lễ tân	Ổ	7	CMC tự trang bị			
		Ổ điện phòng tổ chức chương trình	Ổ điện cho 02 laptop thu ký, 01 laptop trình chiếu	Ổ	3	CMC tự trang bị			

STT	Đầu mục	Cụ thể	Mô tả	Đơn vị	Số Lượng	Tình trạng NCC cung cấp	Đơn vị	Đơn giá	Thành tiền
10	Dây điện	Dây nối từ laptop tới 02 màn chiếu 200inch		Dây	Tùy NCC setup	Free			
11	TeaBreak		Sẽ trả lời trong ngày mai		Tùy NCC setup				
12	Âm thanh, ánh sáng		NCC đảm bảo toàn bộ hệ thống chạy xuyên suốt chương trình						
13	Bục sân khấu		Kê theo quy chuẩn về chiều cao, chiều rộng. Cầu thang lên sân khấu được đặt 2 bên cánh gà (để bớt diện tích phòng họp)			Free			
14	Màn chiếu + Máy chiếu + dây nối sang laptop		Màn chiếu 200inch, đặt góc phải sân khấu. Có dây nối sang laptop	Chiếc	1				

STT	Đầu mục	Cụ thể	Mô tả	Đơn vị	Số Lượng	Tình trạng NCC cung cấp	Đơn vị	Đơn giá	Thành tiền
15	Name plate		Name plate cho chủ tọa, khách VIP, thư ký/ nội dung do CMC cung cấp	name plate		Free			
16	Nhân lực	PG			1	Free			
		NV trực âm thanh ánh sáng			1	Free			
		NV an ninh			2	Free			
		NV trực teabreak			?	Free			
Ngoài ra, NCC bố trí chỗ ngồi, bàn và ghế làm việc cho 30 NV CMC đến chuẩn bị cho chương trình từ buổi sáng.									
Setup các mục trên xong trước 12h00 buổi sáng									

2.3. PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG ĐỊA ĐIỂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

-----o0o-----

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số: 119 – 08/NN/NCC – CMC/PLHD

- Căn cứ Hợp đồng Dịch vụ số:119-08/NN/NCC-CMC ngày 21/03/2008 giữa Tập đoàn Công nghệ CMC và Trung Tâm Hội Nghị Quốc gia.
- Xuất phát từ tình hình thực tế về nhu cầu của Tập đoàn Công nghệ CMC.

Hôm nay, ngày 24 tháng 04 năm 2008, hai bên gồm:

Bên A TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Người đại diện: Ông Nguyễn Trung Chính

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 29 Hàn thuyên, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : 04.9721135

Fax: 04.9721134

Mã số thuế : 0100244112

Bên B TRUNG TÂM HỘI NGHỊ QUỐC GIA

Người đại diện: Ông Trần Hoài Nam

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Mễ Trì - Từ Liêm - Hà Nội

Điện thoại : 04-08041183 Fax: 04-08041131

Tài khoản: 12210000295479 (Tài khoản VND) và 12210370023498 (Tài khoản USD)

Tại Phòng Giao dịch Địa ốc – Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà thành

Cùng thoả thuận ký kết Phụ lục hợp đồng sửa đổi và bổ sung một số điều khoản của Hợp đồng số 119-08/NN/NCC-CMC ký ngày 21/03/2008, chi tiết như sau:

Điều 1: Phạm vi của hợp đồng

Bổ sung thuê các dịch vụ phục vụ cho phòng họp 318 buổi chiều ngày 26/04/2008 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia.

Điều 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

STT	LOẠI DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
1	11 Mic không dây + 6 Mic có dây	Chiếc	17	80,000	1,360,000
2	Hoa bực phát biểu	Lăng	1	200,000	200,000
3	Hoa Bàn VIP+bàn chủ tọa	Bát	10	80.000	800,000
4	Nước suối bình to (thực chi)	Bình	6	50,000	300,000
5	Nước suối	Chai (nhỏ)	30	6,000	180,000
6	Tiệc trà (trà, café, bánh ngọt pháp, hoa quả theo mùa, kẹo)		300 xuất	30,000	9,000,000
7	Máy chiếu + màn chiếu	Bộ	1	1,500,000	1,500,000
8	In phong sân khấu (3,6x10,35)	M2	37,26	120,000	4,471,200
9	Băng rôn cửa an ninh (treo trước 12h00)(2,5x20m)		50		6,000,000
10	In banner (2,4x0,8x 20cái)		38.4		4,608,000
11	In pano cổng số 2 (4x5m)		20		2,400,000
12	Khung chữ X(0,6x1,6x25 cái)		24		2,880,000
	Cộng				33,099,200
	Phí phục vụ 5%				1.654.960
	Tổng cộng				34.754.160

NCC Treo Băngrol, Backdrop, Banner X, Pano, Banner và setup toàn bộ hệ thống bàn, ghế ngồi và hệ thống bảng biển chỉ dẫn, hoa,

âm thanh, ánh sáng hội nghị... cho event của CMC Corp trước 12h00 trưa ngày 26/4/2008

Phụ lục này là bộ phận không tách rời của Hợp đồng Dịch vụ số: 119-08/NN/NCC-CMC.

Tất cả các điều khoản khác đã nêu trong Hợp đồng này vẫn còn nguyên hiệu lực.

Phụ lục này được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau. Mỗi bên giữ 02 bản.

Các bên thống nhất và ký tên dưới đây:

ĐẠI DIỆN BÊN A

Tổng Giám đốc

Nguyễn Trung Chính

ĐẠI DIỆN BÊN B

Giám đốc

Trần Hoài Nam

2.4. BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG ĐỊA ĐIỂM**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG**(Số:100-08/NN/NCC-KPMG/TLHD)**

- Căn cứ hợp đồng cung cấp dịch vụ số:119 - 08/NN/ NCC - CMC ngày 21 tháng 03 năm 2008 giữa

- Trung tâm Hội nghị Quốc gia và Tập đoàn Công nghệ CMC

Hôm nay, ngày 5 tháng 05 năm 2008, chúng tôi gồm:

Bên A TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ

Đại diện: Ông: **Nguyễn Trung Chính**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 29 Hàn thuyên, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04.9721135 Fax 04.9721134

MST: 100244112

Bên B. TRUNG TÂM HỘI NGHỊ QUỐC GIA

Đại diện: Ông: **Trần Hoài Nam**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Cổng số 2 – Đường Phạm Hùng - Hà Nội

Điện thoại: 08041183 Fax: 08041131

Tài khoản số: 1221.0000.2954.79 (Tài khoản VNĐ) Tại Phòng Giao dịch Địa ốc - Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Thành

Hai bên cùng thống nhất làm Biên bản Thanh lý hợp đồng cung cấp dịch vụ này với nội dung

Điều 1: Bên B đã cung cấp dịch vụ cho Bên A, cụ thể như sau:

STT	Dịch vụ	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền VNĐ)
I. Chi phí phòng					
* 1	Phòng họp 318	buổi	17.000.000	1	17.000.000
2	Phòng phòng họp	m2	120.000	37.26	4.471.200
3	In pano cổng số 2	m2	120.000	20	2.400.000
4	Băng rôn của an ninh (2,5x20m)	m2	120.000	50	6.000.000
5	Khung chữ X (0,6x1,6x25 cái)	m2	120.000	24	2.880.000
6	Nước suối	chai	6.000	259	1.554.000
7	Tiệc trà giải lao	xuất	30.000	300	9.000.000
8	Máy chiếu + màn hiệu	bộ	1.500.000	1	1.000.000
9	Mic không dây + có dây	chiếc	80.000	5	400.000
10	Hoa bàn VIP + đại biểu	bát	80.000	10	800.000
11	Hoa bọc phát biểu	lẵng	200.000	1	200.000
II. Cộng					45.705.200
1	Phí phục vụ 5%				2.285.260
2	Phí trông xe	khách	2.000	800	1.600.000
III. Tổng cộng					49.590.460

Điều 2: Tổng số tiền thanh lý của Hợp đồng cung cấp dịch vụ là:
49.590.460VNĐ

Điều 3: Giá trị phải thanh toán

- Bên A đã đặt cọc: 10,000,000 VNĐ
- Số tiền bên A phải thanh toán: 39,590,460 VNĐ

(Bằng chữ: Ba mươi chín triệu, năm trăm chín mươi ngàn bốn trăm sáu mươi đồng chẵn)

Bên A phải thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày hai bên ký kết biên bản thanh lý này.

Nếu chậm thời hạn trên, bên A phải chịu lãi suất 1,5%/tháng trên số tiền chậm trả.

Biên bản thanh lý này được lập thành 04 (bốn) bản, bên A giữ 02 (hai) bản, bên B giữ 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký kết.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Tổng Giám đốc

ĐẠI DIỆN BÊN B

Giám đốc

Nguyễn Trung Chính

Trần Hoài Nam

Ngày	Số	Đơn vị	Chi phí	Thành tiền
28/10	1	PG	400.000	1.600.000
27/10	1	PG	400.000	1.600.000
		Tổng		3.200.000

2.5. HỢP ĐỒNG DIỄN VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN THỎA THUẬN

Hôm nay ngày 25 tháng 10 năm 2007 tại Hà nội, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Địa chỉ: 29 Hàn Thuyên, Hà Nội

Điện thoại: 84-4-9721135 Fax: 84-4-9721141

Đại diện bởi: Chị Lê Thị Thùy – Phòng TT

Bên B: Dịch vụ biểu diễn Nhảy hiện đại

Đại diện bởi: Chị Nguyễn Bích Ngọc (trưởng nhóm PG)

Số điện thoại: 0947497329

Đã cùng nhau thỏa thuận và thống nhất các điều khoản sau:

Điều 1: Thỏa thuận

Bên B đồng ý cấp PG cho bên A vào các ngày diễn ra triển lãm ITWeek 2007 với số lượng và chi phí cụ thể như sau:

Ngày	Số Lượng PG	Chi phí (VNĐ/Ngày)	Thành tiền (VNĐ)
26/10	4	400.000	1.600.000
27/10	4	400.000	1.600.000
Tổng			3.200.000

Bên B có trách nhiệm cung cấp PG cho bên A theo thời gian do bên A quy định. Cụ thể:

Buổi sáng: Từ 09h00 đến 11h00

Buổi chiều: Từ 14h30 đến 16h30

Bên B có trách nhiệm tự chuẩn bị trang phục, giày dép, bữa ăn trưa cho PG.

Hàng ngày bên A có trách nhiệm phân bổ công việc cho PG theo đúng thỏa thuận trên.

Địa điểm thực hiện: Trung tâm TL Giảng Võ – 148 Giảng Võ, Hà nội.

Điều 2: Thanh toán

Bên A thanh toán cho bên B 1 lần sau khi bên B thực hiện xong công việc với số tiền theo thỏa thuận là 3.200.000VNĐ (Bằng chữ: Ba triệu hai trăm ngàn đồng chẵn).

Thỏa thuận này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Lê Thị Thùy

Nguyễn Bích Ngọc

3. NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP LIÊN QUAN QUẢN LÝ LỄ HỘI

LÀNG CỔ MỄ VÀ LỄ HỘI ĐỀN BÀ CHÚA KHO
(Trích từ tạp chí *Nguồn sáng dân gian* số 1+2 năm 2003)

PGS.TS. Lê Hồng Lý

1. Từ một hiện tượng đáng chú ý

Trong khoảng mười năm trở lại đây, có một ngôi đền thu hút sự thăm viếng của rất nhiều khách thập phương, đó là đền Bà Chúa Kho ở tỉnh Bắc Ninh. Vào dịp tháng ba đầu xuân, khách hành hương nườm nượp tới đây với đủ loại từ kẻ giàu, người

nghèo, người buôn bán, công chức, nông dân... và từ khắp mọi miền Nam, Bắc, Việt kiều ở nước ngoài, khách quốc tế.

Người ta đến đây để cầu tài cầu lộc, để thăm viếng, đến vì tò mò nhưng nhiều hơn cả là để vay tiền, xin lộc của Bà Chúa Kho vì đồn rằng Bà là người trông coi của cải của quốc gia và của cải trong kho của bà là vô tận và bà cũng rất hào phóng nên bất cứ ai nếu thành tâm là vay được của bà, hay chí ít cũng xin được đôi chút lộc rơi, lộc vãi.

Số người đến đông nhất là dịp đầu xuân và ba tháng cuối năm với mục đích đầu năm là đi vay, đi xin, cuối năm là đến trả, đến tạ ơn bà. Vì vậy vào thời điểm này ngôi đền bé nhỏ ở một làng quê xưa bỗng trở nên chật chội kinh khủng. Bởi vì trong văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam hầu hết các đình, đền, chùa của mỗi làng xưa kia chỉ là nơi thực hành tín ngưỡng của dân sở tại, xa nữa thì một số khách hành hương của những làng trong vùng tới lễ bái, cho nên hầu hết quy mô của những đền chùa ấy đều nhỏ chừa đựng không được bao nhiêu. Cho nên việc người từ khắp nơi đổ xô đến gây ra những khó khăn không nhỏ.

Trước hiện tượng này có khá nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Báo giới chính thức thì phản đối hiện tượng này cho rằng tốn phí thời gian, phục hồi mê tín dị đoan, lãng phí tiền của vào những việc vô bổ...(Nguyễn Ma Lô 12, 1995). Một số khác một mặt phê phán mê tín dị đoan, lãng phí tiền của nhưng cũng cho đây là một hiện tượng không tránh khỏi trong thời buổi kinh tế thị trường và mặt nào đó lại giải quyết được công ăn việc làm cho nhiều nghề dịch vụ (Trần Thị Trường 18, 1998). Dân sở tại thì vui mừng khôn xiết về sự bùng nổ này, tuy có những lộn xộn ban đầu nhưng càng về sau tổ chức lễ hội ở đây càng được củng cố một cách bài bản, chặt chẽ. Về phía chính quyền địa phương tuy ở mặt chính thức thì không ngăn cấm vì chủ trương tự do tín ngưỡng của Nhà nước, song thực tế lại khá

lo lắng vì hiện tượng càng ngày càng bùng ra thì liệu có lúc nào đây còn kiểm soát được hay không. Chính vì vậy mà tháng 8/1993 Sở Văn hóa thông tin tỉnh Hà Bắc đã kết hợp với Bộ Văn hóa thông tin tổ chức một hội thảo khoa học ngay tại đình làng Cổ Mễ (Hội thảo Tín ngưỡng Bà Chúa Kho, Hà Bắc, 21/8/1993) – làng có đền thờ Bà Chúa Kho, để xem xét tất cả mọi vấn đề đặt ra ở đền Bà Chúa Kho.

2. Đền Bà Chúa Kho ở đâu?

Đền Bà Chúa Kho nằm ở phía Bắc làng Cổ Mễ, xã Vũ Ninh, thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh ngày nay. Xưa kia, đây là làng Cổ Mễ, tổng Đỗ Xá, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh. Từ Hà Nội theo đường quốc lộ 1A ngược lên phía Bắc khoảng 30 km đến thị xã Bắc Ninh đi tiếp lên Thị Cầu rẽ trái 1km là đến làng Cổ Mễ.

Đền Bà Chúa Kho là một trong ba di tích của làng gồm đình làng, chùa làng và đền Bà Chúa. Về quy mô thì đền Bà Chúa là nhỏ nhất, chỉ những năm gần đây, do sự linh thiêng của đền mà khách thập phương đóng góp tiền nên xây dựng bề thế như ngày nay.

Xưa kia, đền Bà Chúa là một ngôi đền nhỏ nằm trên lưng chừng ngọn núi Kho bên cạnh bờ sông Như Nguyệt (sông Cầu), nơi đây trong lịch sử đã ghi nhận là một vị trí quan trọng vào thời Lý, Lý Thường Kiệt đã cho xây dựng phòng tuyến chống quân xâm lược Tống tại đây.

Nếu như cho đến năm 1993 làng Cổ Lễ cũng như đền Bà Chúa Kho còn là một khu vực rất nghèo nàn thì nay bộ mặt đã hoàn toàn khác. Con đường hơn một cây số từ ga Thị Cầu vào làng đã được mở rộng và trải nhựa cho tới tận cổng đền. Đường làng ngõ xóm đã được bê tông hóa. Đình chùa được tu sửa khang trang, nhà dân được xây dựng đẹp đẽ hơn trước rất nhiều. Đặc biệt là đền Bà Chúa từ chỗ chỉ là một ngôi đền nhỏ nay đã có quy mô khác hẳn.

Từ ngoài bước vào ta sẽ gặp trước tiên là cổng đền. Qua cổng là một sân rộng, sau đó bước lên những bậc tam cấp là đến cổng tam quan khá đồ sộ ở lưng chừng núi. Qua cổng tam quan vào sân chính là bước đến tòa nhà chính là nhà tiền tế hai gian ba chái, khung gỗ làm theo kiểu con chông tràng bốn góc với 4 đầu đao vút cong, tại đây đặt ban thờ công đồng.

Đi sâu vào, tiếp đến là cung đệ nhị thờ Tam tòa Thánh Mẫu. Trong cùng là cung Bà Chúa Kho, nơi đặt tượng thờ Bà Chúa, xưa kia đây chính là miếu thờ Bà.

Tòa nhà chính này rẽ sang bên trái là nơi thờ Phật và hóa vàng. Ngoài sân của nhà thờ Phật có một đài được xây cao gọi là đài Cửu Thiên.

Sang bên phải sẽ gặp ban Cô và ban Cậu đối diện nhau giữa khoảng sân, còn ở giữa ngang với cung đệ nhị thờ Tam Tòa Thánh Mẫu và cung Bà Chúa là phủ thờ Bát bộ sơn trang. Cạnh phủ là miếu thờ ông Cóc, đó là một viên đá lớn hình con cóc. Đi tiếp lên phía đỉnh núi là cổng hậu vào đền. Trên đó hiện tại người ta đang xây nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đó là tất cả những cung thờ chính hiện có ở đền Bà Chúa Kho hiện nay. Những nơi thờ công đồng (nhà tiền tế), miếu cô, miếu cậu, nơi thờ Bát bộ sơn trang cùng những nhà cửa phục vụ lễ hội ở xung quanh đây đều được xây mới lại từ năm 1993 trở lại bằng tiền của khách thập phương. Dưới kia trước cổng vào đền là cả một dãy phố nhỏ với hàng trăm quán phục vụ khách hành hương. Cùng với các hàng quán đó là một bãi trông xe rộng lớn có thể chứa được hàng ngàn chiếc xe máy, ô tô từ khắp nơi đổ về trong ngày lễ hội.

3. Bà Chúa Kho là ai?

Cho đến nay chưa có một nghiên cứu nào cho thấy có một văn bản lịch sử chính thức nói về Bà Chúa Kho ở Cổ

Mễ, Bắc Ninh. Về nhân vật Bà Chúa Kho thì có một số nơi thờ như ở làng Tiên Lác Thượng, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, Hà Bắc (cũ), xã Quả Cảm, huyện Yên Phong và làng Thượng Đồng (làng Lãm) cũng thuộc huyện Yên Phong (Trần Văn Lạng, 6, 1993). Ở các tỉnh khác thì nổi nhất là đền thờ Bà Chúa Kho ở Giảng Võ, Hà Nội và ở Thái Bình thì người ta cho là bà Trần Thị Dung, vợ Trần Thủ Độ cũng là Bà Chúa Kho bởi theo căn cứ được nhà Trần phong tặng là Linh Từ Quốc Mẫu. Tuy vậy, trừ Bà Chúa Kho ở Cổ Mễ thì tất cả các Bà Chúa Kho kể trên đều thuộc đời Trần. Song tất cả các bà này đều có một nét chung đó là những người giữ tay hòm chìa khóa cho các kho quân lương, của cải của các triều đại.

Riêng Bà Chúa Kho của làng Cổ Mễ cho đến nay vẫn chỉ là một nhân vật truyền thuyết. Câu chuyện phổ biến được truyền tụng trong dân gian là vào đời Lý có một vị hoàng tử một lần đi qua vùng Cổ Mễ do cơ nhỡ trên đường đi du ngoạn, học hỏi mà phải dừng chân nơi giữa cánh đồng mênh mông nước trắng. Ở đó chỉ có một ngôi lều nhỏ và một người con gái xinh đẹp, nết na. Để giữ gìn phong tục, tránh làm khó dễ cho nhau, hai người đã cùng nhau thắp đèn đàm đạo suốt đêm. Vị hoàng tử có học không ngờ một cô gái quê mùa lại có nhiều hiểu biết sâu sắc đến nhường vậy qua câu chuyện với nàng. Từ đó chàng đem lòng mến phục và thường qua lại để đàm đạo. Sau đó chàng được lên ngôi và ngay lập tức về đây đón người yêu của mình phong làm hoàng hậu. Từ đấy hai người luôn trao đổi công việc triều chính cùng nhau.

Sau này, khi biết các kho lương thực ven sông Cầu gần quê hoàng hậu xảy ra nhiều việc cần phải chỉnh đốn, Bà đã xin vua được gánh vác nhiệm vụ này. Tới đây Bà một mặt cho điều tra xem xét bắt bọn tham quan đã biến thủ kho lương của triều đình, mặt khác thấy đồng đất mênh mông

chưa được khai phá bà đã chiêu tập dân chúng lập các trang ấp và trồng được rất nhiều lúa gạo làm cho kho của triều đình ngày một đầy thêm, nhân dân no đủ. Khắp nơi mọc lên các kho hay các lẫm như lẫm tiền, lẫm thóc... Vì thế làng Thượng Đồng còn có tên là làng Lẫm. Còn đền thờ Bà sau khi Bà qua đời được gọi là đền Bà Chúa Kho (Nguyễn Xuân Cần 4, 1993).

Nhiều chi tiết được thu thập xung quanh truyền thuyết này và được lưu truyền trong dân gian xung quanh vùng Cổ Lễ nhưng cuối cùng đều khẳng định Bà Chúa Kho là người trông coi các kho tài sản quốc gia của triều đại Lý. Đây cũng chính là vấn đề cốt lõi cho hiện tượng bùng nổ lễ hội đền Bà Chúa sau này.

Có một điều thú vị ở đây là, cho đến những năm 80 của thế kỷ này, câu chuyện về Bà Chúa Kho cũng như bao nhiêu truyền thuyết khác ở các làng Việt bình thường có ở khắp mọi nơi trên đất Việt Nam. Ngay cả khi những người làm nghiên cứu sưu tầm được thì cũng chỉ là thêm một tí chút vào kho tàng những truyền thuyết dân gian vô cùng phong phú ở Việt Nam mà thôi. Vì thế mà năm 1981 một cán bộ của Sở Văn hóa thông tin thể thao Hà Bắc sưu tầm câu chuyện dân gian kể trên đăng trong tập "Gương mặt quê hương" cũng không ai để ý đến. Tuy nhiên, với dân chúng địa phương đây lại là một cái cớ để họ đòi hỏi các cấp chính quyền phải xem xét lại giá trị ngôi đền Bà Chúa Kho (Trần Văn Lạng 6, 1993). Và việc này đã có kết quả khi chính quyền thị xã Bắc Ninh đã đề nghị Bảo tàng Hà Bắc cùng Sở Văn hóa - Thông tin - Thể thao nghiên cứu lại ngôi đền, khi đó đã bị phá hủy khá nặng nề do thời gian và con người. Sự việc đó đã dẫn tới việc lập hồ sơ của cả cụm di tích Cổ Mễ gồm cả đình, chùa và đền được Bộ Văn hóa Thông tin của Nhà nước ra quyết định công nhận và bảo vệ với tư cách là những công trình văn hóa. Quyết định được ký vào ngày 21/1/1989.

Thế là từ năm 1989 trở đi, khi ngôi đền bắt đầu có tiếng tăm thì cũng nhân cơ hội ấy mà truyền thuyết về Bà Chúa Kho được liên tục xuất hiện không chỉ ở Hà Bắc mà đến cả nước. Bằng chứng là năm 1989 hai tác giả Nguyễn Huy Mạnh và Nguyễn Xuân Cẩn cùng với nhân dân Cổ Mễ in một cuốn sách mỏng giới thiệu về khu di tích và bán hết cho khách thập phương, đến nỗi cơ quan chủ quản là Bảo tàng và Sở cũng không biết được cuốn sách ấy mặt mũi ra sao (Trần Văn Lạng 6, 1993).

Năm 1990, Bảo tàng Hà Bắc đã cho ra đời cuốn *Truyện cổ xứ Bắc* trong đó có nói đến truyền Bà Chúa Lẫm, cũng là một truyền thuyết tương tự với truyền thuyết Bà Chúa Kho kể trên. Ngay tiếp đó, năm 1991 Giáo hội Phật giáo Hà Nội đã cho in cuốn *Lịch sử đền Bà Chúa Kho* như một cách chớp thời cơ phục vụ khách thập phương bắt đầu đổ về lễ đền ở đây. Sách không có chủ biên, chỉ có tên chung của một nhóm tác giả mà thôi.

Năm 1992, hai tác giả Anh Vũ và Nguyễn Xuân Cẩn cho ra đời tác phẩm *Bà Chúa Kho* với quy mô lớn hơn và in tại Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, một trong những nhà in lớn nhất của Nhà nước. Thực ra cuốn sách là những truyện dân gian sưu tầm ở Hà Bắc được tập hợp lại, song với cái tên Bà Chúa Kho ngoài bìa thực sự là một sản phẩm câu khách có giá trị. Còn nội dung cũng chỉ là một trong 24 câu chuyện được kể ở trong đó mà thôi.

Liên sau đó là cuốn sách mỏng của Hoàng Hồng Cẩm dưới nhan đề *Đền Bà Chúa Kho* càng góp phần cho sự sống động của lễ hội và nhân vật này. Thời điểm này cộng với báo chí và những tin đồn được lan truyền về Bà Chúa linh thiêng thực sự sôi động đến mức một người dân làng Đình Bảng là ông Trần Văn Diễn – Đình Bảng là quê gốc của dòng họ Lý thuộc vương triều Lý ở thế kỷ thứ XI khẳng định rằng Bà Chúa Kho chính là công chúa thứ 6 em gái của vua Lý Thánh Tông. Ông đã gửi cho người làng Cổ Mễ một bức thư

dài để chứng minh các tư liệu mà ông sưu tầm được qua lời kể của các cụ làng Đình Bảng. Ông còn đưa ra những cứ liệu khá thuyết phục nào là Bà tên là Lý An Quốc, sinh ngày 12 tháng 4 năm Giáp Ngọ (1054), đã tham gia cùng Lý Thường Kiệt xây dựng phòng tuyến sông Cầu đánh giặc Tống và được giữ chức chi cục hậu cần Vũ Ninh Sơn (nay là Cổ Mễ) nên sau khi bà mất được thờ là Bà Chúa Kho...

Như vậy, có một điều dễ nhận thấy là Bà Chúa Kho là một nhân vật truyền thuyết. Không có một tài liệu chính sử nào vào thời Lý và sau đó nói đến Bà. Nhất là khi bà có một trọng trách lớn như vậy (chủ khổ lĩnh từ) ở một địa điểm lịch sử nổi tiếng như vậy (phòng tuyến sông Như Nguyệt), mà không có một dòng sử nào nhắc đến Bà.

Còn xét theo tín ngưỡng dân gian Việt Nam, đặc biệt của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ thì việc thờ các nữ thần là rất phổ biến, nhất là các nữ thần nông nghiệp. Có một tài liệu khá tin cậy đó là bản thân tích thần sắc của làng do Viện Viễn Đông Bác Cổ còn lưu giữ được, nay lưu giữ ở Viện Thông tin Khoa học Xã hội có ký hiệu là TT-TSFQ4018/IV, 11 đề ngày 17 tháng 4 năm 1938 chép tay. Trong bản thân tích này mọi chỗ đều ghi tên làng là Cô Mễ (chứ không phải Cổ Mễ như sau này), tổng Đỗ Xá, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh. Trong làng cũng còn lưu truyền rằng đền có từ đời Lý và lúc đầu có tên là miếu Tiên Cô. Đến đời Trần miếu Tiên Cô được sửa thành đền. Tuy theo nghĩa chữ Hán Cô ở đây không phải là cô gái song đây là các cụ xưa dùng chữ Nôm lấy âm Hán để gọi Bà Lúa vị nữ thần của làng. Như vậy, phải chăng khởi nguyên ban làng thờ vị thần (tiên) lúa (Cô Mễ) rồi sau này được biến thành Bà Chúa Kho như bây giờ?

4. Sự linh thiêng của đền Bà Chúa Kho

Nếu sau năm 1990 hầu hết người dân ở Việt Nam đều biết đến đền Bà Chúa Kho và hiện tượng cầu cúng ở đó thì trước đó ít ai biết đến. Ngay đến người dân địa phương

cũng không có mấy người thực hiện việc lễ ở đền khi xin xỏ hay cầu mong một việc gì lớn.

Dương nhiên, như ta đã biết người Việt Nam là một dân tộc tin vào tín ngưỡng đa thần. Vào những dịp lễ lạt hay bất cứ lúc nào tiện lợi họ đều tiến hành lễ bái ở tất cả những nơi thờ tự mà họ ghé qua. Đó cũng chỉ là một tâm thức bình thường theo một thói quen như câu tục ngữ “có thờ có thiêng, có kiêng có lành” mà thôi. Đối với người dân làng Cổ Mễ cũng vậy, họ cũng chỉ coi đền Bà Chúa Kho là một nơi thờ tự bình thường của làng, đương nhiên là không bằng đình và chùa. Tất nhiên nếu bây giờ ta hỏi họ sẽ lập tức nói vanh vách đến sự thiêng liêng của Bà vì một mục đích hoàn toàn khác. Còn trong thâm tâm không mấy người tin vào điều đó. Đúng như câu tục ngữ “Bụt chùa nhà không thiêng” của người Việt. Bằng việc quan sát thái độ của họ khi cầu cúng thuê cho khách thập phương, khi họ tránh giảnh khách hay chuẩn bị các đồ lễ vật thuê cho khách... sẽ thấy được điều đó. Dù rằng, do sự tin tưởng ghê gớm của khách thập phương phần nào cũng lôi kéo một số người trong làng tin theo.

Như ở phần trên đã nói, suốt một thời gian dài đền Bà Chúa Kho chỉ là một ngôi miếu nhỏ hoang vu ở bên ngọn núi Kho cuối làng. Chính sự trống trải và hoang vu ấy của khu vực này mà xã đã cấp suốt một dải đất ven đường vào đền mà ngày nay cho tập thể công nhân nhà máy cơ khí Đáp Cầu và cả một khu đất làm xưởng sản xuất ngay cạnh đền.

Cũng như vậy, khi chỉ là một ngôi miếu nhỏ thì dân Cổ Mễ cũng không thấy ai quan tâm đến việc quản lý hay giữ cho mình. Vì thế, theo dân làng trước những năm 70 ở miếu có một người tên là bà Đồng Xuân nói là cháu cụ đồng Bá Xe ở Hà Nội coi giữ. Người ta cũng không cần biết là họ ở Hà Nội những địa chỉ cụ thể như thế nào. Một mặt khi đó việc đồng bóng hoàn toàn bị cấm, nên người trông coi ở đây cũng không

dám hành nghề công khai. Và lại người đến lễ lại càng hạn chế nên không có gì nguy hiểm đối với chính quyền và dân làng. Sau đó cho đến trước năm 1989 khi các bà đồng đi khỏi đây (không rõ nguyên nhân) thì đền được cụ Bồ người làng Cổ Mễ trông coi. Cụ Bồ là người trong thời gian dài bà Đồng Xuân trông nom đền thường cùng phụ giúp bà đồng và cũng được bà truyền lại tri thức cúng lễ để sau này truyền lại cho người làng.

Tuy vậy, có một số chuyện được dân làng chứng kiến và truyền tụng mà sau này càng góp phần thần bí hóa hay linh thiêng hóa ngôi đền. Thứ nhất đó là chuyện về một viên chủ nhà máy giấy Đáp Cầu, người Pháp thời thuộc Pháp. Người chủ nhà máy giấy này dân làng nói tên là Beto. Khi xây dựng nhà máy giấy Đáp Cầu, ông ta cho vây cả khu đền vào địa phận nhà máy giấy. Song do sự phản ứng của dân chúng Beto phải trả lại địa phận ngôi đền và xây tường bao sát đền. Chỗ tường bao sát đền ấy có treo một ngọn đèn điện lớn mà theo dân địa phương để làm ngôi đền mất linh thiêng. Một thời gian sau bỗng nhiên người vợ của Beto mắc phải chứng bệnh đau bụng. Họ đã đi nhiều bệnh viện tây y mà không sao khỏi bệnh. Sau đó người thư ký của Beto, vốn là một người Việt, bèn đề nghị ông ta sửa một lễ dâng cúng ở đền Bà Chúa Kho cầu xin. Quả nhiên sau lễ ấy vợ Beto khỏi hẳn, vì thế ông ta đã thay đổi hẳn thái độ và đã giúp tiền để sửa sang ngôi đền, bỏ ngọn điện ở tường bao để khỏi rọi vào đền Bà Chúa...

Chuyện thứ hai gần đây hơn và nhiều người biết hơn đó là vào thời chiến tranh với Mỹ. Núi Kho, nơi có đền Bà Chúa nằm gần bờ sông Cầu và đối diện với núi Kho theo đường chim bay khoảng 2km là núi Dinh nằm ngay sát chân cầu Đáp Cầu qua sông Cầu. Đây là một mối giao thông cực kỳ quan trọng của Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh. Bởi vì con đường vận tải này cả đường bộ và đặc biệt là đường sắt chuyên chở hàng hóa, vũ khí và các phương tiện chiến tranh từ Liên Xô và Trung Quốc qua Việt Nam. Ga Thị Cầu nằm ngay

trên trục đường quốc lộ này bên phía hữu ngạn sông Cầu về phía Nam. Vì thế, không quân Mỹ coi đây là một vị trí quan trọng để đánh phá cả cầu và ga xe lửa. Về phía Việt Nam, để bảo vệ cầu và ga ở đây người ta đã bố trí hai đơn vị pháo cao xạ được đặt trên núi Dinh và núi Kho để hỗ trợ cho nhau. Một điều thú vị là trong suốt cuộc chiến tranh biết bao bom đạn đã dội xuống đây, ga Thị Cầu bị phá hủy nặng, cầu Đáp Cầu cũng bị phá, đơn vị cao xạ ở núi Dinh bị trúng bom, nhưng đơn vị ở núi Kho thì chưa một lần bị trúng bom của không quân Hoa Kỳ mà hầu hết số bom ấy rơi ra ngoài khu vực. Vì thế người ta tin rằng núi Kho đã được Bà Chúa phù trợ để tránh khỏi bom Mỹ. Tuy nhiên khi đó cũng chỉ là câu chuyện truyền miệng như vậy mà thôi.

Sau đổi mới năm 1986 của Nhà nước Việt Nam và đặc biệt là sau 1989 thời mở cửa với nền kinh tế thị trường, chuyện làm ăn biên giới với Trung Quốc ngày càng mở rộng thì con đường quốc lộ 1A Hà Nội – Lạng Sơn thêm tấp nập. Người buôn bán Việt Nam có một thói quen rất mê tín trong lúc làm ăn. Vì thế họ sẵn sàng bỏ tiền ra cầu cúng ở khắp nơi để tìm sự hỗ trợ của thần linh. Dọc đường làm ăn của mình hễ chỗ nào có thể là họ tiến hành cầu cúng. Đền Bà Chúa Kho cũng là một trong những địa điểm trên đường buôn bán Hà Nội – Lạng Sơn. Cho nên đã không ít người ghé qua đây để cầu xin sự che chở.

Vì là chuyện làm ăn, ai biết người đó nên không có một chứng cứ cụ thể nào để biết ai là người đầu tiên được Bà Chúa phù trợ phát tài. Tuy nhiên có sự đồn đại từ người này qua người khác trong giới làm ăn. Và thế là một đồn mười, mười đồn trăm, trăm thành ngàn thành vạn để dần dần đến Bà Chúa trở thành một trung tâm hành lễ lớn nhất ở phía Bắc. Cũng từ đó, dân làng Cổ Mễ bước vào một giai đoạn mới trong đời sống của mình. Từ một làng quê nghèo, sống duy nhất bằng nông nghiệp (cho đến tận bây giờ) bỗng nhiên trở

thành một làng giàu, thay đổi hẳn bộ mặt của mình và là giai đoạn hưng thịnh chưa từng thấy trong lịch sử.

5. Lễ Bà Chúa Kho như thế nào?

Thường thường trong một năm bất kể lúc nào du khách cũng có thể đến lễ và xin hoặc vay ở đền Bà Chúa. Thời gian quan trọng nhất là đầu năm và cuối năm. Đầu năm là đi vay, đi xin, còn cuối năm là đi trả và đi tạ ơn. Vì thế rộ nhất và sôi động nhất là ba tháng đầu năm âm lịch và ba tháng cuối năm ấy. Trong ba tháng đầu năm thì tháng giêng là quan trọng nhất và trong tháng giêng thì sau Tết âm lịch đến rằm (15 tháng giêng) là thời điểm lý tưởng nhất. Tục ngữ Việt Nam có câu “Lễ Phật quanh năm không bằng ngày rằm tháng giêng” để chỉ thời điểm thiêng liêng đó. Vì thế đối với người đi lễ sau rằm tháng giêng thì sự linh thiêng đã giảm bớt, cho nên thời gian từ mồng 5 đến 15 tháng giêng là giai đoạn cực điểm của đền Bà Chúa Kho là vậy. Đương nhiên đó là thời điểm lý tưởng nhưng không phải ai cũng đi được do đó tâm lý chung là trong mùa xuân vẫn còn là thời gian tốt.

Đối với việc lễ tạ cuối năm thường được bắt đầu từ tháng 10 âm lịch, song đông nhất là vào cuối tháng 11 và tháng 12 âm lịch. Một mặt người ta bận làm ăn, mặt khác họ chờ xem cho đến cuối năm những điều cầu khẩn đầu năm đã linh nghiệm hết chưa. Bởi biết đâu gần Tết đến những vụ làm ăn thật sự mới hé mở. Cho nên nếu đi tạ ơn sớm quá lại là một sự tạ ơn không trọn vẹn. Do vậy mà đến 30 tết vẫn còn người về lễ tại đền.

Vào những dịp cao điểm, người đi lễ thường phải đi rất sớm, có như vậy mới hy vọng được đặt lễ gần ban thờ chính kề cận với các vị được thờ, mới hy vọng bày tỏ hết những lời cầu nguyện đến tai Bà. Nếu không sẽ phải bãi vọng từ rất xa vì quá đông người, như vậy sẽ không thỏa mãn nguyện vọng.

Về lễ vật, những người chu đáo thường chuẩn bị từ nhà với hoa quả, bánh kẹo, thuốc lá, vàng mã... đến nơi cảm thấy thiếu gì thì sẽ mua thêm. Tuy nhiên với điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, hẳn có câu là có cung, và lại thực tế ở đền mới biết được đầy đủ những lễ vật gì cần phải sắm và sắm sửa bao nhiêu. Do đó chỉ những người đi lễ chuyên nghiệp, thông thạo mới sắm ngay từ nhà, còn lại đa số đến nơi rồi mới sắm hoặc chỉ sắm một phần ở nhà còn lại đến đền sẽ bổ sung tiếp.

Những lễ vật phổ biến gồm có

Lễ mặn: Trứng sống, gà luộc, giò chả, thịt lợn luộc, gạo, xôi, rượu, bánh dày, bia...

Lễ chay: kẹo bánh, hoa quả, thuốc lá, hoa, cành vàng, cành bạc, gương lược, tiền (VNĐ và Đôla Mỹ của ngân hàng âm phủ), vàng thoi, vàng cây, vàng lá, giấy, dép, vòng vàng, hoa tai...

Tùy theo nhu cầu của người lễ mà sắm sửa từ một lễ cho tới 5 - 7 lễ hết ở các ban thờ.

Quy trình lễ

Trước hết là vào ban công đồng tại nhà tiền tế chỗ này để đặt lễ mặn như rượu, thịt, thuốc lá, bia, trứng, gạo... Đây là nơi thờ các quan lớn, các đức ông, ngũ hổ nên nhất thiết phải là lễ mặn. Sau khi đặt lễ ở đây, người đi lễ thắp hương và đem hương đi cắm ở tất cả các ban trong khu vực đền, cắm xong trở lại ban công đồng tiến hành làm lễ. Lễ này có ý nghĩa như trình báo xin vào đền để làm lễ cầu xin, mong các quan cho phép. Người đi lễ có thể tự mình cầu xin, nếu muốn có thể thuê những người trông nom tại đây cầu khẩn giúp bởi họ cầu khẩn rất bài bản và lưu loát. Người đi lễ chỉ cần nói họ tên, địa chỉ và ước nguyện, sau đó ngồi bên cạnh người khẩn thuê ấy để cúng lễ và chứng kiến. Sau lễ tùy tâm

người đi lễ cho người khấn ấy từ 2000 - 5000đ hoặc nhiều hơn, cùng một chút lễ vật như quả táo, bao thuốc, đĩa xôi... mọi sự tùy tâm.

Tiếp đến là vào cung đệ nhị thờ Tam tòa thánh mẫu. Tại đây người ta có thể xin cầu phúc, cầu lộc cho gia đình và bản thân. Đặt lễ hay không là tùy ý người đi lễ, cũng như vậy đối với việc thuê người cầu khấn.

Cung thứ ba là cung quan trọng nhất đó là nơi thờ Bà Chúa. Lễ vật ở đây chủ yếu là tiền, vàng đủ loại với vàng thỏi, vàng cành, tiền to tiền nhỏ. Trước khi cầu khấn phải lễ bên tả (từ trong nhìn ra) là thân phụ của Bà Chúa và bên hữu là thân mẫu của Bà Chúa. Sau đó là đến phần lễ chính để vay hoặc xin lộc của Bà (đầu năm) cũng như là trả hay tạ lễ Bà (cuối năm). Chỗ này là nơi được thuê khấn vái nhiều nhất. Sau khi trình bày tất cả nguyện vọng của mình, người đi lễ thường xin đài âm dương ở đây xem lời cầu xin hay tạ lễ của Bà có ứng nghiệm không? Nếu đài âm dương (bằng hai đồng tiền xu cũ) một xấp một ngửa là chứng tỏ Bà đã ứng nghiệm, còn nếu cùng xấp hay cùng ngửa là chưa được phải tiếp tục khấn vái và cầu nguyện, ra đài lại. Có người phải ra đài âm dương ba bốn lần mới ứng nghiệm. Điều này chứng tỏ lòng thành của người đi lễ và thái độ của Bà Chúa đối với người đó ra sao.

Xong việc người đi lễ rẽ sang nơi thờ Phật ở bên trái làm lễ để cầu phúc lộc. Từ đó bước ra sân lên đặt lễ ở mẫu Cửu trùng thiên. Tại đây có thể đặt cả lễ mặn lẫn lễ chay. Mục đích chính của chỗ này là xin giải hạn cho những người trong gia đình năm đó.

Xong ở Cửu trùng thiên chuyển sang Bát bộ sơn trang nơi thờ Bà Chúa Thượng Ngàn cùng các vị thần khác. Tại đây đặt cả lễ mặn, lễ chay đều được. Theo niềm tin dân gian cung Bà Chúa Kho chỉ cho vay vốn, cho lộc rơi lộc vãi, nhưng vốn đó, lộc đó có thành hiện thực hay không phải

được phù trợ của Bà Chúa Thượng Ngàn. Cho nên đây là nơi cầu xin làm ăn phát đạt, xin xuất ngoại, thăng quan tiến chức.

Đến cửa Cậu ở ban Cậu là để cầu con cái, có con rồi thì để chúng ngoan ngoãn, học hành thi cử đỗ đạt. Lễ đặt ở đây thường là lễ chay.

Sang ban Cô là cầu cúng cho con cái trong nhà khỏe mạnh, hay ăn chóng lớn, không ốm đau bệnh tật, thông minh. Tại đây chỉ dùng lễ chay, đặc biệt là các đồ trang sức như gương lược, giấy dếp, vòng xuyên... là những thứ thích hợp nhất.

Tiếp đến là miếu ông Cóc, nơi cầu duyên, cầu con. Từ đó người ta sang nơi thờ Sơn thần, một núi giả có cây đa trên đó gần cổng hậu của khu đền để xin về việc mua bán đất đai, xây dựng nhà cửa. Cả hai nơi này người ta thường bỏ tiền chứ ít đặt lễ.

Như vậy là kết thúc một vòng lễ tại toàn bộ các ban ở đền Bà Chúa. Nhìn chung ít ai đặt lễ được tất cả các ban, mà chỉ tùy theo mục đích của mỗi người đến đây thôi. Duy có ban công đồng và cung Bà Chúa thì hầu như không ai không đặt lễ. Cần phải nói thêm là ở tất cả các nơi đó người ta đều đặt tiền, nhất là tiền mới loại 200đ, 500đ, 1000đ, 2000đ và 5000đ là phổ biến. Nhiều mâm lễ được trang trí rất đẹp mắt và qua mâm lễ của mỗi người có thể biết được sự sang hèn và ý nguyện của họ. Người càng giàu, càng muốn xin, vay nhiều thì bày lễ càng lớn với những đôla, bia hộp ngoại, thuốc lá 555, nho, táo Mỹ, kẹo bánh loại sang...

Sau một lúc nghỉ ngơi, đi dạo xem người xem cảnh ở đền, người ta trở lại ban công đồng vái tạ xin hạ lễ. Những lễ vật ngoài phân biếu những người hành lễ thuê, người đi lễ thu dọn riêng cho mình. Số lễ chay vàng mã được tập trung tất cả đem "nhập kho", là ngôi nhà nơi thờ Phật có hẳn vài gian chất đồng tất cả những vàng mã của người đi lễ tự hội

vào đây. Ở đó có những người phục vụ chuyên trách phát lại lộc cho người đi lễ. Cạnh đó có nhà hóa mã, người đi lễ đem một số thứ ra hóa tượng trưng. Sau đó đến gặp những người phát lộc để lấy lộc. Tùy ý muốn của người đi lễ mà người phát lộc đưa cho học những thứ họ muốn.

Cũng có những người tự tay lựa chọn phần lễ vật vàng mã của mình đem về, số còn lại đốt hết mà không nhập vào kho. Cũng lại có người không sắm lễ vật gì mà chỉ đi lễ bình thường, đặt tiền thật lên các ban, sau đó sang kho xin lộc rơi lộc vãi mà thôi. Thường như vậy họ cũng không dám xin nhiều, và tùy vào người cho đưa cái gì lấy cái đó. Lộc rơi lộc vãi theo quan niệm của người ta là của rơi vãi, nên dù được hay không cũng không “mắc nợ” với Bà Chúa, nên cuối năm có đi trả hay không đi trả cũng không lấy làm áy náy. Còn nếu đã vay thì bắt buộc phải đi trả dù là được hay không được trong năm đó, đúng theo luật có vay có trả ở đời, và người ta tin như vậy.

6. Làng Cổ Mỹ và lễ hội đền Bà Chúa Kho

Như trên đã nói, làng Cổ Mỹ là một làng nông nghiệp thuần túy. Cho tới tận bây giờ (10/2000) nghề nông vẫn là nghề chính của làng.

Tuy nằm trong vùng Kinh Bắc, gần thị xã Bắc Ninh, song đây không phải là một làng nghề thủ công hay buôn bán. Chính vì vậy cho tới đầu những năm 90 làng vẫn là một làng nghèo.

Thực tế khảo sát của chúng tôi năm 1993 thì đường làng còn lầy lội, nhà cửa đa số đều cũ nát. Đoạn đường từ ga Thị Cầu vào chưa hề được tu sửa mà vẫn chỉ là đường đất. Đình chùa xuống cấp nhiều, chưa kể đến khu vực đền Bà Chúa khi đó còn sơ sài hoang vắng chưa được khang trang như bây giờ.

Về mặt tín ngưỡng các sinh hoạt văn hóa, cho tới những năm 80 vẫn chỉ là ở đình và chùa. Đền Bà Chúa không phải là những địa chỉ tín ngưỡng chính. Đúng như lời khai của dân làng trong bản thần tích thần sắc đã nói ở trên, các vị thần được thờ của làng là thánh Tam Giang và Quý Minh. Trong đó ngày lễ của thánh Tam Giang là ngày sinh vào 5 tháng giêng còn ngày hóa là 10 tháng tư. Còn những ngày tế lễ chính thức của làng là:

Ngày 7 tháng giêng

Ngày 7 tháng 3

Ngày 10 tháng 4

Ngày 1 tháng 8

Ngày 10 tháng 8

Ngày 2 tháng 9 (xem thần tích thần sắc).

Hai vị thần này cũng là các vị được các triều đại phong kiến chính thức công nhận bằng sắc phong với bảy sắc phong từ Triệu Trị đến Khải Định.

Trong số những ngày lễ kể trên, hai ngày hội nổi bật nhất là 10 tháng 4 và 10 tháng 8, đặc biệt là ngày hội 10 tháng 4 có hội đua thuyền để ghi nhớ nhiều công thủy chiến của đức thánh Tam Giang, người đã giúp cho quân nhà Lý chiến thắng giặc Tống tại sông Như Nguyệt (sông Cầu). Còn ngày hội 10 tháng 8 vừa là ngày lập đình làng và dịp trọng thu cốc nhật, nhân dịp này làng cũng thờ cúng các vị thần. Ký ức của hai ngày hội này vẫn còn đọng lại trong dân gian ở đây.

Ngoài những ngày lễ chính thức trên, xưa kia làng còn có lệ ăn giao hiếu với làng Hữu Chấp, kết chạ với làng Cổ Mễ, vào ngày 14 tháng 8, có lễ tứ kỳ (bốn mùa). Vì thế mà dân trong vùng còn truyền tụng câu “hay ăn Cổ Mễ” (ý nói có nhiều ngày lễ để tổ chức ăn uống) (Cấn Hoàng Luân, 17, 1998).

Như vậy, thực tế trong quá khứ, đền Bà Chúa là một di tích không đáng kể cả mặt kiến trúc cũng như tín ngưỡng. Nó không được kể vào danh mục những đơn vị thờ tự của dân làng cũng như trong tiềm thức dân sở tại. Nó cũng như nhiều các miếu, nghề, am khác của các làng quê Việt Nam mà ta còn gặp cho đến tận ngày nay. Là bộ phận trong đời sống tín ngưỡng của một làng nhưng không phải là chính thống.

Cần phải nói thêm trong bản thân tích thần sắc có nhắc đến một ngôi nghề ở rìa sông nhưng đó là ngôi nghề thờ đức Thánh Tam Giang ngày nay đã bị phá hủy. Điều này cũng đúng bởi vì việc thờ các thần linh ở đình là hiện tượng về sau này do các vị trí thờ các ngài bị phá hủy. Còn đình không phải là nơi thờ tự các vị thần ấy. Xưa kia đình và nghề hay đền song song tồn tại. Vào dịp tế lễ người ta mới rước các ngài về đình để dự hội mà thôi.

Phải đến sau năm 1989 khi đền Bà Chúa cùng được công nhận với cả cụm di tích đình và chùa, cũng thời gian đó chính sách mở cửa của nhà nước được ban hành, vai trò của ngôi đền mới dần dần được nâng lên. Sau đó thì nó lấn át cả đình và chùa, nên khi nói đến Cổ Mễ người ta chỉ nghĩ đến đền bà Chúa Kho mà thôi.

Lúc đầu, khi số người đến lễ ở đền còn ít thì các dịch vụ kèm theo nó chỉ là tự phát, mạnh ai nấy làm. Song vào những năm 92, 93 càng ngày số lượng khách đến càng đông, thấy có thể làm ăn được thì người ta bắt đầu đổ ra đền. Không những thế, ngoài dân sở tại còn có cả những người ở nơi khác đến, từ ăn mày, bán xổ số, bán các ấn phẩm thờ cúng, viết số, vàng mã, đồ lễ... số người đến ngày một đông, vị trí đền không đáp ứng nổi số lượng khách như vậy trong cùng một lúc. Vì thế đã xảy ra những hiện tượng như móc túi, những dịch vụ đặt lễ cho khách trên ban thờ được sâu hơn, ở chỗ đẹp hơn, các hiện tượng môi chài, lôi kéo khách dẫn tới tranh cướp đánh nhau làm an ninh trật tự có nhiều lộn xộn.

Cùng lúc đó, với nhạy cảm tiềm tàng của người dân Kinh Bắc, người làng Cổ Mễ nhìn thấy lợi nhuận do ngôi đền đem lại ngày một rõ ràng. Thế là tính tự quản của cộng đồng làng xã bắt đầu được phát huy một cách cao độ vì quyền lợi của dân làng.

Theo phong tục cổ truyền của người Cổ Mễ còn giữ cho đền bây giờ, đối với đàn ông dù sống ở làng hay đi làm ăn xa thì cứ đến tuổi 50 là vào cai đám. Từ lớp tuổi này trở lên là những người quan trọng nhất, quyết định mọi việc ở trong làng. Vào ngày 10 tháng 8 là dịp lệ làng, những người ở tuổi này sửa mâm xôi, con gà, áo the, khăn xếp ra đình lễ Thánh trình làng. Nếu ai ở xa không kịp về, gia đình ở nhà có thể làm thay lễ trình làng, như vậy cũng coi như ông ta đã có mặt ở nhà. Kể từ đây người đó có vai vế, có thân phận ở làng. Nếu là người đi xa, sau này về nghiễm nhiên đã là người được chấp nhận. Bằng không sẽ bị làng tẩy chay.

Có nhiều cách để làng cô lập những gia đình đó, những cách đó một số còn giữ và tồn tại cho đến ngày nay như không cho tham gia vào hội tuổi già, khi nhà có tang ma, cưới xin không ai đến, rút ruộng không cho làm... Bất kể dù người đó làm to, làm nhỏ gì ở ngoài nước hay trong làng, nếu không chấp hành đều bị đối xử như vậy. Một thí dụ gần đây nhất có ông Miếu làm tới chức Cục trưởng ở ngoài Hà Nội nhưng khi về làng vẫn phải theo lệ làng và suýt bị tẩy chay.

Cùng với giới lão ông là đông đảo các vãi bà. Hai giới này cùng nhau quyết định mọi việc trọng đại ở trong làng theo lệ làng đặt ra. Với cách xử lý như vậy thì không ai có thể cưỡng lại được, vì sống ở làng mà không có người làng thì sống với ai? Đương nhiên trong tình thế hiện nay các lệ làng luôn cố gắng phù hợp với phép nước để tránh khúc mắc với chính quyền. Mặt khác các cán bộ chính quyền cấp xã, thôn cũng không phải là ai khác ngoài con cháu các cụ. Vì vậy bản thân họ cũng phải vì quyền lợi của dân làng mà làm việc.

Tính trung bình trong những năm gần đây, số lượng các cụ tuổi từ 50 trở lên đối với các cụ bà, 55 tuổi trở lên đối với các cụ ông lúc nào cũng ở con số 200 bà và 100 ông. Họ là những người quyết định cuối cùng những công việc của làng. Tất nhiên, ý kiến chính thức của mỗi người trong số ấy đều đã có sự tham khảo từ mỗi gia đình và từ số cai đám từ 50 đến 55 tuổi đối với nam giới khi chưa chính thức lên lão, tuy họ vẫn được gộp vào số đã ở trong giới lão.

Vì thế, trước tình trạng lộn xộn xảy ra khi số khách thập phương đến đây lễ bái ngày càng đông các cụ đã tiến hành các quyết sách. Nói là quyết sách nghe có vẻ bài bản nhưng thực chất ở làng xã xưa cũng như nay, việc tập hợp người trong làng trước một công việc gì đó rất nhanh. Bởi vì người ta đều sống cạnh nhau ở trong một làng, công việc gần nhau, nên việc tập trung nhau vào buổi trưa hay buổi tối sau giờ làm việc là việc dễ dàng.

Cho đến thời điểm cuối năm 2000 toàn bộ công việc ở đền được tổ chức như sau:

1. Tất cả các cụ bà được chia thành 18 tổ có nhiệm vụ trông coi toàn bộ các việc ở các cung, bao gồm phục vụ khách đi lễ như khăn vái thuê, hướng dẫn khi khách hỏi, ngăn bớt khách khi số lượng người quá đông cho có trật tự, dọn đồ nhang trên lư hương khi có quá nhiều người cắm... Lúc bình thường thì mỗi cung gồm hai người trông nom, vào ngày đông, mỗi cung có tới 3 – 4 bà. Ai ở cung nào chịu trách nhiệm về cung đó.

Số còn lại được phân công ở nhà kho, chỗ hóa vàng, nhà phục vụ (đi chợ, nấu ăn cho các bà phục vụ trên đền).

Vào ngày thường, mỗi ngày trên đền có 3 tổ cụ bà phục vụ với số lượng khoảng 30 người. Thời gian bắt đầu của mỗi ngày từ 6 giờ sáng hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau đổi ca cho ba tổ khác. Ngay trong ba tổ của mỗi ngày ấy, các cụ bà

cũng được luân phiên nhau qua các cung đến kho, nhà hóa vàng, nhà phục vụ. Như vậy để đảm bảo sự công bằng trong cả việc làm lẫn nguồn thu nhập bởi vì ở các cung khác nhau mức độ lễ và nhu cầu của người đến lễ cũng khác nhau. Từ đó dẫn đến dịch vụ và thu nhập cũng khác nhau. Còn lại tùy vào hôm khách nhiều hay khách ít mà thu nhập không bằng nhau thì đó là chuyện may rủi mà ai cũng có lúc phải chịu.

Các cụ bà trông coi ở trên đền cùng ăn chung tại đền hai bữa. Riêng vào dịp hội (từ tháng 12 âm lịch đến hết tháng 3 âm lịch) được cấp thêm một người mỗi ngày 5000đ, còn tiền khách thập phương trả công khấn thuê và lộc thì là phần riêng người đó được hưởng.

2. Ban công đức

Do các cụ ông đảm nhiệm. Đó là nơi nhận tiền, hiện vật của khách thập phương đem đến. Tại đây có hệ thống âm thanh để bất cứ ai sau khi công đức đều được phát trên loa truyền thanh để mọi người trong khu vực hội được biết. Ngày thường ban công đức chỉ có 3 người một ngày, vào dịp hội tùy theo mà người ta tăng số lượng lên nhiều hơn. Ban công đức được ăn một bữa trưa miễn phí.

3. Ban bảo vệ và trông xe

Bao gồm số cụ ông còn lại. Họ có nhiệm vụ bảo vệ khu vực hội, hướng dẫn khách thập phương, nhắc nhở họ khi cần thiết, phân luồng, sắp xếp và trông giữ xe cộ trên một khu vực bãi đỗ và nhà xe rộng khoảng 3000m². Giá xe thống nhất 2000đ/ xe máy, 10000đ/ xe con và 15.000 – 20.000đ/ xe khách.

Số người này cũng chia thành tổ từ 8 – 10 người 1 tổ. Ngày thường có một tổ trông nom còn ngày chủ nhật 2 tổ. Vào dịp hội tăng cường 3 đến 4 tổ tùy theo thời điểm cụ thể. Tất cả những người này đều ăn cơm nhà, tiền bồi dưỡng cho họ tính theo đợt hoặc do Ban tổ chức quyết định.

4. Ban quản lý di tích

Trong số các cụ ông hàng năm hoặc một nhiệm kỳ 3 năm các cụ hai giới bầu ra một Ban quản lý di tích gồm 3 người trong đó có 1 trưởng ban. Những người này có nhiệm vụ trông coi bao quát tất cả các việc liên quan đến đền. Họ là đại diện chính thức của dân để tiếp xúc với chính quyền địa phương, huyện, tỉnh, trung ương và các cơ quan đoàn thể trong ngoài nước khi cần.

5. Ban xây dựng

Cũng trong số các cụ ông, người ta lựa chọn ra những người hiểu biết về xây dựng để tiến hành tổ chức, giám sát, nghiệm thu khi cần tu sửa ở khu vực đền. Cách làm là khi định xây dựng hoặc sửa sang chỗ nào thì Ban quản lý di tích cùng bàn bạc với các cụ. Sau khi quyết định, Ban xây dựng dự toán toàn bộ công trình, sau đó cho công khai đấu thầu, hiệp thợ nào trúng thầu thì tiến hành xây dựng dưới sự giám sát của Ban xây dựng. Chế độ bồi dưỡng cho Ban này tùy theo từng vụ việc. Nếu không có công trình xây dựng nào thì họ lại hòa vào số các cụ ông ở các ban đã nói ở trên.

Theo quy định hàng tháng hội người cao tuổi hai giới họp một lần. Cuộc họp ấy xem xét công việc trong tháng, bàn việc triển khai và phân công của tháng tiếp theo. Cứ như vậy guồng máy hoạt động một cách nhịp nhàng, đều đặn.

Đối với dân làng: Trước cổng đền, khu vực ngoài cùng giáp với bãi đỗ xe, các cụ xây dựng hai dãy kiot tổng cộng là 100 kiot, mỗi kiot có diện tích khoảng 4m². Mỗi ô như vậy người ta cho 4 gia đình thuê. Tùy các gia đình trong làng sắp xếp với nhau lập thành một nhóm mà thuê. 100 kiot đó được định giá theo vị trí của nó. Chỗ đắt nhất là nơi gần cổng vào để lên đền, còn chỗ rẻ nhất là ở sâu bên trong ít có khách đi tới. Theo giá của năm 1000, 2000 là 400.000đ chỗ đắt nhất và

30.000đ chỗ rẻ nhất. Với giá như vậy trong một năm, bất kể ở vị trí nào cũng có lãi cho người kinh doanh.

Hàng năm, người ta tổ chức bắt thăm vào tháng 11 âm lịch. Người trúng thăm được thuê cho đến tháng 11 năm sau.

Ở mỗi ô như vậy người ta tổ chức kinh doanh liên hoàn đồ lễ trong 4 người (đại diện 4 gia đình). Một người chuyên vàng mã, một người bán lễ mặn, một người bán hoa, quả, hương, nến, một người bán các quà lưu niệm, kẹo bánh... Cũng có thể người ta chung vốn nhau cùng kinh doanh rồi chia lãi. Họ rất linh hoạt và kết hợp với nhau từ việc lôi kéo khách, sắp lễ, dẫn khách lên đặt lễ, đưa đến các cụ bà khẩn thuê (thường là bà hay mẹ hoặc họ hàng họ), rồi hạ lễ, hóa vàng giúp khách... Tất cả thành một dịch vụ khép kín. Vì thế ở mỗi kiot thường kèm theo một người viết số thuê cho khách. Mỗi số như vậy ngày thường là 6000d/số, ngày hội lên tới 10.000đ – 15.000đ. Ai có nhu cầu thầy cúng có bài bản hơn thì người viết số kiêm thầy cúng sẵn sàng phục vụ. Nếu ông ấy không đảm trách được thì họ chạy sang những kiot khác tìm hộ. Cũng như vậy đối với những người sắm lễ, họ có thể chạy quanh tất cả các kiot để sắm đủ theo yêu cầu của khách. Còn khăn vái cho đúng bài bản bình thường thì tất cả 200 cụ bà phục vụ trên đền đều thuộc lòng như cháo chảy các bài cúng cần thiết. Tiền sắp lễ của khách là theo nhu cầu của khách định cầu gì và đặt ở những cung nào. Tuy vậy giá cả không dưới 12 – 15 ngàn một lễ, mà đã sắm, tối thiểu phải có hai lễ.

Ngoài ra là cả một dây chuyền dịch vụ từ việc đón khách từ đầu thị xã Bắc Ninh đã có những thanh niên đi xe máy lôi kéo khách vào ăn ở hàng mình, mua đồ lễ hàng mình, viết số, sắm sửa ở hàng mình... cho đến kết thúc hội. Rồi số người bán rong trong khu vực hội những ấn phẩm sách báo, xổ số, rút lộc, ăn mày...

Có một điều là bất cứ một người làng khác bước vào đây kinh doanh bất kể một cái gì đều ngay lập tức bị trục xuất trước thái độ kiên quyết của Ban bảo vệ cả làng. Một số gia đình có thể thuê người ngoài nhưng chỉ để đáp ứng cái phần mà họ được hưởng mà thôi như đứng bán hàng, chạy chào mời khách... Còn lại người ngoài muốn làm ăn phải ra khỏi khu vực quản lý của làng. Vì thế mà vào dịp hội người ta thấy hàng mã và các dịch vụ khác được bày bán nhan nhản trên đoạn đường trước khi vào thị xã Bắc Ninh hàng cây số kéo suốt đến lồi rẽ vào làng Cổ Mễ với độ dài 6 – 7km.

6. Vai trò của chính quyền địa phương

Đối với chính quyền xã, vì là người phải đối mặt trực tiếp với nhân dân nên về cơ bản nếu không có vấn đề gì động chạm đến chính quyền thì họ thường lựa theo ý dân. Ấy là chưa kể hàng ngày họ sống bên cạnh dân, vợ con, gia đình họ ở đây và họ từ chính các làng đưa lên.

Đối với làng Cổ Mễ đều nhận được sự ủng hộ khá chặt chẽ từ phía chính quyền địa phương. Hàng năm làng nộp xã 2 triệu đồng tiền môn bài kinh doanh khu vực đền và nhà xe. Lệ phí bãi xe làng nộp xã 2,5 triệu đồng năm 2000. Làng nộp ngân sách xã hàng năm từ 3 triệu đến 6 triệu đồng. Ngoài ra, số tiền thu được hàng năm ở đền do khách thập phương bỏ hòm công đức năm ít khoảng 400 triệu, năm cao 600 triệu đồng chưa kể các công đức trọn gói như xây dựng ban này hay ban kia, mua sắm các vật dụng thờ trong các cung...

Số tiền ấy được dùng để tu bổ, mở mang khu di tích. Làm đường, xây bãi xe trong khu vực hội. Tu bổ đình chùa ở trong làng, xây dựng đường làng. Đặc biệt là đóng góp cho mỗi xã mỗi khi có việc xây dựng các công trình lớn như trạm thủy nông, tiền hỗ trợ cho trạm điện, nông nghiệp và các công trình phúc lợi chung của xã đều có sự đóng góp của làng bằng tiền công đức ở đền.

Đối với Phòng Văn hóa thị xã Bắc Ninh đền cũng được sự ủng hộ của họ không có vấn đề gì. Tất nhiên làng và Ban quản lý đền luôn tạo điều kiện mỗi khi Phòng Văn hóa có những công việc liên quan đến khu di tích.

Về phía tỉnh, thời gian đầu, khi Bắc Ninh còn chưa tách tỉnh, do những lộn xộn ban đầu tại khu di tích, nên chính quyền cũng như cụ thể là Sở Văn hóa Thông tin Thể thao Hà Bắc không khỏi có những băn khoăn về hoạt động ở đền. Mặt khác, thời kỳ đầu lúc mới mở cửa, đổi mới mọi cái xem ra còn bỡ ngỡ, chưa quen, cho nên trong tư tưởng của lãnh đạo tỉnh cũng còn nhiều ý kiến trái ngược nhau như phát biểu của ông Nguyễn Thanh Xuân, đại diện Ban Tôn giáo tỉnh Hà Bắc tại hội thảo năm 1993.

Chính quyền lo lắng trước sự lộn xộn ở quanh đền và cho rằng công tác quản lý còn lỏng lẻo (Trần Văn Lạng, 6, 1993), hiện tượng thờ (Bà Chúa Kho) còn chưa được rõ ràng về lai lịch, số ấn phẩm bán trong hội còn chứa nhiều mê tín, dị đoan. Việc sản xuất, buôn bán vàng mã bung ra lộn xộn nên việc quản lý sản xuất kinh doanh gặp khó khăn. Các chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ lại không đồng bộ, thống nhất với nhau. Ví dụ như Chỉ thị 214 của Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam và Quyết định 56CP của Chính phủ thì vàng mã bị cấm và bị coi là mê tín dị đoan. Song trong luật thuế của nhà nước thì lại đặt vàng mã ở biểu thuế theo mức thu đặc biệt. Như vậy người ta nộp thuế thì người ta sản xuất.

Mặt khác, chính sách của Nhà nước là mở cửa, khuyến khích làm giàu, là tôn trọng tự do tín ngưỡng. Do vậy không thể bằng một biện pháp hành chính cứng nhắc để gây áp lực hay ngăn chặn người dân. Bởi vì thời điểm này không còn là những năm 60 -70 nữa. Cho nên rõ ràng là có sự lúng túng trong công tác quản lý, nhất là khi ngoài khát vọng làm giàu thì người ta không làm gì sai trái về mặt pháp luật. Bởi vậy,

tuy có những ý kiến này, ý kiến khác nhưng chính quyền cũng không có phản ứng gì gay gắt. Họ ở trong tình thế không đồng tình song cũng không phản đối ngoài việc thi thoảng có nhắc nhở, lưu ý địa phương về công tác tổ chức, vấn đề an ninh trật tự, vệ sinh công cộng...

Phản ứng gay gắt nhất từ Trung ương lại không phải từ phía chính quyền mà ở giới báo chí. Chủ yếu là quan điểm chê bai những người đi lễ không làm giàu một cách chính đáng mà lại muốn dựa vào sự may rủi của những kẻ ăn không ngồi rồi. Tuy nhiên dường như đó chỉ là những phản ứng nhất thời ban đầu, càng về sau càng dịu xuống.

Có một điều thú vị là chính những phản ứng gay gắt của báo giới, vô tình lại là một cách quảng cáo lợi hại cho đền Bà Chúa Kho trong thời buổi kinh tế thị trường ấy. Vì thế, cùng với những lời đồn đại về sự linh thiêng của Bà Chúa được truyền từ người này qua người khác, thì báo chí như một phương tiện làm nó lan tỏa xa hơn, rộng hơn và mạnh mẽ hơn đến khắp cả nước. Kích thích và thu hút người đến lễ đền ngày một đông ở giai đoạn những năm từ 1993 đến 1998.

Người đi lễ họ là ai?

Đông nhất là giới làm ăn, buôn bán. Từ ý thức Bà Chúa là người giữ kho của cải nên người làm ăn, buôn bán đến vay vốn để làm ăn. Đó là những người bán hàng ở các chợ, có cửa hàng nhỏ ở gia đình đến những người buôn lớn qua biên giới hoặc liên tỉnh từ Bắc đến Nam.

Quan chức của vô số các công ty nhà nước và tư nhân cũng lũ lượt kéo nhau đến vay, xin để mở rộng công ty, để làm ăn phát đạt.

Các chủ tiệm lớn, các chủ thầu khoán... Nhiều công chức ở các cơ quan chính quyền, cán bộ... tuy không phải là

những người làm ăn buôn bán trực tiếp, song cũng đến để xin lộc rơi lộc vãi của Bà với hy vọng tình cờ một thời điểm nào đó có cơ hội để kiếm được một bổng lộc nào đấy.

Đó là số lượng đông nhất của khách đi lễ đền Bà Chúa Kho. Họ là giới làm ăn ở các thành phố, công chức từ các cơ quan Trung ương ở Hà Nội và các tỉnh lân cận.

Sau này lời đồn đại lan ra thì số lượng khách khắp nơi trong Nam ngoài Bắc đến ngày một đông. Một số thật sự có nhu cầu nên lặn lội không quản ngại đường xa từ khắp mọi miền đến đây. Số khác tranh thủ trên đường đi công tác ngoài Hà Nội ghé qua, những người trên đường đi làm ăn...

Từ chỗ người ta đến đây chủ yếu là vay vốn làm ăn và xin lộc rơi lộc vãi, sau này khi cảm thấy sự linh thiêng của Bà nên có cả sinh viên đến đây xin sự đỗ đạt trong việc học hành, người ốm đến xin tai qua nạn khỏi, kẻ mất tiền đến xin tìm lại được của mất, người bị quỵt nợ đến xin Bà giúp đòi được nợ; người nông dân cầu được mùa, vay vốn để sắm sửa trong bị dụng cụ sản xuất, xây dựng nhà cửa, viên chức xin thăng quan tiến chức, được xuất ngoại...

Cuối cùng Bà Chúa Kho trở thành một sức mạnh vô tận có thể cầu xin được mọi thứ thỏa mãn mọi nguyện vọng của tất cả mọi người. Ấy là chưa nói đến những sự cầu xin thí pháp như đi buôn không bị phòng thuế bắt, tham ô không bị phát giác, những sự biến thủ công quỹ, những vụ làm ăn mờ ám được đầu xuôi đuôi lọt. Ai cũng có thể đến cầu xin bất cứ một điều gì, từ chuyện nhỏ nhất trong đời sống đến những chuyện to tát quan hệ cả một đời.

Số lượng Việt kiều và khách nước ngoài cũng khá đông đảo. Theo một con số thống kê trong ba năm 1996 – 1998 cho ta thấy số lượng khách nội địa và nước ngoài như sau:

Năm	Khách nội địa (nghìn lượt)	Khách nước ngoài (nghìn lượt)
1996	800	450
1997	830	470
1998	850	540

(Cần Hoàng Luân, 17, 1998)

Chỉ nhìn vào ký hiệu biển xe đỗ ngoài bãi gửi ta thấy có mặt của khắp mọi miền đất nước tụ hội về đây.

Nhiều tour tham quan du lịch năm bắt được thị hiếu nên tổ chức một tour du lịch đầy hấp dẫn này. Người du lịch không chỉ được đi thăm một địa điểm mới, hơn thế còn được thực hiện niềm ao ước cầu xin của mình. Điều này thu hút mọi tầng lớp ở khắp mọi nơi.

Thậm chí ở Hà Nội và một số nơi khác những người buôn bán nhiều khu vực trong thành phố tập hợp nhau lại tổ chức thành các đoàn đi lễ và lên kế hoạch cố định thời gian đầu năm và thời gian cuối năm, tổ chức xe cộ, sắm sửa để cứ đến lúc đó là lên đường. Đối với một số người trở thành một thói quen bắt buộc trong tiềm thức không thể không đi được. Nếu không đi thì họ tin chắc chắn không thể làm ăn gì được năm đó. Tác giả bài này được biết một người chủ quán sách ở trước cửa Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia có một niềm tin như vậy.

Thử đi tìm một số nguyên nhân của sự bùng nổ lễ hội đền Bà Chúa Kho

Trước hết phải kể đến nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân địa phương nói riêng và người Việt Nam nói chung. Việc thờ cúng các vị thần nông nghiệp cũng như các vị thần khác

của người Việt là truyền thống văn hóa tự ngàn đời, là một sinh hoạt tín ngưỡng thường ngày của dân.

Thời gian sau chiến tranh chống Pháp, do ấu trĩ của những người làm chính sách văn hóa tư tưởng, do ảnh hưởng của chủ nghĩa vô thần... và tác động không nhỏ của Cách mạng Văn hóa Trung Quốc mà hàng loạt các đền thờ, miếu mạo ở miền Bắc Việt Nam bị phá hủy không thương tiếc. Nhiều chỉ thị của nhà nước như 214CP, 56CP (16/3/1975), 379TTg về các hoạt động tôn giáo hay... về các hoạt động lễ hội đã triệt tiêu hầu hết các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo. Tuy vậy, thực tế trong dân gian vẫn âm ỉ diễn ra ở khắp mọi nơi như một nhu cầu bình thường của con người. Cần phải nói thêm là trong cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, số những đền chùa còn lại sau thời kỳ chống pháp cũng bị không quân Mỹ hủy hoại rất nhiều. Bởi vì hầu hết những đình chùa ấy đều được dùng làm kho chứa lương thực, vật liệu và trường học, trụ sở làm việc hay nơi đóng quân của bộ đội. Do đó, nếu không bị đánh phá thì chúng cũng bị hỏng bởi con người và các vật liệu chứa trong đó như phân đạm, thuốc trừ sâu, xăng, dầu...

Chiến tranh kết thúc, đất nước thống nhất, nhiều cuộc ly tán của bao gia đình nay được hồi phục lại. Một số đông người di cư hay xa quê hương vì nhiều lý do khác nhau nay có dịp trở lại quê hương ruột thịt của mình. Trong tâm thức của họ, ngoài gia đình họ hàng bao giờ cũng có một cây đa, bến nước, sân đình hay ngôi chùa ngôi miếu cổ với bao nhiêu kỷ niệm khôn nguôi. Vậy là người ta tìm về, tìm đến những nơi ấy bằng một nỗi hoài vọng với một vài nén nhang... Nhịp sống chiến tranh kết thúc trả lại đời thường cho mọi người, một đời thường với bao nỗi lo toan, trăn trở, lo lắng, cô đơn và không thiếu nhiều bất trắc. Những khi ấy người ta bầu vùi về mặt tâm linh, không chỉ vào tổ tiên ông bà trong gia tộc, mà xa hơn là đến các vị thần trong làng và

nhiều nơi khác. Nhất là khi cuộc sống nhiều khó khăn và không ít sự may rủi.

Về phía chính quyền, do nhận thức cũng được thay đổi, mặt khác cũng không thể dùng biện pháp hành chính để mà áp đặt trong tình thế đã thay đổi nhiều, do đó từ chỗ làm ngơ để các hoạt động tín ngưỡng trở lại dần đến sự cởi mở, cho phép sự tự do của các hoạt động ấy. Việc công nhận di tích cho các đình, chùa, đền miếu ở khắp nơi ở các mức độ khác nhau là một bằng chứng của điều đó. Đặc biệt từ năm 1986 trở đi, khi chính sách mở cửa được đưa ra thì sự bùng nổ của việc phục hồi, tu bổ, xây dựng của các đền, chùa, đình miếu được khôi phục chưa từng thấy. Kèm theo sự khôi phục đó là những lễ hội diễn ra ở những nơi ấy.

Thực tế diễn ra ở đền Bà Chúa Kho cũng như vậy. Sự âm ỉ được bùng phát mạnh nhất kể từ khi ngôi đền được xếp hạng di tích cùng đình, chùa làng Cổ Mễ vào ngày 21/1/1989 theo Quyết định số 100/VHQĐ.

Như vậy có một nguyên nhân nữa đó là sự cởi mở về chính trị của nhà nước ở các cấp từ Trung ương đến địa phương. Thực tế cũng đến lúc không thể cứ tồn tại như cũ được nữa, song nếu chính sách vẫn tiếp tục bảo thủ thì chưa thể có những thay đổi như chúng ta thấy. Do vậy sự cởi mở này đã góp một phần đáng kể vào sự phát triển của các hiện tượng văn hóa.

Một nguyên nhân vô cùng quan trọng khác đó là sự cởi mở về kinh tế và tác động của kinh tế thị trường.

Từ một nền kinh tế bao cấp, cấm đoán việc tự do kinh doanh, tâm lý khinh thường và coi nhẹ việc buôn bán, Việt Nam bước vào nền kinh tế thị trường, tự do buôn bán, tôn trọng doanh nhân. Đó là hướng đi phù hợp với thực tế khách quan, song người Việt như người của một thế giới này bước sang một thế giới hoàn toàn khác của kinh tế thị trường, nên

dù có linh lợi đến mấy cũng không tránh khỏi sự bở ngỡ và choáng vàng. Việt Nam lại là một nước phong kiến lạc hậu, trải qua chiến tranh lâu dài, không qua phát triển Tư bản... nên vấn đề lại càng phức tạp hơn rất nhiều.

Khác với một số nước Đông Âu cùng hệ thống xã hội chủ nghĩa với Việt Nam, họ bước sang kinh tế thị trường từ một cơ sở vật chất hạ tầng tương đối thì Việt Nam gần như chưa có gì. Do vậy ở họ trước khi chuyển sang kinh tế thị trường thì họ phải xây dựng những bộ luật phù hợp với nó, còn Việt Nam nền kinh tế đó chuyển trước khi các bộ luật ra đời. Vì thế, không tránh khỏi bất cập, những sự lộn xộn và rất nhiều kẽ hở tạo điều kiện cho một số người làm ăn bất chính và giàu lên một cách nhanh chóng.

Tâm lý chung của các dân tộc lạc hậu và chậm tiến là mê tín, đặc biệt là những người làm ăn, buôn bán. Mặt khác, đa số những người giàu lên đột ngột không phải ai cũng đi bằng đôi chân của mình. Đó có thể là một vụ áp phe trốn tránh được pháp luật, có thể là quan chức ở một vị trí béo bở được biếu xén, hối lộ hay lợi dụng địa vị để làm ăn bất chính... người buôn bán hay người thường do ngẫu nhiên gặp may, nói như câu ngạn ngữ của người Việt “số giàu mang đến dừng dung”... Sự đột ngột và dễ dàng ấy dẫn người ta nghĩ đến việc này có lẽ do Trời giúp, Thánh ban, vậy nên phải đi xin Thánh, đền ơn Người để cầu mong sự bền vững, lâu dài và tiếp tục được nhiều hơn nữa.

Đang khi ấy thì nghe tin đồn có một nơi như đền Bà Chúa Kho, nơi trông coi, cất giữ bao tài sản to lớn của quốc gia. Vậy thì đến đó xin hay vay (dù là tượng trưng) rồi trở lại tiếp tục việc làm ăn như đã nói ở trên thì thật là yên tâm.

Như đã biết, đền Bà Chúa Kho nằm bên cạnh đường quốc lộ quan trọng Hà Nội – Lạng Sơn. Trước khi có sự làm lành giữ chính quyền Việt Nam và Trung Quốc vào năm

1989 thì biên giới Trung Việt đã là nơi buôn bán sầm uất với những đường dây buôn lậu rất lớn. Khi quan hệ hai bên trở nên bình thường cũng là cơ hội làm ăn chưa từng thấy của tất cả các thành phần kinh tế. Những đoàn xe, người nổi người chạy suốt từ biên giới cho đến Sài Gòn và các tỉnh phía Nam, Trên trường đi, không ít người ghé lại dọc đường mà lễ bái cầu xin. Và đền Bà Chúa Kho là một trong những địa điểm như vậy.

Phải nói rằng trong số tất cả những người đến cầu cúng nơi đây, có những người sau đó do chăm chỉ làm ăn (có sự sáng khoái và thoải mái về tâm lý) mà phát đạt thật sự bằng tài năng và sự khôn khéo của mình. Dù biết được như vậy song họ vẫn tin vào một sự phù trợ, giúp đỡ nào đó nữa từ phía Bà Chúa và họ tin lời thỉnh cầu ấy đã đến tai bà. Số khác may mắn gặp vận, gặp thời, biết lợi dụng những kẽ hở của nền kinh tế đang hỗn độn mà phát lên... Như thế một đồn mười, mười đồn trăm, trăm đồn ngàn để người ta lũ lượt kéo đến đây xin Bà, vay Bà. Một số không thấy kết quả thì tự an ủi mình là chưa thành tâm đợi năm khác, dịp khác. Thậm chí ngay cả những người bị thất bại như bị bắt, phá sản hay lỗ vốn (chuyện thường tình trong lúc này) cũng tự suy xét là do mình quên tạ lễ, quên trả ơn Bà hay trả ơn không xứng đáng để đến nỗi bị trừng phạt nên mới dẫn đến cơ sự này. Cứ như vậy cả cái may lẫn cái rủi, cái được và cái mất đều được lưu truyền, được nhân lên gấp bội để sự thiêng liêng của đền Bà Chúa ngày một tăng cao.

Như vậy, từ chỗ cầu cúng chuyện làm ăn, buôn bán, Bà Chúa Kho trở thành một uy lực vô biên cho mọi thứ. Quan sát của chúng tôi cho thấy người ta đến đây cầu cả chuyện sinh con, cầu phúc, cầu cho khỏi bệnh tật, đòi được nợ (Hương Hương, 15, 1997), thi được đỗ, thăng quan, tiến chức, mua nhà, làm nhà... Mọi nỗi niềm mong ước được đem ra bày tỏ cùng Bà mong được sự cảm thông, chia sẻ.

Cũng không ít những người đến đây nhằm giải tỏa tâm lý tội lỗi do làm ăn bất chính. Sự giàu có mà họ có được quá dễ dàng cũng làm cho họ lo sợ sự ra đi nhanh chóng của nó bất kể lúc nào. Vì thế họ đến bày tỏ trước bàn thờ Bà, công đức vào đền mà không muốn lưu tên với tâm lý sám hối của kẻ sai và tâm lý “lộc bất tận hưởng”. Như vậy, đối với họ cũng được phần nào vơi bớt nỗi ám ảnh về sai lầm của mình. Nỗi sai lầm không thể tâm sự cùng ai, không thể công khai ra được.

Có một nguyên nhân tâm lý khác của người đi lễ đến đây đông và công đức lại đây nhiều đó là sự lưu danh và để phúc sau này cho con cái. Những người có tiền muốn để lại tên tuổi ở những nơi nổi tiếng bằng việc xây dựng hay tặng vật cho đền nhằm lưu danh tên tuổi mình cho mai sau và hy vọng để phúc cho con cái sau này được bền vững nhờ vào việc làm của họ hôm nay. Đây cũng là một tâm lý khá phổ biến ở người Việt. Vì thế mà các công trình được xây dựng, danh sách người công đức ngày càng dài ở đền Bà Chúa Kho. Bên cạnh đó, ở đây cũng phải kể đến khá nhiều công ty, cơ quan nhà nước, xí nghiệp... cũng tới công đức vào đền. Việc này một mặt là chuyện cầu xin làm ăn của công ty, xí nghiệp... mặt khác là một sự quảng cáo, lấy tiếng để che giấu những sự không chính đáng trong đó nhằm che mắt nhà chức trách và những cơ quan pháp luật dưới cái vỏ bọc từ thiện. Ấy là chưa nói đến sự háo danh và tiêu “tiền chùa” của các giám đốc, các ông chủ của những công ty và cơ quan, xí nghiệp đó.

Có một số khá đông và tương lai sẽ càng ngày càng đông đó là khách đến thăm viếng đền như một địa điểm du lịch. Họ gồm du khách trong nước, Việt kiều ở nước ngoài về thăm tổ quốc và khách quốc tế. Họ đi lễ đền vì nhiều lẽ, là người đi du lịch để biết thêm một danh lam thắng cảnh của đất nước, đồng thời cũng tranh thủ cầu xin cho bản thân và

gia đình chứ không phải là mục đích chỉ đi cầu xin. Họ coi đây là một địa điểm du lịch mà mình cần phải đi trong cuộc đời. Số thứ hai là Việt kiều về thăm quê hương. Một mặt là nghe bà con anh em giới thiệu thử đến xem ra sao, vừa là đi du lịch, thăm viếng, vừa kết hợp lễ bái để tỏ lòng ngưỡng mộ một di tích. Đến đây, do yêu cảnh mến người mà họ không quên đóng góp đôi chút lòng thành để sửa sang tu bổ khu di tích. Cũng có những người Việt kiều làm ăn buôn bán tin vào sự linh thiêng của Bà Chúa suy nghĩ “có thờ có thiêng” mà đến đây thăm viếng và cầu cúng lấy lộc, lấy may. Với người nước ngoài đến đây vì mục đích du lịch là chủ yếu. Do lòng ham hiểu biết, do sự tò mò và đôi khi cũng là sự quảng cáo của các tour du lịch mà họ đến. Cũng là dịp để họ tìm hiểu về con người Việt Nam và văn hóa Việt Nam.

Nhu cầu khách đến đây bằng con đường và mục đích du lịch chắc chắn sẽ càng ngày càng lớn, cả khách nội địa lẫn khách nước ngoài. Đặc biệt là hiện nay khu di tích đã được tu bổ rất khang trang, một dự án du lịch gồm cả một quần thể xung quanh như núi, hồ, đình, đền, chùa của làng Cổ Mễ bên dòng sông Cầu đã được phê duyệt của thị xã Bắc Ninh, một trung tâm văn hóa của Kinh Bắc. Xu thế chung ở tất cả các di tích và lễ hội văn đề du lịch văn hóa sẽ ngày càng mạnh mẽ khi mà kinh tế phát triển và dân trí được nâng cao.

Kết luận

Như vậy, từ một hiện tượng văn hóa rất phổ biến ở đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam, thờ thần nông nghiệp, di tích và lễ hội Bà Chúa Kho đã trở thành một hiện tượng lễ hội đặc biệt nổi tiếng của thời kỳ “đổi mới”. Qua khảo sát trên đây, ta thấy được quá trình phát triển của một sinh hoạt văn hóa vốn được coi là bình thường ở các làng Việt truyền thống trở thành một hiện tượng điển hình như thế nào trong sự phát triển của Việt Nam. Đây cũng là một hiện tượng phổ biến ở Việt Nam từ

năm 1986 đến nay. Hàng loạt di tích và lễ hội được phục hồi lại và kèm theo nó là nhiều vấn đề thời sự nóng hổi của đất nước.

Rõ ràng hiện tượng Bà Chúa Kho cho ta thấy sự đổi mới của truyền thống để cập nhật với những vấn đề văn hóa xã hội và chính trị của thời hiện đại. Trên cơ sở của truyền thống một hiện tượng văn hóa phát triển phù hợp với thời đại và rõ ràng phản ánh thời đại ấy, đồng thời có những tác động nhất định đến nó.

Hiện tượng này cũng cho thấy (cùng với sự nở rộ của các lễ hội ở Việt Nam giai đoạn từ 1986 đến nay) người dân Việt Nam luôn có một nhu cầu sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng trong mọi giai đoạn của lịch sử. Do vậy, dù trong hoàn cảnh này hay hoàn cảnh khác và dù bị ngăn cản thì nhu cầu ấy vẫn tồn tại âm ỉ, để đến một cơ hội nào đó nó lại bùng dậy một cách mãnh liệt, cho thấy sự sống trường tồn của nhân dân.

Hiện tượng Bà Chúa Kho, một mặt cho thấy sự tác động mạnh mẽ của kinh tế thị trường vào đời sống văn hóa xã hội của Việt Nam. Nó cho thấy những xáo trộn, những sự hỗn loạn của giai đoạn đầu tiên khi nền kinh tế từ chỗ quan liêu bao cấp chuyển sang kinh tế thị trường trên một nền tảng dân trí còn thấp kém, đây có lẽ là điều tất yếu phải xảy ra dù sớm hay muộn. Mặt khác, nó cũng cho thấy sự nhanh nhẹn và linh hoạt của người dân khi có sự chuyển đổi, niềm khát khao làm giàu của họ như thế nào, chính sự thôi thúc ấy trong mỗi người phải chăng sẽ góp phần thúc đẩy cho nền kinh tế tiến nhanh hơn? Hiện tượng này cũng cho thấy sự bất ổn định, sự kém hiệu quả và thiếu vắng của một hệ thống luật pháp của nền kinh tế mới từ bao cấp sang thị trường. Từ đó tạo ra những kẽ hở cho những hoạt động phi pháp và gian lận, để rồi những người làm sai ấy lại núp dưới bóng tín ngưỡng để trốn tránh và biện hộ cho những hành động của mình.

Còn ở một góc độ khác lễ hội Bà Chúa Kho đã tạo được một nguồn lợi kinh tế to lớn cho một làng không lấy gì làm lớn. Đồng thời cũng tạo công ăn việc làm cho nhiều người khác xung quanh. Thí dụ theo con số thống kê của chúng tôi từ năm 1993 lúc cao điểm nhất đã có 396 cơ sở làm vàng mã phục vụ cho những người bán hàng dọc từ Gia Lâm cho đến tận đền Bà Chúa Kho (khoảng 30km). Đối với người dân làng Cổ Mễ việc bán hàng và các dịch vụ xung quanh đền đã tạo ra số lượng công ăn việc làm và thu nhập cho tất cả mọi gia đình, mọi lứa tuổi từ già đến trẻ.

Cũng bằng dịch vụ xung quanh đền mà tính cộng đồng làng được củng cố hết sức chặt chẽ. Vai trò của tổ chức làng, của các bậc cao tuổi được khẳng định... đã góp phần cố kết cộng đồng làng với nhau vì quyền lợi chung. Đương nhiên cũng có nhiều vấn đề khác bất cập trong xã hội hiện tại như tính khép kín của làng, độc quyền kinh doanh dịch vụ và tách biệt với những làng khác xung quanh vì quyền lợi riêng của họ, song đó là những vấn đề mà chúng ta phải còn tiếp tục bàn đến ở những nghiên cứu tiếp theo.

- (1). Hội Phật giáo Hà Nội, 1991, *Lịch sử đền Bà Chúa Kho*, Hà Nội.
- (2). Nhiều tác giả, 1991, *Truyện cổ Hà Bắc*, Bảo tàng Hà Bắc.
- (3). Anh Vũ, Nguyễn Xuân Cẩn, 1992, *Bà Chúa Kho*, Hà Nội.
- (4). Nguyễn Xuân Cẩn, 1993, *Về người được thờ ở đền Cổ Mễ*, Hội thảo: Tín ngưỡng Bà Chúa Kho, Hà Bắc.
- (5). Nguyễn Quang Khải, 1993, *Tìm hiểu đền Bà Chúa Kho trong mối quan hệ với tín ngưỡng thờ mẫu ở Hà Bắc*. Hội thảo: Tín ngưỡng Bà Chúa Kho, Hà Bắc.
- (6). Trần Văn Lạng, 1993. *Tìm hiểu một số vấn đề tín ngưỡng ở đền Bà Chúa Kho, làng Cổ Mễ, xã Vũ Ninh*. Hội thảo: Tín ngưỡng Bà Chúa Kho, Hà Bắc.

(7). Trần Đình Luyện, 1993, *Góp phần tìm hiểu tín ngưỡng thờ Bà Chúa Kho*, Hội thảo: Tín ngưỡng Bà Chúa Kho, Hà Bắc.

(8). Ngô Hữu Thi, 1993, *Thực trạng và giải pháp quản lý một số hoạt động văn hóa thông tin trong sinh hoạt tín ngưỡng ở đền Bà Chúa Kho tại cụm di tích Cổ Mễ, Vũ Ninh*. Hội thảo: Tín ngưỡng Bà Chúa Kho, Hà Bắc.

(9). Nguyễn Ngọc Thanh, Lê Thị Hồng Phúc, 1993, *Khôi phục lễ hội đình làng Cổ Mễ*, Hội thảo: Tín ngưỡng Bà Chúa Kho, Hà Bắc.

(10). Khánh Duyên, 1994, *Tín ngưỡng Bà Chúa Kho*, Hà Bắc.

(11). Hoàng Hồng Cẩm, 1995, *Bà Chúa Kho thành hoàng làng Giảng Võ*, Hà Nội.

(12). Lê Hồng Lý, 1995, “Đầu xuân đi lễ Bà Chúa Kho”, *Báo: Việt Nam đầu tư nước ngoài*, số 98.

(13). Phan Huy Đông, 1997, *Hai đền thờ Bà Chúa Kho*.

(14). Hương Hương, 1997, “Cuối năm đi lễ tạ Bà Chúa Kho”, *Báo An ninh thủ đô*, số 876.

(15). Minh Lộc, 1998, “Vẫn còn trắc trở cửa đền”, *Báo: Tuần tin tức*, số xuân 1998.

(16). Cẩn Hoàng Luân, 1998, *Cụm di tích Cổ Mễ và một số vấn đề về phát triển du lịch*. Luận văn cử nhân du lịch. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

(17). Trần Thị Trường, 1998, *Đền Bà Chúa Kho đôi điều suy ngẫm*.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: Biên tập – chế bản: (04) 39714896

Kinh doanh: (04) 39724770; Tổng biên tập: (04) 39714897,

Fax: (04) 39714899

QUẢN LÝ LỄ HỘI VÀ SỰ KIỆN

Giáo trình dành cho Sinh viên Đại học và Cao đẳng
ngành Quản lý Văn hoá

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: Phùng Quốc Bảo
Tổng biên tập: Phạm Thị Trâm

Biên tập: Tuyết Trinh - Thu Hương

Chế bản: Trần Ngọc Hà

Thiết kế bìa: Công ty Cổ phần sáng tạo Sao Thủy

Liên kết xuất bản: Trường Đại học Văn Hoá

Mã số: 2L – 84ĐH 2011.

In 1.000 cuốn, khổ 16x24, tại công ty cổ phần in Thiên Kim.

Số xuất bản: 70 - 2011/CXB/03-241/ĐHQGHN, ngày 12/01/2011.

Quyết định xuất bản số: 59 LK – XH/QĐ - NXBĐHQGHN.

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2011.

GIÁO TRÌNH DO QUỸ FORD TÀI TRỢ

Giá: 42.000đ